DOAN-NONG
(Giáo-sư trường Khải-Định Huế)

SỰ-TÍCH và NGHỆ-THUẬT

HÁT-BỘ

DÉPOT LÉGAL
INDOCHINE
N° 29314

XÂY NỀN QUỐC HỌC
MAILINH TU THƯ CỤC

VAN-HOC TUNG-THU

Mai-Linh tu thu' cuc

Văn học tùng thư

Văn học đời Lý	0$80
Văn học đời Trần I	2.00
Sự-tích và Nghệ-thuật hát bộ	3.00
Lược-khao Thơ Trung-Quốc	(đương in)
Văn học đời Trần II	đương soạn)

Triết học tùng thư

Lão-tử	0. 80
Mặc tử	2. 00
Kinh-dịch	(đương in)
Trung dung chú giải	(sắp in)
Trang-tử	(đương soạn)

Sử học tùng thư

Triều Tây sơn	0. 70
Bằng Quận công	1. 00
Nguyễn trường Tộ	1. 20
Nước Nhật ngày nay	1. 20
Tĩnh-đô vương	1. 20
Trung-quốc sử-lược	(đương in)
Những trang sử vẻ vang	(sắp in)

Y học tùng thư

Việt-nam dược-học (đóng bộ)	6. 00

Giáo dục tùng thư

Cảm-tinh và Hoạt-động	1, 30
Tâm lý học	1. 20
Luận-ngữ cách ngôn	0 50
Lên tám	0 20
Giáo dục nước Nhật	1, 00
Nguyên nhân những thói xấu của trẻ con	1, 20
Việt nam tốc ký	0. 55
Leçons de Japonais	3. 00
Petit guide Japonais Français Annamite	1. 20
Bộ bài A, B C. bằng gỗ	3. 00
Le Participe à l'aide d'exemples	0. 12

inh tu thu' cuc

g thư

đời Lý	0$80
đời Trần I	2.00
và Nghệ-thuật hát bộ	3.00
ao Thơ Trung-Quốc	(đương in)
đời Trần II	đương soạn)

g thư

	0. 80
	2. 00
h	(đương in)
ung chú giải	(sắp in)
	(đương soạn)

hư

ây sơn	0. 70
ận công	1. 00
rường Tộ	1. 20
hật ngày nay	1. 20
vương	1. 20
hốc sử-lược	(đương in)
rang sử vẻ vang	(sắp in)

hư

dược-học (đóng bộ)	6. 00

thư

và Hoạt-động	1, 30
ọc	1. 20
cách ngôn	0 .50
	0 20
nước Nhật	1, 00
hân những thói xấu của trẻ con	1, 20
tốc ký	0. 55
e Japonais	3. 00
le Japonais Français Annamite	1. 20
B C. bằng gỗ	3. 00
cipe à l'aide d'exemples	0. 12

Envoi reçu
Hanoï le 30/9/43
P. M. L.

PERMIS D'IMPRIMER N° 96 EN DATE DU 31-12-42 DÉLIVRÉ PAR LE SERVICE LOCAL DE L I.P.P DU 31 DÉCEMBRE 1942.

DOAN-NONG
(Giáo-sư trường Khải-Định Huế)

SU'-TICH và NGHÊ-THUAT

HÁT-BỘ

THƯ VIỆN LIÊN LẠC
INDOCHINE
No 2931H

VAN HOC TUNG THU

160 Indoch.
824

Mai-Lĩnh xuất-bản

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

SỰ TÍCH và NGHỆ-THUẬT

« HÁT BỘ »

LỜI NÓI ĐẦU

Hát bộ không phải là một nghệ-thuật mà thôi, hát bộ là một biển văn-chương gồm tất cả các lối văn vần và văn xuôi nữa. Thế mà các chương-trình quốc-văn dạy trong các trường Cao Đẳng-tiểu-học và trung-học có đủ các lối thi ca, nào văn-tế, hát nói, nào xẩm nhà trò, nói vè v.v..., chỉ trừ hát bộ chưa có.

Cái khuyết điểm ấy quá quan trọng ; mục đích của chúng tôi là ước mong bổ khuyết chỗ đó.

Trong công việc khảo-cứu chúng tôi có nhờ cụ thượng Ứng-Bình cụ Nguyên Ngự-tiền văn-phòng ty trưởng Trần-trinh-Cáp chỉ vẽ, dắt-diu, chúng tôi xin trân trọng cảm tạ.

Các vở tuồng của ta có nhiều bản khác nhau và phần nhiều chép bằng tay, nên trong việc sao lục không khỏi có chỗ sai lạc, xin độc giả lượng thứ.

Cốt truyện của hát bộ ta lấy ở các truyện Tàn, từ Thương, Châu cho đến Hán, Đường, Tống. Nguyên... thật là mênh-mông, rồi từ truyện quá tuồng cũng có thay đổi ít nhiều cho nên có chỗ tuồng và truyện khác nhau, xin thưa trước.

CHƯƠNG NHẤT

SỰ-TÍCH
và
Nghệ-thuật « Hát bộ »

Tên « hát bội »

Tên « hát bội » mà bây giờ đã công dụng để gọi thứ hát tuồng cổ của ta có lẽ nguyên là chữ « hát bộ » mà ra.

Bộ nghĩa là bước đi, đi bộ; « hát bộ » nghĩa là vừa hát vừa đi, và làm bộ-tịch để biểu-diễn cảm-giác, cảm-tình với câu hát.

Không một thứ hát nào nhiều điệu-bộ bằng hát tuồng. Hát nói, hát xẩm, hát xoan, hát trống-quân, ca-huế, hát giả gạo, hát chèo đò, chỉ dùng câu hát với giọng đàn chớ người hát không làm một bộ-tịch gì cho đến cả nét mặt cũng thản-nhiên vì thế mà người ta gọi là tuồng «hát bộ» để tôn cái đặc-sắc ấy lên.

Cụ Đảo-Tấn có một cái nhà dạy hát đặt tên là « học-bộ-đình ».

Tiếng hát « bội » tuy được công dụng nhưng chưa rõ có nghĩa lý gì không ?

Tiếng « hát tuồng »

Ngày xưa, lối thế-kỷ thứ 10, tại nước Liêu có cái lễ « tàng qui ». Đến ngày ấy, quần-thần vào đền, vua ngự lên điện: các quan chia ra từng cụm 5 cụm 7, hầu vua chơi thẻ. Hễ vua rút được thẻ « quy » thời các quan dâng rượu mừng.

Một lối chơi giữa vua và tôi, một cái lễ về tôn — quân cũng như hát-bộ vậy chữ « tuồng » có phải ở chữ «tàng» mà ra không?

Gốc tích

A) — « *Xướng-ca vô-loại* » người xưa đều cho các nghề ca-vũ là trò chơi, không phải là chuyện hệ-trọng; văn-sĩ không thèm dúng tay vào mà sử-gia không khi nào chép đến, vì thế ta không có di-tích chắc chắn nên các nhà khảo-cứu đem ra nhiều ức-thuyết phức-tạp, có chỗ mâu-thuẫn nhau.

B) *Các ức-thuyết.* —

1°) Trong một bài diễn-thuyết tại hội «Société des Études Indochinoises» ngày 7 Juin 1928, ông Lương khắc-Minh bảo rằng trước đây năm, sáu trăm năm, người Việt-Nam ta chưa học chữ hán cho nên không biên chép đặng phong tục lúc bấy giờ chỉ có con nhà nghề truyền khẩu lại

rằng ; nghệ thuật hát-bộ đã trải qua hai thời kỳ : thời-kỳ thôn-ổ và thời-kỳ vương-cung.

A) *Thời-kỳ thôn-ổ* — Ở thôn-quê năm nào mùa-màng tốt, các tay hào-phú giết trâu bò làm lễ cúng tạ thần nông, rồi ăn-uống say-sưa vui-vẻ, nhưng ăn uống suông cũng tẻ, phải pha thêm hát múa cho vui, và từ đó mới sinh ra hát bộ Các ông phú-hộ ấy lại có nhiều tá điền, nhiều kẻ mắc nợ chịu-ơn, họ bắt mấy người này đem con trai từ 7 đến 12 tuổi đến tập hát, rồi họ bắt diễn những cổ-tích, chuyện thần-tiên, mà ông già bà cả thường kể trong đêm hôm thanh vắng, những chuyện có ý nghĩa đạo-đức để khuyên răn : nào người vợ phụ tình giết chồng sau bị hổ phân thây, nào người đầy tớ có nghĩa sau trở nên giàu có, nào người đạo-đức lạc trong rừng được sơn-thú hái quả cho ăn...

Y-giáp của con hát thời sơ-sài, may bằng vải dệt trong xứ ; y-giáp của vua chúa nhuộm màu đỏ, màu vàng, thêu kỳ-lân, sư-tử, rồng, phụng ; y-giáp của các quan màu đen, có vẽ chim, cá, lá, hoa ; vua và quan đội khăn vàng, khăn đỏ, dân đội khăn đen, khăn nâu.

b) *Thời-kỳ « vương-cung »*. — Mười lăm, hai mươi năm về sau, nhơn một ngày quốc-lễ, — vẫn theo lời của một con hát nhà nghề, — một vị quan tâu với vua về trò hát-bộ mới sinh ra ở thôn quê. Vua vừa lòng, liền bắt các quan văn-võ hiện-diện ra sắm tuồng, mỗi người một vai, diễn thử chơi. Từ hôm ấy, vua lập một gánh hát để diễn trong cung—điện.

2·) Ông Vũ-ngọc-Phan, trong tạp-chí « Revue Franco-Annamite » ra ngày 1er. Avril 1933, lại nói rằng về thế-kỷ 12, 13, đời nhà Tống bên Tàu và nhà Lý bên ta, có một người Tàu qua dạy cho người Việt-Nam các thứ hát và múa của Tàu và từ đó ta bắt đầu có hát-bộ.

Nguyên bên Tàu từ đời nhà T'ang (Đường) âm-nhạc đã thịnh hành và đã có hai thứ hát : hát đưa ma và hát tuồng mà sau họ đem dạy cho ta. Khi đưa quan-tài ra bãi tha-ma, những người thân-quyến hát những câu sầu thảm để tỏ nỗi bi-thương ; thứ hát tha-ma này mai-một đã lâu ; còn lại thứ hát tuồng của con nhà nghề diễn lại những đoạn trong Đông-Châu Liệt-Quốc hay trong Tam-Quốc, câu văn, bài hát, lúc đầu là của con hát đặt ra ; sau đó các văn nhân thi-sĩ mới nhuận-sắc lại cho thêm bề văn-chương, và để diễn bày đạo-lý.

Đến đời nhà Nguyên (1385), tướng Toa Đô bị thua quân Việt-Nam. Một tài-tử hát bộ đi theo đạo quân Nguyên, tên Lý-nguyên-Cát bị quân nhà Trần ta bắt giữ lại để dạy cho người Việt-Nam học nghề hát ấy. Gánh hát của họ Lý gồm có 2 « quan-nhân », hai « chu tử », 2 vai đàn bà và 2 vai đàn ông, tất cả 12 người, mặc y-phục nhiều màu và khi hát có đàn có địch theo giọng hát lên bổng, xuống trầm ; điệu bộ và cách bố-cục tuồng chưa quan-hệ.

Vua nhà Trần ta liền ưa nghệ thuật ấy, cải-cách một đôi tý, và mỗi khi vua ban yến tại « tập-hiền-viện », vua cho cả ban tài-tử vừa đàn ông vừa đàn bà chừng 20 người ra hát, hoặc ngồi, hoặc bước, đàn bà múa tay, đàn ông nhịp chân theo âm điệu của một cây tỳ-bà, một cái đàn tranh và một cái đàn bầu. Các vở tuồng lúc bấy giờ là « Trang - Chu mộng - điệp » « Bạch-lạc Thiên-mẫu biệt - tử » « Vi sinh ngọc tiểu-đạp-thanh-ca »... câu hát có vẻ bi-ai.

3°) Ông Diệp-văn-Kỳ trong một bài diễn-thuyết hôm 13 mai 1933 tại Huế, cũng quả-quyết rằng hát-bộ nguyên từ bên Tàu sang ta và cũng thuật rằng đời nhà Trần, quân ta bắt đặng một gánh hát-bộ của quân Nguyên và tài-tử Lý nguyên-Cát

là người dạy cho ta nghề ấy đầu tiên. Ông có kể thêm một ức-thuyết ngắn-ngủi : một số người tỉnh Bình-Định qua Tàu học hát-bộ, về lập một gánh hát tại tỉnh nhà, vì thế cho nên khắp Trung-Kỳ, các con hát đều hát giọng Bình-Định.

Tin rằng hát-bộ ta ở bên Tàu qua, ông Diệp văn-Kỳ có bàn qua về gốc-tích hát-bộ Tàu.

Về phương-diện ngữ-học, ông nói rằng chữ «uru» nghĩa là người kép hát, do tên một tài-tử đời vua Sở Trang-Vương nhà Châu, tên là Ưu-Mạnh mà ra; vậy thời hát-bộ tàu không phải có từ đời «Tam-Hoàng» «Ngũ-Đế».

Về phương-diện sử-học, ông nói tới cuối nhà Đường, không một pho sử, một quyển truyện nào nói tới hát-bộ, tuy có nhiều chỗ nói tới âm-nhạc, ca-vũ, thi-ca ; chỉ có quyển truyện «Nam dương diễn nghĩa» kể chuyện ông Tống-thái-Tổ, Triệu-khuôn-Dẫn, một hôm đương xem hát thấy trên sân-khấu một người gian - thần quá dễ ghét, lấy cung bắn anh kép hát đóng vai tuồng ấy chết tươi.

Rồi ông Diệp-văn-Kỳ kết rằng hát bộ Tàu sinh trong khoản cuối Đường, đầu Tống.

c) Lời bàn về các ức thuyết kể trên

Câu chuyện của ông Lý-khắc-Minh chỉ là một chuyện giữa ông và một người kép hát mà người kép hát ấy chỉ thuật lại những chuyện truyền khẩu vơ-vẩn, không bằng-cứ; chính ông Minh cũng nhận như thế.

Về chủng-tộc, Việt-Nam với Trung-Hoa như cành với gốc; về văn-hoá, ta với Tàu như trò với thầy; bảo rằng một nghệ-thuật quan-trọng như hát bộ không phải ở Tàu qua thật là sơ-xuất, huống chi sách-sử ta đã công-nhận hát-bộ ở Tàu sang «Việt-Nam sử-lược» của Trần.trọng Kim, «Việt-Nam văn-hoá sử-cương» của Đào-duy-Anh, «Hát-bộ» của G. Cordier và bài diễn-thuyết của Vũ-ngọc Phan); huống chi ta cộ hát-bộ, Tàu cũng có hát-bộ mà giữa hát-bộ ta và hát-bộ Tàu có nhiều chỗ giống nhau như hình với ảnh (thuật diễn-kịch đề-mục, xiêm-giáp, nhiều điệu hát, cách vẽ mặt v. v. .) ta không cần bàn cãi lâu về thuyết ấy nữa. Ta có thể nói thêm rằng dân-tộc nào, dầu mọi-rợ đến bậc nào nữa, cũng có giọng ca, điệu múa; «người ta hát trước viết sau» (les hommes chantent d'abord, ils écrivent ensuite) (Chateaubriand); vậy khi Lý-nguyên-Cát dạy cho ta lối hát bộ Tàu, chắc ta cũng biết dung-hòa cái nghệ-

thuật đã thành-lập của ngoại-quốc và cái sở-hữu của ta về ca-vũ, sở-hữu từ khi dân—tộc ta rời khỏi cái nguyên khối tàu (lối múa «xuân phả» ở Thanh-Hoá là một chứng-cớ); nhưng nếu xét kỹ các chi-tiết của hát-bộ thời ta sẽ thấy cái phần vốn của ta rất ít đối với phần mượn của Tàu.

Câu chuyện của ông Diệp-văn-Kỳ về một nhóm người tỉnh Bình Định qua Tàu bọc hát bộ không phải không có thể có; nhưng nếu chỉ vì lẽ các con hát khắp các tỉnh Trung-kỳ hát giọng Bình-Định thời cũng chưa lấy gì làm chắc-chắn, vì con-hát Bắc-kỳ lại hát giọng Bắc; huống chi về giọng hát Bình-Định của con hát Trung-kỳ lại có một ức-thuyết ngộ-nghĩnh giải bày rõ-ràng lắm, dầu tôi chưa tìm đặng chứng cớ hẳn-hoi.

Theo ức-thuyết ấy thời hát bộ chính ở Tàu qua Việt-Nam mà lối hát ở Bắc-kỳ là lối chính-tông từ Tàu qua thẳng Việt-Nam, còn lối hát Trung-kỳ đã phải qua một cuộc thay đổi lớn lao, do ông Đào-duy-Từ chủ trương.

Ông Đào-duy-Từ người làng Hoa-Trai, phủ Tĩnh-Gia, tỉnh Thanh Hóa, học rộng tài cao nhưng vì ông con nhà xướng hát nên không đặng đi thi. Ông phẫn chí mới đi vào miền Nam tìm

kế lập công; chưa gặp người tiến-cử, ông xin ở chăn trâu cho một nhà giàu ở làng Tùng-châu, phủ Hoài-Nhân, tỉnh Bình-Định. Ông làm bài phú « Ngọa long-Cương » để tự ví mình như ông Gia cát-Lượng. Sau có quan Khám lý Trần-đức-Hòa đem về nuôi và gả con gái cho rồi đem dâng chúa Sãi. Chúa dùng làm « nội-tán » phong làm Lộc-khê-Hầu. Duy-Từ giúp chúa xây thành Trường-Dục ở huyện Phong-Lộc (Quảng-Bình) và xây cái lũy dài ở cửa Nhật-Lệ (cửa Đồng-hới) mà người ta gọi là « Lũy-Thầy » để chống lại quân Trịnh, ông lại khuyên chúa Sãi đem sắc-dụ ra trả vua Lê rồi sai quân giữ trên sông Gianh, chia ra Nam, Bắc, lập tiểu giang-sơn; ông lại khuyên chúa Sãi bắt dân thay đổi tập tục cho khác hẳn dân của Trịnh như là bỏ nón Thượng, đội nón chóp, bỏ áo quần màu đen, mặc áo quần màu nâu, bỏ áo 4 thân để bày ướm mà mặc áo 5 thân gài khuy; bỏ tóc bao mà bối tó; bỏ váy để mặc quần; ông lại đem một số bà con của ông, con nhà hát xướng vào Bình Định nơi ông nương tựa lúc nghèo-nàn, lập một gánh hát, dạy cho dân vùng ấy hát và bắt hát giọng Bình-Định hết, hát một hơi dài chớ không ngắt câu, với tiếng vỉa « ư, ư » như lối hát ngoài Bắc để cho khác hẳn hát-bộ

của đất Lê, đất Trịnh ; vì cái chí lập « tiểu giang sơn » ấy mà lối hát miền Trung không giống lối hát miền Bắc.

Bằng cứ của câu chuyện này ở đâu, chính tôi chưa mục-kích một dã-sử nào của nhà họ Đào nói về chuyện ấy ; hiện nay chỉ có cái lăng thờ ông Đào-duy-Từ tại phủ Hoài-nhơn, tỉnh Bình-Định, chỉ tỏ rằng khi làm quân sư cho chúa Nguyễn, ông vẫn quyến-luyến cái chỗ ông ẩn-núp trong lúc hàn vi, và khi chết, ông lại bảo chôn ông tại Bình-Định ; khi đi xa nhà, xa chốn quê hương, dầu cho làm đến quân-sư của vua như ông, ai cũng nhớ nhà, quyến luyến bà con, mà về thăm thời lúc bấy giờ sông Gianh là bờ cõi, Thanh-Hoá thuộc về Lê, Trịnh, đem bà con vào miền Nam thời mới gần-gụi lại đặng ; huống chi theo lẽ thường, hát-bộ cũng như các tập-tục khác, phải đi lần từ Bắc vào Nam ; sao lại vào thẳng Bình-Định, băng qua từ tỉnh Thanh-Hóa đến tỉnh Quảng-Nghĩa mới lập sào-ổ ? Vì những lẽ ấy ta có thể nói rằng thuyết này cũng không hồ-đồ lắm.

d) Gốc tích hát-bộ tàu

Bây giờ chúng ta đã công-nhận hát-bộ ta nguyên ở Tàu mà sang từ đời Trần, hoà-hợp với cái sở-

hữu cỏn-con về ca-vũ của ta từ mấy nghìn năm trước, ta hãy xét qua gốc-tích của hát-bộ Tàu.

Ông Diệp văn-Kỳ nhắc chuyện Ưu-Mạnh đời vua Sở-Trang Vương nhà Châu (1122-256 trước Th. Ch.) chắc chắn rằng chữ ưu nghĩa là anh kép hát do tên Ưu Mạnh mà ra rồi lại lẫn thẩn kết luận rằng hát bộ tàu sinh ra đầu nhà Tống (960-1278 sau Th. Ch.) Mà thật ra Ưu-Mạnh cũng không phải là tên; anh tài-tử ấy tên là Mạnh-thù-Nhu, người lùn không đầy 5 thước (chữ thù nhu bây giờ dùng để chỉ người lùn) nguyên là một kép hát làm trò rất khéo; một hôm gặp Tôn-An con ông Tôn-thúc-Ngao, quẩy một gánh củi đi bán, Ưu-mạnh hỏi thăm công chuyện mới biết Sở-trang-Vương không biết hậu-đãi con cháu các công-thần. Gặp Sở trang - Vương triệu Ưu Mạnh vào làm trò trong cung, Ưu Mạnh sai một người khác ra trò trước, đóng vai Sở trang-Vương, làm ra bộ thương nhớ Tôn-thúc-Ngao, còn mình thì đóng vai Tôn thúc-Ngao, đối đáp vài câu liền hát :

«Quan tham không nên làm, thế mà nên làm quan liêm nên làm, thế mà không nên làm ! Quan tham không nên làm, đã tham thì tất đê-hạ; mà nên làm là vì con cháu được lên xe xuống ngựa

Quan liêm nên làm, đã liêm thì tất cao khiết; mà không nên làm ,là vì con cháu phải ăn đói mặc rét! Chàng chẳng thấy: Quan lịnh-Doãn nước Sở ta là Tôn-thúc Ngao, lúc sống làm quan không lấy của ai một đồng-nào, chẳng may thất lộc đi rồi, con cháu nghèo hèn đói rét, chỉ có cái túp chui ra chui vào... Chàng, chàng ôi! chàng chớ học đòi Tôn-thúc Ngao, Quân-Vương nào có công-lao!»

Sở Trang-Vương động lòng ửa nước mắt, bèn cho triệu Tôn—An và cấp cho một cái ấp lớn...

Người ta gọi là « Ưu-Mạnh » nghĩa là anh kép họ Mạnh cũng như bây giờ ta gọi « kép Năm Châu », đào « Phùng Há »; vậy thời chữ ưu nghĩa là người con-hát có trước đời tài-tử Mạnh-thù-Nhu và theo lẽ đây, hát bộ cũng có trước đời vua Sở Trang-Vương nhà Châu. Vả chăng trước vua Sở-Trang-Vương đuới đời vua Tấn Hiếu-Công cũng có một ưu nhân khác, người ta gọi là Ưu Thi, trẻ tuổi, đẹp trai và khéo khôi hài, Tấn Hiếu-Công yêu lắm, cho tự tiện ra vào chỗ cung điện. Thế thời chữ Ưu cũng có trước đời Ưu Thi và Tấn hiếu-Công nữa!

Về gốc tích của hát bộ Tàu, các sử gia-không hề nói một tí gì hết và vì bao nhiêu vở tuồng

trước nhà Nguyên đều mất hết nên ông Giles, một nhà khảo cổ người Anh cho rằng nghệ-thuật hát bộ do quân Mông-Cổ đem qua tàu vào khoảng năm 1300; trái lại ông Bazin nói hát-bộ phát-minh từ nhà Đường về thế kỷ thứ 8 thứ 9. Các nhà khảo cổ Nhật lại cho hát bộ tàu có đã 3000 năm và về thế kỷ 18 trước Thiên Chúa ảnh hưởng của hát bộ tai - hại đến nỗi con hát phải bị trục-xuất khỏi nước Tàu. Các ức-thuyết trái nhau như thế đó.

Hát-bộ là một nghệ-thuật bề-bộn gồm cả bài thơ, câu hát, âm nhạc, điệu bộ; bảo rằng hát-bộ bỗng chốc sinh ra một năm nào, một thời-đại nào với cả điệu hát, câu thơ, âm - nhạc, điệu-bộ thời không có lẽ ; nên bây giờ người ta đều công nhận rằng nguyên-do của hát bộ là sự dung-hòa của các thứ khiêu-vũ, âm-nhạc và thi-ca mà dân-tộc nào cũng có. Ông G. Cordier nói rằng : « Les premières manifestations de l'art théâtral furent des danses, danses mythologiques, danses dynastiques, ballets que l'on exécutait dans les cérémonies aux ancêtres royaux » nghĩa là sự phát biểu đầu tiên của nghệ-thuật hát-bộ là các thứ khiêu-vũ, múa hát mà các vua chúa dùng để cúng-tế ngày xưa.

Theo ông Maspéro thời đời nhà Châu (1122-256 trước Thiên-Chúa) mỗi năm trong những nhịp ca-vũ lớn kéo dài hằng ngày, các bậc vua chúa cũng khiếu-vũ vui chơi; sau những yến tiệc linh-đình trong cung-điện, khi đã ngà-ngà say, các quý-khách cũng múa hát lẫn với con nhà nghề. Trong lễ Nam-giao xưa người Tàu có một kiểu múa gọi là « ta-chao »

Và khi tế xong bọ múa một điệu nữa gọi là « Nam-môn » mấy thứ múa đó có những bài hát theo ; các bài hát câu thơ đó chưa được phong-phú về phần văn vì phải theo điệu múa nhịp đàn, và mấy tuồng hát đầu tiên chỉ là những lớp trò đơn-giản mà giá-trị ở tại cái tài-nghệ của con hát mà thôi. Vậy thời các nguyên-tố của hát-bộ, khiêu-vũ, âm-nhạc, thi ca phát sinh từ nhà Hạ, nhà Thương kia. Đời nhà Châu, vì trong nước chia rẽ, hát-bộ phải ngừng trệ ; dưới nhà Tần, vì gia-sản của hát-bộ không được bao nhiêu nên tránh khỏi nạn thiêu đốt : đời nhà Hán có bọn « Houang-men-Tchang » 145 người hát và múa ; sách sử-ký của Tư mã Thiên nói rằng đời vua Hán-vũ-Đế có thứ trò « Kiao-ti-Ki » thịnh-hành lắm. Cuối nhà Tấn, Nam, Bắc phân-tranh (420 588) trong nước loạn lạc nên

hát - bộ lại đình - đốn. Khi nhà Tùy (589 - 617) nhất - thống thiên - hạ, đem lại thái - bình cho dân, hát-bộ lại thịnh - vượng trở lại ; những kỳ công về chinh - chiến đem lên diễn trên sân-khấu và từ lúc ấy mới dùng thêm mặt-nạ. Người ta truyền rằng vua « Lan-Ling » rất giỏi về thao-lược, nhưng mặt mũi ngài hiền-từ phúc-hậu như mặt con gái : ngài mới mang một cái mặt nạ ghê-tởm, giặc thấy đều khiếp sợ ; tục đeo mặt nạ sinh ra từ đấy.

Hát bộ vẫn tuần-tự phát siển về phần « kịch ». Đến nhà Đường thời hát-bộ phát-đạt nhất về phần văn-từ cũng như về phần nghệ-thuật kịch cho nên các nhà chép sử mới công nhận hát-bộ là một nghệ-thuật ; các sử-gia chép rằng vua Đường-hiến-Tôn (Hien Tsong) có lập một han-lâm-viện âm-nhạc dạy cho 300 thanh-niên học nhạc và chính vua cũng dạy nhạc tại « Lê-viên » ; Các cung-nữ đều phải học ; các sử-gia Tàu lại nói thêm rằng các vở tuồng xưa nhất đều từ đời Đường. Đến đời Ngũ-Quý, hát-bộ lại không phát-đạt nữa cũng như trong thời-đại nhà Châu hay Nam-Bắc triều vậy ; nhưng trong sử còn có chuyện vua « Tchouang-Tsong » lên sân khấu diễn tuồng với con hát.

Dưới đời Tống (960 1278), trong gần ba thế-kỷ, hát-bộ không tấn-phát ; chỉ có vua « Houei-Tsong » Huệ - Tôn (1110 - 1125) lỗi - lạc về họa - thuật xem theo kiểu y-phục của các sứ-thần mà sửa đổi xiêm-giáp của hát bộ. Vua Kouang-Tsong (1190 1194) lại cấm hát-bộ diễn tuồng về những đấng vua các tiền triều và đương-triều.

Đến nhà Nguyên (1280-1341) hát-bộ mới thịnh-hành cực-điểm ; các tuồng hát rất hay về cả phần văn-chương về cả phần tả cảm-tình của người ta và phong-tục lúc bấy giờ, nhưng đối với thường dân ít học thời các vở tuồng ấy hơi quá văn-hoa nên lúc bấy giờ ít kẻ thích.

Đời nhà Minh (1386-1628) trào đình khi đóng ở Bắc-Kinh, khi đóng ở Nam-Kinh, nên lối hát bộ chia ra 2 lối khác nhau rồi hai lối ấy dung hòa lẫn-lộn nhau mà thành ra hát-bộ kim-thời.

Dưới nhà Thanh (1644-1911) hát-bộ không tiến không thối. Vua Khang-Hy có viết về nhạc và kịch và vua Càng-Long có sai thâu góp các vở tuồng có danh-tiếng. Bà hoàng-hậu « Tseu-hi » ưa hát-bộ đến nỗi gần lên sân-khấu diễn chơi.

Sự phát-triển của hát bộ ta

Bắt đặng cánh hát của Lý-nguyên-Cát, thâu nhập đặng một nghệ-thuật hoàn-mỹ gồm đủ cả các biểu-minh của tinh thần : thi, ca, âm nhạc, khiêu-vũ ; nghệ-thuật ấy lại là một lợi khí vô song để giáo-hóa quần-chúng, thế mà nhà Trần ta vì lo chống cái nạn giặc Nguyên nó tràn ngập như thủy-triều, không rảnh một chốc lát nào để trau-giồi cái của quý ấy. Chống đặng ngoại xâm lại bị nội biến : họ Hồ lên chiếm ngôi ; rồi nhà Hồ bất-lực để quân Tàu chiếm giang sơn tổ-quốc trong mười lăm năm trời. Khi Lê-thái-Tổ sau mười năm lăn-lộn, danh lại được nền độc-lập cho quốc-dân; thời phải lo tổ-chức lại sự cai-trị, nền kinh-tế, học-chánh, tư-pháp chớ có rỗi đâu mà lo về mỹ-thuật ; rồi sau lại bị họ Mạc chuyên-quyền thoán-vị hơn nửa thế-kỷ. Khi nhà Lê trung-hưng lại thời không may vua lại nhu-nhược, bị quyền-thần uy hiếp ; Trịnh, Nguyễn Tây-Sơn đua nhau chiếm hết chính-quyền ; trong nước Nam-Bắc phân-tranh dân tình điên đảo ; hát bộ vì thế phải đình-trệ.

Đến khi nhà Nguyễn nhất-thống sơn-hà, lên giữ ngôi báu mới phục-hưng môn hát-bộ lại. Tuy vậy đức Gia-Long còn bận sắp đặt lại trong nước phục-hưng chính-quyền, chỉnh-sức sự sinh-hoạt

cho dân-gian ; đến đời đức Minh-Mạng, khi trong nước đã đâu vào đấy rồi thời hát bộ mới thịnh-hành trở lại.

Theo ông Diệp-văn-Kỳ, lúc bấy giờ trào đình có kêu một kép hát Tàu tên là Cang-cung-Hầu để dạy cho con hát tà.

Đến đời vua Tự-Đức. hát bộ thịnh hành cực điểm. Vua Tự-Đức là một văn-hào lỗi-lạc, ham-mê văn thơ hơn chính-trị ; ngài đặt ra phòng hiệu-thơ, đem các danh nho trong trào vào đây để họ phụng họa thơ-văn với ngài và cùng ngài soạn tuồng-hát. Người ta truyền rằng khi quân Pháp chiếm xong sáu tỉnh ở Nam-Kỳ, ngài buồn-bực vô cùng, mới cho đòi kép « Đội-Vung » làm trò để cho ngài khuây-khoả. Khi kép Đội-Vung ra sân-khấu thời ngài đương hút điếu thuốc lá ; Đội-Vung cả gan chạy lên gần ngài và tâu xin « cho tớ hút một hơi » ; ngài thấy thằng kép hát bướng-bỉnh quá phát cười rồi cũng tha cái lỗi ấy ; đến sau Đội-Vung có tội bị giam tại nhà pha Thừa-Phủ. Một hôm ngài bắt bọn hát diễn tuồng Lý-phụng-Đình nhưng không ai sắm vai Cát tô-Văn nổi, ngài bèn cho đòi Đội-Vung ở nhà pha ra sắm; sắm xong lớp tuồng, Đội-Vung lại trở vào nhà pha lại.

Khi đức Tự-Đức thăng hà, trào đình bị cái nạn «tứ nguyệt tam vương» rồi đến vua Hàm-Nghi cùng Tôn-thất-Thuyết âm-mưu đánh lại quân Pháp mà không thành rồi trốn ra miền Thượng-du Quảng-Trị, Quảng-Bình, dân-tình khốn-khổ trong mấy năm trời.

Khi vua Đồng-Khánh lên ngôi, trong nước yên-ổn lại; ngài lại ham-thích hát-bộ lắm; ngài thích nhất tuồng Vạn-Bửu; trong tuồng ấy, các vai đều lấy tên thuốc nên ngài đặt tên các cung-nữ bằng tên thuốc: đại-hoàng, cam-thảo, nhân-sâm, v. v.

Vua Thành-Thái cũng ưa hát-bộ lắm; chính ngài có lên diễn chơi trên sân-khấu và ngài có chấn-chỉnh cách bố-cảnh trên sân-khấu.

Đức Khải Định sắp đặt ban hát của ngài rất đẹp-đẽ; ngài ban cho xiêm giáp rực-rỡ và bắt phải tập-luyện hẳn-hoi.

Nói tóm lại hát bộ ta phát đạt nhứt dưới trào Nguyễn và chỉ từ giữa thế-kỷ 19 đến nay; từ khi nhà vua chăm nom về hát.bộ thời kinh-đô lại đóng tại Huế, nên phần nhiều tác-giả trứ-danh là các danh-nho ở mấy tỉnh Trung-Kỳ và vì thế hát-bộ ở Trung-Kỳ có vẻ thịnh hành hơn ở Bắc-Kỳ; ở Bắc-Kỳ còn có hát chèo, hát cô-đầu, chia rẽ khuynh-hướng của quần-chúng; ở Trung-Kỳ, hát-bộ gần

như độc nhất ; hát-bộ là một thứ chơi của vua chúa vì nó phiền-phức, tốn kém, và nhứt là vì nó là một phương-pháp tuyệt-diệu để tuyên-truyền nghĩa tôn quân, cho nên hát-bộ về mấy mươi năm sau này hình như một thú riêng của miền đế-đô mà thôi.

Tổng-kết. 1·) Hát bộ Tàu không phải đột nhiên có từ Đường hoặc từ Tống, từ Nguyên ; cái mầm hát bộ, các nguyên tố của hát bộ đã mọc từ Hạ, Thương, Châu và dần dần phát siển, dung-hòa với nhau mà trở nên một nghệ thuật đầy đủ : hát-bộ.

2·) Hát - bộ ta không phải tự phát minh ra hoàn toàn như ta thấy bây-giờ ; cũng không phải anh Lý-nguyên-Cát đem bên Tàu qua vẹn vẻ như bây giờ ; hát-bộ ta là cái nghệ thuật hát-bộ Tàu dung-hoà với cái sở-hữu của ta từ lúc ta rời cái khối Trung-Hoa mà lập thành một dân-tộc độc-lập, Nam có Bắc có, chữ Hán có, chữ Việt có, điệu hát Tầu có, điệu hát Nam có, hát-bộ ta cũng như dân tộc ta càng ngày càng phân biệt cái khối Tàu để độc-lập.

Tác giả

Dưới chính-thể quân-chủ-độc-tài ngày xưa, hễ mở miệng thời mắc quai, mà rút giây sợ động

rừng; cho nên các tác-phẩm của ta hay bị cái nạn «vô-danh». Sự đề phòng đó trở nên tập quán đến nỗi những tác phẩm không một tý nào chánh trị cũng « vô danh » : Các bản tuồng hát-bộ còn lại đều không có tên tác-giả.

Theo dã-sử, theo tán-từ của cụ Hà-Đình để lại về tiểu-sử của cụ Đào-Tấn, ta biết rằng.

I. — **Trước cụ Đào-Tấn** có ông Tú tài Nguyễn văn-Diêu, người làng Nhơn Ân, phủ tuy phước, tỉnh Bình Định, tác giả của tuồng « Ngũ hổ bình Liêu », tuồng « Võ tam tư trảm hồ » v. v.

Ngài Diên khánh Vương con đức Gia-Long có soạn đã hai phần ba bộ tuồng « Vạn bửu trình tường » và tuồng « Lý phụng Đình ».

Ngài Hàm - Thuận con đức Minh - Mạng có soạn hài kịch « Bình hoài truyện »

II. — Cụ Đào-Tấn và các tác-giả đồng thời với cụ

1) Cụ Đào Tấn-Hiệu Mai-Tăng, cụ sinh năm 1846 người làng Vinh Thạnh, phủ Tuy-phước tỉnh Bình Định. Năm Tự Đức thứ 20 (1867) cụ đỗ cử nhân sau sung biệu thơ. Năm Tự Đức thứ 25 (1872) cụ phụng sắc soạn tuồng «Đãng Khấu» tuồng «Bình Địch» tuồng « Tam bảo thái giám thủ bửu»

Năm 1874 cụ lãnh chức tri phủ, phủ Quảng trạch. Năm 1878, cụ thăng Thị độc nội - các và soạn tuồng «Tứ quốc lai vương» tuồng «quần trân hiến thụy» và soạn tiếp mấy hồi chót của tuồng «Vạn bửu trình tường».

Năm Thành Thái nguyên niên 1889, cụ sung An-Tịnh Tổng đốc và trong khi ở Nghệ An cụ có nhuận sắc các tuồng «Sơn hậu» «Phi-Phụng» «Tam-nữ. đồ-vương» và soạn tuồng «Diễn-võ Đình Năm Thành Thái thứ 11 (1900), cụ nguyên tổng đốc Nam Nghĩa đổi ra Nghệ tĩnh Tổng Đốc lần thứ hai, thăng Thái tử thiếu-bảo thưởng đại hạng kim khánh, ngũ hạng bắc đẩu bội tinh, phong tặng tạm đợi. Năm Thành-Thái thứ 14 (1903), cụ thăng Công-bộ-thượng-thư. Mấy năm ấy cụ có soạn mấy lớp tuồng «Quan-công quá quan» (Tam quốc), «Trầm hương Các» (Phong thần), «Hộ sanh Đàng» (Châu vỏ Hậu) «Tấn gia Đồn» (Tam quốc) «Hoàng phi Hổ quá giới bài quan» (Phong thần)

Năm Thành Thái 16 (1905) cụ về hưu-trí và năm Thành Thái 19 (1908) cụ lâm chung thọ 63 tuổi. Tại làng Vinh-Thạnh từ miếu thờ cụ và tại tỉnh Hải Nam bên Tàu cũng có đền thờ cụ vì năm 1872, cụ có tâu vua trợ cấp cho 400 nạn nhân Tàu bị đắm thuyền.

Cụ Đào-Tấn tánh hào hoa, tài lỗi lạc. Trên mộ cụ, có 2 câu đối của cụ thượng Hà Đình tả cái tánh đức cụ Đào Tấn :

«Công tài, công vọng, triều quận thôi xưng, tố chí hoạch thân, cự chỉ hồng nhẫn, nhung công vinh gia cốc bích.

«Năng ẩm, năng ca, anh hùng bản sắc, trần duyên phao khước, cảnh hướng linh phong tịnh độ, tu đáo mai ba ».

2·) Ông Cử-nhân Võ-đình-Phương, người làng Tân-Thịnh, phủ Bồng-Sơn, tỉnh Bình-Định sung hiệu-thơ, có dự soạn tuồng « Vạn-bửu » với cụ Đào-Tấn.

3·) Ông Lê-quý-Đồng, người tỉnh Thừa-Thiên sung tham biện các ; 4) Tham - tri Võ - duy - Tịnh người tỉnh Quảng-Ngãi ; 5) cụ Bố-Chánh Hồ quý-Thiều, người tỉnh Thừa-Thiên ; 6) cụ Tuần-vũ Nguyễn-hữu-Đĩnh, người tỉnh Quảng-Nam đều là những văn-hào có dự diễn nhiều tuồng hát-bộ.

. . .

III. — Sau cụ Đào-Tấn.

Gần đây có năm ba văn-nhân nghệ-sĩ muốn bổ-cứu những khuyết điểm của nghệ-thuật sân-

khấu ta, có soạn tuồng mới, với một vài đều cải cách.

Cụ cử-nhân Hoàng tăng-Bí người tỉnh Hà-Đông « có soạn tuồng « Hoa-tiên », tuồng « Thù chồng nợ nước » với những đặc sắc này :

1·) Trong cả tuồng chỉ có một bài thơ chữ nho mà thôi ; những câu hát khách, hát nam, nói lối, bạch, xướng. đều bằng tiếng Việt-Nam.

2·) Cả tuồng có thể diễn trong một tối, các lớp gọn-gàng, câu chuyện gói gắm (trái với « tuồng pho » như Tam quốc, Đàn, Tống, Vạn Bửu, v. v... hát từng tháng không hết tuồng)

3) Câu chuyện trích trong sử nước nhà, nhân-vật của tuồng là hai cân-quắc anh hùng của Tổ-quốc.

Cụ Đông-Châu Nguyễn-hữu-Tiến có soạn tuồng « Đông-A song-phụng » tuồng này cũng có những đặc-sắc duy-tân ấy : trừ các câu hát « khách » các câu hát « nam », câu « nói-lối » đều bằng tiếng Việt-Nam, có chia từng lời từng lớp, có những câu chua về bộ-điệu, về cách trang-hoàng sân-khấu nữa.

Về phần văn-chương, hai tuồng này xuất-sắc về lối văn giản dị, đối đáp chỉnh đốn. Nhưng về

« mánh-lới » nhà nghề, những cảnh oái-oăm, trắc-trở, 2 tuồng này không có phần lỗi-lạc lắm.

Cụ thượng Ưng Bình hiệu Thúc-giạ-Thi cháu đích-tôn ngài Túy-lý-Vương, hiện làm Viện-trưởng việc Dân-biểu Trung-kỳ, một thi-sĩ cự phách của Thần-kinh, có soạn tuồng « Lộ-Địch ». « Lộ-Địch » là một tuồng Pháp mà cụ Thúc Giạ mượn rồi khép vảo khuôn khổ hát bộ ta.

Về nghệ thuật, cụ Thúc Giạ vẫn theo xưa, chỉ bỏ lối « giáo-đầu » và « xưng danh » và có thêm vài vai tuồng phụ, ít lớp đánh giặc vào bản tuồng pháp. Cụ không có mục-đích cải - cách nghệ thuật của ta, cụ chuộng trong Lộ - Địch cái tinh-thần có vẻ Á-Đông : trung với nước, hiếu với cha, rồi mới đến chữ chung tình. Cụ muốn quyển tuồng của cụ là một bài giáo-huấn về cương - thường mà bài ấy là ở bên Âu-tây đem về.

Nhưng cái quý-giá của « Lộ-Địch » là cốt nhất ở nơi văn-từ : nam, khách, niêu-nỏi, hường, tán đều là những câu văn du dương uyển-chuyển.

Cụ Hoàng-Cao-Khải (1850-1933)

Cụ người làng Đông-Thái, huyện La-Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đậu cử-nhân năm 1868, trước làm quan

ở Huế sau bổ ra Bắc. Cụ có đi đánh dẹp trong các vùng Bắc kỳ. Năm 1888, cụ làm tổng-đốc Hải-dương; năm 1890, cụ sung-chức kinh-lược, năm 1897, cụ vào Kinh làm phụ Chánh đại-thần triều vua Thành-Thái.

Cụ có soạn nhiều sách về sử, về luân-lý bằng chữ Hán có bằng chữ Việt cơ. Cụ có soạn 2 vở tuồng : « Tây-nam đắc bằng » và « Tượng kỳ-khí-xa ». Hai tuồng nầy cũng có vài ba tánh cách cải-lương.

1·) Không dài vẳng vặc như các « tuồng-pho », chia ra 2 hồi, mỗi hồi 6, 7 cảnh. Tuy ngắn mỗi tuồng cũng không diễn trong một buổi tối mà hết đặng.

2·) Không bíu vào truyện Tàu, sử Tàu nữa. Tác-giả đem diễn những trang lịch-sử nước nhà.

3·) Chủ nghĩa của phần đông tuồng hát bộ ta là chủ-nghĩa tôn-quân. Trong tuồng « Tượng-kỳ-khí-xa » tác-giả treo cái gương lành của mấy bậc trung thần danh-tướng, liệt-nữ của ta ; trong tuồng « Tây nam-đắc-bằng », tác-giả phô-diễn lần đầu tiên cái chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề.

Về phần văn cả toàn-thể, 2 tuồng này cũng hay, nhưng về nghệ-thuật sân-khấu không có gì đặc-sắc lắm.

Tại Nam-Kỳ có nhiều bản tuồng bằng chữ in mà chỉ có tên người dịch ra quốc-ngữ như các ông : Đinh-thát Sơn, Chánh-vệ-Nhị, Trương-minh-Ký, Bồng-Dinh, Mẫn-Thiệp, Trần phong-Sắc, Nguyễn-thành-Long v. v...

Chỉ có một bản tuồng « Sơn-Hậu » có tên ông Nguyễn-bá Thời và ông Hoàng minh-Tự soạn lai ; một bản tuồng « Lý-thiên-Luông » có tên ông Lê-quan-Chiểu soạn lại ; một bản tuồng « Lục-vân-Tiên » và một bản tuồng « Kim-long-Xích-phụng » có tên ông Đặng-lễ-Nghi soạn ra, do ông Đinh-thái-Sơn xuất-bản.

Cốt truyện

Phần nhiều trong hát-bộ của ta trích ở các truyện tàu, chỉ một số ít của kịch gia đặt ra, mà những tuồng đặt ra cũng phỏng theo các truyện. Cho nên chủ-nghĩa của các tuồng hát cũng như chủ-nghĩa của các truyện ; phụng-sự thuyết tôn-quân của Nho Giáo. Từ ngũ luân cho đến tam-cương đều phụ thuộc đạo trung quân, Con bất trung thời cha cũng giết con (Tạ-ngọc-Lân ôm con là Tạ-kim-Hùng lăn vào lửa mà chết, trong tuồng tam-nữ đồ Vương ; Bạch-đầu-Ông ôm con là Bạch-tật-Lê lăn vào lửa mà chết, trong tuồng Vạn-Bửu)

Chồng bất trung thời vợ tuy không giết chồng chớ cũng phải tìm cách trừ hại mà có khi giết chồng một cách gián-tiếp (Tú-Hà vợ Tiết-Nghĩa báo tin cho phái trung-thần để ngăn việc bất nghĩa của chồng; bọn trung-thần giết mất Tiết-Nghĩa, trong tuồng Tiết-Cương chống búa) Cha bất trung thời con tuy không hại cha nhưng cũng lánh mình rồi tìm phương mà cứu phe trung mắc nạn (Triệu-tử-Cung thấy cha là Triệu-văn Hoán bất trung, xuất gia đầu phật; đến sau cởi cả áo cà sa về kinh-đô giúp sức khôi-phục Nguyên trào, trong tuồng Tam-nữ đồ vương) Di-nữ tình trường mà cũng lấy hai chồng, lấy con rồi lại lấy cha để cha con hại lẫn nhau, trừ cho vua được hai tặc-tử (Điêu-Thuyền lấy cả Lữ-Bố cả Đổng-Trác để giúp nhà Hán trong tuồng Tam Quốc). Cho đến cả bọn con đòi, thằng ở mà cũng biết liều chết vì vua (Bích-Hà tự-vẫn thay cho Chánh Hậu để Chánh-Hậu thoát trốn, trong tuồng Tam-nữ đồ-vương). Vợ một ông trạng nguyên, con một ông Tể-tướng, thế mà vì cha muốn soán vị, cũng hiến thân chết thế cho chánh-hậu đương có thai để bảo tồn nòi-giống cho nhà vua (Thể-Phụng, vợ trạng-nguyên Lý-thiên-Luông, con ông Tạ Thiên-Thành, nhảy xuống sông tự-vẫn thay bà Chánh-hậu, trong tuồng Lý-thiên-Luông).

Khi nhân-lực đã không trừ nổi lũ loạn thần thời thiên-lực cũng giúp sức ; sống chưa trả nợ với quân-vương, chết linh-hồn còn hiện lên giúp nước (Khương-linh-Tá bị Tạ-ôn-Đình giết, hiện hồn lên đưa Đồng kim-Lân qua đèo, sau lại hiện hồn lên chém Tạ-ôn-Đình, trong tuồng Sơn-Hậu),

Chủ nghĩa tôn-quân bao trùm ám-ảnh cả tuồng chỉ để một chỗ cỏn-con cho hiếu, tiết, và chủ-nghĩa chỉ có chừng ấy nên cốt truyện bố cục trong các tuồng cũng gần giống nhau. Trong trào-một khanh-tướng lộng-quyền tiếm-vị thời lại có một bọn trung-thần phò bà thứ-hậu đương có thai đi trốn ; giữa đường bà Thứ « nở nhụy khai hoa » ; hoàng tử ẩn lánh một lúc thời bọn trung thần phò về tràng-an khôi-phục. Hoặc một trạng nguyên được vua sai đi chinh-phạt giặc Phiên bị một đào Phiên đánh bại rồi bắt gá-duyên ; tuy tấc dạ băn-khoăn nhưng phải tạm bằng lòng Tại trào, nịnh thần sảm tấu, vua bắt tội trạng-nguyên... nhưng thế nào trạng-nguyên cũng dụ được Phiên mà về trào chuộc tội.

Trong cốt truyện thường hay có thần tiên ma quỉ can-thiệp thời những nỗi khó-khăn lắc léo của tâm hồn mở mùi dễ dàng ngay.

Hài kịch— Một số rất ít tuồng khôi hài của các ông hoàng triều Nguyễn soạn ra như « Bình-Hoài truyện », « Di-tình », « Xạ-Dộng », « Trương Ngáo » v. v...; mục đích là mua một trận cười, chớ không có thâm-ý sửa đời; một lớp vợ ghen, một ông xạ có tánh « dê » đi ve vợ ông trùm, bị ông trùm dốt vào hòm rồi trụng nước sôi; một quan huyện, một thày đề, một ông sư lần-lượt tới nhà một người đàn bà góa ve-vãn đều bị người đàn bà ấy gạt và làm cho bại-lộ; cả ba đều bị một buổi sượng sùng; một chàng ngốc đi buôn, đem cả vốn cúng đúc chuông thờ Phật, về nhà bị vợ đánh, lại tới chùa đòi Phật trả tiền lại... câu chuyện sơ sài mà tài tình ở trong câu văn trào-phúng. Những tuồng khôi-hài nầy ít được diễn.

Tuồng mới. Những tuồng hát-bộ mới như tuồng « Tây-nam đắc-bằng » « Tượng kỳ khí xa » của cụ Hoàng-cao-Khải « Thù chồng nợ nước » của cụ Hoàng-tăng-Bí « Đông A song-phụng » của cụ Đông-Châu Nguyễn-hữu-Tiến, đều ít nhiều muốn thoát-ly cái khuôn-khổ nghìn xưa, đem « ái-quốc » phụ với « trung quân » lấy nam-sử thay cho truyện Tàu bớt chữ Tàu thêm chữ Việt, dọn lớp tuồng cho gọn-gàng hơn. Nhưng khán-giả vẫn keo-sơn với tuồng xưa mà thanh-niên tân-học thời lờ hẳn cái

nghệ-thuật cũ-kỹ này cho nên công cuộc duy tân đó như không có người hưởng-ứng.

Điệu-bộ

Điệu-bộ chiếm một phần lớn trong nghệ-thuật hát-bộ. Điệu bộ hát bộ có một vẻ đoan-trang, hùng. vĩ có một vẻ quý-phái nó tiêu-biểu cái xã-hội anh-hùng trật-tự của quân chủ ngày xưa. Điệu-bộ hát-bộ có vẻ khoan-thai điềm-đạm, nghiêm-nghị ; một người không biết một tý gì về hát-bộ thấy điệu-bộ ấy lần đầu tiên cũng phải ngạc-nhiên, kinh-nể vì điệu-bộ ấy không phải một trò trẻ-con, không phải một trò nô-đùa của một anh hề bịa đặt ra thấy nề-nếp qui-củ, cái vẻ chững-chạc ấy, dầu không ưa, ta cũng phải công nhận đó là một nghệ-thuật xưa để lại ; cho nên người thạo về hát bộ để ý về điệu-bộ hơn về giọng hát nữa.

Điệu-bộ hát bộ không cố ý tả chân ; điệu-bộ hát bộ chỉ tượng trưng cũng như nhiều mỹ-thuật khác của Á-Đông. Nhà họa-sĩ vẽ một cành hoa cúc ; người xem phải tưởng tượng sau cành hoa cúc đó cả một cảnh mùa thu với trăng trong gió mát với trời xanh mây tĩnh. Với một đóa hoa lan ta phải tưởng tượng đến trăm hồng nghìn tía của trời xuân ; thời một điệu-bộ của hát-bộ tiêu-

biểu một cảm giác, một mối cảm tình, một nền luân-lý trật tự xưa. Khi người diễn tuồng dơ cánh tay làm cái bộ lau nước mắt là không phải muốn tả chân cái buồn của mình mà chỉ ám hiệu cái buồn ấy để cho khán-giả tự do tưởng tượng bao nhiêu nỗi đoạn trường tương tự như thế.

Muốn làm cái bộ rơi lụy thời dơ cánh tay ngang mày mà xa lông mày chừng nửa gang tay, rồi kéo nhè nhẹ cánh tay ngụ ý lau nước mắt; nếu không dơ cánh tay thời dơ vạt áo lên cũng cách mắt chừng ấy và cũng làm cái bộ ấy. Uống rượu thời cầm cái chén không, cái chén bằng gỗ, rót không vào miệng, rồi xây mặt lại vén râu nhổ cặn rượu và phì hơi rượu khà-khà..; nếu là ông tướng thời vừa khà khà vừa rung đùi mà rung đùi thời cái nhạc (lục lạc) cột nơi ống chân kêu leng keng, ngụ ý cưỡi ngựa. Cười! cái cười của hát bộ ngộ nghĩnh lắm! nịnh, trung, tướng, lão cười khác nhau; cái cười của trung thật thà, rộng rãi mà cái cười của nịnh dễ ghét làm sao!

Đánh giặc! hai phe cầm giáo hoặc kích, sà mâu, chùy bằng gỗ sơn, múa những nước cờn, quyền của lối võ tàu, võ ta, có vẻ hùng dũng lắm!

Trước khi đánh giặc ban nhạc đánh một hồi « trống chiến » kèm theo cái « chũm choẹ » (xập xoà) lùng tùng xòe ầm ỹ vang trời ngụ ý khi ra trận chiêng trống đánh thúc để cổ võ quân lính, phấn khởi chí anh hùng. Trong lúc đó năm ba đứa bé con 8, 9 tuổi tay cầm cờ, đi một vòng trên sân khấu, la, ó, phất cờ, tượng trưng một đạo quân đi ra trận.

Bà thứ phi chạy thoát nạn, giữa đường vừa « nở nhụy khai hoa », trong buồng sau sân khấu, một người nhái tiếng khóc trẻ con : ô oa ! ô-oa ! bà thứ phi ngồi xuống đất rền siết; một người lẻn đưa cho bà thứ một con búp bê mà con hát thờ trong một cái trang và họ gọi là « ông Làng » bà thứ bồng con búp-bê đứng dậy, thế là công việc sinh sản tại sân khấu xong; vừa giặc đuổi theo kịp, bà thứ không có đường chạy thoát, tự vẫn; ông quan đi bầu bà than khóc rồi cầm cái giáo bằng gỗ sơn làm cái bộ bới cái nền ván vài ba lần rồi làm bộ chôn cái thi thể bà thứ.

Khi nghe một tin dữ người diễn tuồng trố to hai mắt dún hai vai liên tiếp nhau, chân hia lướt từ bên nầy qua bên kia ra vẻ hoản hốt lắm. Khi có tin buồn thời họ ngồi lăn xuống đất, vất người qua vất người lại vài lần.

Cưỡi ngựa ? đã có sẵn cái roi dây móc nơi ngón tay đeo nhẫn, hất chân lên lấy roi quất một cái nơi hia rồi đi một vòng trên sân khấu thật lanh thế là đi ngựa.

Điệu-bộ ấy đã có khuôn-khổ, kỷ-cương rồi người con hát giỏi, đem cả tâm hồn ra mà diễn, tượng trưng đặng hỉ, nộ, ai, lạc một cách ngộ nghĩnh, khéo léo; người con hát kém, ỷ lại vào khuôn-khổ ấy không đem tâm hồn vào vai-tuồng của mình thời lạt-lẽo, vô-duyên. Điệu bộ tượng trưng ấy có một đặc-điểm mơ-hồ mung lung cho nên người đi xem nào cũng tùy sức tưởng-tượng của mình mà tha hồ cảm xúc.

Bố-cảnh

Vì trong hát-bộ người ta đem cả sử-ký lên sân-khấu, diễn lại những việc đã xẩy ra mấy trăm mấy nghìn năm về trước; vì họa-học kém, ta thiếu những bức vẽ, những đồ trang sức để trần thiết sân-khấu, cho nên hát-bộ ta bố-cảnh một cách ám-hiệu, tượng-trưng: một cái bàn, ít cái ghế dầu dùng chung cho tất cả các lớp: cung điện vua, nhà ở người thường dân; muốn ám-chỉ một khu rừng thời cột vào một cái ghế vài nhánh lá; hai cái ghế chồng lên nhau là một cái đèo; một tấm vải có

vẽ hai bánh xe là cái loan-giá mà cô đào hát và tự cầm lấy và đi quanh trên sân-khấu ; cầm một cái chèo là ngụ-ý đi thuyền; muốn trưng bày một cái buồng ngủ, giường, ván đều lôi thôi, người sắm tuồng chỉ nằm thẳng lên cái bàn độc-nhất ấy, thế là sân-khấu trở nên buồng ngủ. Trên trần nhà có một cái lỗ để thả xuống những bảo-kiếm, hồ lô, khi có vai tuồng dùng tiên-thuật.

Mới mấy năm về sau đây, hát bộ có một vài tấm « phông » vẽ một cảnh sơn-thủy hoặc một cái cung-điện nhà vua, những bức phông ấy không được đẹp lắm,

Tóm lại, hát-bộ ta gần như không có thuật bài-trí sân-khấu.

Vẻ mặt

Cách vẽ mặt của hát bộ ta không phải có ý muốn gần sự thật mà chỉ lấy màu sắc tiêu-biểu tánh-tình :

Quan văn trung : mặt thiệt ; nếu lão thời lông mày trắng.

Quan võ trung : mặt đỏ(Quan-vân-Trường)

Trạng-nguyên : mặt đỏ hoặc trắng vì văn võ toàn tài.

Nịnh-thần	:	mặt xám, đỏ ợt, vỏ cua, mốc (vẻ dễ ghét).
Kép núi	:	mặt vẽ xanh - xám, mắt « tròng xéo » (có một cái vòng xéo trên con mắt), má đỏ, đen hay xanh, đầu có khăn đen.
Tướng	:	mặt vẽ đen lẫn trắng, có vẻ dữ-tợn.
Tướng Phiên	:	mặt rằn-rện, (ngụ-ý : mọi rợ) trên mũ có hai cái lông trĩ giài (ngụ-ý trang-sức của người ở rừng rú).
Yêu	:	mặt rằn - rện, tròn lõa (đeo cặp mắt đồng có 2 lỗ cỏn-con vừa đủ trông thấy ; tóc râu bắp (ngụ ý : ghê-tởm).
Tiên	:	mặt thiệt, có 2 điểm son trên gò má, râu đen và giài.
Đạo	:	mặt thiệt (chỉ Chung-vô-Diệm mặt đen, Tam-Xuân mặt một nửa trắng một nửa đỏ.

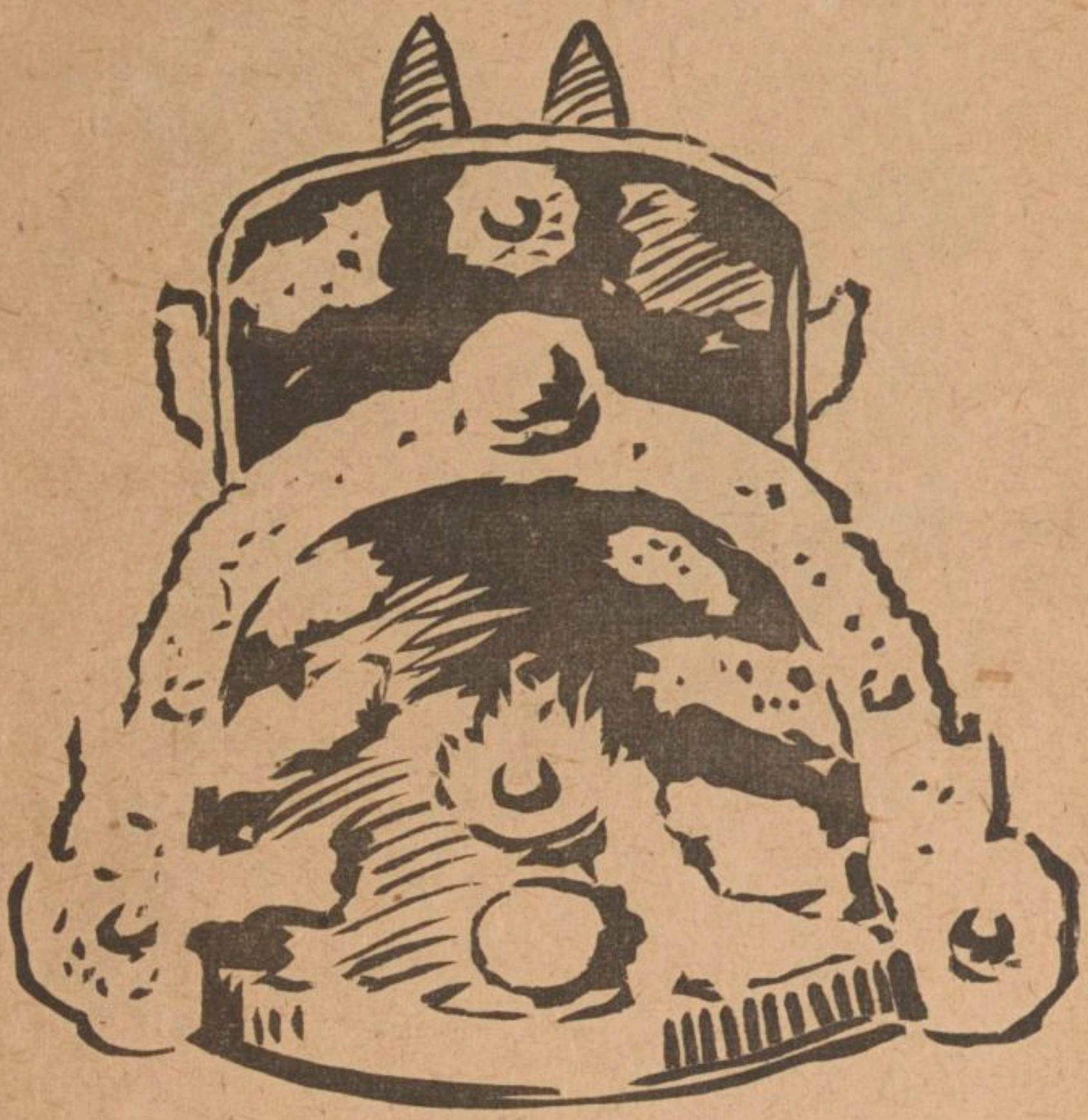

Mũ cửu-long

của vua

Mũ Cửu-phụng
của Hoàng-Hậu, công-chúa.

Chỉ có một cái mặt nạ ông Thổ-Địa mà thôi.

Vẽ mặt cũng là một lối tượng-trưng ; cái mặt rắn-rện ngụ-ý mọi-rợ ; thấy cái mặt ấy thời ta tưởng-tượng lấy cái tánh dữ tợn rừng-rú của người ta ; tướng Phiên nào cũng có cái mặt ấy ; anh kép hát phải biết vẽ mặt mà khi đã biết vẽ rồi thời không thay đổi cách vẽ nữa.

Xiêm-giáp

« Xiêm giáp » của hát bộ khuynh hướng về « tả chân » ; có người bảo rằng xiêm-giáp hát bộ theo trào-phục nhà Hán bên Tàu. Có đều chắc chắn là xiêm giáp hát bộ giống hệt xiêm giáp của các quan ta ngày nay ; thấy một ông quan mặc triều-phục, ta tưởng là một anh kép hát bộ, nếu thấy một anh kép hát bộ mặc xiêm giáp đi ngoài đường, ta tưởng là một ông quan ; thế mới thật là « tả chân » ; chưa rõ triều đình ta lấy kiểu xiêm giáp Tàu về đời nào và từ khi nào.

Vua : đội mũ quan miện mà con hát gọi là mũ « cửu long » ; mặc áo « long bào » hay « long-cổn » nghĩa là áo thêu rồng

của vua mà con hát gọi là áo « huỳnh-long chấn » khi nào đánh giặc đeo thêm một cái « đai » vàng như cái thắt lưng cho gọn gàng. Chân có hia, ống quần cuốn lại bỏ vào hia, trong áo long bào, ngoài quần có một cái xiêm để che quần.

Quan-văn : đội mũ « văn - công », chóp mũ tròn (sứ thần, hoạn-quan, quân-sư...) mũ « bình thiên » chóp bằng, màu đen (thái-sư, hoàng-đệ...)

Thường triều : mặc áo « bào » tay rộng, có « tràng » như cái áo rộng bằng gấm của các quan

Đại-triều : mặc « mãng » là áo có hai « cánh diều », có « đai », thêu rồng 4 móng, có vẻ gọn gàng,

Quan-võ : đội mũ « đồng cân » (?) màu đỏ, có vẻ chắc chắn (trạng nguyên...) mũ « bình-thiên » màu đỏ hay xanh, mặc áo « long-chấn » màu xanh hay

Mũ Bình thiên
của ngự-đệ, thừa-tướng

Hia

Mũ Kim-khôi

của thượng-tướng

đỏ, tay hẹp, có đai ; có vẻ gọn-gàng.

Tướng khi ra trận : đội mũ « kim-khôi » ba tầng, như bằng đồng bằng sắt chóp nhọn; mặc áo « giáp » là thứ áo dày-dặn, có nhiều mảnh thêu rồng, thêu phụng, to, dày để đỡ mũi tên ; sau lưng, ngang vai có hai chùm cờ « lệnh tiễn » dùng để ra lệnh cho quân sĩ tuân hành ; cờ lệnh tiễn của nữ-tướng thời xéo, của nam-tướng thời vuông. Nếu là tướng Phiên thời dắt thêm trên mũ một hay hai cái lông chim trĩ.

Yêu : xiêm-giáp như của tướng, có khi mặc một cái áo màu vàng vẽ từng lằn đen giống như da hổ ; cái mặt vẽ khác hẳn (xem chương « vẽ mặt »)

Kép núi : chít khăn đen ta ; dưới vành khăn có cho lè ra hai ba vành cỏn-con vải đỏ để đỡ cái khăn đen, những vành vải

đỏ ấy gọi là «khăn-hường», mặc áo đen thường của ta, lưng có thắt « xiêm-trường » là những tấm vải màu đỏ, màu trắng, thay cái xiêm, có thắt « quần-giáp » là những mảnh giáp treo từ thắt lưng trở xuống (ngụ ý : nghèo nàn chưa có cả cái giáp cả cái xiêm) ống quần xếp, cuốn rồi cột lại, gọi là quần « xa phu » (nghĩa là theo kiểu phu xe)

Học trò : mặc giống như « kép núi » vì học trò là giỏi cả văn cả võ (mặt trắng hay đỏ)

Đào : hoàng-hậu đội mũ « cửu-phụng » là một thứ mũ có tua, nhiều hạt kim-cương, chạm chín con phụng.
Vợ quan đội mũ « thất-phụng » mặc áo rộng, ngoài áo rộng có cái áo thêu có tua, khuy gài giữa, không có tay gọi là áo « bùi tiêm » (?), phía dưới

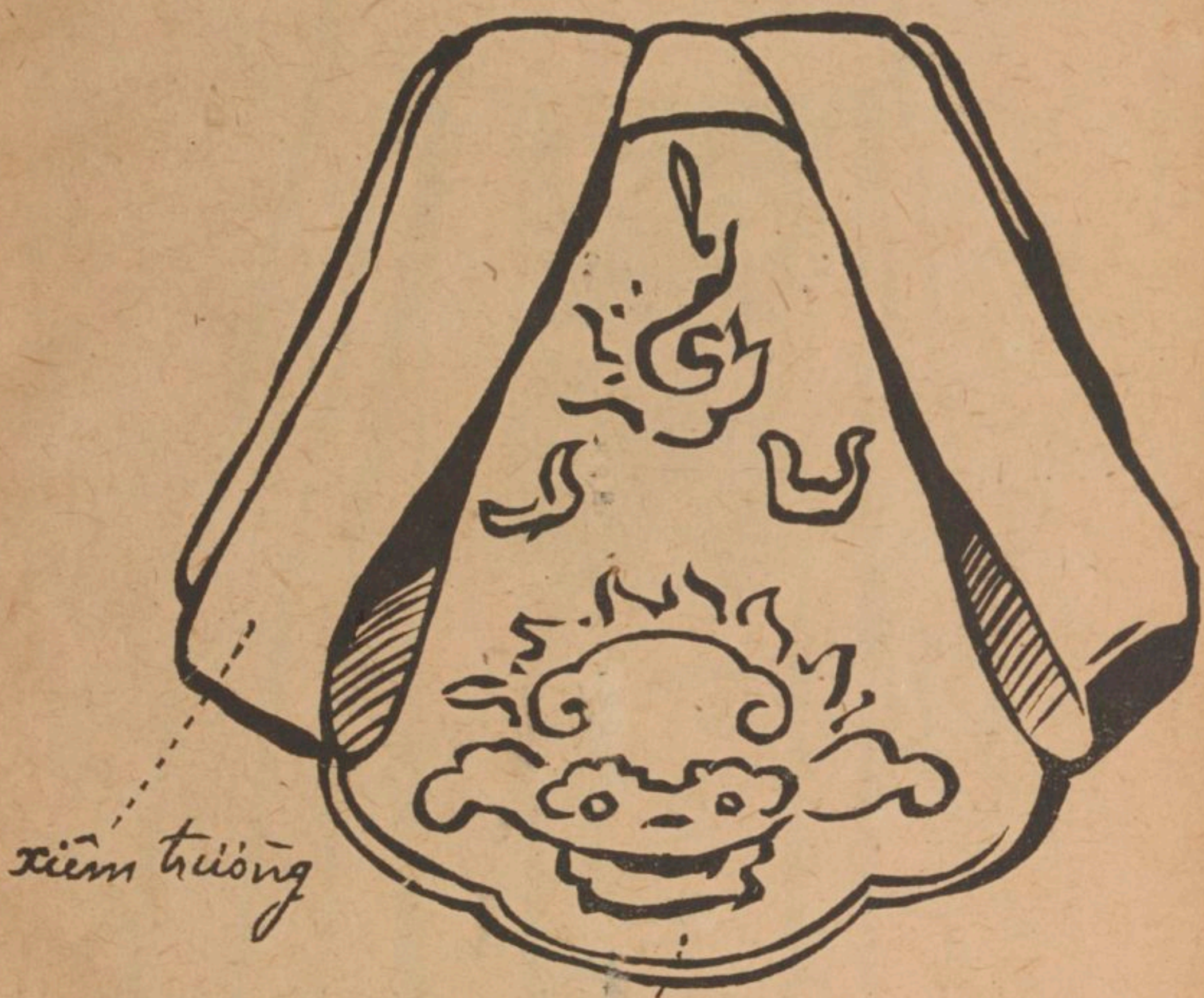

xiêm trường

quần giáy

Xiêm trường

mặc « xiêm » dài tới gót chân mang « bít tất » hoặc mang giày tàu.

Khi đi đánh giặc, đeo « đai » cho gọn gàng, cầm song-kiếm. Đào Phiên đắt trên mũ một cái lông chim trĩ.

Râu-tóc

Quan vân-Trường	: (Tam quốc)	râu xanh
Tiên	: (Tam quốc)	năm chòm
Quan văn	:	râu xanh, dài
Lão võ	:	râu trắng dài.
Tướng Phiên	:	râu đỏ.
Yêu	:	không râu, tóc đỏ.
Nịnh thần	:	không râu.
Học-trò	:	chưa có râu.
Kép núi	:	chưa râu, hoặc râu đen

Điệu hát

Nếu ta nói hát bộ là cái biến văn-chương thời ta cũng phải nói hát bộ là cái biến hát; chỉ những điệu hát riêng của hát bộ mà đã nhiều lắm rồi; hát-bộ lại còn có cái đặc sắc là thâu nhập đặng tất cả các điệu hát khác.

Ta có thể chia các điệu hát ra :

1·) Các điệu hát khách hay bắc-xướng.

2) Các điệu hát nam hay nam-xướng.

3·) Các điệu hát « niêu-nồi » xưa và nay.

I. — Hát - Khách

Ta gọi hát khách hay bắc xướng các điệu hát của Tàu mà ta bắt chước. Các điệu « khách » có vẻ linh hoạt hùng dũng vui-vẻ hơn. Các điệu này đều bằng chữ hán, trừ ra tuồng « Thù chồng nợ nước » của cụ Hoàng tăng-Bí.

Trong các điệu hát khách có :

a) **hát khách thường** (văn thi thất ngôn) :

Trước khi đi đánh giặc, trước khi làm một việc quan trọng như trả thù cho cha, trả thù cho chồng, giúp nước, đền ân, báo oán, vai tuồng hát vài câu hoặc bốn câu để tỏ lòng khí khái, cương trực của mình; hoặc trước cảnh đẹp, muốn bộc-bạch cảm-giác của mình, ví-dụ : tuồng « Thù chồng nợ nước » của cụ Hoàng-tăng-Bí.

Mã viện bát khách bằng tiếng Việt-Nam :

« *Trâu ngựa chịu thân hèn*

« *Tám thước mày râu đành thẹn mặt;*

« *Tiền rồng chung giống tốt,*

« *Một nhà son phấn rạng treo gương* »

Tuồng Trầm-hương-Các của cụ Đào-Tấn.

Trụ Vương và Đắc Kỷ : (*ờ ờ. . .*) hảo đáo lâm viên, đồng lai ngoạn thưởng (qui nhân hè !)

Đều hát khách :

Tây sơn lạc nguyệt lâm tiên trượng,
« *Bắc khuyết tình vân hộ cấm vi*
« *Niên quang đáo xứ giai kham thưởng*
(Chà chà là vui !)
« *Xuân sắc nhân-gian tổng bất tri* ».

Tuồng « Lộ-Địch » của cụ Ứng Bình :

A — Liệt : (Lão đây là Yèm-hoạn, ở nơi thành cao cửa kín đã lâu ngày, đến nay vâng mạng quốc-trưởng đưa ni-cô lên đường, lão mới thấy đặng thiên nhiên quang cảnh, xinh a !

Bắc xướng :

« *Kỳ sơn tú thủy chung linh địa*
« *Dạ thảo nhàn ba tự tại thiên* ».

b) **điệu phú lục** (văn phú) là điệu hát khách để đối đáp ; 2 tướng gặp nhau, trước khi giao-chiến hỏi nhau về duyên cớ ; vua tôi cha con vợ chồng thầy trò hỏi nhau về những việc quan trọng.

Thí dụ : (Tuồng tam Quốc, lớp cổ thành)

Nhị tẩu : (tam đệ, hữu đắc vô lễ, để chị phân lại cho em nghe)

Hát khách :

« *Tẩu tẩu tại tư* (chị có nghe tin) *Lưu-Huyền-Thúc Nhữ-Nam quy ty.*

(Cho nên chị về tới đây là cực khổ biết chừng nào, mà cũng nhờ có nhị-đệ đó ma).

« *Lao lao chi thử, Quan Quân-Hầu nhất lộ phò trì* ».

Trương-Phi : (Thậm nghi ! thậm nghi ! bất thính ! bất thính ! Phi nghĩ lại)

Hát khách :

Tào-Tháo gian hùng, bỉ tắng dĩ thiên phương loạn chí,

(Phi dám hỏi).

« *Quan-Hầu nghĩa khí* (ý làm sao mà) *hà bất năng nhất tử thù tri?*

c) **Xướng hay bạch** (văn thơ thất ngôn) trước khi xưng danh-hiệu, mới bước ra sân-khấu hát 2 hoặc 4 câu để bộc bạch tâm-sự, tình cảnh của mình. Ví-dụ trong « Diễn-võ đình ».

Kiều-Quang xướng :

« *Sạ thính hoàng ly chuyển hạ thiên,*
« *Nhàn khan lục liễu nhứ sanh yên,*
« *Chỉnh hài thoát hoán hồng la đới,*
« *Diêu hướng trì đường hạ bất miên* »

YÊU HỒ-LY (*Phong-Thần*)

封 神　　狐 狸 精

MẶT KHỈ TU THÀNH YÊU TIÊN

Đại-Thánh Tề-Thiên (*Tây-du*)

Lục-nhĩ-Hầu (*Giác-sanh-Duyên*)

Bạch-Viên (*Phong-thần*)

Viên-Hồng (*Phong-thần*)

緣生覺聖大天齊遊西
紅猿猿白封神猴獼六

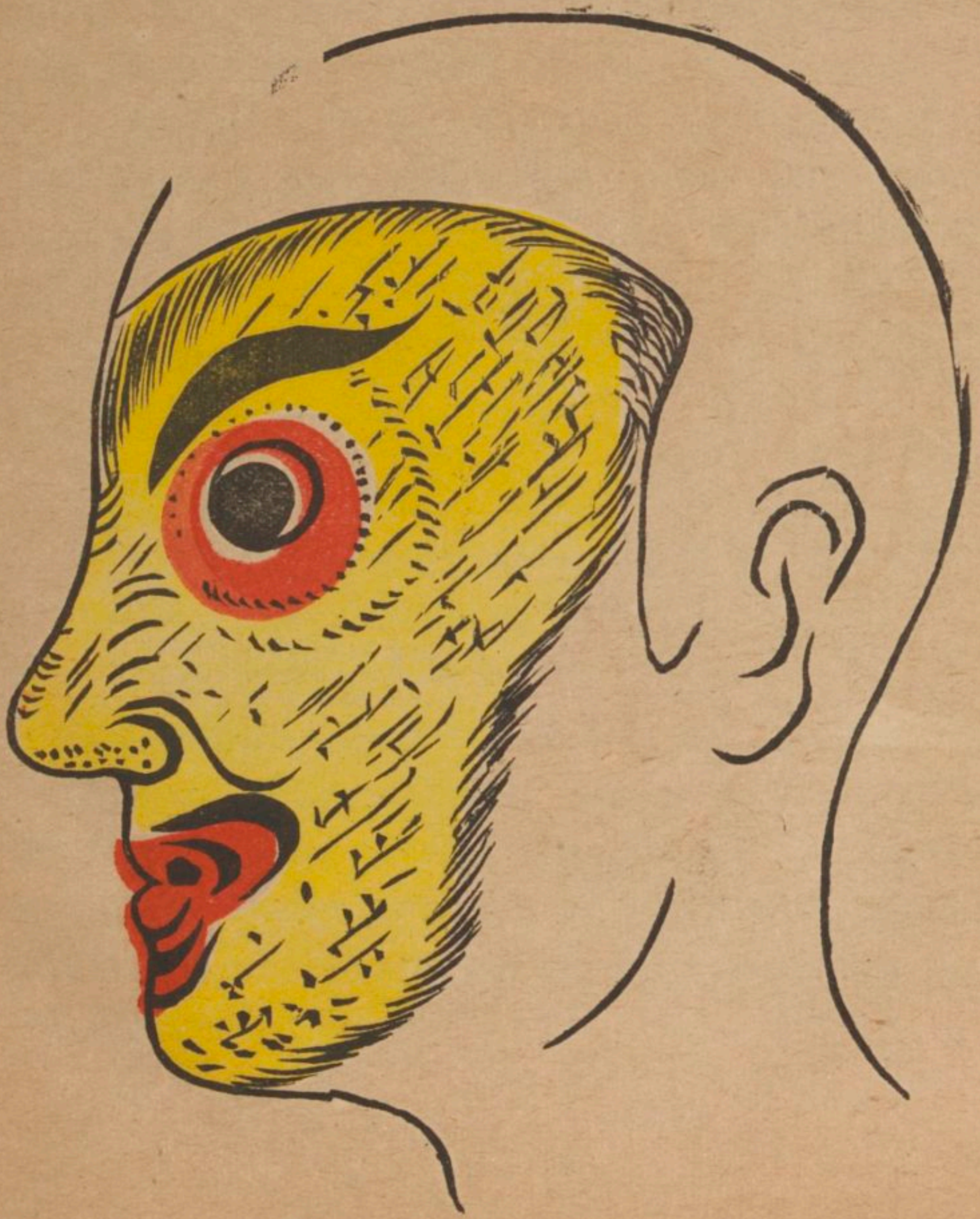

(Như tôi) Chốn thâm khuê giữ phận thuyền-quyên (còn) dòng thế-phiệt thìn lòng trinh tịnh, v. v...

Mỗi vai tuồng có một cách xướng khác nhau nó làm cho ta biết ngay cái tâm tánh của người ; tiên xướng một cách khoan - thai nghiêm - nghị ; tướng Phiên xướng một cách dữ-tợn với một giọng, một điệu bộ rừng-rú ; trung, nịnh, đào, kép đều có một cách xướng riêng

d) **Ngâm** (văn thi thất ngôn, ngũ ngôn). Điệu này là một cách ngâm thơ, thong thả, khoan-thai hay tha thiết ; ví dụ : (tuồng Tam-quốc, lớp Cổ-Thành).

Trương Phi : (Tâm nhược thất ! tâm nhược thất ! ý như si, ý như si !)

Ngâm :

« *Lạc lạ : cô tung* (buồn cha cha là buồn) *chỉ tự bi*

« *Hàn châm tiểu sắt cổ thành trì* ;

« *Hốt văn hồ-mã tê phong cấp,*

« *Không sử anh-hùng lệ mãn y !*

Nhớ trưởng ca nhẫn-lụy lâm-ly (mà) tương Tào-tặc tâm ba dãng dạng ; (thời từ Hạ bì thất thủ, huynh-đệ ly-tán, anh một nơi, em một ngõ cho đến bây giờ ca-ca Phi cư-trú hà phương mà tuyệt vô âm tín...

đ) **Tẩu mã.** — Lối hát mau, trước khi chạy, hoặc và chạy và hát.

« *Hoang-mang sách mã tẩu như phi.*

« *Báo lai trào nội đắc tường tri*

« *Hành điều đạo na từ rạn lý*

« *Vọng hồ tung mạc nại thiên lao !*

e) **Hát bang.** — Trước khi một ông tướng ra sân-khấu, một lũ « hiệu » đi một vài vòng trên sân-khấu, phất cờ và đi và hát để tượng-trưng một đạo quân ra trận vừa đi vừa hát để dương oai ; hát thế gọi là hát bang.

f) **Hát bài.** — Hai tướng đánh nhau nhiều hiệp mà chưa rõ hơn thua, khi nghỉ-ngơi một chốc cùng hát để khen nhau.

(Tuồng Lộ Địch)

Lôi-địch và Lôi-cự đồng hát :

(hay a !) « *Nhiêu lưỡng lộ anh-hùng trụy mã trụy mã ! triển nhứt sanh thần lực giao phong giao phong !*

Hoặc vai đào cùng 4, 5 tỳ-nữ đồng hát :

« *Nữ trung Nghiêu Thuấn hề nhơn gian hán*

« *triển anh tài, triển anh tài, hề thục cảm chi*

« *Kiếm phi phi, kiếm phi phi, hề khoa giỏng*

« *cảm, phá trận tợ xâm lăng biên kiển thục cảm*

« *chi ! thục cảm chi ! vi nữ nhi, vi nữ nhi !*

II) Các điệu hát nam

Trái với các điệu hát « khách » là lối hát của người khách, của người Tàu, các điệu hát «nam » là lối hát của xứ nam, của người Nam. Hai chứng cớ chắc-chắn :

1·) Điệu nam đều bằng tiếng Việt Nam

2·) Lối văn lục bát là lối văn riêng của ta.

Vả chăng trước cuộc nam-tiến hùng-cường của dân tộc Việt nam, dân Chàm phải ngậm-ngùi rơi lụy mà rời bỏ đất quê hương. Tiếng than thê-thảm, giọng hát u-sầu của dân Chàm không khỏi làm cho ta réo rắt trong lòng, cho nên trong các điệu hát nam như có cái dư-âm yếu-ớt buồn-bã của người Chàm. Giọng hát thong-thả, yểu-điệu, dịu-đàng : đi dạo xem phong-cảnh, lúc biệt ly, khi than thân trách số, hát hai hay bốn câu.

Ta có thể chia các điệu nam ra :

a) Nam-ai hay nam-thương (buồn)

b) Nam-bằng hay nam xuân (vui)

c) Nam dựng hay nam mị, nửa ai nửa bằng (tuồng-vạn-bửu)

Kim-anh-tử Mộc-nữ La từ biệt nhau : Mộc-nữ-La hát nam :

« *Rón rén chìu đưa người ngọc,*
« *Xin nhớ niềm vấn tóc xe tơ.*

Kim-anh Tử hát nam :

« *Xót xa thay lúc lâm kỳ,*
« *Tình kia ghĩa nọ làm ghi một lòng* »

— (Phản Đường, Tiết Cương chống búa)

Tiết-Cương cùng Kỷ lan-Anh chạy trốn giặc, Lan Anh hát nam :

« *Lao-xao sóng vỗ ngọn trùng*
(Phu-quân gắn mà đi)
« *Gian-nan là nợ anh hùng phải vay* »

Tiết-Cương hát nam :

« *Sơn-đình đoái đã gần đây,*
« *Nhẹ chân kỳ ký, thoát bầy khuyển ưng.*

2·) **Thán** (văn thi thất ngôn, bằng chữ Hán) Đêm-khuya vắng vẻ, xa nhà, một mình trách thân lữ-thứ, vai tuồng từ trong buồng đi ra, thán ngang 4 câu :

(tuồng Ngũ-hổ-bình-Liêu của cụ Nguyễn-văn-Diêu)

Địch-Thanh lạc qua nước Thiện-Thiện, phải tạm gá duyên với Thoại-Ba-công-Chúa, ngồi một mình nhớ nhà, thán :

« *Bi phong ngũ dạ quá tường đông,*
« *Não khách thời văn cổ tự chung ;*
(Ngô-quân à !)
« *Ngọc khuyết cửu thiên lao mộng-my,*
(Mẫu thân à !)
« *Đình vi thiên lý trướng âm dung* ».
(Tuồng Lộ-Địch của cụ Ưng Bình).

Chi-Manh thán :

« *Sầu phong thảm võ thiêm đa,*
« *Nan tẩy thân oan nại nhược hà.*
« *Đáo để mộng trung hoàn thuyết mộng*
(tỉnh nhơn là ai mà thù-nhơn tôi lại là ai)
« *Tình tuy nhứt đoạn tác can qua.*

3·) **Oán** (văn thi thất ngôn chữ Việt Nam) một lối ngâm ai-oán lâm-li, vai tuồng mới ra bắt đầu thán, rồi đến oán, oán rồi nói lối, nói lối rồi xuống hát nam.

Thí-dụ oán :

« *Ngàn dặm đeo sầu cớ bởi ai,*
« *Thuốc thần khôn chuốc ngớt canh dài ;*
« *Tưởng tình bạn ngọc hàng hàng lụy,*
« *Áo não can-trường tiếng tiếng than !* »

III. — Niêu-nồi

« Niêu-nồi » là các điệu hát vặt ; tiếng niêu-nồi không hiểu vì đâu mà có ; có người bảo

rằng khi hát vặt con-hát hay đặng khán-giả thưởng tiền, hát vặt để kiếm tiền, để « cơm gạo », để « niêu-nồi » (?)

Các lối niêu-nồi xưa như :

1·) **giọng giả điên** (đào điên)

2·) **điệu gian-nan** (vai hề hay hát)

3·) **học sách** (học trò đọc sách)

4·) **điệu phù-thủy** (của mấy ông phù-pháp thờ Thái-Thượng Lão-quân, hay cúng trừ tà chữa bệnh)

5·) **Điệu thiền** (của thầy tu).

6·) **Thài** (hát khi cúng tế như tế Nam Giao ; thài bát-dật, người ta bảo điệu này nguyên là điệu tiêu thiều của Nghiêu, Thuấn ; thài bát bông : nhiều người tay cầm đèn, hoặc cầm quạt, và múa và hát)

7·) **Giao duyên** : (hát về tình duyên, khi đào kép kết duyên, uống rượu tơ-hồng).

8·) **Lý** : (các điệu ca Huế như : kim-tiền, cổ-bảng, bình bán, nam-xang, tứ-vi, hồ-quảng, huê-tình, tứ-đại-cảnh, phẩm tiết, nguyên-tiêu, phú-lục).

9·) **hát lảng thẳng** : (một điệu thiền, gần giọng thầy tu ; bà thứ cạo đầu đi tu, và cạo và hát)

10) **Ngâm Kiều** lối Huế, lối Bắc.

Các điệu « niêu-nồi mới như :

1·) **hát giã gạo** (Huế, Quảng-Nam)

2·) **hát chèo đò** (hát mái nhì hay mái-đẩy ở Huế, Quảng-Nam, Quảng Trị, v. v. .)

3) **hát xẩm** (Bắc Kỳ, Thanh-Hóa, Nghệ An).

4) **sa-bồng, sa-mạc**, chèo (Bắc-Kỳ)

5·) **trống quân** (Bắc Kỳ)

6·) **cải lương Saigon** đủ cả các điệu Saigon : Vọng-cổ, văn-thiên-Tường, Tây-Thi, Xàng-xê- v. v..,

7·) **các điệu hát tây mới « nhập xã »**

IV. — Nói

1·) **Nói lối.** — Ngoài 3 điệu cốt yếu : Nam, Khách, niêu-nồi, còn thứ « nói-lối » tuy nói mà gần như hát, lối văn biền ngẫu dài-ngắn không chừng, nhưng có hai vế đối nhau và có vần. Pha lẫn cả Hán cả Việt, « nói lối » chiếm đến tám mươi phần trăm của tuồng hát ta ; phần nhiều « mánh-lới » mẹo-mực nhà nghề ở trong « nói lối » mà cũng chính ở troag nói lối mà các văn-sĩ ta chưng bày những cái tinh-hoa của văn Việt ; ca-dao ngạn-ngữ đối chọi nhau, một chữ mà hai nghĩa một câu mà ám-chỉ hai người, nghĩa bóng và nghĩa thật, nói ngược

lại nói xuôi, bao nhiêu tư-cách uyển-chuyển biến-hóa của quốc-văn đều thi thố trong nói lối. Thí dụ (Tuồng Ngũ-hổ bình Liêu của cụ Nguyễn văn Diêu)

Thoại-Ba công-chúa nói lối:Đã không nơi trướng chấu, lại vắng chốn màn loan, đã phụ thề lục thủy thanh-sơn, lại lánh chốn thiên giai hải-giác ; (ôi thôi thôi) bạc nên quá bạc, chồng hỡi là chồng ! Rượu giao-hoan mùi đã mặn nồng, (sao) đàng phân-khuyết tình mau lạt lẽo ! Dây dưới nguyệt đã đành chắp múi, chim ven trời đành đoạn bay xa ! Vô duyên cho phận đàn bà ! bạc tình thế cũng người quân-tử ! bỏ vợ chẳng thèm ừ-hữ, giận gẫm hết khôn, thương chồng nên nỗi bôn-chôn, thương đà hóa dại ! (à thôi thôi) thà đó đành phụ ngãi, đây há giám vong-tình ! (thế-nữ ! đái mã lai !) dục vó lừa xông lướt non xanh, (con theo cùng bà nghe !) cắp bảo kiếm lần dò dặm tía (xong)...

hát nam...

2·) **Hường**. — Trong một câu nói lối hoặc giữa hai câu nói lối, có khi giữa hai câu hát có ít tiếng Việt-Nam để phụ thêm nghĩa để cho các câu nói lối, hoặc các câu hát bắt lấy nhau, mấy tiếng chêm ấy gọi là « hường ».

Thí-dụ : (ừ ừ), (ôi thôi thôi), (thế nữ !) con theo bà nghe !) (chi nữa), (vả chăng) -

3·) **Tán.** — Trước khi hát nam, có khi nói vào câu chữ Hán để tán cái ý trong câu hát.

Thí-dụ : (Tuồng Vạn-Bửu).

Kim-anh-Tử tán : Biệt quyết tình nan giải hàm bội lụy ám thùy ; nhứt đáng tư thân sầu khiển quyện, thốn tình hoài biệt bộ trì trì.

Hát nam : « *Xót xa thay lúc lâm kỳ,*

« *Tình kia nghĩa nọ lăm ghi một lòng* ».

Vỉa hay vĩ. — Nói-lối xong, cuối câu phải thêm một tiếng để ra đầu cho ban nhạc biết sẽ hát nam hay hát khách mà đánh nhạc ; tiếng ấy gọi là vĩa hay vĩ.

Nói lối rồi mà thêm tiếng,

— *xong*, thế là sẽ hát nam,

— *hảo a*, thế là sẽ hát khách, ngâm.

— *ai a*, thế là sẽ hát thán.

5·) **Láy.** — Trong một câu hát, một đôi tiếng phải kéo dài ra, thời phải thêm tiếng ư, a, i... tiếng thêm ấy để đưa giọng rồi nối thêm tiếng khác gọi là « láy ».

Thí-dụ :

Thủ bất... a... nhẫn... ư hừ... tru, tư... hừ mãnh lực... ạ.

Văn chương

Kịch-gia xưa của ta phần nhiều chỉ là văn-nhân thi sĩ vin vào hát bộ để trau-chuốt chạm gọt văn-chương. Các ngài lắm khi say sưa câu văn đến nỗi quên cả nghệ thuật sân khấu. Nhưng hát bộ đã là chỗ phô trương của tạo nhân mặc khách thời chúng ta tha hồ thưởng-thức văn-chương.

Văn hát bộ gồm tất cả các điệu văn vần và văn xuôi của ta :

— thất-ngôn : xướng hay bạch, hát khách, ngâm tẩu-mã, than, oán.
— ngũ-ngôn : ngâm
— lục-bát : hát nam
— lục bát giản thất : hát nam
— văn phú : hát phú lục, hát khách
— văn biền ngẫu : nói lối.
— ca-dao : nói lối
— văn xuôi : hường, bông lơn.

Ta có thể gọi hát bộ là bể văn chương; tác giả tha hồ vùng vẫy để trổ tài, tuỳ theo tư cách và sở thích của mình.

— Trong các điệu văn vần văn xuôi kể trên, ta có thể chia ra : văn hoàn-toàn chữ hán (hát khách, phú-lục, xướng, tẩu-mã. ..) ; văn hoàn-toàn

chữ Việt (hát nam, nói lối, hưởng bông-lơn...) ; và văn nửa Hán nửa Việt, nghĩa là văn Việt mà các cụ xưa đệm vào nhiều chữ Hán (nói lối...)

Một đều đáng để ý nữa là điệu văn-đối ; văn-sĩ xưa đã có cái lắn xếp ấy trong trí.

Đã hay rằng đối xác, đối chỉnh là tài là hay nhưng đối mải mải từ đầu đến cuối, mở miệng là đối, nghe cũng chán tai.

Văn-đối là một thứ chơi chữ tài tình thời văn-đối cũng là một thứ mặt nạ mà văn sĩ tầm thường dùng để che chở cái tầm thường của mình. Oanh liệt của văn xưa là văn đối thời yếu điểm của văn xưa cũng là văn đối.

Tiên-sư của hát bộ

Ở xứ ta nghề nào cũng có thờ tổ-sư ; thợ rèn thờ ông Lư-cao-Sơn (thế-kỷ thứ 3 sau Thiên-Chúa) ; thợ làm giày thờ bà Nguyễn-thị-Trung (thế-kỷ 16, đỗ tiến sĩ ; hát bộ thờ ông « Làng ». Người ta truyền rằng nguyên là hai anh em con vua còn trẻ-con mà ham hát bộ lắm ; một hôm đương xem hát vừa có một tai-nạn xẩy tới, thiên-hạ chen nhau đạp chết hai ông hoàng cỏn-con ấy ; hai ông chết thành thần linh-thiêng lắm, lại hay phò-hộ con hát. Trước khi ra sân-

khấu, con hát thắp hương vái trước trang thờ để ngài phò . hộ hát cho khỏi quên, khỏi vấp Vì còn trẻ con nên hai ông « Làng » còn ham chơi quả thị, một thứ quả thơm lắm. Người ta tin rằng hễ có một quả thị trong giạp hát là hát vấp và quên ngay. Con hát chỉ cúng hoa. quả kẹo bánh thôi, có lẽ vì hai ông « Làng » trẻ con, chỉ ưa hoa quả kẹo bánh

Theo lời ông Coulet thuật, ngoài ông « Làng », hát bộ còn thờ mấy vị thần phụ :

Thiết-quan (thợ rèn), Lỗ-bang (thợ mộc) Y-Lãm (thày thuốc), Huề-quan (thợ dệt), Liễu-Công (người buôn), Điêu-tri-Vương (người dạy điệu bộ), Chi-ba-chơn-nhơn (người phát—minh ra đàn), Bá - ích - Lư (người dạy điệu bộ) cho đến cả Khổng-Tử. Con-hát ở Bắc-kỳ thời nói chỉ có ba vị tổ-sư : bà Cửu-thiên Huyền-nữ, đức Thánh-Quan và ông Đông-phương-Sóc.

Về đời Tam-Hoàng (Phục-Hi, Thần - Nông, Hoàng-Đế), Hoàng-Đế phải dẹp giặc Suy-Vưu ; đánh mãi không nổi, Hoàng-Đế thiết-bàn khấn trời đất. Trời mới sai bà Cửu-Thiên Huyền-Nữ xuống trần-gian, ban cho Hoàng-Đế phép tam-cung và phép ngũ-âm. Hoàng-Đế nhờ đó mà thắng trận. Con-hát thờ bà Cửu-Thiên là vì phép

đánh giặc của bà dạy cho Hoàng-Đế là lối múa võ của bát-bộ (?)

Đức Thánh-Quan là ông Quan-vân-Trường-trong truyện Tam-quốc. Ngài người tỉnh Sơn tây, sống vào thế-kỷ thứ 3. Tánh khí cương-quyết mà lại võ-nghệ cao-cường, sau đặng truy-tặng tước « Quan-Vũ-Đế ». Người đời sau thờ ngài và tôn ngài là võ thần. Trong truyện Tam-Quốc mà hát bộ diễn luôn, người ta thuật rằng chết rồi mà Quan-vân-Trường hiển thánh và bây giờ ngài vẫn thiêng lắm.

Trước khi ra diễn vai Vân-Trường, con hát phải đốt vàng thắp hương để xin lỗi ngài, nếu không thì ngài phạt. Có lẽ sợ ngài phạt mà con-hát thờ ngài (?)

Ông Đông-Phương-Sóc người ở Bình-nguyên cha mẹ mất sớm mà sau ông trở nên văn-võ toàn tài ; người cao đến 9 thước 3 tấc. Đời vua Hán-vũ Đế, ông đặng vua phong chức Thái-Trung Đại-Phu. Thông-minh tuyệt vời, khi nào vua ban hỏi điều gì, ông trả lời một cách làm cho vua phải cười nên vua yêu-chuộng lắm. Khi ông còn làm chức « Đại-chiếu công-xạ », lương-tiền ít ỏi lắm. Một hôm ông trói vào chân ngai vàng một ông quan Đại-phu trong triều tên là Chu-

Nho và bảo rằng : « Vua ban rằng nhà ngươi thật là một kẻ vô dụng: cày ruộng thời không đủ sức làm quan thòi bất tài, đánh giặc không lồi, thật là ăn uổng cơm vua, nên vua truyền chém nhà người.»

Chu-Nho van lạy thời Đông-phương Sóc nói rằng tý nữa vua sẽ qua đây người sẽ lạy tạ vua mà xin ngài ban phước tha cho.

Chốc sau vua đi qua đó thật. Chu-nho tâu rõ đầu đuôi vua đòi Đông phương-Sóc hỏi duyên cớ, ông tâu rằng : « Tâu Bệ-hạ, nếu đều tôi tâu đây sẽ bắt tôi chết, tôi cũng cam tâm. Chu-Nho người cao có ba thước mà lương một bao thóc và 240 quan tiền ; chúng tôi người cao chín thước mà lương cũng một bao thóc và 240 quan ; nếu Chu-Nho có thể chết no, tôi đây há dễ chết đói ; nếu tôi là người hữu-dụng thời thánh-thượng dùng tôi nếu tôi vô-dụng, xin ngài đuổi tôi đi cho tôi khỏi ăn uổng cơm ngài.»

Vua nghe nói bật cười bèn ban cho chúc Đại chiếu-Kim-mã-môn. Đông-phương-Sóc còn nhiều lượt bị tội lỗi mà nhờ tài nói khôi hài nên thoát khỏi cả. Vì tài ấy mà hát-bộ thờ ông làm tổ-sư.

Ngày 12 tháng 8 là ngày kỷ-niệm các tổ sư. Con hát làm lễ long-trọng ; có người lại bảo rằng

người ta lựa ngày 12 tháng 8 là ngày vua Đường-minh-Hoàng lên chơi trên nguyệt-điện, thấy các tiên-nữ múa những điệu đẹp mắt, ngài về dạy cho con hát các điệu ấy.

Phê bình thuật diễn-kịch

Ông Aristote, một kịch-gia xưa của La-mã dặn-dò kỹ-lưỡng rằng cái vấn-đề của vở kịch phải cho duy-nhất, rồi cái thời-gian của kịch cũng trong vòng một ngày một đêm mà thôi ; như thế, câu chuyện mới chặt-chẽ, sốt dẻo, khán-giả mới hồi-hộp, bồng bột, sôi nổi như trong một lúc « lên cơn ». Đến sau các kịch gia cận đại như các ông Scaliger ở Pháp, Le Trissin ở Ý, Ben Johnson ở Anh, Cervantes ở Tây đều cảm-phục ; nhưng chính đến năm 1939, ông Chapelain, trong bài phê-bình kịch Lộ-Địch của Corneille, đem những ý-kiến của Aristote làm kỷ cương, lại thêm vào luật duy-nhất về không-gian, nghĩa là công chuyện của kịch phải xẩy ra tại một phòng nhà hay, nhiều nhứt, tại một thành-phố thôi. Ông Boileau, trong quyển « nghệ-thuật làm thi », tóm luật « tam nhứt trí » ấy trong hai câu vắn-tắt khô-khan : « Tại một chỗ, trong một ngày, một câu chuyện phải làm cho vở tuồng đầy đủ ».

(Qu'en un lieu, qu'en un jour, un seul fait accompli,

Tienne jusqu'à la fin le théâtre rempli)

Các kịch-gia trứ-danh phái cổ điển tai Pháp như Corneille, Racine, đều phải theo luật kịch ấy, nhứt là Racine.

Kéo màn lên thời ta thấy mỗi vai tuồng đã say, đã điên; đã nằm trong cảnh sôi-nổi nhứt của tấn kịch, rồi ta cũng say, cũng điên theo. . .

Rồi lại còn nhiều luật phụ như là : phân-tách hai lối hài kịch và bi kịch; câu chuyện của kịch phải là một câu chuyện hoàng gia quý phái lấy trong sử, trong thần truyện hoặc trong thánh kinh; tác giả chỉ giải phẫu tâm lý của kẻ khách chớ không đặng đả động đến chuyện riêng của mình. . .

Đã thế mà mỗi kịch-gia lại chuyên-môn về một phương diện như Corneille thời tả những anh hùng nghĩa sĩ, hiếu tử trung thần, thắng ma lòng để theo trọn nghĩa-vụ ; trái lại Racine thời cặn-kẽ phanh-bươi những mê-muội ganh-tị, sân-si của lòng người nó dìm đắm ta rồi đem đến cho ta sự điên-cuồng tuyệt vọng;

Molière thời đem lên sân khấu mà diễu cợt những tính xấu của người để họa may họ thấy

xấu hổ mà tự chữa mình : hà tiện biển-lận, giả-dối, trưởng giả học làm sang, v. v, . .

Hát-bộ ta thời không thế. Nghệ-thuật kịch hoàn-toàn căn-cứ vào nguyên-lý tượng-trưng; mỗi khi vai tuồng vào buồng rồi ra diễn lớp khác là ngụ-ý một thời-gian vô-hạn đã qua ; lớp trước hoàng-tử mới là một con búp - bê mà một trung thần mang nơi thắt lưng, lớp sau hoàng tử đã là một thanh-niên hùng tráng, 18, 20 tuổi, mà hai lớp chỉ cách nhau có một vài phút.

Về không gian thời khán - giả cũng sẵn trí tưởng - tượng để đi theo các vai - tuồng : lớp đầu-tiên là một cung-điện nhà vua, có ngai đỏ rồng vàng; lớp sau lại là một khu rừng ở phiên địa; lớp thứ ba là một cái nhà ở một nước chư hầu rồi lớp thứ tư lại cung-điện nhà vua ở Bắc kinh, liên tiếp chín mười lớp xa nhau khác nhau.

Về luật « vấn đề duy nhất », vì hát bộ ta diễn mỗi đêm một đoạn truyện, ví dụ hôm nay diễn lớp « Phụng Nghi Đình » trong truyện Tam-Quốc hôm mai sẽ diễn « Nhứt-khí Chu-Du » trong Tam Quốc hoặc lớp « Khương linh-Tá đưa Đồng-kim Lân qua đèo » trong tuồng Sơn-Hậu, thời tự-nhiên một đoạn cỏn-con đó phải duy nhất. Nhưng người ta đi xem hát chứ không đi xem vở tuồng nghĩa

là người ta chỉ đi xem tài nghệ của con hát, nghe giọng thanh hay không thanh, xem điệu-bộ đúng hay không đúng chớ câu chuyện đã sẵn có trong truyện rồi, chớ có phải riêng chi của tác giả. Cho nên có khi một đêm diễn hai ba lớp của hai ba tuồng : lớp đầu là « Bạch-đầu-Ông lăn lửa » của tuồng Vạn-Bửu, lớp sau là « Gian tả Cầu hôn » của tuồng tam-Quốc.

Tại Âu Châu đến thế kỷ thứ 19. phái lãng-mạn nổi lên « cách-mệnh » kỷ cương cổ điển, đầu đảng là Victor Hugo với bài tựa « Cramwel » Vấn đề của vở tuồng lãng mạn rộng rãi hết sức. Vấn đề lãng mạn không phải chỉ lấy trong sử ký trong thần truyện mà thôi, vấn đề lãng mạn không phải chỉ chuyên chú về quý phái mà thôi, vấn đề lãng mạn là vô cùng vô tận, không kể bi bay hài, không kể quý hay tiện vấn-đề lãng-mạn là cả vũ-trụ từ xưa đến nay, cho nên kịch-gia tha hồ mà lựa chọn, tha-hồ mạo-hiểm để tìm những chỗ hiểm-hóc, những nơi hoang-vu của cõi lòng vô-biên vô-giới.

Nghệ-thuật của hát-bộ ta cũng không có luật tam-nhứt trí của hát-bộ cổ-điển Âu-châu, cũng không tự-do phóng-túng như hát-bộ lãng-mạn của Âu-châu, nghệ thuật ta chỉ quanh - quẩn cái

nguyên tắc tượng-trưng, tượng-trưng một cách tuyệt đề. Vả chăng hát bộ là một nghệ thuật dùng làm một phương-pháp tuyên-truyền luân-lý, có khi lại là một phương-pháp tuyên-truyền luân-lý sau bộ mặt nghệ thuật, cho nên cái trọng-trách của tác-giả là trước hết phải phụng-sự nền luân-lý đương thời mà nền luân-lý ấy chỉ luẩn-quẩn xung quanh tam-cương ngũ-thường mà tôn-quân là cái gốc.

Nghệ-thuật của kịch-gia ta dồn lại chỉ là có tài dọn lớp tuồng cho gọn hơn trong truyện, là soạn câu hát cho hay, chọn những chữ đối cho cân, lựa những đoạn nào có vẻ « kịch », có vẻ đạo-đức hơn hết ; khi nào có nỗi lòng uất-ức, có bước chông gai mà cái tài của kịch gia là tìm mối mở giây cho khéo léo thời đã có phép tiên phù thần giúp đỡ.

Vấn-đề đã sẵn có trong sử, trong truyện, mà khán-giả đều quen thuộc, nguyên-lý đạo đức đã bất-di bất-dịch, ai mà đem ra bàn cải là có tội, kịch-gia nhiều khi chỉ còn lại một văn-sĩ.

Đến khi kết cục vở tuồng, con đường đã gạch sẵn cho tác-giả : cuối cùng là thế nào Phiên-tặc cũng thua tướng trào, nịnh-thần tiếm-vị thế nào cũng bị thần tru quỉ phạt, người trung-hiếu

đạo-đức hiền lành phải được hạnh-phúc, mà có chết đi nữa cũng về tiên về phật, người đi xem mới thỏa-mãn. Thành thử tác-giả dầu có muốn kết-cục cục vở tuồng thế nào cũng không dám ra ngoài lề-lối ; thiên-tài của tác-giả không đặng vượt ra ngoài khuôn-khổ.

Ở Âu-Châu, một tuồng hát mới là một cuộc bút-chiến sôi-nổi trên báo-chí ; khi diễn ra là hai phái biểu tình phản đối nhau kịch-liệt, một bên vỗ tay, một bên chậm chân và huýt còi, như hai cuộc bút-chiến về tuồng Lộ-Địch và tuồng Hernani. Về tuồng Hernani, phái lãng-mạn và phái cổ điển công-kích nhau như hai phe tôn-giáo khác nhau : bao nhiêu người học-thức đều dự-chiến bàn cải về vấn đề, về nghệ-thuật, về sự bố cảnh, về lời văn...

Bên ta không thế, người đi xem hát về chỉ khen đào này giọng hay, có sắc đẹp, kép kia điệu-bộ đúng đắn hoặc múa võ giỏi, đối với nội-dung của tuồng thời nhà ai ai cũng ngấm-ngầm nhận là một việc thật đã xảy ra ngày xưa ; luân-lý của vở tuồng thời trăm ngàn như một. Về phần văn, một số rất ít thâm - nho nghe lọt câu văn, tấm tắc khen hay chê ; phần đông nghe tiếng được tiếng mất nên cũng không

khi nào để ý đến văn, đến nỗi có một đôi gánh hát « hát cương » nhiều lớp nghĩa là hát mà không có vở tuồng ! Hễ vai tuồng cần hát khách, nam, than, xướng, là họ hát những câu đã thuộc lòng về tuồng khách, không cần câu văn có thích hợp hay không. Đến « nói lối » con hát giỏi cũng sẵn có một ít thành ngữ lượm lặt thường ngày đem ra dùng chữ trúng chữ trật, Những yếu điểm ấy đã ngấm ngầm hại nghệ thuật hát bộ.

Từ mấy nghìn năm về trước, đương lúc dân trí còn thấp hèn, dân sinh còn nghèo nàn mà biết hòa hợp khiêu vũ thi-ca âm-nhạc làm thành hát bộ, một nghệ thuật đầy đủ rồi lại biết tùy tiện đem nghệ thuật ấy dùng để giáo-hóa dân chúng trong khi quốc dân luôn luôn bị phe đảng chia rẽ, trước công trình tạo tác mỹ thuật ấy, ta phải kính cảm phục. Đó là công nghiệp sơ khai của người Tàu.

Nhập tịch một nghệ thuật nước ngoài dung-hòa với cái vốn liếng cỏn con về ca vũ, âm nhạc của nhà, dùng đặng tất cả các câu ca giọng hát các nhạc khí, dùng đặng tất cả các lối thi lối văn, văn vần, văn xuôi, văn biền ngẫu, văn xưa, văn nay ; định-chuẩn điệu bộ cho có quy - thức nhất định, làm cho hát bộ có một cốt cách đoan

trang đề biểu tượng cái luân lý nghiêm trang đề đạm của Á Đông, ấy là công trình thích nghi tài tình của người Việt.

Nhưng có một điều đáng tiếc là ta ít tùy-nghi mà biến hóa để cho các nghệ-thuật được tiến lên ; chính đức Khổng-Tử cũng cho những người cứ khư-khư với thói cũ không biết tùy tiện thay đổi là kẻ cừu địch của đạo-đức.

Những chỉ nguyện cải lương nghệ thuật hát bộ của các cụ Đông-Châu, cụ Hoàng tăng-Bí thật đáng cho chúng ta kính phục thoát khỏi nguồn gốc sử tàu truyện tàu, đem những trang oanh liệt của quốc sử lên sân khấu để phấn khởi lòng ái quốc tôn quân, đem tiếng Việt Nam thay dần dần những câu toàn chữ bán để cho nghệ thuật hát bộ trở nên hoàn toàn Việt Nam để cho mọi người được thưởng thức một cách đầy đủ ; biết cải cách trau gồi cái di sản quý hóa đó như vậy thật xứng đáng cái công trình tạo tác của tiên nhân ; và trên con đường tiến thủ, dừng lại là thụt lùi, ta ước ao kẻ khác sẽ noi theo đó mà trau giồi nghệ thuật hát bộ cho nó tiến lên mãi mãi.

II

Lược thuật những lớp tuồng có danh tiếng.

Phong Thần

Bá-Ấp-Khảo dạy đàn cho Đát-kỷ

Cơ-Xướng, một tiểu-vương bị Trụ Vương giam ngục. Con trai Cơ Xướng, Bá-ấp-Khảo vào Kinh-đô thăm cha. Đát-Kỷ thấy Bá-ấp-Khảo đẹp trai, tâu vua bắt Bá-ấp-Khảo dạy đàn cho Đát Kỷ. Trong khi Bá-ấp–Khảo dạy đàn Đát-Kỷ mê say quá đến nỗi để lộ nguyên thể hồ-ly ra, thời con vượn của Bá-ấp-Khảo đang múa, thấy hồ-ly nhảy tới chụp. Đát-Kỷ dật mình, tức giận, tâu vua chém Bá-ấp-Khảo, rồi lấy thịt cho Cơ-Xướng ăn; lại nói nếu Cơ-xướng ăn tức là Cơ-xướng không phải một người bốc-phệ giỏi, thời sẽ tha; dược bằng Cơ-xướng không ăn thời sẽ giết. Cơ-xướng đoán ngay là thịt con và đoán nếu không ăn thời bị giết nên phải buộc lòng ăn thịt con.

Truyện Phong Thần.

Lớp Hoàng-phi-Hổ qua giới bài quan

của cụ Đào Tấn soạn

Vua Trụ nhà Thương ham mê tửu sắc, bỏ phế việc trào chánh.

Nhơn ngày khánh-tiết bà Thứ-Hậu chị Hoàng-phi-Hổ cùng Giả-thị vợ Hoàng-phi-Hổ vào chúc thọ. Đát Kỷ có thù riêng với Hoàng-phi-Hổ, xui vua Trụ ép liễu nài hoa vợ Hoàng-phi-Hổ. Bà Thứ-Hậu can vua rằng nếu đình thần và lê dân hay đặng thời vua mang tiếng bất-lương.

Vua giận nạt một tiếng làm hai người đàn bà ấy rơi từ trên gác xuống mà chết.

Phi-Hổ biết chuyện, than khóc rồi đem binh tới Ngọ-môn trách vua vô đạo. Vua đem binh ra đánh Phi-Hổ. Trụ-Vương té ngựa, bốn người em Phi-Hổ toan giết nhưng Phi-Hổ không cho rồi năm anh em bỏ vua Trụ qua đầu vua Văn-Vương nhà Châu.

Ngày sau năm anh em được phong-thần.

Đông Châu Liệt-Quốc

Dự-Nhượng đả long-bào

Dự Nhượng làm tôi Trí Bá ; Trí Bá bị Triệu vô Tuất hại ; Dự Nhượng quyết chí báo thù cho Trí Bá.

KÉP VÕ (*mắt tròng xéo*)

Hoàng-Phi-Hổ

Dương-Chấn-Tử

MẶT TRỤ-VƯƠNG (*đỏ dầm, ướt*)

Mặt Đồng-Kim-Lân (*đỏ tươi*)

Mặt Triệu-đình-Long (*Gian-chấn-Tử*)

Lần đầu Dư Nhượng cải trang làm người phu dịch, cầm dao, lẻn vào nhà xí họ Triệu chực giết họ Triệu. Bắt đặng Dự Nhượng, Triệu vô Tuất thương lòng trung thành của Dự Nhượng, tha không giết. Dự-Nhượng nói : ngài tha tôi là ơn riêng của ngài còn việc trả thù là nghĩa lớn của tôi. Tả hữu xui Triệu vô Tuất chém đi. Triệu vô Tuất nói : ta đã hẹn tha rồi không nên thất tín ; từ rày ta chỉ phòng giữ thôi. Dự Nhượng lại xén râu, cạo lông mày, sơn mình, giả người hủi ; nhưng người ta còn nhận đặng tiếng nói : Dự Nhượng lại nuốt than cho khản tiếng rồi làm người ăn mày.

Có người bạn khuyên Dự Nhượng giả đầu Triệu vô Tuất và thừa cơ thích khách.

Dự Nhượng không nghe lời vì không chịu làm tôi Triệu mà hại Triệu, bèn giả làm người chết nằm dưới gậm cầu để chực đâm họ Triệu.

Quân họ Triệu bắt đặng Dự Nhượng ; chàng khóc như mưa ; người ta cười chàng sợ chết mà khóc ; Dự Nhượng nói : ta khóc vì chưa báo thù đặng Triệu vô Tuất Dư Nhượng nói : ngài tha tôi một lần đã quá lắm rồi, bây giờ tôi không mong sống nữa ; nhưng tôi xin ngài cởi áo cho tôi đánh cái áo của ngài ít cái gọi là chút nghĩa báo thù.

Triệu vô Tuất bằng lòng ; Dự Nhượng, cầm kiếm, nhìn cái cẩm bào rồi nhảy lên 3 lần đánh ba cái vào cẩm bào, đánh xong đâm cổ mà chết.

Tiết-nhân-Quý

chinh đông

Con một người thường dân ở tỉnh Sơn-Tây, Tiết-nhân-Quý đến 15 tuổi mà không biết nói ; một hôm nằm mộng thấy một bổ trắng vào buồng, Quý sợ quá, hét lên và từ đấy biết nói ; Nhưng cha mẹ liền đó chết, Quý nghèo đói, vào ở với một ông nhà giàu Liễu-Viên-Ngoại.

Một đêm, Liễu Kim-Huê giạo chơi trong vườn, thấy chỗ Quý ngủ có hào quang chói lọi vào phòng thấy Quý nằm ngủ, áo quần mỏng-mảnh mà diện mạo tốt tươi, nên mủi lòng, vào nhà lấy một cái áo bông ra đắp cho Nhân-Quý. Sáng mai Liễu Viên-Ngoại thấy vậy tra hỏi, biết rằng chính con mình đem áo cho Nhân-Quý, đòi đem chém con ; Liễu-Kim-Huê cùng mụ gạnh đi trốn, mà đêm ấy Nhân-Quý cũng trốn. Trời xui Nhân-Quý, Kim-Huê lại gặp nhau và yêu nhau. Kim-Huê có thai.

Giặc Phiên quấy-nhiễu. Nhân-Quý ra tòng chinh nhưng tướng Trương-sĩ-Quý không nhận

vì biết Nhân-Quý có kỳ tài và vua đương tìm một người tên Nhân-Quý. Nhưng một bữa Nhân-Quý giết một con hổ cứu một lão quan, Trình-Giảo-Kim ; Trình Giảo Kim cho một lá cờ lệnh tiễn và nhờ cờ ấy Trương sĩ-Quý mới cho Nhân-Quý tòng chinh.

Đạo binh qua Sơn-đông ; giữa đường có một cái hang sâu thẳm ; Sĩ-Quý biểu Nhân Quý (bấy giờ gọi là Tiết-Lễ) vào hang xem, cố ý để cho Tiết Lễ chết. Nhân-Quý vào hang cứu một con rồng xanh lại gặp bà tiên Cửu-Thiên ; bà cho Nhân-Quý nhiều phép lạ, bảo - vật. Nhờ vậy Nhân-Quý đánh đâu hơn đó mà Trương sĩ Quý lại dành những chiến thắng ấy cho rể mình là Hà-tôn-Hiến.

Sau có Phiên tướng Cáp-tô Văn không ai đánh nổi ; Nhân - Quý đánh bại Tô-Văn thời Nguyệt-Anh vợ Cáp-tô-Văn hóa phép bắt Nhân-Quý.

May nhờ có tiên ông Lý-Tịnh cứu sống và cho thêm phép lạ, thuốc tiên ; sau đó Tiết-Lễ thắng đặng nhiều trận. Tướng Trương-sĩ-Quý lại lập mưu thiêu Tiết-Lễ ; may có phép tiên Tiết-Lễ khỏi chết rồi vào ẩn trong núi.

Một hôm vua Đường Nhân-Tôn đi săn bị Cáp-tô Văn bắt và gần bị hại ; Đương ở trên núi con ngựa của Nhân-Quý hý lên một tiếng to ; Nhân-Quý lên ngựa xuống cứu vua. Lần này vua mới thật gặp Nhân-Quý, người mà thần tiên ứng mộng báo cho vua ngày trước. Trương-sĩ-Quý đoán công việc mình hại Nhân-Quý lâu sẽ bại lộ, bèn lẻn về Tràng - An âm mưu đảo-chính. Nhưng lão-thần Từ-mậu-Công tại triều đã báo cho Nhân-Quý, Nhân-Quý về bắt ngay Trương-sĩ Quý giam ngục. Nhân-Quý lại ra đánh trừ hẳn đặng Cáp - tô - Văn. Vua phong Nhân-Quý tước Bình-Liêu Vương.

Bấy giờ đã già, Bình-Liêu Vương xin về quê nghỉ ; giữa đường gặp một con bạch-hổ, Nhân-Quý bắn chết ; không ngờ bạch-hổ ấy là tướng tinh của con là Tiết-đinh-San.

Tiết đinh San

Tây Phiên lại quấy nhiễu ; Tiết nhân Quý tuy đã già lại phải ra trận bị tướng Phiên Tô hiểu Đường đánh bại: vua Đường Cao Tôn phải chiêu mộ giỏng sĩ ra cứu Bình-liêu-Vương, Nhân Quý. Tiết-đinh San ngày trước bị cha bắn lầm, chết, nhưng đã có Vương-Ngao-Lão-tổ cứu đem về dạy

võ-nghệ—Nghe tin Nhân-Quý bị nạn, Vương-Ngao-Lão-tổ cho Đinh-San về cứu cha.

Đinh San được vua cho cử đại binh ra trận: giữa đường bị kép núi Đậu-nhứt Hổ chận đánh; Nhứt-Hổ thua chạy; em gái là Đậu-tiên-Đồng ra giúp bắt đặng Đinh San và ép duyên Tần Tấn Đinh-San không chịu, nhưng lão thần Trình Giảo-Kim ra khuyên Đinh-San nhận lời, rồi cùng nhau ra trận. Cha con chưa hết mừng rỡ, thời Nhân Quý đã bắt tội con lấy vợ mà không có lệnh cha đòi đem chém con, may nhờ vua can thiệp, Nhân-Quý mới tha chém con; Đinh-San ra đánh bại Tô-biểu-Đường; lại có Kim-Định giúp sức, đánh bại em gái Tô-biểu-Đường.

Rồi đó Nhân-Quý lại đem binh đi đánh một nghịch đảng nữa mà tướng là Phàn Hồng. Trận này Đinh-San lại gặp một nữ tướng nữa tên là Phàn-lê Huê con gái Phàn-Hồng. Lê-Huê có phép, bắt Đinh San và ép duyên Tần Tấn. Đinh-San giả bằng lòng rồi lại đánh lại để thoát.

Sau đó Nhân Quý đánh với một tướng Phiên rất giỏi tên là Dương Phàm; Nhân Quý bị bắt Đinh San đi tìm cha; giữa đường gặp một bạch-hổ, San bắn chết không ngờ bạch-hổ ấy là tướng

tinh của Nhân-Quý. Vua Cao Tôn bắt tội giết cha, may Trình-giảo-Kim xin vua tha chém và cho đi ra phạt Tây-Liêu. Đinh-San và Lê Huê ra đánh Dương Phàm.

Dương Phàm thua, nhưng ngày xưa Lê-Huê và Dương Phàm ở trên trời đã quen nhau và Dương-Phàm đã yêu Lê Huê từ đấy; sau có lỗi hai người phải xuống phàm trần; bây giờ Dương Phàm vẫn yêu Lê Huê cho đến khi chết với mối tình tuyệt vọng, Dương Phàm gục đầu vào người Lê-Huê mà chết. Tây Liêu hết binh kiệt tướng xin hàng nhà Đường — Vua khao thưởng các tướng sĩ ?

Tiết-Cương

(Phản Đường)

Vua Đường Thái Tôn có một cung-nhơn họ Võ, tánh dâm-loàn, thông-dâm với thế tử đông cung. Thái-Tôn băng; thế-tử lên ngôi, hiệu Cao-tôn; Cao-Tôn phong Võ tài-nhân ấy làm chiêu-nghi, cải tên là Võ-tắc-Thiên.

Võ tắc-Thiên được Cao tôn yêu sủng lập mưu làm cho Vương-Hậu bị phế rồi lại sắp đặt giết cả Hoàng-Hậu và Hoàng-tư. May có người tôi trung cứu hoàng-tử, đem gởi cho một ông quan trấn

ngoài ải và đổi tên là Lý Đáng còn Vương-Hậu thời tự vẫn — Tắc Thiên được phong hoàng-hậu.

Một bữa giạ hội cả hoàng gia ngồi tại ngũ-phụng-lâu xem đèn. Tiết Cương, say rượu, vào xem hội, xô đẩy, đánh đập người đi xem, làm cho họ chạy toán loạn đạp phải một hoàng tử con Tắc Thiên ; hoàng-tử ấy chết ; Vua Cao Tôn quá kinh hãi sáng ngày cũng thăng hà. Võ - Hậu truyền chém cả nhà họ Tiết, nhưng Tiết Cương đã trốn mất rồi. Tôn con trưởng lên ngôi với niên hiệu Trung-Tôn. Bọn nịnh thần Võ-tam-Tư Trương thiên Tả, Trương thiên hữu sàm tấu Võ Hậu phế Trung-Tôn, cho tước Lư lăng Vương ra trấn ở Phong Châu và tự xưng Tắc thiên Hoàng-Đế.

Võ Hậu là người dâm phong, đuổi cung nữ, lựa đàn ông trẻ xinh thay vào để hầu hạ trong chăn gối ; người nào làm ngài không vừa ý phải thắt cổ chết. Trong bọn ấy có Tiết-ngao-Tào được ngài vừa ý được phong chức Như ý quân ; năm ấy đổi niên-hiệu : Như-ý nguyên niên.

Tiết Cương trong khi đi trốn gặp nữ-tướng Kỷ-Loan Anh, đánh nhau rồi lại kết duyên với nhau. Vừa đặng tin ở kinh đô Võ Hậu giết cả nhà họ Tiết, Tiết Cương về tế « thiết--khưu phần », toan bị quân triều đình bắt đặng.

Một hôm Võ-tam-Tư đem quân tới đánh Ngọa-Long-Sơn. Tiết Cương và Kỷ Loan-Anh chạy trốn, lạc nhau ; giữa đường Loan Anh sinh Tiết Quỳ còn Tiết Cương một mình thất lạc ghé vào nhà Tiết-Nghĩa người đã thụ ơn mình xưa, không ngờ bị Tiết-Nghĩa bắt để đem nạp cho Vỏ-Hậu ; may có Ngô-Kỳ, Mã Táng chận đường giết Tiết Nghĩa cứu Tiết Cương.

Võ tam Tư cháu gọi Võ Hậu bằng Cô, toan đặng phong thế tử rủi hôm ấy ham miệt mài với Hồ Nguyệt Cô vắng mặt tại triều để chức thế tử; vẫn của Lư lăng Vương. Tiết Cương vẫn quyết trả thù Võ Hậu đã giết cha mẹ mình nên cùng Từ Mỹ Tố, Đậu nhứt Hồ Khuất phù Lỗ theo phò Lư lăng Vương để khôi phục nhà Đường.

Còn Hoàng tử Lý Đáng lớn lên, bị thất lạc vào giúp việc một nhà giàu đổi tên là Tấn Hưng kết duyên với Phụng Kiều. Vì nghèo nàn, Phụng Kiều và Tấn Hưng, bị người ta ức hiếp nhiều lần ; nhưng sau có Tào Bưu Mã Châu tìm ra Tấn Hưng phò lên núi, chiêu tập quân sĩ để lo phục nghiệp.

Ở với Loan Anh, Giao Quỳ lớn lên đi đánh tú cầu được phong Phò Mã của Lư Lăng Vương cả hai. Còn cha là Tiết Cương qua cầu viện bên nước Tàn Đường đặng vua nước ấy gả Phi-

Hà công chúa cho. Cả hai bên về Tràng An đánh quân trào đình ; Tiết Cương gặp vợ lại cách biệt đã 15 năm, nhìn đặng con và cháu. Một đứa ra trận Tiết giao gặp nữ tướng Hồ nguyệt Cô, vợ Võ-tam-Tư. Tiết Giao gặp nữ-tướng Hồ-nguyệt-Cô, vợ Võ - tam - Tư. Tiết-Giao dùng mưu lấy ngọc của Nguyệt-Cô ; Nguyệt-Cô hoá lại cáo nên bị Võ-tam-Tư giết chết.

Võ Hậu mất nhiều tướng giỏi triệu Lư Lăng Vương về tôn lên ngôi Hoàng-Đế để lấy lòng dân lại đem Lư-đầu-thái-tử là con riêng mình với Tiết-ngao-Tào để chống với quân nghịch.

Lư-lăng-Vương lên ngôi không hiềm thù mẹ và cậu ; nhưng hoàng-hậu Vỹ - Thị tư thông với Võ-tam-Tư đồ độc giết Lư lăng-Vương.

Vừa Phàn-Lê-Huê trên tiên về giúp con là Tiết-Cương đem Lý-Đáng lên ngôi thế Lư-Lăng Vương. Võ-Hậu và các nịnh-thần đều bị giết còn cả họ Tiết đều được phong thưởng.

Tống thái tổ trảm Trịnh-Ân

Cũng như ba anh em bạn Lưu, Quan, Trương kết nghĩa vườn đào ba anh em bạn Triệu khuông Dẫn, Cao hoài-Đức, Trịnh-Ân kết tinh anh em, giúp nhau dựng nhà Tống, Cao và Trịnh làm tướng phò tá Tống-thái-tổ.

...Trịnh Ân và Cao hoài Đức đi dẹp giặc ngoài biên thùy khỏi ; tại triều nịnh thần Hàng Phụng, ỷ con gái mình lâm thứ phi đặng vua yêu sủng, ngang giọc vừa lòng. Một hôm dùng loan-dá đi chơi, Hàng Phụng gặp phải Trịnh-Ân đi đánh giặc về. Trịnh-Ân, lầm tưởng có vua, đứng bên đường cúc-cung chúc mừng ; té ra không phải vua, Trịnh Ân giận kẻ nịnh thần phi pháp đánh Hàng Phụng. Phụng xấu hổ về thỏ-thẻ với con gái. Muốn trả thù cho cha, Hàng tố Mai phục rượu cho vua say rồi cầm tay, vua phê chiếu chém Trịnh-Ân, bắt tội rằng vua sai đi dẹp giặc chưa triệu về mà tự tiện về trước. Trinh-Ấn con Trịnh-Ân xin cha khoan chịu chết để xin vua xét lại đã Trịnh Ân giận đá con một đá Trịnh Ấn chết nhưng đã có tiên đem về dậy học để sau cho về giúp nhà Tống ; còn Trịnh-Ân đành chịu chết. Vừa Cao hoài Đức đi đánh giặc về nghe tin ấy chạy vào cung, hỏi có sự thời vua mới tỉnh giấc say, phán rằng vua không biết gì tới việc chém Trịnh-Ân. Cao hoài Đức xin vua phê chiếu tha ngay Trịnh-Ân và tự cầm chiếu chạy ra pháp trường cứu Trịnh-Ân; khi tới nơi thời Hàng Phụng đã chém Trịnh-Ân rồi. Cao hoài Đức giận quá chém ngay Hàng Phụng. Liền đó Tam-Xuân, vợ của Trịnh-Ân đem quân về đánh

Tống trào để báo thù cho chồng. Vua phải nhờ Cao hoài Đức ra can, Tam-Xuân mới thôi nhưng xin bắt cho đặng Hàng tổ Mai rồi xe đèn sắp lấy thi thể Tam-Xuân làm tim rồi thắp cho cháy tiêu.

Tam-hạ Nam-Đường

Đời Ngũ-Quý trong nước có 5 phe đánh nhau mà tranh quyền bá chủ ; Triệu khôn-Dần dẹp đặng các phe đảng, nhứt thống thiên hạ dựng nhà Tống (960—1127). Chỉ ở về phương Nam có một nước cỏn con gọi là nước Đường mà Tống đánh đến 3 lần mới hạ nổi, (tam hạ Nam Đường) Bên Nam-Đường có các tướng Dư Hồng, Dư triệu võ nghệ tài, phù phép giỏi. (Trong truyện Hồng, Triệu là những chim tu luyện lâu năm thành yêu).

Bên Tống có Cao hoài-Đức một võ tướng trung liệt như Quan-vân-Trường và cũng là bạn thân với Tống-thái-Tổ, với Trịnh-Ân, 3 người kết nghĩa anh em như Lưu, Quan, Trương, kết nghĩa tại vườn đào trong truyện Tam-Quốc Lại có Cao-quân-Bảo, con của Cao-hoài-Đức, Lưu-kim-Đính, vợ của Cao-quân-Bảo, Phùng-Mậu v.v...

Những tướng này đều có học phép tiên nên hai bên đánh nhau đều dùng tiên thuật phù phép như trong truyện phong thần.

Tướng Cao-hoài-Đức ra trận bị Dư Hồng dùng phù-phép thâu hồn rồi sai đem binh trở về đánh lại vua Tống. Tống thái-tổ vợ và con Cao-hoài-Đức đều ngạc nhiên, nhưng khi giao-chiến vợ và con thấy Cao Hoài Đức có vẻ bất thường mới đoán rằng Cao Hoài Đức bị phù phép của yêu đạo Dư Hồng thời may có con dâu là Lưu-Kim-Đính có thuốc tiên giải bùa cho ông nhạc, thế mà Cao Hoài Đức tỉnh dậy, thấy con trai có vợ mà không có phép mẹ cha đòi chém con « bất hiếu » ; may nhờ Tống-thái-Tổ xin cho, Cao Hoài Đức mới tha lỗi cho con bấy giờ cả nhà ra trận đánh quân Nam-Đường lại có Phùng Mậu ra phò vua nữa ; nhưng Dư Hồng, Dư Triệu phù-phép rất nhiều nên tướng Tống không đánh nổi ; Lưu-Kim-Đính phải lên mời tiên sư về giúp mới trừ đặng Dư Hồng. Vua Nam Đường thua, xin đầu Tống từ bấy giờ Tống mới thật nhứt thống thiên hạ và trị vì 167 năm.

Tuồng Tam-Quốc

Nhà Hán suy-nhược, quyền thần dành cả quyền binh ; lúc bấy giờ trong nước có ba phe mạnh nhất chiếm ba phương mà đánh nhau. Ngụy ở phía Bắc, Thục ở phía Tây, và Ngô ở phía Đông. Bên Ngụy có Tào-Tháo mưu-mô quỷ-quyệt ; bên

MẶT YÊU (*con mắt đồng*)

Xích-Cù (*Giác-sanh-Duyên*)

Dư-Hồng (*Tam-hạ Nam-Đường*)

覺生緣赤虬妖道

三下南唐余鴻妖道

Thục có Lưu Bị lấy danh-nghĩa họ Lưu để khôi-phục nhà Hán (Hán Cao Tổ là Lưu-Bang), Lưu-Bị có hai bạn, Trương-Phi và Quan-vân-Trường giúp sức, lại có Khổng-Minh làm quân-sư. Bên Ngô vua Tôn Quyền có Châu-Do làm cố-vấn, nhiều mưu quỷ chước thần.

Đánh nhau hàng 50 năm (220-265 sau Thiên-chúa) mà kết quả lại là một tay thứ tư nổi lên, nhất thống thiên-hạ, dựng lên nhà Tấn (265 420).

Lớp : Phụng-Nghi-Đình.

Vương-Doãn thấy Đổng Trác chuyên quyền mà con nuôi Lã-Bố lại là dõng tướng, nên lập kế liên hoàn gả con gái nuôi là Điêu Thuyền cho Lã Bố, rồi lại gả luôn cho Đổng Trác để hai cha con vị ghen mà giết nhau.

Một hôm Lã Bố với Điêu Thuyền than-thở cùng nhau tại lầu Phụng Nghi thời Đổng Trác thấy đặng, vác kích đâm Lã-Bố. Bố chạy, Lý-Nhu (con rể Đổng Trác) vào khuyên nhạc-phụ trả Điêu Thuyền cho Lã-Bố mà Trác không chịu. Còn Điêu-Thuyền và Vương-Doãn thay nhau mà nói châm chích Lã Bố nên Lã Bố giết cha nuôi.

Điêu Thuyền vâng lời cha là hiếu, trừ nịnh-thần là trung, đành hiến thân trinh-nữ. Có câu thơ cổ khen Điêu Thuyền :

« Đầy triều văn võ trăm tay bó,
« Trong trướng ca-nhi một tiếng đàn.»

. . .

Lớp : Tào-A-Mang bôi thơ khuấy Hàng-Toại

Một hôm Tào Tháo đem binh đánh Hàng-Toại, thái thú nước Tây-Lương. Đánh nhau hai ba ngày chưa hơn thua ; ngày thứ, Tào Tháo không mang giáp, cầm kích, mời Hàng Toại ra nói chuyện. Hai người đi kề nhau nói chuyện hàn-huyên một hồi lâu rồi trở về sơn-trại. Mã-Siêu, tướng của Hàng-Toại, sinh-nghi. Ngày sau, Tào Tháo lại gởi cho Hàng-Toại một cái thơ. Mã Siêu càng nghi thêm, hỏi Hàng Toại thơ ấy nói chuyện chi. Hàng Toại đưa thơ cho Mã-Siêu xem : Mã-Siêu thấy thơ viết lờ mờ có chữ xóa, có chữ sửa đi sửa lại, thời chắc rằng Hàng Toại đồng tâm với Tào Tháo rồi, lẻn trốn mất. Hàng Toại chếch tay vì tấm thơ giả ấy, sau phải qua đầu Tào Tháo.

. . .

Tương-Cán hai lần bị Châu-Do

Lãnh mạng của Tào Tháo qua dụ Châu Do, Tương-Cán sang Ngô, đặng Châu-Do biệt đãi vì

tình cố-hữu, ăn một mâm, nằm một phòng Một đêm, Châu-Do giả say rượu nằm ngáy khò-khò ; Tương Cán nằm trong phòng, soạn tập thơ trên bàn giấy của Châu Do, thấy một cái của Trương-Doãn và Thái-Mạo gởi cho Châu-Do xin qua đầu ; Tương Cán trộm thơ ấy rồi rạng đông lẻn trốn về nạp cho Tào Tháo ; Tháo nổi giận bảo chém hai tướng ấy, có ngờ đâu cái thơ kia là của Châu-Do viết giả để giết 2 tướng của Tào bởi tay Tào.

Lần thứ 2, Trương Cán xin qua Ngô để dò xem có thiệt Cam-Ninh và Huỳnh-Cái bị bạc-đãi mà muốn qua đầu Tào không. Mới tới nơi bị Châu Do bắt giam trong một ngôi chùa trên đỉnh núi. Một đêm buồn Tương-Cán đi chơi thấy trong một cái nhà tranh một người nằm xem sách binh-thơ, trên vách có treo một cái gươm. Tương Cán vào hỏi chuyện ; Người ấy xưng là Bàng-Thống, buồn vì chưa gặp minh chủ nên còn ở ẩn nơi núi rừng (Tương Cán cả mừng, dụ Bàng Thống qua đầu Tào và cả hai người trốn đi liền hôm ấy. (Thật ra Châu Do sắp đặt cho Tương Cán gặp Bàng Thống chỗ đó).

Tháo đặng danh-tướng rất mừng, liền nhờ Bàng-Thống tìm chước trừ bệnh dịch tả của quân Tào ; Bàng Thống bảo quân ốm vì sông rộng gió to nên thuyền bị sóng lay nhiều. Nếu cột thuyền lại với

nhau cho bớt bị lay thời quân .Tào sẽ khỏi say Tháo nghe lời không nghờ Bàng Thống là người của Châu Do, xin làm thế để Huỳnh Cái qua trá-hàng, dùng hoả-công đốt cháy hết cả thuyền của Tháo.

Lớp Cổ - Thành

Đương ở bên Tào, bỗng bắt đặng tin của Lưu Bị ở bên Hà Bắc với Viên Thiệu Quan-Công lập tức cưỡi xích-thố đi tìm anh ; các cửa ải đều có quân giữ. Quan Công phò nhị tẩu (hai vợ của Lưu) qua 5 cửa ải chém 6 tướng. Tới Cổ - Thành nghe nói Trương Phi mới chiếm huyện lỵ đó, Quan vội vàng vào thăm em ; bao nỗi vui mừng ! thời Trương hét một tiếng : « mày là quân phi-nghĩa ! » rồi cất xà-mâu toan đâm Quan. Quan né rồi hỏi cớ sự làm sao thời Trương mắng Quan đã bỏ nghĩa anh em mà đầu Tào ; lại thêm có một tướng của Tào đuổi theo Quan làm cho Trương nghi rằng Quan đem binh Tào bắt Trương. Quan Công bảo Trương nếu không tin lời thời Quan xuống thành giết ngay tên tướng ấy. Quan lên ngựa xuống thành Trương đánh trống thúc ; chưa xong ba hồi trống thời Quan đã giết tướng ấy. Khi ấy Trương mới tin và xin lỗi với anh.

MẶT QUAN-CÔNG

(xích-diện, thanh-tu, tầm-my, phượng-nhãn)

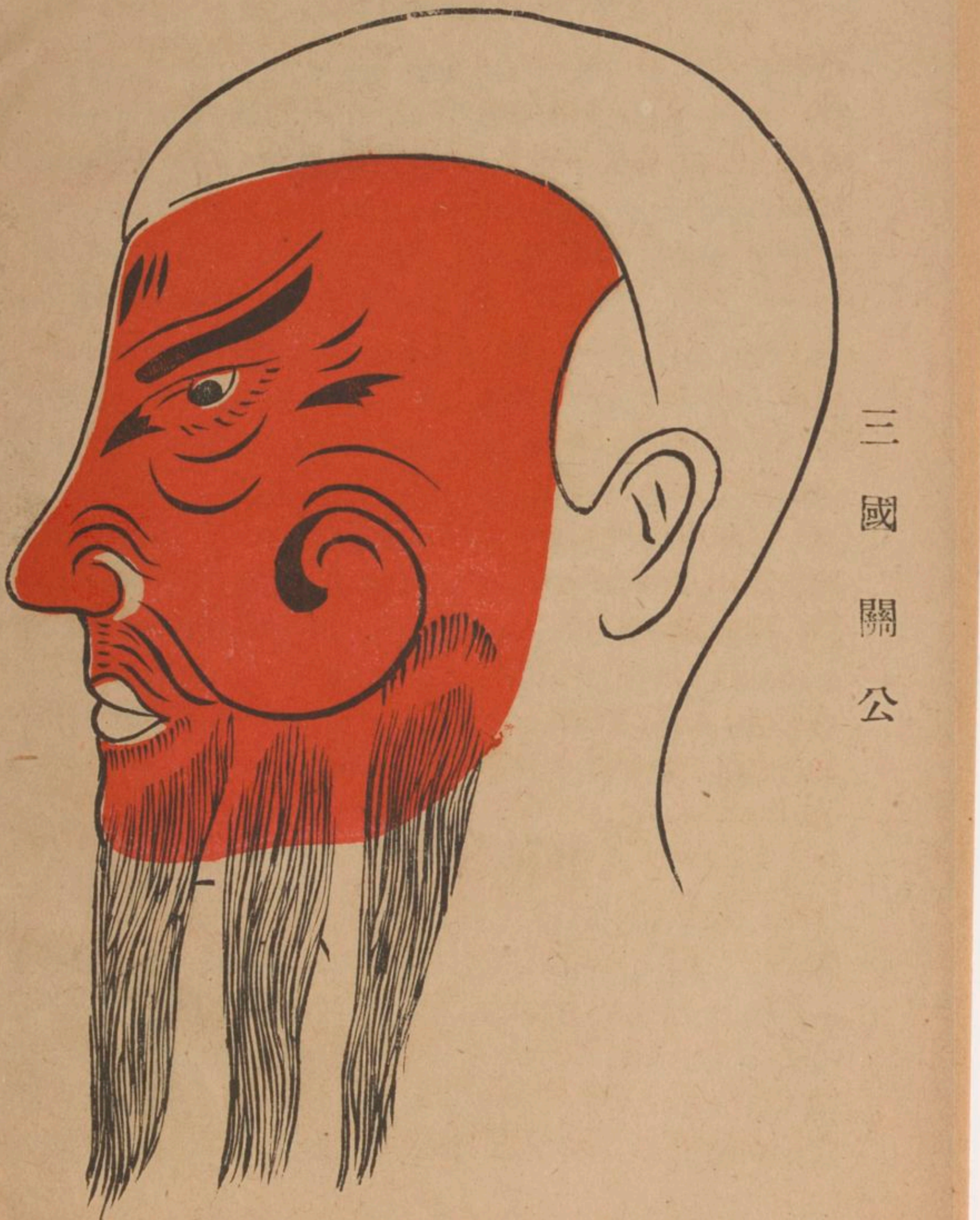

Lớp Khổ-nhục kế

Dùng kế trả hàng mà phản kế trả-hàng Tào Tháo sai Thái-Trung và Thái-Hoà sang Ngô xin hàng lấy cớ Tào Tháo giết anh của hai gã là Thái Mạo nên hai gã muốn trả thù anh, hại Tào-Tháo. Châu-Do biết là bọn trá hàng bèn dùng chúng nó để cho chúng nó thông báo tin tức.

Một hôm Châu-Do biểu đánh Hoàng-Cái 100 hèo để Hoàng-Cái đem thân thịt nát xương tan qua trả hàng Tào. (Cả triều đều kinh ngạc, chỉ có Khổng-Minh đoán đặng thâm mưu của Châu-Do ngồi cười.) Khi Hoàng-Cái cho Hám Trạch đem thơ qua đầu Tào thời đã có tin của Thái-Trưng, Thái-Hòa về báo rằng tại Ngô-Hoàng Cái bị Châu-Do bạc-đãi hành-hình nên Tào-Tháo tin lòng Hoàng-Cái ; ngờ đâu chính tay Hoàng Cái, một ngày kia, trong trận Xích Bích sẽ đốt hết thuyền của Tào.

Trận Xích Bích

Binh Tào đóng trên sông Xích Bích hằng hà sa-số . mà binh Ngô thời ít-ỏi kém thua nhiều. Châu-Do nhờ Khổng-Minh coi-sóc thợ làm chừng 100.000 tên, Khổng-Minh vâng và xin 3 ngày thời có và viết giấy xin chịu quân pháp nếu không xong việc. Khổng-Minh bảo Lỗ-Túc dùng 20 chiếc

thuyền, dùng vải xanh làm buồm lại bỏ cỏ khô và rơm cho nhiều mà kết 2 bên thuyền; tối ngày thứ ba Khổng-Minh mời Lỗ-Túc xuống thuyền đi lấy tên. Đến canh tư thuyền kéo tới trước trại quân Tào kết thành chữ nhất và trong lúc sương mù phủ kín, Khổng-Minh ra lệnh cho lính hầm hét vang trời, còi trống ầm-ỹ. Tào-Tháo hoảng-hốt, cho quân bắn tên xuống như mưa. Khi rơm, cỏ đầy tên Gia Cát cho chèo thuyền về lượm tên nạp cho Châu Do.

Gia-Cát bẹn 3 ngày vì xem sao, xem mây Gia-Cát biết 3 ngày sau sẽ sương mù. Trận nầy thắng nhờ Gia-Cát giỏi thiên-văn mà cũng nhờ Gia-Cát biết tâm-lý Tào đa-nghi hay sợ-sệt, không dám tới gần quân Ngô để xem có thiệt không và nhiều hay ít.

Tuy vậy Châu-Do vẫn chưa giám khi quân đánh Tào vì kế hoả công phải có gió đông mà lúc bấy giờ lại mùa đông chỉ có gió bấc. Châu-Do lo quá phát ốm. Khổng-Minh xem mạch, bảo bệnh ấy là vì lo chưa có đông-phong. Châu-Do dật mình vì Gia-Cát đoán đặng trong tim gan mình, nên phải nhờ Gia-Cát lập đàn cầu đông-phong cho.

Khổng-Minh lập đàn cầu đông-phong rồi thời lẻn trốn về thế mà khi có gió đông Châu-Do tự

MẶT TƯỚNG (*con mắt tròng trứng*)

Trương-Phi (*Tam Quốc*)

Trương Bào con Trương-Phi (*nhưng không râu*)

La-Oai (*Thiên-Tống*) (*cũng không râu*)

三國張飛張袍無鬚

天送羅威無鬚

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

bảo Khổng-Minh quá tài, để sống ắc hại cho mình ngày sau nên cho 500 quân tới đàn cầu gió giết Khổng-Minh; té ra Khổng-Minh đã trốn đi rồi.

Nhứt khí Châu-Do

Thắng trận Xích-Bích, rồi Châu-Do đem binh qua lấy thành Nam-quận của Tào-Nhân. Theo kế của Tào-Tháo bày, Tào Nhân bảo quân sĩ giả sửa soạn bỏ thành mà chạy; Châu-Do đem quân vào thành, bị quân mai phục òa ra đánh; quân Ngô thua, Châu-Do bị một mũi tên té nhào xuống ngựa. Chạy thoát khỏi chết, Châu-Do về nghĩ kế phục thù. Ít hôm sau quân Tào tới khiêu chiến, Châu Do ra đánh; vừa mới giao phong Châu Do hét một tiếng miệng trào máu, té xuống ngựa; quân sĩ bồng về trại. Các tướng vào hỏi thăm, Châu-Do nói đó là kế của ta rồi bảo quân lính mặc tang phục và phao tin Châu Do chết rồi, để cho quân Tào khinh địch không cẩn thận rồi thừa thế đánh lại. Quả nhiên đêm ấy Tào Nhơn đem hết quân qua cướp trại Tào. Đi đến trại chẳng thấy một người; đột nhiên bốn phía quân Ngô đổ ra đánh bất ngờ, quân Tào chạy; quân Ngô đuổi quá quân Tào không giám trở vào thành; quân Ngô thừa thế vào chiếm thành Nam-Quận thời trên thành đã thấy Triệu tử-Long rồi!

Trong lúc ấy quân lại báo cho Châu Do biết rằng Khổng-Minh đã xui quân Kinh-Châu qua cứu Nam-Quận, ở nhà Trương Phi chiếm Kinh Châu và Vân Trường đã phỉnh Hạ-hầu-Đôn tự xưng là Tào-Nhơn để Hạ-hầu-Đôn ra khỏi thành rước, Vân-Trường chiếm thành Tương-Dương.

Một lượt Khổng-Minh lấy 3 thành dễ như chơi. Châu-Do buồn, tức, hét một tiếng chỗ vết tên lại rách ra, Do té bất tỉnh nhân sự.

Lớp: Ba-Dung

Khi bị Hoàng-Cái trá hàng dùng hoả-công đốt hết thuyền trại Tào-Tháo chạy về đường Ba Dung một con đường hẻo-lánh;Gia-Cát đoán trùng và đã bảo Vân-Trường đem quân chờ tại đó Gia Cát lại biểu đốt lửa xông khói để cho Tào Tháo tự nói chỗ đốt lửa ắc không có người mai phục mà chỗ vắng-vẻ ắc có người mai phục,Thào sẽ chạy về đường Ba-Dung. quả nhiên Tháo chạy về ngả ấy bị Vân Trường bắt nhưng Tháo kể ơn ngày trước đã trọng đãi Vân Trường: (kể như Tào Tháo!) tam nhựt tiểu yếu ngũ nhựt đại yếu, thượng mã đề kim, hạ mã đề ngân... Vân Trường động lòng tha cho Tháo đi rồi về chịu tội với quân-sư.

Nhị khí Châu-Do (*cẩm-nang kỳ kế*) (giang-tả cầu hôn)

Muốn diệt Thục chi cho bằng diệt ngay Thục chủ là Lưu Bị ; Tôn Quyền viết thơ cho Lưu Bị xin gả em gái cho Lưu Bị, định ý hễ Thục-chủ qua Ngô là giam lại và ám sát đi.

Lưu Bị tiếp thơ, nghi-ngờ, lo-sợ vô cùng: không nhận lời là hèn nhát mà nhận lời là nộp mình cho cừu địch. Khổng-Minh cười và nói không can chi: Lưu Bị sẽ không bị hại và sẽ có vợ là khác.

Lưu Bị cùng Triệu-tử-Long sang Ngô, đem theo 3 cái cẩm-nang để khi nguy cấp dở ra mà xem. Sắm sửa lễ vật Lưu vào thẳng yết kiến Kiều-Công, là quốc cữu nước Ngô, vì nếu vào yết kiến Tôn Quyền thời chắc bị hại. Quốc-cữu chạy vào trách Ngô-thái Hậu sao gả con gái mà không cho quốc-cữu hay. Ngô-thái Hậu chẳng hiểu đầu đuôi trách mắng Ngô-Vương. Ngô-Vương, như Khổng Minh đã biết đã minh quân lại hiếu-tử, đành phải chịu tội với mẹ. Ngô thái Hậu bảo việc đã lỡ rồi mà duyên con gái ăn thua lúc may xưa, phải gả cho Lưu Bị, bèn đòi Lưu Bị vào yết kiến và cho làm lễ giao hôn.

Châu Do chưa chịu thua trí, âm mưu giết Lưu Bị trong bữa tiệc hôm ấy. Nhưng khi phục binh

xôn xao thời đã có Triệu-tử Long rút gươm đứng dậy hầu, quân lính thấy oai thần võ của Triệu đều mất vía. Lưu Bị tức thì vào kể việc âm mưu cùng Ngô thái Hậu ; Ngô-Vương lại bị mẹ mắng một lần nữa. Sau ít lâu Lưu Bị cùng Tôn-phu-nhân lẻn về Kinh-Châu. Châu Do đuổi theo lại bị Vân-Trường phục binh đánh lui ; quân Thục lại nhạo-báng Châu-Do là trượng-phu mà dùng kế mỹ-nhân... Châu-Do thua trí, tức, hộc máu một lần nữa.

Lớp : Đơn đao phó hội

Ngô Vương đòi đất Kinh-Châu mấy lần không đặng ; Gia-cát-Cẩn, Lỗ-Túc đều bị Khổng Minh gạt cho. Châu Do mới mời Vân Trường qua Đông-Ngô dự yến để đòi Kinh châu nếu không trả thời giết Vân Trường.

Trong bữa tiệc phục binh đã sẵn-sàng ; khi Tôn-Quyền nói đến việc Kinh-Châu Vân Trường lập tức từ giã Ngô-Vương, một tay cầm thanh đao, một tay kẹp tay Lỗ-Túc để Châu-Do không dám mưu hại vì xảy ra việc chi thời nguy đến tánh mạng Lỗ Túc. Vân-Trường giắt Lỗ-Túc tận bờ sông, khi lên thuyền mình mới thả Lỗ Túc. Thế là thoát cuộc ám sát.

Tam khí Chu-Du

Thôi chỉ còn một kế nữa là giả qua mượn đường Kinh-châu để đi đánh Tây-Xuyên và nói rằng hễ lấy đặng Tây.Xuyên thời cho Lưu Tây-Xuyên để lấy lại Kinh-Châu ; thật tình là để qua đánh thình-lình mà đoạt Kinh-Châu ; không ngờ khi tới Kinh.Châu thời quân lính của thục đã sẵn sàng mà trên thành có Triệu tử Long đứng giữ và nói xuống với Châu-Do rằng Gia-Cát đã đoán đặng thâm tâm của Châu-Do nên đã giữ-gìn kỹ lưỡng khi ấy quân báo rằng Gia-Cát và Lưu bị đang uống rượu trên đỉnh núi ; thoạt có quân Thục bốn phía đổ ra đánh, Châu-Do xấu-hổ, tức mình té nhào xuống ngựa ; về trại Châu Do than rằng trời đã sinh Do sao còn sinh Lượng, than xong vừa mất, thọ 36 tuổi.

Thanh-xà, Bạch-xà.

Thanh-xà (rắn xanh) tu trên 500 năm, Bạch-xà tu hơn 1000 năm, đều thành tiên. Hai chị em đi chơi, qua một chuyến đò. gặp Hứa-hán-Văn, một thanh niên tuấn-tú ; hai chị em đều thầm yêu. Vừa trời mưa, Hứa-hán-Văn cho hai chị em mượn cái dù... Bạch-xà biến ra một cái nhà rất đẹp rồi mời Hứa-hán-Văn vào chơi để trả cái ơn cho

mượn dù khi nãy. Chuyện trò ý hiệp, hai người hòa duyên khang lệ, còn Thanh-xà thời xin làm vợ thứ hai. Đến ngày mồng năm tháng năm, lễ đoan dương, người ta uống rượu hồng hoàng để trừ tà ; Thanh-xà lánh mình để tránh rượu hồng hoàng còn Bạch-xà tu đã đắc đạo nên cứ uống rượu. Uống xong, Bạch-xà vào phòng nghỉ. Một lúc Hứa-hán-Văn đi xem hội đua thuyền về, vào buồng thấy một con rắn trắng rất to, sợ quá phải ốm nặng. Bạch-xà, buồn-rầu, giao cho Thanh-xà ở nhà săn-sóc chồng, còn mình hiện lại hình rắn, trèo non lặn suối, lên trên tiên cảnh, xin Nam-cực-tiên-ông thứ trường sinh thảo đem về cứu chồng khỏi bệnh.

Giác-sanh-Duyên

Lớp : Xuân-Đào cắt thịt nuôi bà gia

Bạch-trọng-Minh đi thi ; vợ là Xuân-Đào ở nhà với mẹ chồng. Nhà rất nghèo mà gặp lúc trời bão lụt, không có gạo ăn. Xuân Đào phải cắt thịt vai kho cho mẹ chồng ăn. Cắt thịt, đau quá, Xuân-Đào chết ngất đi ; may có Thổ-thần cứu sống lại.

Thường ngày có tên ăn trộm, Bạc-Giống đi ăn trộm của nhà giàu đem cứu giúp nhà nghèo tới lui giúp đỡ hai mẹ con. Chồng đi vắng, Xuân-Đào nằm mộng mà thụ-thai.

Bạch-trọng-Minh thi đậu, về nhà thấy vợ có thai, đánh vợ và đuổi đi mẹ can cũng không đặng.

Xuân-Đào tức giận, định đi tự-vận. Giữa đường vừa « khai ba » ; khi ấy mẹ chồng đi tìm con dâu, gặp con dâu đương thai-sản và Bạc-Giống đi qua đó cũng tới giúp đỡ. Bạch-trọng-Minh chợt thấy có người đàn ông, nghi là gian-phu, truyền quân trói lại. Xuân-Đào không đôi chối nữa, nhảy xuống sông tự-vận, thời tiên-mẫu đã chực sẵn cứu nàng.

Tam-Nữ đồ-vương

Vua Nguyên thăng hà ; bà chánh hậu đương có thai ; Thừa-tướng nịnh thần Triệu văn Hoán tiếm ngôi, đem chánh hậu xử tử hình. Triệu-tử-Cung con Triệu văn Hoán lại là một người trung ; thấy vậy, Tử-Cung đi tu, nhưng sau cũng bỏ áo cà-sa về giúp việc khôi-phục Nguyên triều.

Lý-khắc-Minh, một vị trung thần giả theo phe nịnh để lập mưu cứu chánh-hậu ; rồi xin đem chánh hậu về dinh chờ ngày dám sát. Con gái của Lý khắc-Minh là Xuân-Hương xin chết thay cho chánh-hậu ; tỳ-nữ là Bích-Hà lại xin chết thay cho Xuân - Hương để Xuân - Hương phò chánh-hậu đi lánh nạn.

Tạ-kim-Hùng con ông Tạ-ngọc-Lân lại theo phe Triệu-văn-Hoán, mà Phương-Cơ em gái Tạ-kim-Hùng lại trung, giúp cha để cứu chánh-hậu và hoàng-tử. Tạ-kim-Hùng võ nghệ cao cường không ai giết nổi, nên Tạ-ngọc-Lân phải lập kế ôm Kim-Hùng lăn vào lửa mà chết, sau triều Nguyên mới khôi phục được.

Tuồng này có vẻ ly kỳ. Triệu văn Hoán là nịnh mà con là Triệu-tử-Cung lại trung ; Tạ-ngọc-Lân là trung mà con là Tạ-kim-Hùng lại nịnh ; Lý khắc-Minh và con gái, tỳ-nữ đều trung mà Lý-khắc-Minh lại giả theo nịnh. Những đoạn chết thay chánh-hậu, giả dại qua ải, lăn lửa là những lớp cốt yếu oái oăm hay nhứt của tuồng

Chung-vô-Diệm

Vua Tề-Tuyên Vương chiêm-bao thấy một mỹ-nữ dâng một cành hoa ngũ sắc ; vua bảo quân-sư

Yến-Anh đoán mộng ấy. Yến Anh tâu điềm ấy tốt và xin thánh-hoàng nên đi săn, sẽ gặp Hoàng-hậu.

Tề-Tuyên-Vương ngự giá đi săn. Vua bắn trúng một con thỏ, thỏ tha tên chạy, vua chạy theo lạc vào vườn dâu của Chung-vô-Diệm. Lúc ấy Chung-vô-Diệm đang hái lá dâu ; thấy vua, Chung-vô-Diệm tới đón tiếp vua và ngỏ ý muốn hòa-duyên cùng vua. Vua thấy mặt mày quá xấu-xí nên ngả lòng nhưng Chung-vô-Diệm cặn-kẽ ép-uổng quá, vua phải giả hứa lời.

Hai người chị dâu, vợ Chung-Long, Chung-Hổ vào kể chuyện với ông già và chồng, cả nhà cho cử-chỉ của Chung vô Diệm sẽ là một tai-họa lớn vì chính là một tội khi quân lớn. Cả nhà bèn đem đốt Chung-vô-Diệm cho khỏi họa về sau. Chung-vô-Diệm hay đặng đi về kinh-đô tìm vua Tề-tuyên-Vương để vầy duyên ; tới kinh-đô đã có quân-sư Yến-Anh đón rước ; nhưng vua vẫn không bằng lòng và truyền cho ở cung Chiêu-Dương vì cung ấy nhiều ma quỷ để hại Vô Diệm, không ngờ Vô-Diệm có tài phép trừ yêu quỉ nên sau vua phải hòa duyên và sau nhờ Chung-vô-Diệm đánh dẹp chư-hầu để nhứt thống nước nhà.

Hỏa hầu tinh báo nghĩa

Hồ văn-Trung đi học tiên. Tiên-sư là Lữ-đồng-Tân biết nhà Minh sẽ có loạn nên cho Văn-Trung về trần mà lại dặn rằng giữa đường sẽ gặp yêu hầu quấy ; tiên-sư cho một bảo kiếm để đánh yêu-hầu, nhưng dặn đừng giết nó vì yêu-hầu là yêu mà có lòng lành.

Văn-Trung về quả gặp yêu-hầu, đánh nó thua rồi tha. Yêu-hầu cảm ơn ấy, đoán biết nhà Minh sẽ có loạn, và Văn-Trung sẽ gian-nan nên hiện hình một tráng-sĩ xưng danh là Chung-Sanh về ứng thi cùng một khoa với Văn-Trung. Văn-Trung đậu trạng nguyên còn Chung-Sanh đậu á-nguyên.

Vừa có giặc Phiên, vua sai Văn-Trung ra dẹp giặc. Văn Trung đánh giặc rồi lại hòa duyên với nữ-tướng Phiên. Nịnh-thần sàm với vua rằng Văn-Trung tư-thông cùng giặc. Còn Văn-Trung biết lỗi, từ biệt Phiên-quốc ra về nước chịu tội. May đâu Chung Sanh giả làm con nuôi của nịnh-thần, tâu vua cho giam Văn-Trung tại ngục vì giết Văn-Trung sợ nữ-vương Phiên đem binh qua đánh trả thù chồng rồi Chung-Sanh lại xin đi giảng hòa cùng Phiên để nhà nước thái-bình. Sau Văn-Trung được tha.

Lý-thiên-Luông

Lý-thiên-Luông đậu trạng, vì lầm nên làm rể nịnh-thần Tạ-thiên-Thành. Thiên-Thành muốn soán-vị, biểu bà Chánh-hậu phải giao ấn ngọc lại ; Chánh-hậu không chịu nên Thiên-Thành truyền đem chém Chánh-hậu. Lý-thiên-Luông can rằng Chánh-hậu có thai nên để sanh đẻ rồi sẽ giết. Về nhà Thiên-Luông than-thở thương hại cho Chánh-hậu thời vợ Thiên-Luông là Thể-Phụng xin chồng chết thế cho Chánh-hậu.

Vợ chồng đang than khóc thời có lệnh đem chánh-hậu ra pháp-trường. Thể-Phụng ra sông tự-vận (thay cho Chánh-hậu). Nhưng có thủy-thần cứu Thể-Phụng và đem lên học tiên để sau vợ chồng gặp nhau và chuộc tội cho cha.

Khi Tạ-thiên-Thành được tin Lý-thiên-Luông phò Chánh-hậu và hoàng-tử tị-nạn, Thiên-Thành sai binh đuổi theo nhưng bắt không đặng.

Tuồng

Lý-phụng-Đình

Lý-phụng-Đình đi săn, đương đánh với cọp, vừa gặp thủ-tướng Thận-Hầu cũng đi săn. Thận-Hầu thấy Phụng-Đình có tài đem về làm con nuôi.

Nhà Thận-Hầu có một cái hồ sâu ; trong hồ có một con cá đã thành yêu. Thường ngày yêu cá lên chơi, thấy Hương - Phong con gái Thận - Hầu, có nhan-sắc nên mê, nay lại thấy trong nhà có một anh học-trò mà Thận-Hầu yêu-chuộng nên yêu cá muốn hại. Yêu cá mới hiện hình Lý-phụng Đình tới phòng Hương-Phong ve-vãn.

Hương-Phong cự tuyệt và mách với cha. Thận Hầu chưa tin, nên bảo Hương - Phong giả tới phòng Lý-phụng-Đình thử đem lời nguyệt-hoa trò chuyện. Khi Hương-Phong vào phòng thấy một con cọp, biết rằng đó là tướng tinh của Phụng-Đình. Thận-Hầu biểu Hương Phong cứ lên tiếng, thời quả-nhiên cọp biến mất ; còn Phụng-Đình thức dậy, thấy Hương-Phong muốn tình tự thời từ-chối. Thận-Hầu rõ tánh tình của Phụng-Đình mới cặn-kẽ giải bày câu chuyện.

Yêu cá giận lắm, bèn ăn một tỳ-nữ của Hương - Phong tên là Ngọc-Diệp và cõng cả Hương-Phong đi. Thận-Hầu và Phụng-Đình trương cung bắn trúng ; yêu cá quẳng Hương Phong và nhảy xuống hồ trốn. Cứu Hương-Phong rồi, Phụng-Đình truyền tát hồ cho cạn rồi bắt cá, mổ bụng thời thấy Ngọc-Diệp đương còn, bèn truyền chôn cất.

Quần-phương

Trong tuồng này các vai đều lấy tên hoa cũng như tuồng Vạn-bửu lấy tên thuốc; nịnh-thần tặc-tử thời lấy tên các hoa có mùi nồng-nàn, khắc khổ, hôi thối còn các vai trung-thần, tiết-phụ, nghĩa sỹ thời lấy tên các thứ hoa thơm dịu-dàng đẹp đẽ.

Lớp Kim-bộ-Diêu cứu Thạch-Trúc và Hải-Đường

Thạch-Trúc con Thạch-Mẫu, nhà nghèo làm nghề đốn củi nuôi mẹ. Hải-Đường con Hải-Đôn, nhà cũng nghèo làm nghề chài lưới nuôi cha Thạch-Trúc và Hải-Đường lại biết võ-nghệ và có lòng nghĩa hiệp.

Một hôm công-tử Thích-Ma, con quan tiết-đạt Thích-Hồ tới một chợ, chọc ghẹo hiếp đáp đàn bà con gái. Thạch-Trúc và Hải-Đường bán củi và bán cá tại chợ ấy, tới can công-tử Thích-Ma không nên làm điều ngang trái. Công-tử giận sai gia-đinh đánh hai người; hai người đánh lại; công-tử sợ quá chạy rủi công tử rơi vào hầm xia mà chết.

Quan Tiết-đạt tức giận, sai quân linh tróc nã hai người bán cá và bán củi để trị tội.

Khi ấy Kim bộ-Diêu đi qua, gặp sự ngang-tàng của Thích-Hổ, bèn đánh gãy chân hai tướng của Thích - Hổ sai đi bắt Thạch - Trúc và Hải - Đường, rồi lại cho Thạch-Trúc và Hải-Đường tiền bạc về nuôi cha mẹ.

Dân chúng thấy Kim - bộ - Diêu nghĩa-khí bèn hoạ chân-dung làm kỷ-niệm.

. . .

Quần - phương

lớp Kim - bộ - Diêu đau

Ngày trước hai bên cha mẹ đã hứa gả Ngọc-Nhụy cho Kim-bộ-Diêu và giao cho Kim-bộ-Diêu hòn ngọc liên-hườn để làm tin. Lúc Kim-bộ-Diêu 18 tuổi, chàng đi cưới vợ, có hề-đồng Mạc - Lợi theo hầu. Đi nửa đường, Kim-bộ-Diêu đau bụng, biểu Mạc-Lợi đi kiếm thuốc. Mạc-Lợi lại là bất-nghĩa, vả chăng Mạc - lợi còn giận về sự Kim-bộ - Diêu đánh nó khi Kim - bộ - Diêu cho Thạch-Trúc và Hải-Đường tiền mà Mạc - Lợi can không nghe. Bây giờ Mạc-Lợi đem nước khe cho chủ uống. Kim-bộ-Diêu càng uống nước

ấy càng đau khi Diêu quá yếu, Mạc Lợi đá Diêu xuống khe cho Diêu chết. Khi Diêu chết thời có tiên cứu đem lên cho học.

Còn Mạc-Lợi cướp lấy ngọc liên-hườn của chủ, qua tự xưng là Kim-bộ Diêu, để cưới vị hôn-nhân của chủ. Trước khi Mạc-Lợi tới nơi, Ngọc-Nhụy đã nằm thấy thần-tiên mách rằng : người thanh-niên sẽ tới không phải là chồng. Nhưng Mạc-Lợi qua, đem trình ngọc liên-hườn, cha mẹ Ngọc-Nhụy giữ lời hứa phải gả, dầu cử chỉ Mạc-Lợi không chỉnh-đốn. May có Ngọc-Bút anh Ngọc-Nhụy bàn rằng nếu muốn biết quả đó là Kim-bộ-Diêu thời làm thơ phải tài. Trong bữa tiệc, Mạc-Lợi nghĩ thơ không ra, làm nhớp cả quân, Ngọc-Nhụy buồn về duyên mình tự-vận, thời có tiên cứu. Liền đó quân lính của Tiết-đạt Thích-Hổ qua bắt Kim-bộ-Diêu, thành thử Mạc-Lợi giả-dạng Kim-bộ-Diêu lại bị bắt đem về quan Tiết-đạt trừng-trị.

Vạn-Bửu Trình Tường

Lớp Bạch-đầu-Ông lăn lửa

(*xem lớp Tạ-ngọc-Lân lăn lửa*)

Mộc-nhàn đánh thắng giặc mà lại tha giặc. Nịnh-thần Lê-Lư sàm với vua rằng Mộc-Nhàn tư-

thông với ngoại-địch. Mộc-Nhàn bị đcm ra pháp, trường đề chịu tội chém.

Mộc-Quế đi học tiên, liền hạ sơn để cứu cha. Tân-Cương nghe tin ấy đi tìm bạn để đền ơn vì ngày trước Tân-Cương nhà nghèo, phải chật-vật chạy thầy chạy thuốc nuôi mẹ già đau yếu, thời Mộc-Quế giúp tiền bạc cho Tân-Cương.

Bây giờ Mộc-Quế thấy cha mắc nạn muốn xin chịu tội thế cha. Tân-Cương đương khuyên-lơn bạn thời một tráng-sĩ tên là Phụ-Tử giàu lòng nghĩa-hiệp, tới xin kết-nghĩa với hai anh em và cùng nhau chạy lên sơn-trại chiêu-tập nghĩa-sĩ để trừ bọn nịnh-thần. Lê-Lư và con nuôi là Bạch-tật-Lê đem binh lên vây và đốt trại của Phụ-Tử. Bạch-Mai-Trang, vị hôn-nhân của Mộc-Quế và em gái của Bạch-tật-Lê, giả điên về trảng an thăm anh để thám-thính. Bạch-mai-Trang bay công chuyện về báo với cha. Bạch-đầu Ông biết không can nổi thằng con ngỗ-nghịch bèn liều chết nhảy vào ôm lấy con mà lăn vào lửa cho chết cả hai người.

Tứ-Linh

Dịch giả : cử Hoành-Sơn

Tiết-cửu-Công ra trấn tại Tây-Kỳ, vừa đánh bại tướng Phiên, Thiết-lôi-Phong, nhưng lại tha cho về.

MẶT YÊU-TĂNG

Mật-đà-Tăng (*Vạn-Bửu*)

Ở Tràng-An mở võ-đài để trọn nhơn-tài ; Mã-thành-Long ứng thi, đỗ quốc-trạng Linh-Quy đỗ thống-chế. Thành-Long được kén làm phò-mã rồi về « vinh-quy ». Trong lúc ấy vua đau nặng, chết ; Nịnh thần Đinh-vương Hầu tiếm vị. Phò-mã và công chúa Kim-Phụng đi trốn. Tướng của Đinh-vương-Hầu đuổi theo ; Phò-mã và công-chúa lạc nhau ; công-chúa giữa rừng lâm sản, chết ; Phò-mã ẵm con, cõng thây vợ chạy. Hồn công-chúa đưa Phò-mã qua đèo. Tiên cứu công chúa sống lại. Phò-mã gửi con nhờ tiều-phu nuôi đi tìm vợ ; Công-chúa ghé xin ngủ nhờ nhà tiều phu vừa nhìn đặng con.

Linh-Quy gặp tiều-phu đi củi, theo về nhà gặp công-chúa.

Vua Ngụy đòi Tiết-cửu-Công về trào ; nhưng có trung thần Triệu-minh-Công trốn ra Tây-Kỳ báo cho Tiết-cửu-Công biết việc tiếm-vị, Tiết-cửu-Công, giết sứ của Ngụy-Vương. Ngụy - Vương mới sai quân tướng ra đánh Tiết-cửu-Công, Triệu-minh-Công.

Mã-thành-Long trở về tìm tiều-phu gặp lại vợ, con, và Linh-Quy rồi cùng nhau về Tràng an phạt bọn Ngụy. Phò-mã Thành.Long, con trai là Thành-Lân, công-chúa Kim-Phụng, bạn là Linh-Quy về

giết cả bọn Nguy Thành-Lân, cháu ngoại vua được tôn vương tức vị.

Lục-văn-Long

Dịch-giả Cử-Hoành-Sơn
(Nhà-In Xưa-Nay)

Tướng Phiên Ngột-Truật đi đánh Tống mà chưa thành công; con trai là Lục-văn-Long xin theo cha ra trận. Mới bỗn chiến thời Văn-Long đã giết luôn 2 tiểu tướng của Tống: Thiên-Bảo, Thiên Khánh. Bốn đại tướng của Tống đổ ra vây đánh Văn-Long: Nhạc-Vân, Thành-Phan, Nguyên-Khánh và Trương-Hiến. Đánh nhau một ngày trọn mà bất phân thắng bại; bên Tống thêm một tướng nữa là năm; ngày thứ 2 cũng không hơn không thua. Vương-Tá mới liều mình chặt tay trá hàng để Thích-Khách Ngột-Truật ở bên Phiên Vương-Tá giặp một bà vú già người Trung-quốc, mách bảo rằng Văn-Long không phải con Ngột-Truật mà là con Lục-Đăng tướng nhà Tống; Ngột.Truật trong một trận, giết Lục-Đăng rồi bắt Lục-văn-Long đem về nuôi. Vương-Tá mới tìm cách nói cho Văn-Long biết tông-tích của chàng rồi Vương-Tá lại dụ cả tướng Phiên Tào-Ninh, người Trung-Hoa, trở về phò

Tống. Tào-Ninh nghe lời, về hàng Tống mà cha là Tào-Vịnh ngày xưa qua hàng Phiên, nay vẫn ở với Phiên. Tào-Vịnh bị bắt tội, vua Phiên bắt đem binh mã đuổi theo và bắt con trở lại Phiên, Cha con đánh nhau : cha biểu con về Phiên, con dụ cha về Tống ; trong trận con giết cha.

Thắng trận rồi Tào-Ninh về trào Tống bị Nhạc-Phi mắng về tội giết cha ; Tào-Ninh ăn-năn mà tự-vận.

Đinh-lưu-Tú

Đinh-lưu-Tú, đi học tiên về gặp Tiết-Ngọc-Xuân và gả duyên Tần-Tấn với nàng.

Lão-tướng Phụng-cửu-Công ra đánh giặc Phiên, bắt được giặc lại tha cho giặc. Nịnh-thần Hồ-Ngạn lập mưu cho đòi Tiết-hoàn-Công nửa đêm vào cung, rồi tâu vua bắt tội có ý vào chỗ cung-nữ. Vừa có giặc ngoài biên, các quan tâu vua cho Tiết-hoàn-Công ra phạt Phiên để lập công chuộc tội.

Giẹp yên giặc Phiên Hoàn Công cho đòi con gái là Ngọc-Xuân ra thăm ; giữa đường Ngọc-Xuân bị quân của Hồ Ngạn đánh chết ; may gặp Hắc-Lân là bạn đồng chí của Lưu-Tú cứu sống.

Vừa Tống-Vương mất Hồ-Ngạn tiếm ngôi ; liền sai bắt Tiết - hoàn - Công ; Hoàn-Công trốn ; Hồ-thạch-Hổ em Hồ-ngạn đuổi theo ; Lưu-Tú gặp, giết Thạch-Hổ cứu Hoàn Công

Tại triều Hồ-Ngạn sai đem giết thứ hậu của Tống-Vương. Lưu-Tú cướp lấy Thứ-hậu, đem đi trốn ; quân tướng đuổi theo ; Thứ Hậu lạc Lưu-Tú. Giữa đường Thứ-Hậu sinh một hoàng-nam vừa chết. Lưu Tú phò hoàng tử đi trốn, lại gặp Hắc-Lân và Ngọc-Xuân. Bị quân của Hồ-Ngạn đuổi, lại lạc nhau một lần nữa hồn Thứ-Phi đưa đèn cho Lưu-Tú qua đèo. Thổ-Thần cứu Thứ Phi sống lại. Thứ-Phi bị Thạch-Hùng bắt giam trong một cái chùa Hườn-Lăng, đi săng vào chùa cứu Thứ-Phi giết Thạch-Hùng và phò Thứ-Phi đi tìm Hoàng-Tử.

Lưu-Tú và Hoàng-Tử bị quân vây, có tướng Phiêu Hổ-Oai ngày trước được Phụng-cửu-Công tha xin theo phò.

Tiết-hườn-Công, Phụng-cửu-Công đều đi tìm Thứ-Phi và Hoàng-Tử, Gặp Hắc-Lân và ngọc-Xuân rồi gặp Lưu-Tú, Hoàng-Tử Hồ Oai và Thứ-Hậu. Cả đoàn về Kinh đánh bại tất cả tướng của Hồ-Ngạn rồi tôn Hoàng-Tử lên ngôi.

Tiết-Hườn-Công xin đi tu.

Trần-trá-hôn

(*Cử Hoành-Sơn dịch ra quốc-ngữ*)

Tề-Vương cho công chúa Kim-Lan ra học tại nhà Trần-nhạc-Võ, trong nhà có cô con gái, Ngọc-Dung, sẽ là bạn của công chúa.

Vừa Trần-tử-Minh, con Trần-nhạc-Võ đi học tiên về. Tuy Nhạc-Võ đã giặn con trai không đặng qua lại phòng công chúa, nhưng bên phòng đông chói hào-quang của Tử-Minh, nên công-chúa sai Ngọc-Dung qua mời anh qua chơi. Tử-Minh không dám qua. Công-chúa giả dạng tì-nhi qua xem Tử-Minh vừa phải lòng Tử-minh.

Sở-Vương cho đem lễ vật qua Tề xin rước dâu là Công-chúa Kim-Lan. Công-chúa không chịu. Vua bắt tội cha con Nhạc-Võ. Muốn chuộc tội cho cha, Ngọc-Dung xin thay Công chúa qua làm dâu Sở. Ngọc Dung qua Sở xin đem theo một bạn gái Lang-Châu.

Tại Sở Ngọc Dung sinh đặng một trai, còn Lang-Châu làm vợ lẽ.

Thái-Tử Thừa.Long say đắm Lang-Châu, bỏ việc quốc-chánh. Các quan biết Ngọc Dung đứng đắn nhờ Ngọc Dung can thiệp; Ngọc-Dung la Lang-Châu. Lang-Châu giận mách việc trá-hôn của

Ngọc-Dung. Thái-Tử Thừa Long toan giết Ngọc-Dung thời Pháp-Chánh xin cho Ngọc-Dung về nước và đem binh phạt Tề.

Ngọc-Dung từ biệt con về ; tới ải quan gặp người chú trấn ải ở đó. Vừa quân Sở tới đánh ; Trần-thống-Chế ra nghinh chiến bị tử-trận ; Ngọc-Dung nhờ Pháp-Chánh cứu khỏi chết, về kinh báo tin quân Sở tới. Trong trận, Trần-tử-Mịnh, giết tướng Sở, Nhạc-Võ tha Pháp-Chánh.

Tại trào, vua Tề mất, phò mã Tử Minh lên nối ngôi.

Hoàng-Tử nước Sở con Ngọc-Dung không biết mẹ, nhờ tỳ-nữ mách báo cho. Hoàng-tử tâu vua xin rước Ngọc-Dung về ; Hàng-Thông đem sứ điệp qua Tề rước Ngọc Dung ; Ngọc-Dung từ chối. Hoàng Tử giận, đem binh qua đánh Tề, Ra trận Hoàng-Tử Thừa-Chánh gặp Nhạc-Võ là ông ngoại, và Hoàng tử nước Tề con Tử-Minh. là anh em cô cậu. Hai Hoàng Tử thôi đánh nhau.

Tại Sở Lang-Châu ăn năn xin chịu tội và xin về Tề để rước Ngọc-Dung qua Sở,

Ngọc-Dung và con là Hoàng Tử Thừa-Chánh về Sở.

III

Trích lục những lớp tuồng có danh tiếng

Lược Thuật

Tuồng Sơn-Hậu

Vua Tề đã già mà chưa có con ; một hôm nằm mộng thấy điều lành mới cho Phàn-phụng Cơ con Phàn-định-Công vào cung mà phong chức Tây-cung Tây-cung được vua yêu sủng nên bà Chánh-cung là Tạ-ngọc-Dung ganh-ghét. Vừa Tề-Vương lâm-bệnh, Chánh-cung cùng em ruột là Thái sư Tạ thiên-Lăng lập mưu chiếm ngôi báu. Trên có Chánh-cung, dưới có 3 em trai là Ôn-Đình, Lôi-Nhược, Lôi-Phong giúp sức Thiên-Lăng lập tiểu giang-sơn, mời bá quan dự yến. Bá-quan đều khép nép, chỉ có Triệu khắc-Thường đứng lên bài kích thời bị Ôn-Đình chém ngay giữa tiệc...

Vừa vua Tề băng. Thiên-Lăng tiếm vị. Khi ấy Tây-Cung đã có thai, Thiên-Lăng muốn giết Tây-Cung cho tiệt họ Tề, may có bà Nguyệt-Kiều, chị Thiên-Lăng, xin hoãn lại, để cho Tây-Cung sinh đẻ rồi sẽ hay kẻo giết trong lúc thai nghén thời thiên hạ không khỏi ta thán. Lại nhờ có ba trung thần hưởng ứng là Khương-linh-Tá, Đồng-kim-Lân và thái giám Tử-Trình nên bà Nguyệt-Kiều sắp đặt cho Tây-Cung trốn đặng.

Hay tin, Ôn-Đình đuổi theo, giết Linh-Tá. Hồn Linh-Tá hiện ra ngọn đèn, đưa Kim-Lân qua ải. Kim-Lân tới thành Sơn-Hậu gặp Phàn-định-Công và con là Phàn Diệm. Còn Tây-Cung trong khi bị đuổi, thất lạc, vào xin lánh mình trong một ngôi chùa ; bà lại gặp phải một ác-tăng muốn hiếp hãm...

Hôm sau, bà Nguyệt-Kiều đi viếng chùa cũng bị ác-tăng ấy bắt và muốn hiếp hãm. Hai bà ấy không thuận đều bị ác tăng trói lại để chờ bị thiêu. Hộ pháp cho Kim-Lân và Phàn-Diệm nằm thấy hai bà mắc nạn. Kim-Lân và Phàn-Diệm lên Tây-Sơn-Tự cứu hai bà vừa xong thời Ôn-Đình tới vây thành Sơn-Hậu. Hai bên giao chiến, không phân hơn kém. Ôn-Đình bèn bắt mẹ Kim-Lân treo lên, để Kim-Lân xin đầu Tạ. Bên kia, Phàn-Diệm lại đi cầu cứu bà

MẶT TƯỚNG NỊNH

Tạ Ôn-Đình (*Sơn hậu*)

山后溫廷

Nguyệt-Kiều. Bà liền biểu Phàn-Diệm treo bà lên để cho Ôn-Đình thương chị mà tha mẹ Kim-Lân.

Mưu ấy không xong, Ôn-Đình lại khiêu-chiến. Hồn Linh-Tá hiện lên, chém đầu Ôn Đình, còn Phàn-Diệm chém đặng Lôi-Phong.

Thiên-Lăng thấy nguy, bỏ đền chạy lên chùa nhờ chị là bà Nguyệt-Kiều cứu. Bà Nguyệt Kiều xin Kim-Lân tha giết em.

Trừ xong nhà họ Tạ, Kim-Lân tôn hoàng-tử con Tây-Cung lên ngôi, khôi-phục nhà Tề.

Đặc-sắc của tuồng Sơn-Hậu

1·) Tuồng Sơn-Hậu là một tuồng độc lập, không trích ở truyện hoặc ở sử ra.

2·) Tuồng này được công chúng biết nhiều hơn hết.

3·) Tuồng Sơn-Hậu là một tuồng kiểu mẫu:

a) *Về văn-từ.* — giản dị nhất, rất ít chữ hán, có nhiều câu nói lối không đối nhau (như câu : Ngôi trời sửa trị, trẫm hiệu Tạ-Vương) ; rất ít câu hát, lâu lâu một vài câu hát nam và cả tuồng (bản Saigon của ông Nguyễn-bá-Thời và ông Hoàng-minh-Tự soạn lại) vài ba câu hát

khách ; câu hát nam, khách, kéo dài lối diễn, cho nên ít câu hát thời câu chuyện gói gắm, linh hoạt hơn.

b) Về nghệ-thuật. — Câu chuyện gọn gàng, tuồng Sơn-Hậu có lẽ gồm tất cả những lớp hay, kiểu mẫu của hát bộ, những lớp mà trong khi diễn, các tài tử có thể đem cả thiên tài và nghệ thuật ra thi thố, như :

— Lớp tại triều, Triệu-khắc-Thường đem lời ngay thẳng bài kích kẻ nịnh thần, rồi Tạ ôn-Đình chém Triệu khắc-Thường ngay giữa tiệc. (Trung, nịnh đối nhau về từng lời nói, từng cử chỉ).

— Lớp Lân, Tá tới nhà Tử-Trình, nghe Tử-Trình đương than thở, giả vào bắt để đem nạp cho quyền thần họ Tạ để thử lòng quân tử ; sau ba đồng chí thề nhau cứu thứ phi.

— Lớp Linh-Tá bị giết rồi, bà Thứ chạy trốn bị lạc mất ; Kim-Lân chạy mải vừa trời tối, may có hồn Linh-Tá đưa Kim-Lân qua đèo.

— Lớp Tạ-Ôn Đình bắt mẹ Kim-Lân treo lên hành-hình để dụ Kim-Lân phải đầu, thời bên này bà Nguyệt-Kiều, chị Ôn-Đình, tự treo lên để Ôn-Đình tha mẹ của Kim-Lân.

MẶT TRỤ-VƯƠNG (*đỏ, dầm, ướt*)

Mặt Đồng-Kim-Lân (*đỏ tươi*)

Mặt Triệu Đình-Long (*Gian-chấn-Tử*)

封神　　紂王

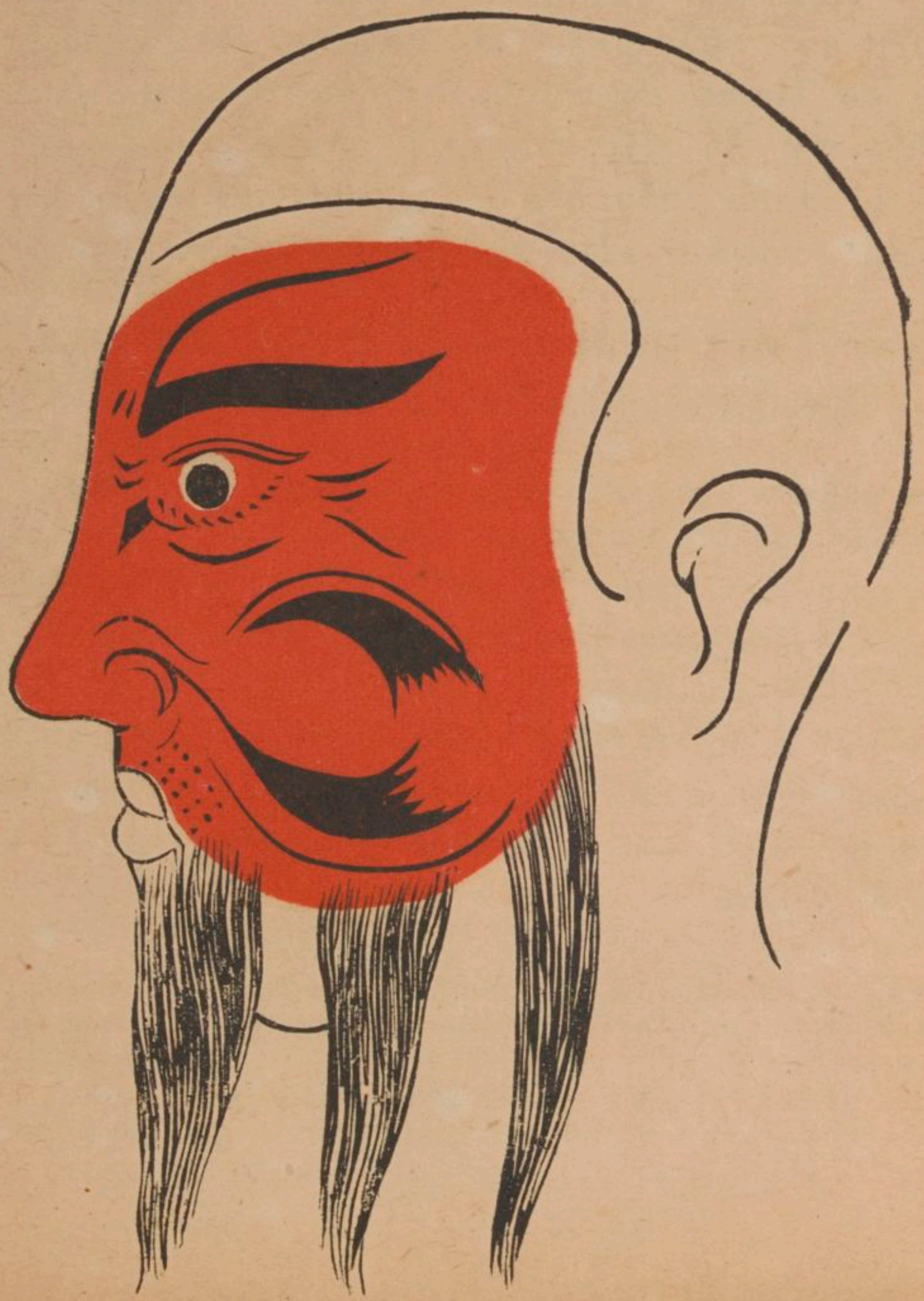

— Lớp bà Nguyệt Kiểu bị ác tăng bắt, sau có Phàn Diệm cứu.

Xem diễn tuồng này, ta thấy rõ rằng tác-giả của tuồng Sơn-Hậu là chính một nhà nghề một kịch-gia biết tom-góp hết mánh-khóe của nghệ thuật, trái với phần đông tác-giả chỉ là những văn-nhân ; nhưng kịch-gia này có hơi phũ-phàng với văn-chương cho nên tuồng này hơi kém vẻ hào hoa cốt-cách mà văn-nhân xưa chú-ý nhất.

Kim-Lân Linh-Tá thử lòng Tử-Trình

(Bản tuồng của Thư-viện Bảo-Đại Huế

tử'-trình thám :(quân nghe tau dặn có ông mô có việc chi, bay thưa cùng tau, tau cho về hãy về, chơ chớ xao xiến, tau chặt đầu đi chừ)

« Kham thán Tề triều chi cơ nghiệp.
« Hận tai Tạ tặc chi gian manh.
« Nội pháp trảo nha, hà năng trí quân thượng
ư nghiêu Thuấn.
« Ngoại vô vỗ dực, hà năng an thiên hạ chi
thái bình (1)

---

(1) than cho cơ-nghiệp Tề-triều giận bấy mưu gian Tạ tặc, nhưng mà trong không có trảo-nha, ngoài không kẻ võ dực, làm sao mà giúp đỡ được.

trảo-nha : móng chân và răng nanh.
võ-dực : lông và cánh : người giúp đỡ.

Lại nói :

(Như ta) Cơ nghiệp Tề đốc gánh giang sơn Thiện phải lo. Việc người đã nấy cho, dễ ăn ngon nằm ngủ. (a, thương hại) Dạ nầy muốn tỏ, hiềm chút chưa thông. Lấy ai bảo thứ cung, lấy ai bảo an Lân tử (bây giờ như chừ) phải chi thấy tấm lòng Linh-Tá để xem coi cho biết chánh tà ; mưu nào cho tỏ dạ Kim-Lân, thử vì Tề hay vì Tạ. Rất tiếc tài hai gã (ai đi) về đầu Tạ một lòng. Phải chi ta có sức anh-hùng (nói thiệt) chém Tạ tặc dường như thảo giối,

kim-lân .— (uý chà chà !) Miệng nói ra tai nghe lấy ; chớ chối đó, có mồ đây. (Nào) phò Thứ phi lo lắng cùng ai, cứu Lân tử âm thầm.

Với đó (nói cho ta nghe, kẻo chết chừ)

tử-trình : (Ai đó) ?

kim-lâm : (hỏi lơ chi đó nao ?)

tử-trình: (đi mô đó ?)

kim-lâm : (đi tuần chơ đi mô)

tử-trình : (Mốc xì ! ơ nhà Lân, nhà Lân nói nhà Lân đi tuần thể nầy) đêm lén vào nhà mổ, lẽ là chém đầu ngươi. Phò thứ-phi lo lắng cùng ai ? (còn) cứu Lân-Tử lấy đâu làm chứng ?

kim-lâm : (uý chà chà !) phòng buông tiếng sấm, lấp thửa oai trời. Nơi đây vốn có sáu tai, (chơ) nào phải ta người hai mặt (hay mần răng ?)

tử-trình : (chơ nào có ai mô mà gọi ba mặt sáu tai, nói nghe thử nao ?)

linh-tá : Nề dục sát, nề dục sát, cảm cượng-ngôn, cảm cượng ngôn. (gớm à) Quả thiệt Lê-thái-Giám, toan phản Tạ giang sơn (đây ma)

tử-trình : (ai đó ?)

linh-tá : (Tá đây, hỏi lơ hoài)

tử-trình: (ờ Lân bắt, Tá chứng, Tá bắt, Lân chứng đó chi ?)

lân-tá : (chơ lo mưu phản Tạ vì Tề cùng ai ? nói cho ngay kẻo chết chừ)

tử-trình : (ờ hai chú, hai chú nói bắt đặng lão, chừ hai chú biểu lão khai đó chi ? ơ hai chú này, ai tê chơ như lão) lời lão nói, lão nhìn, mặc tay Khương, tay Đổng (thôi ma, có có) lão ước cứu Tề-triều cho đặng, cũng vì lo trả nợ Tề quân. (Bởi vậy nếu) phải lo mưu trừ khử tặc-thần, dầu có chết cũng là trọn tiết.

kim-lân : (Tử Trình,) khá tua chịu phép cho mỗ xuống đao, lấy đầu người về nạp Tạ-trào, chớ than trách quỷ thần trời đất (nghe !)

tử-trình : Lão chẳng than trời trách đất (như ri, trời đất khiến vậy) cũng không oán quỉ giận thần (chẳng qua là quỉ thần xui ma ; có, có) lão lo mưu cứu thứ phi mẫu tử, cũng vì lời di chúc Tề

quân. Dưới ngàn năm cho trọn đạo nhân thần, trên muôn thuở ngõ đền ơn tiên chúa. Ai hay là số lão thác vì bởi hai người. Tưởng hai người chẳng tỏ sự nầy (vậy mà lão muốn) sự nầy tới lo cùng hai gã. Thà vậy dạ cho đành dạ, kẻo mà lòng bẫy ngại lòng (ma.)

kim-lân : (anh, trong thế, lão có lo cùng ai cho chẳng không ?)

linh-tá : (vậy thời ta hỏi lão, nào có ai nữa, nói cho ngay kẻo chết chừ.)

tử-trình : (có, có, Kim-Lân, Linh-Tá chớ ai)

lân, tá ; (uy cha chà, cái lão đời chưa)

tử-trình : (lại có tra nữa à, nói thiệt) hồn lão dầu chết xuống chín sông, (chơ) khí phách ấy để bêu non nước (nào chém giết chi. làm đi cho rồi)

lân, tá (uy a !) Thị quốc gia hào-kiệt, quả xã-tắc đống lương (đi mà thôi). Vạn phước Tề triều lưu Ấu-chúa, nhất triêu nhật nguyệt đổ trùng quang (xinh a. Thưa đại quan ngồi, đó là anh em tôi thử đại quan đó thôi) vì biết đặng tuổi vàng, cũng nhờ chưng sức đá. (Như anh em tôi là). Lòng dốc gánh Tề Triều tôn xã, dạ chăm lo Thiên đế giang. sơn ; phò Lân-tử cho an, cứu thứ-phi đặng thoát. (Nhưng rứa mà) còn ngại lòng thái giám, vậy nên phải tới đây ; xưa chân giả chưa hay, nay thị phi

đã tỏ. (Nào nào) thỉnh hà mưu thố lộ, luận hà kế phân trần ; trông lượng cả xin phân, (để mà) cứu thứ phi đặng thoát (nao)

tử-trình : (Thưa nhị tướng quân :) Xưa già chưa dám quyết, nay lão mới xin phân, (Như lão) lo vì cơ nghiệp Tề-Quân nên phải giả đầu Tạ-thị. Bà Liễu-thị lòng đầy nhân đức, cứu thứ phi miễn sát chi ân. Người dạy ta trọn đạo nhân thần mặc thi kế (để) phò an ấu chúa.

lâm, tả : (như mần ri) trời trổ sanh dấng ngõ đất roi dấu tôi hiền. Thị đại hiếu đại trung, quả tồn nhân lồn ngãi. (chừ nớ) mặc hai tôi ứng ngoại, xin người liệu mưu trong. Gởi lạy bà Liễu thị Tam-Cung, xin trợ sức nhất thời chi kế.

Lớp Đồng Mẫu bị bắt treo

Kim-Lân. — (Thôi thôi) hốt văn sổ-ngữ, quải ngại tâm trung (đi nầy, âu là) lần ngựa tới thành ngung, ngõ tường trong chân giả (thôi mà).

đồng-mẫu hát khách :

(ơi con ơi) ức tích phân huề (để mẹ tính coi thử, ờ ờ) khuất chỉ cửu thu dư, Cầm Phước (1) cô thôn cam ấn đôn.

---

(1) Nhớ từ ngày mẹ con xa nhau đã hơn chín năm, mẹ chịu lánh thân nơi chỗ cô-hôn (Cầm-Phước).

(ai ngờ là) « Sạ văn viễn tín (mẹ đứng trông con, nhớ con lắm) thương tâm thiên lý ngoại (à mẹ cũng tưởng rằng) Sơn-thành chỉ nhật đắc đoàn viên. (1)

kim-lâm : Văn tường ngọc lệ lưu liên, bất giác kim yên đảo hạ (mẹ mẹ ơi)

hát khách :

Thống ngã từ thân, ngộ quỷ kế, nan thăng khổ dã. (ơ chư tướng)

Hiệu ngô tướng sĩ (ôi mẹ mẹ ôi) cát trung tình bất tận bi tai.

(Thưa mẹ, như con chừ) Rất hổ với cao dày, dường rối trong gang tấc (rồi mẹ ơi).

đồng-mẫu : (ơ con) Trẻ đừng rơi nước mắt, (chơ) già thiệt mát lá gan (đây con ạ ; con ơi, nghe mẹ dặn) thẳng hai tay mà nâng đỡ ấn vàng; (rồi con) mài ba lấc (mà) chém vằm loài bạc.

lôi-nhược : (cái mụ nầy bổn dữ bây ! chém mụ vằm mụ chơ chém ai).

đồng-mẫu. — (ả thôi nào) mồ cha thằng Nhược tám kiếp thằng Đình.

nhược : (ơ nhà Lân, váy lỗ tai mà nghe mụ nói đó tề ; anh Năm ơi, anh chọc mụ làm chi mà để cho mụ lễ tổ anh cùng tôi đó tề).

---

(1) Hốt nghe tin xa, ngàn dặm cách xa, tưởng một ngày kia gặp nhau ở Sơn Hậu.

đồng-mẫu : (ơi hai thằng kia, bay có tài có sức, thôi thời) mở cửa thành (mà) đối trận giao binh (cũng con tao ; ơ cơn, ơ con đừng có) ngồi dưới ngựa (mà) thất cơ ngộ sự (đi bây giờ).

Hát khách :

« Trung hiếu khỉ năng toàn (vậy chơ mẹ dạy con học hành mần răng, có phải à) tố đảo trung thần chân hiếu tử.

(Trong thế con sợ mẹ chết đó chi, à thôi).

« Tử sanh hà túc toán (như mẹ mần ri là) tu tri tử-nhật thị sanh-niên (1)

ôn-đình : Con đà chẳng biết kinh-quyền, mẹ lại nhiều lời ngoan ngạnh (quân) truyền quân-nhân vâng lệnh, mau đốt lửa phần lên.

lâm : (ôi mẹ ôi) bi ai bi ai, thống khổ thống khổ (ơ quân, ơ quân !) đoạt thành-môn cứu cấp (đánh đánh, quân đánh, đánh ; thôi thôi) thúc qua giáp lai hàng (đầu đầu mau, chư tướng đầu, đầu)

Hát khách : « Bái ngã từ nhan (như con chữ) vị thiếu báo cù lao chi đức.

đồng-mẫu hát : (Kim Lân quái gan)

« Quái tha nghiệt tử, hà nhẫn vong quân phụ chi cừu. (2)

---

(1) Trung hiếu dễ lường toàn, l m đặng trung thần tức là hiếu-tử Sống chết không đủ kể, phải biết rằng ngày chết cũng như còn.

(2) Đứng trước mặt mẹ, con thấy con chưa báo đáp nghĩa cù lao. Thằng con bất hiếu ! sao mầy nỡ quên mối thù của quân phụ.

đình, nhược hát :

« Lão mẫu thị hà ngu, mẫu hà tri, tử hà trung, hà bất cập cổ nhân chi chí khí (1)

đồng-mẫu (cả đoàn bây làm chi tau đặng a)

lân : (Trăm lạy mẹ từ từ lời kẻo mà chết chừ mẹ ơi)

« Mẫu thân hà bất-lượng (như con là) niết bất tri (mà) ma bất lẫm (nhưng rứa mà) khổ bất thăng dụ mộ chi tư-tình. (2)

hiệu quân hát khách : tướng quân, hữu quân lệnh đây !)

« Hoàng - tử lệnh hành (người phán hỏi) kim nhật xuất chinh hà trở ngại ?

Lân : (mần rứa à, quân, bút chỉ đây.) hát khách :

« Sơn-thành báo đạo, (người về thưa rằng) đãi ngô phản bộ nguyện trần minh.

ôn-đình : Quả Đồng Lân thối triệu viện-binh, phó Lôi-Nhược gia hình lão mẫu.

lân : (ôi mẹ ôi) nan thăng thống khổ, thống khổ, bất tận kinh-hoàng, kinh-hoàng.

---

(1) Bà già sao ngu thế ! trí của mẹ ở đâu ? trung của con ở đâu ? Sao bằng đặng chí khí người xưa.

(2) Mẹ sao không xét cho con ? như con là nguy hiểm con không biết, ma quỷ con không sợ, con chỉ khổ vì thương mẹ lắm.

đồng-mẫu : (ơ con nầy) đừng khóc đừng than, (như mẹ ri) rất vui rất sướng (đấy con ạ, mẹ đẻ con ra lưng dài vai rộng chừng ấy) con đã sinh làm tướng (thời phải lo việc giúp nước phò vua, chớ mẹ đây) có chết cũng thành thần. (Thế bữa nay con không giám giao binh cùng hầu, con về đi) Về (Mẹ) gởi lạy âu-quân, gắng (mà trung hưng cựu nghiệp (nghe con).

lân : (mẹ mẹ ơi) mẹ (bị) cầm đó. tấc hơi thíp-thíp ; con ngồi đây, đôi mắt lòa lòa (rồi mẹ ; dám thua mẹ. như con chừ) dễ quên câu quốc nhĩ vong gia (hay mần răng. nhưng rứa mà) vì tướng chữ mẫu hề sinh ngã (trăm lạy nhị tướng quân như tôi) tình mẫu tử không cùng giục giã, nghĩa quân thần há dễ phôi pha (chừ tôi xin) hạn ba ngày quy thuận Tạ gia, (chừ cho về Sơn-Hậu) ngỏ một lạy bái từ ấu chúa (đã nao).

Kim-Lân và Linh-Tá thử lòng Tử-Trình

Thái-Giám Tử-Trình đương than thở về việc Tạ thiên-Lăng sắp đặt tiếm ngôi. thời ngoài có Kim-Lân và Linh-Tá đương rình nghe. Kim-Lân, Linh-Tá đột ngột vào phòng giả bắt Tử-Trình có ý phản Tạ thiên-Lăng. Tử-Trình không hề chối cãi mà lại còn chưởi rủa những đứa

nghịch-thần. Kim-Lân, Linh-Tá mừng quá tỏ rõ tâm can với Tử-Trình, rồi ba người tính việc giúp Tề. (Bản tuồng của ông Nguyễn-bá-Thời và ông Hoàng minh-Tự Saigon).

thái-giám tử-trình : (Như tôi) Đêm canh tràng vắng vẻ, giấc điệp chẳng đặng an ; thương Tề-trào cơ nghiệp điêu tàn, hờn Tạ-tặc ỷ oai tiếm vị. (Thêm nỗi) Thứ-Hậu cũng hàm oan thọ hại, chữ tử sanh cam chịu nay mai ; tiếc cho mình là kẻ bất tài, lo sao xiết cơ-đồ đại sự. (Chớ chi sức của lão đây như Lân cùng Tá thời) quyết hy sinh giải cứu nghiệp nhà (hiềm mình tuổi tác đã già) thêm chẳng biết cầm cương lên ngựa. Bà Nguyệt-Kiều biểu ta đến dinh Kim-Lân, Linh-Tá đề mà cầu chước hai người, nhưng mà) mình biết mình, khó nỗi biết người, e bại lộ cơ mưu thêm hại. (Bởi vậy cho nên) lão vẫn còn ái ngại chưa biết liệu hà phang ; chỉ vái trời phò hộ cho họ Phàn, cho Thứ-Hậu thoát vòng hoạn nạn.

kim-lân. — (Này Thái-giám Tử - Trình, nghe ta hỏi) Đêm khuya vắng vẻ, than thở chi đây, ta lóng tai tỏ rõ nào sai, quả người dám bội lòng phản chúa. (Đừng có cuối đa nghe !)

tử-trình — (Ủa này, chú Đồng - kim - Lân) Nhà tôi, tôi than thở, can chi chú khảo tra. Sao

nửa đêm chú lén vào nhà, tội lớn ấy khó mà dung thứ !

kim-lân. — Lão chớ già hàm lợi khẩu, muốn khỏa lấp việc mình ; người thở than chưởi Tạ phân minh, ta phải bắt đem về nạp chúa. (Người có biết lỗi hay không ?)

tử-trình — Mựa (1) kiếm lời phao phản cho ta, thật chú Đồng cả gan thái thậm.

linh-tá. — Lão chớ nên chối cãi, ta làm chứng rõ ràng, dám lén mắng thiên nhan (2), tội bêu đầu cũng đáng.

tử-trình ; (Nếu vậy) Quả sáu tai ba mặt ta khó nỗi cãi qua. (Thôi thôi) có tiếc chi một nắm xương già, thương thứ hậu chẳng người giải nạn. (Có vậy hai chú) hãy bắt tôi (mà) đem nạp Thiên-Lăng, để chúng nó hành hạ tự ý.

kim-lâm : (Hảo a !) đã quả ! đã quả ! không sai, không sai ; quả Tử Trình có dạ trung ngay, nhờ ướm thử mới tường trong đục. (Này lão-quan ơi,) dạ ta đà rõ dạ, mưu kíp khá tầm mưu ; liệu phương nào giải cứu thứ phi, nếu chầy trễ chắc là nguy khốn !

---

(1) Mựa : đừng

(2) Thiên-nhan : mặt vua.

tử'-trình : (Nầy nhị vị tướng quân ơi !) ba ta đà nhứt tâm nhứt chí, chẳng còn nghi-ngại riêng tư (nầy nhị vị ơi) bà Nguyệt-Kiểu tuy giòng họ Tạ (nhưng) dạ trung-can chẳng kẻ nào bì; phải cùng bà hỏi chước tìm mưu thì mới đặng vẹn toàn mọi sự (cho).

Nếu không nhờ Tam-cung Nguyệt-Kiểu can.gián thì thứ-hậu đã lụy thân rồi đó hai ngươi.)

lân-tá : Cảm ân-đức Tam-cung Nguyệt-Kiểu, giúp Phàn-Gia mới đặng toàn thân. (có vậy.) Thái giám mau cung nội dời chân, cùng Nguyệt-Kiểu sắp bày mưu kế. (còn hai tôi) tử sanh chẳng kể, lao nhọc đâu màng ; miễn cứu vẹn bọ Phàn thời vui lòng đẹp ý, (có vậy thời thái giám hay đi đi).

. . .

Đồng Kim-Lân đương phò bà thứ-hậu đi trốn thời Tạ-Ôn-Đình đem quân đuổi đánh ; bà thứ-hậu chạy lạc Kim-Lân ; Kim-Lân chạy trốn vừa trời tối, không biết đường nào mà đi. Bỗng có hồn Linh-Tá hiện lên, hoá một ngọn đèn đưa Kim-Lân qua đèo.

ôn-đình : (Bớ Kim-Lân) lên trời không nẽo thoát, xuống đất chẳng đường chui ; kíp xuống ngựa dừng chân, bằng cải lịnh đầu rơi mã hạ.

kim-lân : (Bớ Ôn-Đình) Xưa trong vòng chẳng sợ, nay ra ngõ sá chi, quyết ra sức đua tài, bất dung tha Tạ-tặc.

(Thứ-Hậu chạy một mình)

thứ-hậu : (Nguy a !) Đang khi trận thượng Đồng-tướng giao-chinh, phút mất dạng, mất hình, chúa tôi đành sai lạc. (Bố tướng quân, trời ơi !) tướng quân đà lạc mất, ta sau trước một mình. (Có vậy) Mau tìm chốn ẩn hình, kẻo binh-gia trông thấy.

Hát nam : « *Trông thấy thân nầy lao khổ,*
« *Hiểm-nguy càng không chỗ lánh qua*
« *Vội vàng chỗi* (1) *tách dặm xa*
« *Vái trời phò hộ thoát qua tai nạn.*

(Hạ)

* * *

(Kim-Lân chạy một mình)

kim-lân : (Thứ-phi hà tai ?) (Than ơi !) Mảng (2) xông pha trận thượng, phút đà lạc mất thứ phi ! Chữ tử sanh còn mất nan tri, khiến dạ mỗ vô cùng lo ngại !

---

(1) *chỗi* : đứng dậy, ngồi dậy : chỗi gót, chỗi chân.
(2) *mảng* : mải, ham.

Hát nam : « *Dạ mỗ rô chừng lo ngại,*
« *Ráng bền lòng giữ ngãi vẹn trung,*
« *Lưng đai ấn chúa trông chừ*
« *Hai bên khu hổ núi rừng cheo leo.*

. . .

Ôn-Đình đuổi và gặp Kim-Lân

ôn-đình : (Bớ Kim-Lân) Chạy đâu thoát khỏi, mựa(1) chớ đối đường, quyết dục mã huơ(2) thương, bất dung tha Đồng-Thị.

Lại nói : (Húy lạ ! húy lạ ! thật kỳ ! thật kỳ !)

Mạng Kim-Lân, mạng tưởng đã nguy, nhơn sao có huỳnh long phụ thể ? (cũng lạ cha cha này!)

. . .

kim-lân : Tưởng chiến tràng bỏ mạng, may sao đặng toàn sanh ! (âu là) kíp giục mã bôn hành, ngỗ thoát vòng lưới thỏ.

Hát nam : « *Lưới thỏ ráng mà thoát nạn,*
« *Vái Phật Trời phò mạng hoàng nhi.*
(ôi ! ôi ! ngài hãy nín đi ngài, ôi, ôi, cha cha là khó).

ôn-đình : (Bớ Đồng-Kim-Lân) nay sức cùng lực

---

(1) *mựa* : đừng (Xưa và không dùng riê g).
(2) *huơ* : g ơ ên và mùa ; *thương* : kiếm đánh giặc.

tận, sao còn ráng bôn phi ; nếu khôn thời tua kíp hàng quỳ, bằng ỷ thị đầu rơi mã hạ.

kim-lân : (Than ôi !) Trước mặt non cao chót vót, sau lưng binh ó vang vầy ! Tạ-Ôn-Đình cấp cấp truy lai, ta khó nôi lướt sông tên đạn.

Hát nam : « *Khó nỗi lướt sông tên đạn,*

« *Chắc cam đành bỏ mạng mà thôi.*

« *Thảm thay tôi chúa rã-rời,*

« *Tử sanh nào rõ xin trời chứng minh.*

Lại nói ; (khổ a !) những mảng xông pha trận thượng, phút đà phút chỉ hoàng hôn ; đường tối tăm khó nỗi dời chơn, ước chi có đèn hồng soi dấu... (ủy lạ này !) mới than vừa dứt tiếng trước mặt thấy đèn hồng (âu lá) kíp bôn ba thượng lộ thẳng xông, nơi đèn hạnh (1) trông chừng trời (2) bước.

Hát nam : « *Đèn hạnh trông chừng trời bước,*

« *Nguyện âu-hoàng thoát được lao lung* (3) ».

* * *

---

(1) *Đèn hạnh* : hạnh là một thứ cây loài mơ mận. Đèn hạnh hình hoa hạnh : « Đêm trong đèn hạnh, dầu hoa thanh giải » (Lục-vân-Tiên) — *khóe hạnh* : con mắt đẹp như hoa hạnh : « Khi khóe hạnh, khi nét ngài » (Kiều)

(2) *Trời* : vượt lên, lấn lên.

(3) *Lao lung* : chuồng và lồng ; ý : giam hãm.

kim-lân : Thảm thương cho Linh-Tá, thác còn giữ nghĩa tình : cả tiếng kêu : kìa bớ hiền huynh, khá chậm chậm cho em theo dõi.

hồn linh-tá. — Nghe tiếng gà gáy thúc, mặt nhựt cũng gần lên ; (anh ơi) âm đương xa cách đôi bên, giã biệt hiền huynh thượng lộ.

kim-lâm : (Bớ anh ! anh..., thôi) Quân giặc hết mong theo dõi, ta mau lai đáo sơn thành. Nhìn ấu-hoàng xúc động tâm tình, trẻ khát sữa bú tay thê thảm.

Lại nói : Đã trải qua đèo ải, nay trông thấy Sơn-thành, (may cha cha là may này !) Vậy kíp mau giả dạng đổi hình, dò tự sự cho tường trong đục.

. . .

Ôn-Đình treo Đồng-Mẫu để Kim-Lân vì tình mẫu tử phải quy hàng ; Bà Nguyệt-Kiều, chị Ôn-Đình, hiến mình cho Kim-Lân treo lên để Ôn-Đình vì tình cốt nhục, phải đổi Đồng Mẫu đem chị về.

. . .

ôn-đình : (ươ lạ nầy !) Hẹn ba ngày đã quá (răng mà) vắng hàng tướng tới dinh, (quân ấy !) truyền

gia-giang (1) lão-mẫu thượng thành, chờ gã Đồng-Kim-Lân quy-thuận.

kim-lân : (ơ Ôn Đình, Lôi Nhược, ra mà đánh cùng tao !)

quân của kim-lân (ơ Ôn-Đình, Lôi Nhược, ông tao đã tới, khai thành mà đánh cùng ông tao !)

lôi-nhược : (ua hẳn (2) nói răng mà trái-bồ rậng (3) đi rứa anh Năm !)

ôn-đình : (vậy chớ Đồng-Lân nói mần răng) (4) ?

lôi-nhược : (nhà Lân (5) nói rằng để luôn mần rứa (4) để mà vô chặt đầu anh Năm ta đó !)

ôn-đình : (Để mà nghe thử đã)

kim-lân : (ơ Ôn-Đình, Lôi-Nhược, anh em bây khai thành ra mà đánh cùng ta ! này) người hay chước quỷ, (chơ) ta cũng mưu thần (đây ma ; như bây) bắt mẹ ta, ngươi đã ra hình (phen này) cầm chị gã, ta (cũng) không nhiêu thứ (6) (mô) (7)

lôi-nhược : (chơ tiếng ai kêu mà như tiếng chị ta vậy a ?)

---

(1) *gia-giang* : khiên gánh lên. — (2) *hắn* : nó; tiếng hay dùng ở Trung-kỳ. — (3) *trái-bồ rậng* : trái hẳn (tiếng đường trong) (4) *mần răng, mần rứa* : làm sao, làm vậy, tiếng hay dùng ở Trung Kỳ. — (5) *Nhà Lân* : ngươi ; (6) *nhiêu thứ* : như dung thứ. — (7) *mô* : đâu.

ôn-đình : (để nghe thử).

nguyệt-kiều : (ơ Ôn-Đình, Lôi-Nhược, chị đây).

ôn-đình : (Dạ)

lôi-nhược : (ai kêu mà anh dạ đó anh ? ua chị Ba đó ma !)

đình, nhược : (chị đó răng chị ? ơi chị ơi) mặt xem tường tận, ruột tợ như bào. Liễu tam-cung chị hỡi dường nào ? nhưng sao bị tặc thần hoặc-tróc (1) (mần rứa ư chị ?)

kim-lân : (Thập cọp y lệnh !)

thập cọp : (phụng mạng ; ơ Ôn-Đình, Lôi-Nhược, bay không biết tao à?) mỗ nay biểu tự Thập Cọp là danh, đã chần vần dơ vút dơ nanh, (chúng bay) đừng than trách rằng đây đen bạc (2) (thôi ma).

lôi-nhược : (tôi lạy chú Thập Cọp, chú đứng xích ra một chút)

liễu-tam-cung : Máy tuần hoàn (3) rất nhiệm, chữ báo-ứng chẳng chầy ; hễ là việc xưa nay hại nhân thời nhân hại. (các em nghĩ lại đó mà coi !) Mẹ người em bắt lấy, (cho nên) thân chị khổ dường nầy. Đồng bào nghĩa ấy nặng thay, cốt nhục (nỡ) để cho người hại (hay răng ơ các em ?)

---

(1) *Hoặc* : lừa dối ; tróc : bắt

(2) *Đen bạc* : tráo trở

(3) *Tuần-hoàn* : theo thứ-tự xoay-vần

đồng mẫu : (ơ con ! ơ con ! nầy nầy !) gươm vàng con giữ lấy (chơ) đinh treo mẹ lo chi.

lôi - nhược : (ơ chú Thập Cọp, chú xích ra kẻo mà bay lông bay cánh nhằm chị ta chị !)

đồng mẫu : (ớ Ôn Đình, Lôi Nhược, ta cùng chị bay đó, bây giờ đã sẵn hai bên, đặt lửa đốt chơi cho sướng !)

lôi nhược : (ơ không, không ! quân truyền tắt lửa tắt củi đi nghe ! thằng nào hút thuốc tao đánh chết).

ôn đình : (cái thằng làm rộn hoài, để cho tao phân cùng Đồng kim Lân một vài lời đã. Ơ Đồng Lân, khi người nói ta nghe, chừ ta nói với Đồng Lân, thế nào cũng phải nghe lời anh em ta với chớ ; nghe đây nầy :) bên này niềm cốt nhục, bên nọ đạo sanh thành, cũng chẳng trọng chẳng khinh, (chừ ta) vàng đổi vàng rất xứng ; (chừ mần ri) khuyên cùng họ Đồng dĩ-khứ vi-lai (1). Mẹ nhà ngươi (ta) giao lại cho nhà người, còn chị mỗ giao lại cho mỗ :

đồng mẫu : (ơ con, đừng dại mà đổi ; như con có ưng đổi thời bắt nó bồi thêm một thằng Nược rồi đổi).

lôi nhược : (Thôi ! tôi xin cố đi ! chừ thôi thời mần ri, bên nọ quăng dây qua bên nầy, bên nầy quăng

---

(1) *Dĩ khứ vi lai*: lấy chuyện đã qua, chuyện quá khứ làm việc vi lai.

dây qua bên nọ, hễ nghe tiếng lệnh thời hai bên kéo xuống cho kịp ngay)

dình, nhược (chao ôi, ba hả ..) gẫm nhà nên tốt phước, đổi đặng chị, em mừng ; thơ tích-linh (1) càng gợi càng nồng, (mà) niềm đường đệ (2) càng ngâm càng cảm (a !)

Trầm-hương-Các

(Truyện Phong Thần)

Đào Tấn

Lầu Trầm-Hương là đền thờ bà Nữ-Oa (Nữ-Oa : em gái vua Phục-Hy ; tục truyền bà ấy rèn đá ngũ sắc để vá trời.) Trong đền có pho-tượng bà Nữ Oa bằng gỗ trầm-hương.

Vua Trụ-Vương nhà Thương tới đền Trầm-Hương làm lễ thấy pho-tượng đẹp quá, phải lòng rồi đề một bài thơ trên vách, có ý trêu ghẹo. Nữ-

---

(1) *Tích linh* : thứ chim như chim chìa vôi ; anh em thương nhau lắm, bay với nhau luôn luôn ; kinh thi có câu :

«Tích linh tại nguyên, huynh đệ cấp nạn,

«mỗt hữu lương bằng, huống giả vĩnh thán.

: (Chim tích-linh ở trên ngàn ; anh em thương nhau, cứu nhau ; dầu anh em bạn có tốt mấy cũng đứng xa mà than thôi.

(2) *Đường đệ* : cây có quả như mận — Kinh thi :

«Đường đệ chi ba, thiên kỳ phiên ai, khỉ bất dĩ ti, hận thị viễn di» (bông đường đệ đối diện nhìn nhau, nhớ nhau và sợ xa nhau).

thần bất mãn mới sai yêu hồ ly nhập vào Đát-kỷ con gái ông Tô-Hộ và xui ông Tô-Hộ dâng Đát-Kỷ cho vua Trụ.

Vua Trụ mê-man, làm những điều tàn bạo chém giết lương-dân, thiên-hạ đều ta-thán ; dỗng tướng trung-thần dần dần « bỏ Trụ đầu Chu ».

Trong lớp này Trụ-Vương cùng Đát-Kỷ, uống rượu rồi ra chơi vườn bông.

Trầm-hương-Các

(*Tác-giả : Đào-Tấn*)

trụ-vương.— Từ xem thấy Nữ-Oa kiều-my, bỗng xui nên trầm ý bàng-hoàng (ta nghĩ lại, vả chăng Nữ-Oa tượng chăng là một cái cốt trầm-hương đó mà thôi ; lại cho có mơ tưởng cho lắm cũng không đặng chi ; nhưng mà mã-cốt chi cầu, lương mã chí hỉ (1) là có muốn người giả rứa, mới có người thiệt, cho nên chi) khiến Tô-Hộ quy hàng, (lại) đem quý nhân

(1) cầu xương cốt con ngựa đã chết để ngựa hay tới.

Ngày xưa có 1 ông vua sai tên-dịch đem 1000 nén vàng mua ngựa thiên lý. Gặp một con ngựa thiêu-lý chết, tên môn-dịch mua 500 nén. Vua hỏi, tên ấy tâu : « việc lạ nầy đồn ra, ai nấy sẽ nói ngựa chết còn được nhiều tiền, huống hồ ngựa sống ; quả năm ấy mua đặng ngựa thiên-lý. Nghe chuyện ấy, vua Chiêu-Vương nước Yên hết sức trọng đãi Quách-ngôi hiền sĩ 4 phương thấy như thế đều xin đến thờ Chiêu-Vương.

(mà) hiến sủng (1) (đây chơ! Như quý-nhân Đắt-Kỷ nầy là) đẹp-đẽ bấy mày tầm mắt phượng, (mà lại) dịu-dàng thay vóc liễu hình hoa! (là Nữ-Oa mô mà lại hơn đặng! Thời, từ ta gặp Đắt-Kỷ đến nay là) đầy cung xem gương ngọc chói lòa (trong thế ta tư-mộ Nữ Oa lắm, nên chi người khiến cho Đát-Kỷ nhập cung; có khi Đát-Kỷ nầy là) vốn người ở tòa-hương (2) đưa tới (nên mới vừa bụng quả nhân đó mà thôi; cung-nga! ấy bây) đòi tân-quý xu triều mựa trễ, rằng quả-nhân hư-tịch (3) còn chờ (đây nghe!)

(Đát-Kỷ ra chầu)

trụ-vương: (Ta chào quý-nhân! dậy sớm đó thê! ha ha! ấy vậy mà ta tưởng) giấc hải-đường (4) còn hãy say mê (tê ma; cung nga! cầm đốn! ngồi, ngồi! ngồi nầy!) mùi trúc-diệp (ta) cùng nhau chính choáng (cho vui hè!.)

đát-kỷ: (dám đạt quốc trưởng) tỏ lời si dám cạn, nhờ lượng cả xin dung (như chúng tôi là) phận

---

1) *hiến*: dâng; *sủng*: yêu.

2) *tòa-hương*: đền thờ bà Nữ-Oa, trong ấy có cái tượng bằng gỗ trầm-hương.

3) *hư*: trống, không; *tịch*: ngồi, cái ghế, chiếc chiếu — đây ý nói còn một ghế trống chờ Đát-Kỷ.

4) Vua Đường-minh-Hoàng thấy Dương-quý-Phi ngủ chưa dậy, nói rằng: « hoa hải-đường ngủ chưa dậy » (Hải-đường thụy vị tỉnh gia).

liễu bồ khiếp bóng thu-phong ; (nay mà đặng) phụng cân - trất (1) (mần ri là cũng) nhờ ân xuân - hải (2) (lắm ma ! Dám đạt, như cha con chúng tôi) mừng đã đặng gia-môn vô tội (3), may lại nhờ phẩm-trật bữu-gia. (Là) quyên-ái (4) rày báo đáp còn xa, (nay lệnh quốc trưởng người thác ái (5) lại tứ-toạ hoa diên, đồng khuynh ngự tửu (6) thời) trần độc (7) ấy (là) tàm-hoàng (8) dễ xiết (nơ ; xin lệnh quốc-trưởng người ban cho chúng tôi đứng chầu thôi)

trụ-vương : (quý-nhân như ta là) những ao-ước nay đà bẳn thiệt (là ta mừng lắm ; chơ như) đã thương yêu (ha ha ! ai đi) há dễ ngại-ngùng (hay mần răng. Ngồi ! ngồi ! ngồi gần ta mà chầu cho quen, đừng sợ sệt mà trống ngực đánh. Ờ ở có khi quí-nhân mới về còn lạ, chưa dạo chơi ở mô ; chừ đương lúc xuân-khí huyên-hòa. thương lâm phong cảnh tốt lắm, quí nhân

---

1) *Cân :* khăn chit đầu; *Trất* : lược chải tóc. Câu thành ngữ :
«Nâng khăn sửa túi» hay «nâng khăn sửa lược».

2) *Xuân-hải ;* bể về mùa xuân ; ý nói : ân vua rộng như bể về mùa xuân.

3) *Vô tội* : vì Tô-Hộ cha Đát-Kỷ ở xa không về chầu.

4) *Quyên ai* : bụi bặm nhỏ lắm ; ý nói chưa báo đáp một mảy may nào.

5) *Thác ái :* yêu sai lầm. — *Tứ-toa hoa diên* : ban ơn cho ngồi dự tiệc hoa.

6) *Đồng khuynh ngự-tửu* : cùng uống rượu với ngài.

7) *Trần độc* : sỗ sàng không kín đáo.

8) *Tàm* : thẹn; *hoàng* : sợ.

đi cùng ta mà chơi cho vui chừ) tới quỳnh lâu (1) mà đấu tử tranh hồng ; (rồi ta) vầy ngọc-tịch đặng ngâm thi đối tửu (mà chơi quý nhân hè !)

đát-kỷ : (Dạ) Khâm thừa thánh-giá, khất thị kim hiên. (2)

trụ-vương : (ờ ờ, đành, hà, vậy nữa) hảo đáo lâm viên, đồng lai ngoạn thưởng, (qui nhân hè !)

Đều hát khách :

« *Tây sơn lạc nguyệt lâm tiên trượng*
« *Bắc khuyết tình vân hộ cấm vi.*
« *Niên quang đáo xứ giai kham thưởng*
(cha cha là vui !)
« *Xuân sắc nhân gian tổng bất tri.* (3)

Trụ Vương, Đát-Kỷ đi xem vườn hoa.

trụ-vương. — (nầy) Chi đầu uyển-chuyển hoàng ly, (coà) trì thượng du-dương xích lý (4).

---

1) *Quỳnh lâu ngọc-vũ* : cung điện trên trăng ; *Đấu tử tranh hồng* : màu hồng màu đỏ đua tranh.

2) *Hiên* : xe của quan đại-phu ; *Kim-hiên* : xe vàng của vua. *Khất* xin ; *Thị* : theo hầu.

3) Mặt trăng soi chỗ tiên-trượng trên núi phía tây ; đám mây che chở cấm-vi (buồng của đàn bà) ; cảnh xuân đẹp đẽ ; nhân gian đều không biết xuân sắc.

4) Chim hoàng-ly kêu véo-von trên cành ; cá gáy đỏ ngúc ngoắt trên mặt hồ.

(Thượng làm phong cảnh mần rứa đó, quí nhân đã vui chưa ? Mần ri là) Mỹ cảnh lương thần, thưởng tâm lạc sự (a. Quý nhân hãy ngồi mà uống rượu cùng ta cho vui đã. Ờ như quý-nhân là) hình dạng xem đà rất lịch, (vả lại) tài nghề (ta) nghe cũng rất hay (nữa ma; là ta có nghe quý nhân năng thi, thiện cầm lại biết múa song kiếm nữa, nên chi ta ức lắm; nhưng mà mấy bữa nay quý nhân mới về còn đường lạ lùng nhút nhát, nên ta chưa thử cái nghề chơi của quý-nhân ; song song đối cảnh, chơ có ai đâu mà quý nhân ngại nào. Chừ ta muốn quý nhân) múa gươm vàng chút hãy thử tài (cho ta nhắm một thí ; a nầy nầy) phiền vóc ngọc (mần rứa nớ) khuyên đừng giới-ý (1) (nao!)

đát-kỷ : (Dạ, dám đạt như tôi) nghề vũ kiếm vốn là mọn mảy ; (lúc chúng tôi còn nhỏ, phụ thân tôi dạy cho tôi một vài miếng sơ sơ mà chơi đó thôi, nay người dạy chúng tôi múa trước ngự-tiền chao ôi) trước lôi-môn (2) đâu dám dễ dàng (hay mần răng ?)

trụ-vương : (khéo làm biếng chưa ; ngỡ là học với ai tê, chơ như học với ông, chăng là nhất môn phụ tử, võ nghệ tuyệt luân, đừng có dối nữa.)

---

1) *Giới ý* : trong lòng có điều không thích.

2) *lôi môn* : cửa sấm ; câu ngạn-ngữ : « đánh trống qua cửa sấm »

đạt-kỷ : (nay lệnh quốc trưởng đã dạy hết lời dạ) phụng tôn-nhan (1) (người đà) có ý lục trường (2) (muôn tâu, tôi xin) chỉnh võ-phục (đặng) vâng lời biến-tiếu (3) (thôi ma).

trụ-vương : (ờ sửa soạn mau đi !)

đát-kỷ : (dạ dạ) ngưỡng thừa minh giáo nguyện triển phàm tài

(và múa gươm và hát)

trụ-vương.— (a khoan đã, khoan đã, chao ôi) doãn-thị kỳ tài kỳ tài, tuân xưng gia ngẫu gia ngẫu (4) (đi mà thôi. Chao ôi, cái tay múa ngó như cái tay trầm hương của Nữ Oa chưa tề ! ha ha ! uy ! cam khổ chưa ! té ra quả nhân ham vui, mà quý-nhân đổ mồ hôi ra cả thảy ! Cung nga ! quạt bây ! chao ôi ! lại cho nguyệt trung tiên tử vũ nghệ-thường (5) lại bực nào hơn nữa. Cung nga ! ấy truyền châm mỹ tửu (đây, quý nhân hãy ngồi mà uống rượu sam, rượu nnung cho khoẻ đã !)

---

1) *tôn-nhan* : dáng mặt quý hóa của vua ; đây ý nói vâng lời ý muốn của vua.

2 *lục trường* : ghi chép chuyện sở trường, tài nghề.

3) *hiến tiếu* : dáng cái cười

4) *doản* : tin ; *thị* : ấy; *kỳ* : lạ; *tài* : tài. Nhận rằng đó thật là tài lạ lắm ; *tuân* : tin ; *xưng* : xứng đáng ; *gia* : đẹp ; *ngẫu* : đôi lứa. Phải tin rằng đôi lứa mình xứng nhau.

5) *nghệ-thường vũ y* : bài hát của tiên.

đát-kỷ. — (Dạ, dám đạ', đã khuya rồi, xin lệnh quốc-trưởng người ngự hồi cung, để mai mà ngự triều kẻo mệt nao !)

trụ vương :(uy, ha, ha! kim tịch hà tịch, kiến thử lương nhân (1). Quả-nhân chơi cho suốt đêm, rồi sáng đi liền ra mà ngự triều cũng đặng ma. Uống đi ! uống đi ! uống đặng mà) đồng vịnh giai chương(2) (cho vui quý.nhân hè !)

Điều ngâm : (hảo cảnh tri a !)

« Ngự uyển xuân du, nguyệt chính đoàn
« Diêu trường bửu tháp bách ba gian
« Cá trung tự hữu chân hương sắc
« Nộn lục tiên hồng vị túc khan (3)

Phụng-nghi-đình (4)

(*Tam-Quốc*)

Lữ-Bố thấy Điêu thuyền đi với Đổng Trác, tức giận tới trách mắng Vương Doãn.

(*Cụ Tú Thận*)

lữ bố nói ; (uy là tề) mắt không nắng quáng đèn loà, (mà mà) lòng tợ thuyền xao sóng bủa ;

---

(1) Đêm này là đêm gì mà thấy người đẹp như thế.

(2) Đồng ngâm câu thơ hay.

3) Ra vườn ngự-uyển gặp lúc trăng tròn, trong khụm hoa lại đặt chén quỳnh giường ngọc,, trong nầy thật có mùi hương và sắc Bông hoa hồng lục non tươi cũng chưa đang xem.

(4) Xem chương lược-thuật

xa trông thấy xe phụ thân đã rõ, nhìn xem tường quả Điêu-nữ không sai, (uy lạ cha cha, như tôi là) cùng Tư-đồ vàng đá nói không hai, sao dưỡng phụ mây-mưa (1) tình đã quyết ; (chưng rứa mà) lẽ thị-phi (2) chưa biết lời chân giả chẳng tường (chẳng biết) cơ sự này là dưỡng phụ chủ trương, âu kíp tới Tư-Đồ vấn bạch (thôi)

vương-doãn nói. — (Uỷ, tôi mừng quan Ôn-hầu a, a, có khi ông Ôn-Hầu giận lão chăng ?

lữ-bố nói : (giận, giận mà làm chi, ta hỏi) lòng người sao biến cải, lời nói dám không nhìn (ờ thi) tiệc yến-diên (3) lòng vốn đã tin, gả Điêu-nữ sự sao dám lỗi (hè) ?

vương-doãn nói : (Dạ thưa Ôn-Hầu, lão lỗi là lỗi sự chi chơ ?)

lữ-bố nói : (ông không lỗi làm răng mà) lựa ngày ước nghinh-hôn (ta) những đợi (đến nay) có lời này cải giá (4) lão không kiên (hè)

vương-doãn : (là cải giá bao giờ mà gả cho ai kia chớ ?)

---

(1) *phiên vân phúc vũ* : trở mây lật mưa ; ý nói trảo trở

(2) *thị phi* : phải trái, thiện ác.

(3) *yến* : tiệc rượu ; *diên* : mời rước

(4) *cải-giá* thôi chồng cũ, lấy chồng mới

lữ-bố : (ông không gả cho ai, ý làm rằng mà) thấy phụ-thân tốc phản lộ tiền (1) (lại) bảo Điêu-nữ đồng quy viện trắc (2) (mà ông nói rằng không? khi giờ) phút trông thấy ngợ - ngàng con mắt, gẫm thiệt là tráo chác (3) tấm lòng (ông chăng là văn-quan mà ông không biết tôi cùng Thái-Sư là chi)? Tân-đài (4) xưa luận lý không xong, tụ-bưu (5) khiến cha con cho thỏa ; (ông nói sao thời ông nói cho tôi nghe thử nao !)

vương-doãn : Nghĩ đà nên mắc cở, lời nói rất ngọt-ngào ! (lão nghĩ lão tức mình cha cha ! như lão là) gả con nào của cưới của cheo (ở mô nao, mà bây giờ lại) mắng lão có tiếng hai tiếng một (làm rứa ?)

lữ-bố : (Ông không phải làm vậy thời ông chối đi)

vương-doãn : (Thưa Ôn Hầu, lão có chuyện chi mà chối ; dám thưa ông, lão dám chê ông đó ; có

---

(1) *tốc* : gấp ; *phản* : trở về ; *lộ* : đường ; *tiền* : trước.

(2) *trắc* : mặt trời quá trưa ; bồ về tây ; phòng tây là chỗ đàn bà nằm, trái với chái đông để cho con trai, rể *Viện-trắc* : bên viên.

(3) *tráo chác* : đổi chác.

(4) *Tân-đài* : nhà đẹp của một ông vua đời chiến-quốc nước Vệ. Vệ Tuyên Công làm ra ; ông cưới vợ cho con trai là Thái-tử Cấp ; thấy dâu đẹp quá ông lấy dâu ở chỗ Tân-đài ấy, lại bắt con gọi nàng Tuyên-Khương ấy bằng thứ-mẫu.

(5) *tụ* : nhóm nhau lại ; *bưu* : loài thú như hươu.

phụ tử tụ bưu : ý nói cầm thú vô lễ, cha con lấy nhau

phải là) tánh sao như lửa đốt, lời nói tợ nước sôi (chừ Ôn Hầu gặp lão Ôn Hầu nói có, lão nói không, nhưng rứa mà giữa đường không lẽ đứng nói đôi, gần dinh hãy tới phân cho biết.

. . .

Hai người vào rồi trở ra

vương-doãn : (Thưa mời Ôn Hầu ngồi, để lão thủng thỉnh lão phân cho Ôn Hầu tường) đèn trong tối không khêu không rạng, vàng đúc chuông không đánh không kêu. (Số là) Thái-Sư vừa lúc bãi triều (lão có mời ở mô ai ngờ tệ thất (1) xảy người dời ngọc-chỉ (1). (Khi rứa chừ, người nhìn lão là sui gia (2) với người) nào mừng rỡ ông sui là quý rằng cho con làm rể cũng đành ; (người lại phân làm ri) : cho má hồng mà gặp mày xanh, kết chỉ đỏ đã ưng lòng đầu bạc (3) (tê nơ ; mà thương hại, người cũng thương đành cái con dâu đi mà thôi (4) ; người lại dặn rằng) con trẻ đã vừa duyên thiền-tác (thời chờ) ngày lành e trở sự nhơn mưu (ra chăng ; lão đã tái tam xin triền, mà người phân rằng

---

(1) *chỉ* : ngón chân ; *ngọc chỉ* : chân ngọc, người quý báu, *tệ thất* : nhà hư, xấu, lời nói khiêm.

(2) *sui gia* : thông gia, dâu gia.

(3) trong 2 câu nyà, bốn tiếng mầu đối với nhau xác đáng lắm.

(4) câu nầy có thèm một nghĩa mỉa mai lắm.

mỗi năm có một tháng, mỗi tháng có một ngày. Vậy chơ chuyện ấy Ôn-Hầu chưa thưa với Thái-Sư à ?)

lữ-bố : (Tôi chưa kịp thưa).

vương-doãn : Dẫy hương-xa (1) người trước rước dâu, về quý-viện (2) tiện bề hiệp cẩn, (3) (cho đành cái tâm bào đó chơ hèn chi cái bụng ông đại-nhơn (4) thì đã phải ; Ôn-Hầu nghĩ lại đó mà coi) tội bất cáo quan Thái-sư (đà) bất vấn, lễ nghinh-hôn (lại nói) vì công-phủ mà đại-lao (5) ữa tê ; mà tôi dám hỏi Ôn-Hầu, vậy chơ khi nãy, Ôn-Hầu nói những tân-đài tụ-bưu, lão hỏi :) tân-đài kia gọi làm sao (còn) tụ bưu ấy (Ôn-Hầu làm rứa) nghĩ đà quá tệ ; (còn như lão đây) bữa tê mừng chàng rể, ngày nay (họ) mắng ông gia (lão nghĩ lão tủi cho lão) gả con là nhờ phận vinh-hoa (vinh hoa ở mô không thấy) có rể lại lại thêm sỉ-nhục (6) (mà thôi).

---

(1) xe của đàn bà đi.

(2) *quý viện* : viện quan sảnh, nhà của một công-sở, đây nói nhà đẹp đẽ của ngài.

(3) Lễ thành hôn; hai vợ chồng uống một chén rượu tục gọi là giao bôi.

(4) Câu này mỉa mai cái bụng phệ của ông Đổng Trác

(5) Thái-Sư đã không hỏi cái tội không thưa ngài biết, lại nói vì Thái-Sư nên ông lo-lắng về chuyện nghinh-hôn.

(6) Mấy câu ý-vị thiết tha lắm

lữ-bố. — Trái con mắt gẫm đã ốt-nhột (1) (này chừ) thấm vào tai nghĩ cũng ngộ-ngan ; (dạ bẩm người, khi rứa chừ) giận lửa rơm lời nói ngồn ngang (này chừ) lòng nước lạnh, nghĩ ăn-năn lại (thưa thưa) nóng-dại tôi đành chịu lỗi, rộng dung người chớ cưu-hờn (với nao)

vương-doãn.— (Ông sẽ về đó thời biết, đừng trách quan Thái-Sư) Người vốn đà có dạ thành-nhơn (2) lão đây thiệt không đều dịch diện (2) Miễn là đặng-hậu lai tương kiến, cho nhớ câu nhứt nặc bất vong (3) (thời thôi)

lữ-bố : (Thưa thưa) Cúi đầu tạ gia-ông, xin lui về tư-viện.

(Hạ)

. . .

vương-doãn (Hay a!) Lão nhiều lời chế biến, Bố cũng hết nghi-tâm ; (lão nói thiệt, phen này), kế liên-hườn (4) cột dạ tá-tâm, dùng mỹ kế (5)

---

1) *ốt nhột* : xấu hổ (tiếng Huế)

2) *thành nhơn chi mỉ* : người ưng làm việc lành làm cho thành sự ; *dịch diện* : đổ mặt.

3) *nặc* : tiếng ừ bằng lòng, nhận lời ; *nhứt nặc bất vong* : một tiếng ừ không khi nào quên.

4) *liên-hườn kế* : kế liên tiếp nhau ; gả cho Lữ-Bố rồi lại gả cho Đổng-Trác liền.

5) dùng sắc đẹp của đàn bà để mà hoặc đàn ông.

Kho sách xưa Quán Ven Đường

MẶT KÉP-VÕ (*Con mắt tròng xéo*)

Hoàng-phi-Hổ (*Phong Thần*)

Dương-chấn Tử

封神　黃飛虎　揚振子

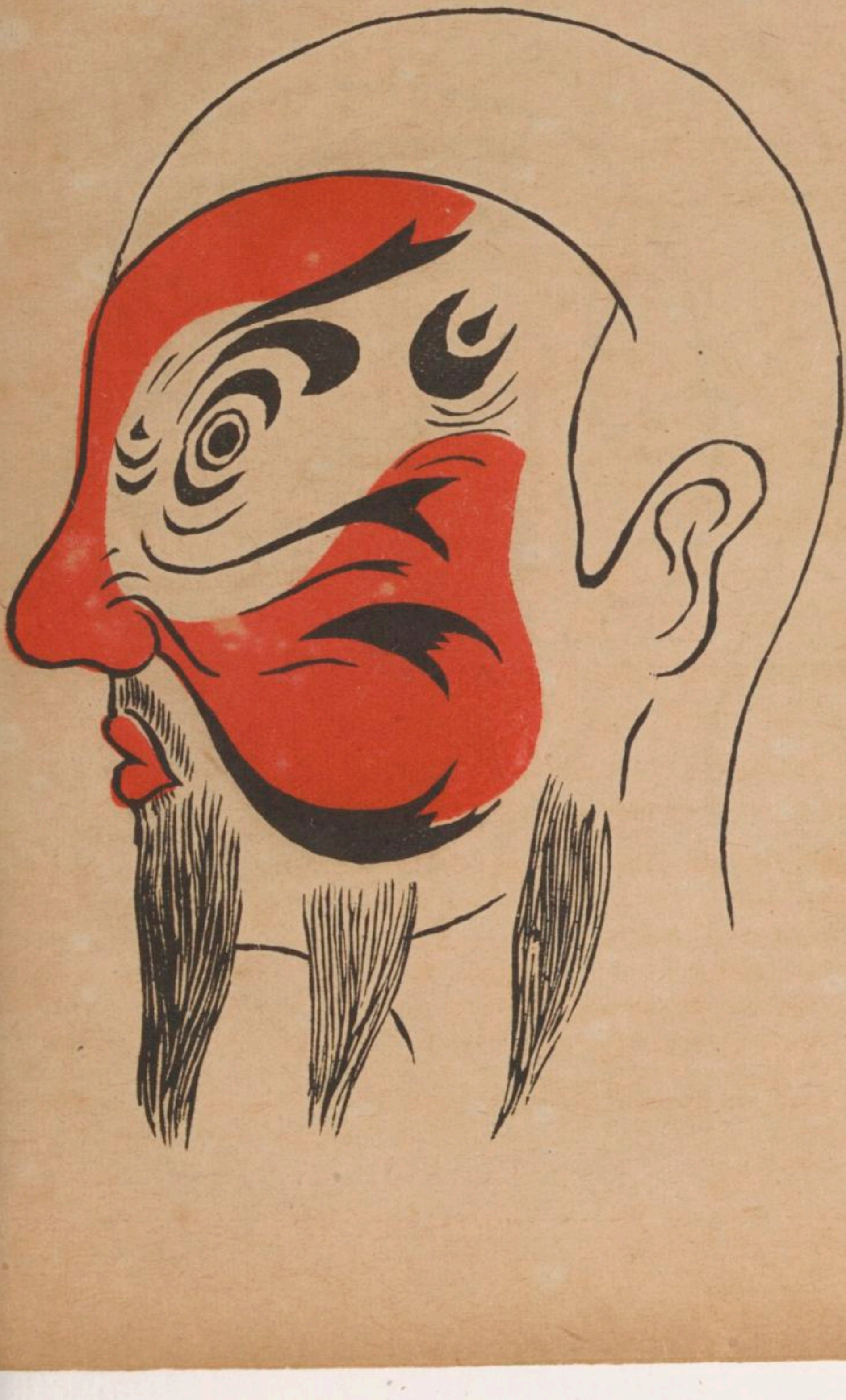

KÉP VÕ NỊNH

Bạt Hổ *(Dương Chấn-Tử)*

揚振子拔虎

mê lòng tiểm nghịch (cho mà coi) Hành tàng vô tích phản phúc tùy cơ (1), Bố, Trác mà tương tín tương nghi, phụ tử ắt tương tàn tương sát (2)

(Hạ)

. . .

Điêu-Thuyền đương than vừa gặp Lữ-Bố.

điêu-thuyền xướng : (Khổ tâm à)...

« *Độc tọa thâm khuê ám tự thương* (3)

« *Hàm tình vô ngữ lệ lan lan* (4)

(không biết làm răng cho đến nỗi này)

« *Tẩn kế cầu mẫu tàm vô diện* (5)

(ôi tình-nhơn ôi)

« *Hà xứ tình nhơn giải muộn khan* (6)

Lại nói : Từ lúc xe loan lỡ bước, nào hay Lữ. Phụng ép duyên ; trăng ngợ-ngàn với mặt thuyền quyên, gió lơ-lửng ngại lòng quân tử. Thâm khuê luống một mình than-thở, chung tình không nửa

---

1) *hành tàng* : chuyện làm dấu kín ; *vơ tích* : không có bằng cớ đi tích để người bắt tội đặng ; *phản-phúc* : dối trá ; *tùy cơ* : tùy trường hợp.

2) Cha con nửa tin nhau nửa nghi nhau, rồi sẽ làm tổn hại giết nhau.

3) Ngồi một mình trong phòng rộng, kín, âm thầm than thân.

4) Ngậm tình duyên (trắc-trở) không nói ra đặng, lệ chứa chan

5) Gà mái đi tìm gà trống nên thẹn thuồng, không còn mặt mũi.

6) Không biết người yêu ở phương nào để giải buồn xem thử.

tiếng âm thầm ; biết no nao(1) kết giải đồng tâm, thêm thảm bấy nhớ người viễn-địa (à)

Ngâm :

« Trăng soi cửa vắn, hoa ủ vườn xuân (Lữ Bố đứng dình nghe) vắng cổ kêu trời không biết cái duyên hay cái nợ ; ôm lòng với kẻ.. ; nghĩ đà thương phận lại thương thân. Ai ơi có biết lòng ai với, nước gáo xa khôn cứu lửa gần » (2)

Lại nói : « Cửa cung cấm vắng người qua lại, ngày vắng dài trông kẻ vào ra. (thương hại) chốn đông-tường (3) mượng tượng mặt ba, nơi viện-bắc tỏ mờ bóng nguyệt (chi nữa) lần gót thắm (4) mở then bích ngọc (5) dựa thềm vàng (6) dõi bước kim-

---

1) Chớ chi.

2) Bài ngâm này ai bi lãng-mạn, tiếng dùng giản-dị mà êm-đềm vô cùng.

3) *Đông sàng* : chỗ chàng rể nằm. Tích Đông-sàng thản phúc (nằm ngay bụng đằng phía đông). Đời Tấn, họ Tạ sai người qua nhà họ Vương để kén rể cho con gái mình là Tạ-đạo-Uẩn. Con nhà họ Vương nghe tin sắm sửa chỉnh tề duy có Vương-hựu-Quân nằm ưỡng bụng ở trái đông. Tạ quân khen rằng Vương-hựu-Quân mới là người rể xứng đáng.

4) Gót chân đẹp của đàn bà.

5) *Bích ngọc* : thứ ngọc sắc xanh biếc ; *Bần gia bích ngọc* : con gái nhà nghèo.

6) Nhà phú quý, nhà vua chúa.

liên (1) cho ngớt sửa ưu phiền, ngỗ giải cơn liêu tịch (2)

Lã-Bố gặp Điêu-Thuyền

lữ-bố : (ủy lạ nầy như tôi là) chẳng tin lời ngoài cửa, về xem ý trong nhà, (ý làm sao) trông trăng không nhìn thấy Hằng-nga, dưới nước chẳng có người cựu ước. (Thôi nhằm rồi) Chức-nữ lỡ nhịp cầu Ô thước (3) (nên chi) giai nhân (4) sa giọt lệ đỗ-quyên (5) đây mà thôi ; nhưng vậy mà) tưởng Thái Sư vì mỗ (6) định duyên, hay dưỡng-phụ (lại) có đoạt ái. (Khó lòng cha cha như ta là) đã một tiếng anh hùng không phụ nghĩa (mà) nỡ đem lòng cừu-địch với ân-gia. Nghe người nay diếm bệnh phong tà (7)

---

1) Xưa Đông-hôn-Hầu đúc hoa sen bằng vàng lót mặt đất bảo Phan Chi bước lên mà đi rồi khen rằng : bước chân của nàng sinh ra bông sen vàng.

2) *Liêu tịch* : xa xuôi vắng vẻ.

3) Ô-thước : chim quạ, chim khách, tục truyền chim Ô-thước đội đá bắc cầu qua sông Ngân-Hà để cho Ngưu-lang và Chức nữ gặp nhau ngày mồng 7 tháng 7. « Mồng bảy tháng bảy mưa ngâu (ngưu) » là mưa giọt lệ của Ngưu-lang khi gặp Chức-nữ.

4) *Giai-nhân* : dàn bà (giai : đẹp) – 5) *Đỗ Quyên* hay Đỗ vũ là chim cuốc, cũng gọi là tử-qui. Vua Đỗ-Vũ nước Thục gặp buổi thủy tai, nhường ngôi cho ông thừa tướng rồi lên núi ẩn. Đỗ-Vũ chết, hóa ra chim Đỗ-Quyên mà tiếng kêu « quốc, quốc ! » như gợi lòng thương nước.

6) *Mỗ* : là ta.

7) *Phong tà* : khí thấp nhiệt nhiễm vào người làm sinh bệnh.

thế ta phải lo bề thang thuốc. (Ấy là) Lánh bước tới thăm người cựu-ước, cắn răng mà khỏa nỗi bất bình ; (ta vào tới đó) lễ có không tình mới biết tình (không có thì thôi, chớ như có mần rứa,) lòng đen bạc (tau làm) kiếp cho đáng kiếp.

Lại nói : (Thế - nữ bây ta hỏi) Nghe tin bữa diếp (1) cho tới mai nay, dưỡng phụ nhơn quyện-đãi chân tay (2), y viện hãy trị điều thang thuốc (có hay là không ?)

thế-nữ : (Dạ có)

lữ-bố : (Có à ! chi nữa) chốn tịnh phòng (3) lánh bước, nơi ngọa - trướng (3) hầu gần, ngỏ thăm bệnh phụ thân, mới an lòng dưỡng tử.

(Hạ)

. . .

đổng-trác. — (Chào chao) nhơn phong sương (4) lỡ-dở chứng hàn nhiệt vãng lai. (Lữ Bố vào thấy.) Điêu-nữ cùng mỗ hôm mai, y-sĩ cậy thầy thang thuốc. Điêu-Cơ hãy ngồi gần đấm buốc (5) lão

---

1) *bữa diếp* : (tiếng Huế) bữa kia (bữa qua, bữa tê, bữa diếp) là cách ba hôm.

2) *quyện* : mỏi ; *đãi* : nhác nhớm.

3) *tịnh phòng* : phòng yên tĩnh ; *ngọa trướng* : chỗ nằm có trướng rủ.

4) gió sương. — (5) *buốc* : bóp.

bệnh nhờ thiếu-nữ bổ hư ; hát ba câu (nghe) nhe nhẹ êm tai, ngâm mấy khúc (đặng cho ta) riu-riu con mắt (1) (thử nao)

điêu-thuyền ca :

«Thân-kề gối phụng (2), giọng trỗi tiếng quyên, ngất ngưỡng cái căn cùng cái bệnh, thiệt thòi vì nợ lại vì duyên bữa diếp đã vui lòng quân-tử, bao thuở đành phụ kẻ thuyền quyên. (3)

đổng-trác : (Quân tử là ta đây, vào ngồi cho gần ông quân tử (4) nao !)

y sanh : (Dạ) Tôi, y-sanh dâng thuốc, xin tôn trưởng tin lòng

đổng-trác (ngươi là y sanh dâng thuốc cho ta phải à) ? ngươi nếm trước cho xong, sẽ đem vào tin dạ.

y-sanh trở ra, nói : thấy con cùng bầu hạ, sa nước mắt hòa đôi (uy a !), thương cha như thế thì thôi (ước như) không thuốc cũng hay thuyên giảm (đi mà thôi)

(Hạ)

---

1) Hai câu này tự nhiên, dễ dàng mà đối nhau xát từng chữ.
2) *Loan phụng* : nói về vợ chồng.
3) Điêu-Thuyền chỉ Lữ Bố
4) Chữ quân-tử đây có vẻ hài hước

điêu-thuyền ca :

« *Bệnh ưu-ái đổ mồ-hôi trộm,*
« *Lòng yêu-thương sa nước mắt thầm* (1)
« *Ăn thất thường sớm có tối không,*
« *Chiêm bao tưởng gần thương xa nhớ*

đổng-trác : (ua là nầy !) tiếng ca nghe lở-dở, mối tình có đeo đai. (Ái cơ ta hỏi) lòng nường thiệt không hai (sao ta nghe) tiếng ca không trọn một ; như cùng ai nói thốt, phút khiến mỗ kinh hoàng (ờ ờ) có Phụng-Tiên ẩn lập ngọa bàng (2) (hèn chi) khiến Điêu-nữ sanh tâm tại ngoại (3) (Lữ-Bố, tau ; như tau là) Bệnh cơ phương nhật đại (4) (ý làm sao mà) thăng nhược bất năng cần (đã làm vậy chớ lại) cha đương lúc mê thần, con nỡ sanh thói quỉ.

lữ bố : (Thưa cha, con không có sự chi ma)

đổng trác : (Mầy nói mầy không có sự chi, ý làm sao mà tau) nghe Điêu Nữ nhiều lời thỏ thẻ (là) quả Phụng-Tiên làm thôi trêu ngươi : (không làm răng mà) đứng bên nàng dường nín bặt tăm hơi, (mày

---

1) Điêu-Thuyền than buồn, có yêu mà không dặng gần người yêu.
2) đứng núp một bên chỗ nằm
3) khiến Điêu-Tuyền sanh lòng để ở ngoài (*thương kẻ khác*
4) bệnh căn càng ngày càng thêm.

làm điều chi mà) khiến trong trường ân thâm nước mắt ? (ai đi thằng con nó tệ cha cha là tệ) đã phải chưng lòng mặt (1) lại che sửa mắt thần (2) (ờ ờ, có khi mầy) toan báo lại dưỡng phụ chi ân, (nên chi mầy) quyết đoạt liễu tân cơ (3) chi ái (phải à)

lữ bố : (Thưa cha oan con lắm mà ! như con là) nghe dưỡng-phụ bệnh căn vị toại, nên ấu-nhi tham vấn nhi lai, (chớ) sự Điêu-Cơ (mà cha đã) kiên ái dễ còn nài, câu ái dĩ, tân hôn ai cũng vậy (4).

đổng-trác : (Rứa thì mi bắt sống lấy nó)

lữ-bố : (Dạ con dám đâu)

đổng-trác : (như mầy là) nhơn hồi đau mà khuấy thiệt là dạ chẳng lành ! (tau bảo mầy ra mà mầy không ra phải a ?) Bất dung-nể đảng súc-sanh, (âu là) cượng khí trảm tha tặc-tử (5)

(Đổng-Trác cầm đồ ném Bố ..)

đổng-trác (thế nữ, vậy cho nó đã ra chưa vậy bây?)

---

(1) *phải lòng mặt* : thấy mặt mà « phải lòng », mà yêu, chưa phải vì đã biết nhau nhiều.

(2) mắt xem tài-tình, sáng suốt thông minh.

(3) *liễu* : xong ; *đoạt liễu* : đoạt xong ; *tân* : mới *cơ* : mỹ hiệu của đàn bà. *Tân-cơ* : người đàn bà mới.

(4) Việc cha yêu quý cô Điêu-Thuyền còn phải nài chi nữa. Sự mơn-trớn vợ mới ai cũng vậy.

(5) không tha mầy là đảng cầm thú, gắn sức đứng dậy giết nó là thằng con « giặc ».

thố-nữ : (Bẩm còn đứng mà đã ra rồi)

đồng-trác : (Còn đứng mà đã ra rồi phải à ?) Quái-tai dưỡng-tử, oán nẽ Phụng Tiên ; ước thử thời bệnh mỗ tảo thuyên (nói thiệt) quyết lập trảm đương hành bất thứ.

điêu-thuyền : Mặc ai sanh thói dữ, miễn bệnh-chứng cho lành (thời thôi)

đồng-trác : (nó chọc gan thế nầy, có khi chết bỏ vợ lại cho nó chơ lại trông lành nữa à ?)

điêu-thuyền ; (Chừ thiếp dễ mô dấu đại quan hay làm răng !) Tưởng nhà gã lụy rơi lai-láng (là thương) phụ thân bệnh trọng tê-mê ! (ý làm sao) thang thuốc kia một mảnh không hề, than thở ấy đôi lời cũng vắng ; (là vắng nỗi chi tê chơ) vì gã có tấm lòng thơ-thẩn, nên thiếp đem một dạ yêu vì ; (bay làm vậy thì) lẳng thu-ba (1) liết ngó làm chi, bên bửu tháp (2) đuổi khua cho rảnh (chơ để làm chi).

đồng-trác : (Ra rứa, tân cơ cũng lầm nơ rồi, cái thằng quái gan.

. . .

---

1) *thu ba* : sóng mùa thu; con mắt đẹp như sóng mùa thu
2) *bửu pháp* : cái giường thất-bửu, giường quý-giá.

Điêu-Thuyền xui Lữ-Bố

lữ-bố (ơi em ơi em !) Thấy mặt đó lan sầu huệ ủ, chạnh lòng ta lụy nhỏ châu sa ; tiếc xuân (1) những ngậm ngùi ba, núp bóng (1) càng thêm ao-ước : xưa những tưởng non sông thề ước chừ nào hay cầm sắt (2) lảng xa ; bởi vì ai ô-thước muộn dịp cầu, đành khiến mỗ đào nguyên mò (3) cửa động (đi em ơi)

điêu-thuyền : (ơi yên ơi !) mở con mắt tưởng còn trong giấc mộng, nắm bàn tay nhìn lại, uở ! (4) người xưa ! Bởi vì ai duyên đón tình lừa, nên khiến thiếp thương thầm khóc trộm ; già lấy trẻ ép nài tức-tối, cha với con nhơ-nhuốc trăm năm ! (ơi yên ơi !) vợ chồng mà cách trở sao kham, tình nghĩa nỡ chia lìa cho đáng !

lữ-bố.— Qua (5) không phải phụ tình chi bạn, (nhưng rứa mà) người chẳng kiên trái lý với

---

1) ý nói Điêu Thuyền còn trẻ mà phải chồng già nên phải ngậm ngùi. Lấy Đổng Trác (*núp bóng*) nên ao ước gặp nhau.

2) đàn cầm đàu sắt, vợ chồng hòa hiệp.

3) đã tới chốn đào nguyên là chốn tiên ở rồi mà chưa thấy cửa nên phải mò.

4) tiếng thán-từ nầy làm cho câu nói tự nhiên và hoạt động.

5) *Qua* : ta, chúng ta.

đời ; tiếng nghinh-hôn lây lắc đó mà thôi, (chơ mà) câu đoạt-ái xô bồ đà chẳng đoái (đó em)

điêu-thuyền : Người đoạt ái mà yên (1) đừng cho đoạt ái, nói nghinh-hôn chừ đã thiệt nghinh-hôn (ở mô nào ? ai đi) xui người nát vía tan hồn, khiến thiếp thương luân nghịch lý (làm răng cho đành !)

lã-bố : (ươ hay ! như em là) chữ rằng trinh-nữ, bất giá nhị phu ; (như quả là) đã không duyên phải có lòng thù ; đâu có lẽ cam bề thọ thiệt ? (hay sao)

điêu-thuyền : « Rắn có chân, rắn biết, » « đau lòng gỗ, gỗ kêu », tủi nữ nhi oan chịu đã nhiều đều, cậy quân tử kế chi xin quyết một (như nay mà cứu đặng tôi cũng là) như xuống nước vớt người trầm một, bằng vào rừng dẫn kẻ họa tai, thà cam thác xuống dạ đài (2) đâu chịu hổ nơi dương thế ! Thiếp dầu có sai lời vàng đá, trời đừng cho đứng giữa non sông ! (chừ người liệu làm răng đây ?) dù trăm phương chẳng vẹn cùng chồng (thôi thì) liều một bước cho đành với mạng

---

1) *yên* : anh, tiếng hoàng gia ở Huế
2) âm phủ.

(Điêu Thuyền muốn gieo mình xuống nước, Bố cầm tay lại)

lữ-bố : (a khoan khoan đã ma !) tình thậm hoảng, tình thậm hoảng (1), ý kham liên (1), ý kham liên ! Anh hùng nầy (mà) phụ ngãi với thuyền quyên (ở mô nào mà) nhứt đán nỡ liều mình thiên-cổ ? (cho uổng bè ! ra làm ri) đã đều xấu hổ, sao trọn tiếng vợ chồng ; (tôi như thiệt phen này) ngãi trăm năm mà lỗi với non sông (dầu cho) ơn nghĩa trượng (đi nữa cũng) nhẹ dường tro-bụi. Chữ cừu địch ước cao bằng núi, biển trầm-luân nguyện lấp thành gò. Liệu (2) Trác thời Bố mới khỏi lo, làm cha chớ trách con rằng bạc !

điêu-huyền (như yên cùng Thái-sư) trước mặt thời nhút nhát, (mà) sau lưng lại hung-hăng. Bấy lâu nay còn bẫy cắn răng, chứ đâu dám làm điều trở mặt (3) (Họa là) Nói cho đặng với với lòng cân-quắc (4) (đó mà thôi, chớ) biết làm chi cho tỏ mặt can-thường, (người làm răng cho)

---

1) *hoảng* : sợ ; *liên* : thương tiếc.

2) Liệu đây nghĩa là lo liệu trừ Đổng Trác đi.

3) Mấy câu này chọc tức Lã Bố. Lời văn dễ dàng, tự nhiên.

4) cái khăn bịt đầu của con gái ; ý nói đàn bà. Xưa Khổng-Minh khiêu chiến với Tư-mã-ý, Ý không ra đánh, Khổng Minh cho người đem cân-quắc sang cho Ý để nhạo Ý.

miễn trừ loài đoạt phấn tranh hương mới gọi tiếng định vương đồ bá (1) (đó ma !)

lữ bố : (ơi em) Lựa phải khích khiêu thải-quá, mới rằng phấn phát hữu vi (2) (hay sao ? như yên mà để) nỡ oan tình cho phận nữ nhi sao rồi nợ cùng đoàn nam tử (Nhưng rứa mà) Nay lánh tới ngỏ phân tình tự, e sợ sau ắt lậu cơ-quan. Lão-tặc mà có dạ nghi-nan, chốn này ắt tìm theo dấu bước ; mưu kia như bất mật, họa nọ khủng nan đào (3) (đó, chừ em để cho yên đi).

(Bố muốn đi, Điêu Thuyền đón lại)

điêu-thuyền : (ấy đó thiếp đã nhằm rồi) Chưa chi đã ruổi bước anh-hào, làm vậy chẳng bỏ lòng nhi nữ (sao cho đành, ở yên ?) mặt vội cách sao rồi tình-tự tay liền phân nỡ dục ly ân (răng cho đành)

(Điêu Thuyền níu áo Lữ-Bố không cho đi)

lữ-bố : (Em buông yên ra nào !) Hai tay đã nắm chặt khư khư, tấc dạ khó dứt tình đoạn đoạn.

---

1) *Định* : định đoạt, sắp đặt ; *vương* : vua ; *đồ* : mưu-kế, l liệu ; *Bá* : lãnh tụ các nước chư hầu, xưng hùng ; định việc vua, l việc bá ; ý nói người anh-hùng lo việc lớn-lao.

2) *phấn phát* : ra sức tiến lên ; *hữu vi* : có làm được.

3) Nếu mưu kia không kín đáo thời họa ấy sợ khó tránh.

Hát nam :

« *Đoạn đoạn ruột tằm phân rẽ,*
« *Nặng như chì nỡ nhẹ dường lông !*»

điệu thuyền hát nam : (ai ơi !)

« *Hãy thương lấy kẻ lạc chồng,*
« *Cạy thuyền từ-phiệt* (1) *qua sông ái hà* »

lữ bố hát nam :

« *Nợ tình ta níu lấy ta,*
« *Dùng dằng những ngại, bôn ba lại dừng.* »

. . .

Lớp Cổ thành (*xen chương lược-thuật*)
(*Tam-Quốc*)

trương-phi : Tâm nhược thất ! tâm nhược thất ! ý như si ! ý như si !

Ngâm :

« *Lạ : lạc cô tung* (buồn cha cha là buồn) *chỉ tự bi,*
« *Hàn châm tiêu sắt cổ thành trì,*
« *Hốt văn hồ-mã tê phong cấp,*
« *Không sử anh-hùng lệ mãn y.* (2) »

---

1) *Từ-phiệt* : bè của Phật đưa qua khỏi sông ái-hà để ta thoát cái nạn thương yêu ở đời nầy.

2) Một mình lưu lạc nên thương ; buồn, nghe tiếng chầm cùng tiếng trống, lại nghe ngựa hồ kêu trước gió, khiến kẻ anh hùng nước mắt làm dề ướt áo.

Lại nói : Nhỏ trưởng-ca nhẫn lụy lâm-ly, (mà) tương Tào tặc tâm ba đăng dạng. (Thời từ Hạ-Bì thất-thủ, huynh đệ ly-tán, anh một nơi em một ngõ, cho đến bây giờ ca ca (1) Phi cư-trú hà-phương, mà tuyệt vô âm-tín, thôi) tin tức một ngày một vắng (mà Phi nghe quân nhơn nó huyên-truyền làm sao mà) nghe truyền nửa thiệt nửa hư ; (quân-nhơn nó nói rằng nhị-ca Phi) thuở Hạ-Bì phò nhị tẩu xa, (rồi nhị-ca Phi đã) đầu Tào-tặc phụ-tâm nhân-ước (thời đã rồi; Phi nghĩ lại như nhị-ca Phi là) nhất trang nghĩa-khí, cái thế anh hùng (2), (có lẽ nào manh tâm phụ ước cho đành; buồn cha cha là buồn ! quân, rượu đây)

Ngâm : (Chẳng biết nhị-ca Phi đầu..., đầu..., là đầu làm sao chơ ? ở thương hại cho đại ca Phi)

« Nhất nhạn hoành phi, vân tái ngoại,

(còn như Phi bây giờ)

« Cô đăng trượng chiếu nguyệt thành biên ».

(Thời Phi nghĩ lại như nhị ca Phi qui thuận với Tào, khuông phò nhị tẩu (3) dĩ tồn đại nghĩa ; còn như Phi bàn cử Cổ-thành, dồn lương tích thảo, dĩ đãi tha nhật làm ri, là sở kiến lược đồng đó)

« Anh hùng tự hữu quyền nghi cứ »,

(Phi say rồi ngủ, ngủ rồi dậy)

---

1) *Ca ca* hay là *kha kha* : kha là anh ; em gọi anh bằng kha kha.

2) *Nhất trang nghĩa khí* : bậc, hạng ; *cái thế* : người cả trong đời không ai địch nổi.

3) *Tẩu* : chị dâu ; nhị tẩu : hai chị dâu.

(mà Phi nghe nói nhị-ca Phi quy-thuận cùng Tào, thời thượng mã đề kim, hạ mã đề ngân, tam nhựt tiểu yến, ngũ nhật đại yến, yến, yến, ẩm, ẩm, ải, ải, ải...)

« *Khả hận đồ vong thủ túc tình.* (1) »

(Phi ngâm rồi lại ngủ)

quân báo : (Dạ dạ) hữu xa mã đáo thành, xưng Quan-Hầu nhập yết.

trương-phi : (ờ quân bây thưa rằng Quan-Hầu nhập yết, nhập yết, ải ải...) Tâm như hỏa liệt, hỏa liệt! nhĩ tợ lôi hoanh, lôi hoanh! (vả chăng Quan-Hầu bội ngô huynh trưởng, hàng Tào lập công, Phi hỏi chơ chơ) hà sự đáo ngã thành, tất kỳ trung hữu trá. (Chư tướng!) truyền chỉnh tu binh mã, mau bố liệt can qua. (Nam-mô a-di-đà phật, âu là) huy xà mâu sát phá oan gia ; (trăm lạy đại ca. ngàn lạy đại-ca, xin chiếu giám cho Phi, phen này Phi nói thiệt) huyền thủ-cấp (để) bảo ngô ca-trưởng. (Thôi)

quan công : (hay, hay a!) hảo hiền-đệ biệt lai vô dạng!

trương-phi : Quái Quan-Hầu thậm thị phi-nhân (Quan-Hầu, Phi hỏi) Ân-Đình-Hầu thống lảnh Tào-quân, (sao mà dám) ngựa xích thố trì xu ngô cảnh (mà làm chi hử ?)

---

1) Anh như con chim bay ngang ngoài ải, em như một ngọn đèn leo lét bên thành; đã biết anh hùng phải có chỗ quyền nghi, nhưng đáng giận là quên tình thủ-túc.

quan-công Tâm nan định ! tâm nan định, bất nhiêu sanh, bất nhiêu sanh ! Hưu lộng ngữ, hưu lộng ngữ !

(Phi muốn đánh)

nhị-tẩu : (Tam-đệ, hưu đắc vô lễ ; để chị phân lại cho em nghe.)

Hát khách :

«Tẩu tẩu tại tư (chị có nghe tin) Lưu-Hoàng-Thúc Nhữ-Nam quy-tỵ », (cho nên chị về tới đây, là cực khổ biết chừng nào, mà cũng nhờ nhị đệ đó mà)

« Lao lao chí thử, Quan Quân-Hầu nhất lộ phò trì » (1)

trương-phi : Thậm nghi, thậm nghi ! bất thỉnh, bất thỉnh ! (Phi nghĩ lại)

Hát khách : « Tào-Tháo gian-hùng, bỉ tắng dĩ thiên phương loạn chí »,

(Phi dám hỏi)

« Quan Hầu nghĩa-khí (ý làm sao mà) hà bất năng nhất tử thù tri ? (2)

quan-công : Hiền đệ vật đa từ, đa từ ! (xét lại) ngu huynh chân hữu quá hữu quá.

---

1) Hai chị ở đây nghe tin Hoàng-Thúc qua Nhữ-Nam lánh nạn một đường tới đó cũng nhờ có Quan-Hầu hết sức phò trì.

2) Tào Tháo là đứa gian-hùng, nhiều mưu để khuyến dụ, Quan Hầu là người nghĩa khí, sao không tử-tiết để đền ơn.

Hát khách : (tam-đệ, như anh)

« Thử nhựt hàng Tào, (là anh cũng sự bất đắc dĩ đó mà thôi, mà anh lại e) bất tế sự thì kỳ ngu giã» (mà nay anh cùng nhị tẩu đã về tới đây, dầu có lầm lỗi chi đi nữa, anh cũng xin em đi mà thôi)

« Kim triêu khử nguỵ, (là may may lắm) hạnh tương phùng, duy nguyện thứ chi » (1)

Lại nói ; hốt văn bối hậu binh truy.

trương-phi : (thôi nhằm rồi, nhằm rồi) quả thị phục binh tập ngã.

quan-công : (dạ dạ) thỉnh nhị tẩu đình xa lộ tả, (tam đệ, nầy nầy) khán ngu huynh sát tặc trận tiền (cho mà coi).

trương-phi : (có chắc hay không ?)

quan-công : (thiệt vậy)

trương-phi : nhược nhiên, nhược nhiên, phương tín, phương tín ! (chừ thôi thời Phi) thượng cao-lâu xuất lệnh, thỉnh nhị tẩu nhập thành, (như nhị ca mà) quả tru Tào tướng trận tiền, phương giải Trương Phi tâm hạ (thôi)

thái-dương : Ngã Thái-Dương lai giả, nễ phản bội mạc đào (2)

(Đánh nhau, Thái Dương chết)

---

1) Lúc ấy về đầu Tào, mà không nên việc, ấy là ngu đó ; ngày nay đã từ nó, may lại được gặp gỡ, xin em tha thứ cho anh.

2) Ta là Thái-Dương đã tới đây, mầy là đứa phản bội hết chạy.

quan công (nầy nầy), **mã hạ đầu huyền tại long-đao, quân trung lễ hiến lai hồ trướng** (1) (đây)

trương phi : (hay, hay, hay, **hay a !**) **sướng nên quá sướng, mừng rất đỗi mừng ! Xưa tưởng rằng thống lĩnh Tào quân, nay mới biết** (là) **không phò Hán thất.**

(Trương Phi qui xin chịu tội)

Quân tiền bồ-bặc (2) **mã hạ hoan-nghênh !** (thưa thưa) **đốn thủ** (3) **trần tình,** (em xin) **thẳng thân** (4) **thọ tội.**

(Quan-Công ngó lại cũng không nói)

Chưa kịp nghĩ ai hay là lỗi (nay sanh ra cơ sự làm ri) gặp cơn vui bỗng hóa ra buồn (dạ dám thưa nhị ca) như Phi bây giờ, no hết ngon, giận hết khôn (trăm lạy nhị ca) thương cũng nhờ, chấp cũng chịu.

quan-công : Hiền đệ nguyên lai vị liễu (chơ anh lại lòng nào) ngu huynh khỉ hữu hà tâm (5) (thời em nghĩ lại đó mà coi) biết rằng đây vốn có lỗi lầm (nhưng anh nghĩ lại) xét cho đó vì thương

---

1) dưới ngựa đầu treo nơi thanh long-kiếm, giữa ba quân xin làm lễ dâng nơi hồ trướng.

2) khúm núm.— (3) gục đầu tận đất.— (4) nằm thẳng mình.

5) em chưa hiểu nguyên do, anh có lòng nào,

nên giận (Tam đệ hãy ngồi). Kể sao xiết gian-nan thời vận, nói khôn cùng phiêu bạc tây đông ; (thời thuở trước) vườn thanh-mai (1) xích-xác anh hùng, (vốn nó muốn loạn quân thần chi lễ, nhưng rứa mà anh đây cứ giữ) ngọn ngân chúc chói lòe can-phủ ; (ả thương hại cho ca ca ta), đã nhiều trận sương che mây phủ, (còn nhị tẩu) lại gặp cơn nước chảy sóng dồn ; phận linh-đinh quanh-quẩn theo đòi ; (lại cho) lòng sắt đá (đi nữa là cũng) thắt quẳn mấy khúc. (Khi bây giờ) Vừa tin nhạn một mai gởi-giục (thời anh từ nó, anh đi liền) chỉ ải-quan năm chốn trải qua, những mong cho gặp mặt đại ca (ai ngờ đến đây) xảy lại đặng thấy chân hiền-đệ (là cũng may lắm)

trương phi. - Cuộc lao khổ biết bao nhiêu kể, bước anh hùng lắm lúc gập ghềnh. (Là) tự Từ-châu một trận tan-tành, khiến huynh-đệ hai phương thất lạc. (Khi rứa chứ em tới đây) chiếm Cổ-thành tạm thác chiêu nhân mã (để) đợi thời. (may đâu ngày nay nhị tẩu với nhị ca đã về đây thôi) chẳng còn lo đôi ngả phân ly (quân bây, sắm sửa cho ông ăn mừng) tua kíp mở tiệc diên yến lạc (nghe) !

---

1) vườn đào xưa, chỗ mà ba anh em kết nghĩa.

* * *

Tuồng Vạn bửu trình tường

Vạn - Bửu là một pho tuồng dài « đại cà sa » lấy tên các vị thuốc đặt cho các vai tuồng, do ngài Diên-khánh-Vương, con vua Gia-Long và các nho sĩ trong bách-quan triều Tự-Đức soạn, như cụ thượng Đào-Tấn, ông Lê-quý-Đồng, ông Võ-đình-Phương (người tỉnh Bình-Định, cử nhơn, lảnh chức hiệu-thơ).

Các lớp tuồng phỏng theo các tuồng khác, trừ cái đặc sắc này là các vai tuồng hòa nhã hay nóng nảy giống như dược tánh của các vị ấy; khi mỗi vai tuồng ra « bạch », rồi tiếp « nói lối ». thời ta hiểu ngay tánh tình của họ; như Bạch-tật Lê, một vị thuốc hình cong queo có gai nhọn mà cũng gọi là « quỷ kiến sầu » ra xướng :

« Nhọn nhẻ tài kia chẳng thiếu,
« Quanh-co trí nọ có thừa ;
« Trối thây ai gai gốc chẳng ưa,
« Quen thói mỗ nghênh-ngang cho toại ».

Hoặc Mộc-Quế ra bạch cũng tự tả một cách tài tình :

« Nương bóng kiều còn hãy mày xanh.
« Hăng mùi đạo dốc ghi lòng đỏ ».

Các vai chánh đều là các vị thuốc cốt yếu của các thang thuốc căn-bản như các thang tứ-quân, tứ-vật, ngũ-quân-tử, lục-vị, bát-trân, thập-toàn, v.v...

Vị hàn-tánh chống với vị nhiệt-tánh, vị bổ âm chống với vị bổ-dương ; như mộc-quế (trong thang bát vị thập toàn), Tân cương (gừng torng thang tứ quân, ngũ-quân-tử) tính nóng, bổ dương ôn phế, ôn-can, thời cương-trực trung-thần, Bạch. tật-Lê, vị thuốc trừ ghẻ lở sưng, ngứa, thời là một thằng nghịch-đảng bất hiếu, bất trung ; lại xin làm con nuôi của Lê-Lư (vị thuốc trừ ghẻ lở) một tướng nịnh tại triều.

Bạch Truật vị thuốc đại bổ tỳ, đứng đầu trong thang tứ-quân, ngũ quân-tử (với sâm, phục-linh, chích thảo, tân cương) tính ôn hòa bổ dương khí, là một kép trung, mặt đỏ đẹp đẽ, trung-trực, chống với Đại-hoàng (Biện-Nương) một vị bổ âm, tánh lạnh. Trái với con là Bạch-tật-Lê, Bạch - đầu - Ông là một lão thần chỉ biết thờ vua yêu nước ; biết trị thằng con không nổi, đành phải ôm nó mà lăn vào lửa để trừ cho vua một tôi bất-trung. Kim thạch-Hộc, Kim

anh-Tử, tính mát, đều là trung thần cũng như Đỗ-trọng, Sơn-Thù, Mộc-nữ-La.

Còn như Cam-Thảo, cũng bỏ trong tứ-quân, vị ngọt, thời đi đâu hòa hảo đấy. Thành thử một lớp tuồng Vạn Bửu sắp đặt như một đơn thuốc: hàn, nhiệt, âm, dương, tương chế nhau như trong triều có nịnh, có trung, có kẻ cương người nhu, mà mục đích cứu-cánh là giữ-gìn vận mệnh của xã tắc.

Tuồng Vạn-Bửu có một đặc-sắc nữa là câu văn ra vẻ «đại gia». Bao nhiêu văn-linh, văn khí của các văn-nhân trong triều đều thâu nhập trong đó để phụng sự nhà vua; huống chi vua Tự-Đức cũng là một nhà văn-hào cho nên tuồng Vạn-Bửu là công trình của một « viện hàn lâm ».

Kim-thạch-Hộc giữ chức Thái-phó, bị nịnh sàm, nên bị tội oan. Con là Kim anh-Tử đi học tiên về, nghe nói phụ-thân bị hại, cải trang làm con gái đi thám thính.

Mộc-nữ-La gặp, đem về nhà. Đêm ấy Mộc-Nhàn cha Mộc-nữ-La bàn về chuyện Kim-thạch-Hộc bị tội oan; Kim-anh-Tử nghe đặng, quá giận, thốt ra to tiếng, thành ra bại lộ sự cải-trang.

Mộc-Nhàn nhìn ra Kim-anh-Tử hết sức mừng rỡ, đã tha cái lỗi cải-trang mà còn gả Nữ.La cho

nữa. Nhưng ở đây sợ tai vách mạch rừng, nên Anh-Tử phải cải-trang để lên ẩn trong một cái chùa trên núi. Ít lâu, Anh-Tử từ-biệt Nữ-La để đi khỏi chốn Tràng An.

. . .

Kim-anh-Tử và Mộc-nữ-La từ biệt

nữ-la nói : Hồ phận dạ không đo-đắn, chìu duyên lời phải tỏ bầy. Vì nín hơi lụy bởi sau tai, rày tạn mặt dám bày một dạ. (1) thưa) Xin gắng sức hiếu-trung vẹn trả, (chơ) đâu tưởng đền ân ngãi trông đền. (Ấy) làm sao cho hồ thỉ chí nên, kẻo thẹn nỗi liễu-bồ phận gởi (2) (hà) (tay rót rượu)

« Rượu vơi vơi nâng chuốc chén vàng, tay rón rén chìu đưa người ngọc » (3)

Hát nam :

« Rón rén chìu đưa người ngọc.

« Xin nhớ niềm cấn lóc xe tơ ».

---

1) Ý nói Nữ-La thẹn vì Kim-Anh cải trang mà không nhận ra rồi đem về nhà và cho ở trong nhà ; duyên số đã định nên phải tỏ bày cùng bạn ngọc.

2) Nếu không tỏ nỗi lòng thời sợ tai vách mạch rừng, ninh thần hay đặng có Kim-anh-Tử lánh núp tại đây, sẽ có vạ lớn, nên gặp mặt đây xin trút hết can tràng. Câu một và ba nói về Kim-Anh : hiếu trung và hồ thỉ (cung tên), câu hai và 4 nói Nữ-La : Liễu bồ (cây liễu cây bồ yếu ớt)

3) Cũng như mấy câu trước, hai câu này đối với nhau từng chữ « rượu vơi vơi » đối với « tay rón rén ».

Kiều ông tán :

Biệt quyết tình nan giải, hàm bôi lụy ám thủy (1), nhứt đán tư thân sầu khiển quyện, thốn tình hoài biệt bộ trù trì. (2)

Hát nam :

« *Xót xa thay lúc lâm-kỳ*, (3)
« *Tình kia nghĩa nọ lăm ghi một lòng* ».

Nữ-la tán :

Cộng truyền hoan hội thiểu (4), tương ức nguyệt minh trung (5) (à) ; hồi thử mã hành đồ tả hữu (6) đoạn trường nhơn vọng dữ đông tây (7).

---

1) Chia chéo áo lúc từ biệt, tình khó bày giải, ngậm chén rượu thầm rơi lụy.

2) Một buổi mai nhớ cha, mối sầu ràng buộc, một tấc lòng nhớ nhung khi từ biệt, bước dùng-dằng (chậm chậm)

3) *Lâm-kỳ* : lên đường

4) Hội họp cùng nhau chia vui thời ít

5) Nhớ nhau lúc trăng tỏ rạng (trăng thề)

6) Lui ngựa trở về, đi đường bên tả, bên hữu (buồn, nên đi qua bên nầy, qua bên kia).

7) Nhớ người, đứt ruột, trông phía đông, phía tây. Hai chữ « đoạn trường » gốc ở truyện Sưu thần ; một người bắt đặng một con vượn con, thường ngày đem nơ bỡn chơi ; con vượn mẹ cứ trèo lên cây gần nhà ấy kêu thảm. Sau con vượn mẹ kêu quá mà chết rơi xuống gốc cây ; khi mổ ruột nó, thấy ruột đứt từng khúc.

Trong bài Trường-hận ca của ông Bạch-Cư-Dị tả lúc vua Đường-Minh-Hoàng chạy vào Ba-Thục, nàng Dương-Quý-Phi đã chết, đêm trời mưa mà vua nghe như gợi mối sầu.

Có câu : « Giạ vũ văn linh đoạn trường thanh ».

Hát nam :

« Kìa trăng, nọ nước, rầy lòng,
« Trăm năm tạc một chữ đồng chớ sai. »

kim-anh bát nam :

« Tấc lòng thề chẳng đổi hai,
« Phương trời gởi mắt, dặm dài giơ roi. (1)»

∴

(Đào-thị Biện-Nương (2) cùng Bạch-Truật (3) đánh nhau. Biện-Nương hóa hình làm tiều-tử, ngư ông để ép Bạch-Truật gả duyên với nàng.)

∴

biện-nương nói : Mới thử chơi diệu thuật, đà bắt đặng cuồng phu, (4) (quân) troàn quân nhơn khẩn cấp giam thâu, hồi dinh trại phân minh tra vấn (5).

---

1) *Phương trời gởi mắt* : nhìn mải phía chân trời vì nhớ người yêu.

Dặm dài giơ roi : trên con đường thiên lý chỉ một mình một ngựa.

2) Đào-thị Biện Nương : « đào Phiên, đào chiến » là nữ tướng của Lịch-dương-Châu, không quy phục triều đình.

3) *Bạch Truật* : tướng của triều đình sai đi trinh phạt giặc Lịch-dương-Châu.

4) *Diệu* : linh ứng ; *thuật* : phép (đây là phép tiên) ; *cuồng phu* : người điên (chỉ Bạch Truật)

5) *Khẩn cấp* : gấp, cầu ; *giam thâu* : giam, giữ lại về dinh trại tra hỏi.

bạch-truật nói: Sậu chuyển lôi thanh-chấn (1) viêm xuân hỏa diện sanh (2) hận tha cuồng lỗ tung-hoành, cảm nhỉ tồn ngô oai vọng (3) (gớm à; biểu cho) rày bổn soái hùng-sư chấn động, biểu tặc nhi ngã tướng giao lai (4) bằng còn ỷ cậy sắc tài (nói thiệt) ắc thấy chẳng còn tánh mạng.

biện-vương: (cha cha, tướng Yên chi đà lịch-sự; là) Đoái thấy đường đường hảo-hán, rất nên lẫm-lẫm hùng-phong (5) (ta hỏi:) đó là ai, trận-thượng giao-công? Dám buông tiếng quân trung khinh dụ?

bạch-truật nói: (như ta) Dương-Lư quận, quyền phong Tuyên-vũ (6) Bạch-Truật xưng, chức thọ đồng-nhung (7) (đây), Ngô kim triêu định

---

1) *Sậu*: thình lình; *lôi*: sấm; *thanh*: tiếng; *chấn*: dậy.

2) *Viêm*: nóng nực; *xung*: bốc lên; *hỏa diện sanh*: lửa sanh ra trên mặt.

3) *hận*: giận; *tha*: nó; *cuồng*: điên; *lỗ*: giặc, quân giặc *tung*: giọc; *hoành*: ngang (giận nó ngang tàng) *cảm*: dám cả gan · *tồn*: hư hại; *ngô oai vọng*: oai vọng của tôi.

4) *Bổn-soái*: chức tướng của ta; *hùng-sư*: quân hùng dũng *phấn động*: dấy động; *nhi*: đứa giặc trẻ con.

5) *Đường đường*: dáng to lớn chững-chạc; *hảo*: tốt *hán*: kẻ, người đàn ông; *lẫm lẫm*: đáng sợ hãi; *hùng*: oai; *phong*: đẹp đẽ, hòa dáng.

6) *Tuyên vũ*: tước phong cho ông tướng.

7) *Đồng-nhung*: đại-tướng thống-soái đem quân đi đánh ở ngoài.

quyết thư hùng (hỏi chơ chơ) nễ nữ tặc thị hà danh tự (1) ? (mà hay)

biện-nương nói : (hỏi ta, ta nói cho) Lịch-dương-Quận quyền đương thiên-lý, tánh Địa hoàng danh hiệu Biện-Nương (là ta đây, nói thiệt cho) đó những dầu khoe sức cường bang (2), thiếp đây dễ nhường ai đại quốc (à).

bạch-truật nói : Quái tai xuẩn tặc, cảm nhỉ khoa tài ; (chiến tướng !) y nhất lịnh bài khai, truyền tam quân giáp chiến (3).

(Đánh nhau)

Hát bắc :

« *Tiểu bỉ quần-thoa,* (4) *cảm vọng sính nữ trung chi hào kiệt* ».

« *Khán ngô oai võ, quyết bất nhiêu hóa ngoại chi xương cuồng* ». (4)

---

1) Ta nay mai định quyết trống mái (hơn và thua) mầy nữ tặc tên họ là gì ?

2) *Cường - bang* : nước mạnh lớn, cũng như đại quốc.

3) Quái thay đứa giặc ngu xuẩn dám khoe tài như vậy, theo một lệnh khai quân (bài : một số quân) truyền ba quân đánh (cảm : dám) (nhỉ : như thế)

4) *Bỉ* : kia ; *Quần, thoa* : quần, vòng (chỉ người đàn bà) *cảm* : dám; *vọng* : ước (cười người đàn bà kia dám ước sinh tài với các nữ-kiệt.) Hãy xem oai võ của ta, ta quyết không tha người, cuồng không qui Phục triều-đình (hoá ngoại : hoá ngoài, không cùng giáo hoá, là mọi rợ)

biện-nương: Hảo hảo dã đao-thương! diệu diệu tai thủ đoạn! (1)

Hát bắc :

« *Hoạt hổ sanh long*, (2) *hảo khán bỉ nhơn trung chi tuấn ngạn* (3) ; *tường loan chữ phụng, thi quan ngô nữ nội chi anh hùng!* (4) (ha) ».

(Biện-Nương giả thua chạy).

biện-nương nói : Hảo hảo tai Bạch-Truật chi oai phong! khoái khoái giả Biện-Nương chi tình ý! (ua : kỳ nầy ! duyên nợ là duyên nợ ở mô mần ri hè ! thôi thôi) lá lay bởi trăng giả xe chỉ, cất cỏ thay gió trẻ đưa duyên ! (ua ! khéo thiệt mà ! người ở một phương mà mình ở một ngả, chẳng quen biết bao giờ nay gây ra việc chinh chiến làm vậy, ta biết làm thế nào đặng; thôi) hèm anh hùng hải cách thuyền quyên, e chung cổ khó hòa cầm sắt (mà ! chừ tôi biết sao đây ? phải) rày muốn duyên vầy nam bắc (chi bằng ta) phải toan chước dụng vi thâm (nói mới đặng cho;

---

1) Đẹp đẹp thay gươm mác (tài cung kiếm). Hay hay thay mưu kế.

2) *Sinh long hoạt hổ* : con rồng, con hổ thật đương sống, hạng người mạnh mẽ, dũng lệt (chỉ Bạch Truật)

3) *Hảo* : tốt ; *Khán* : xem ; *bỉ* : kia ; *tuấn* : sáng suốt ; *ngạn* : rõ ràng (xem người kia sáng suốt rõ ràng đẹp đẽ thật như con rồng con hổ).

4) *tường, chữ* : liệng múa ; câu nầy ý nói tự khoe mình : thử xem ta, rõ bực nữ-kiệt anh-hùng.

chớ như tôi) đấu thần thương (1) thế tưởng không cầm, (âu là) thi tiên thuật ngỏ toan dẫn dụ (a)

(Hạ)

bạch truật nói : (nữ tặc hưu tẩu, hưu tẩu !) Nề hưu thối bộ thối bộ, ngã dỉ tấn lai tấn lai (2), thệ bất khí xuẩn tài, quyết sanh cầm nữ-tặc (3) (thôi)

biện-nương nói : Khen cho đó ỷ mình tài sắc, muốn theo đây lấn thiếp oai phong. (Như tài làm sao kia, chơ tài như thế, đám chém mà tài chi !) có kinh-luân (4) mới gọi đồng-nhung (chơ như) khoe kiếm-kích (như vậy) là nghề tiểu-tốt. Hẳn như đó lược-thao lão suốt (5) (ấy) khá coi đấy đồ trận phân bày ; như phá xong, mới gọi nên-trai, bằng có mắc, mựa đừng trách gái !

bạch-truật nói : (ngỡ là việc chi, chớ như việc xông pha đồ trận, nào có lạ chi) Ta vốn người chánh-đại, đâu kể việc tầm-thường (nào) đồ

---

1) thần thương : gươm thần.

2) mầy khoan lui bước; ta tới đây.

3) *Khí* : bỏ, *xuẩn* : hèn mạt ngu ngốc (thề không bỏ cái tài hèn của Biện Nương) ; *cầm* : bắt, quyết bắt sống nữ-tặc.

4) *Kinh* : chia từng đường tơ. *Luân* : họp lại những mối tơ một thứ. Nghĩa bóng, *kinh luân* : sửa sang việc chánh-trị.

5) *Đồng-nhung* : quan đại-tướng coi sóc việc quân ở ngoài, đem quân đi đánh rành giỏi.

trận chi khá lập rỡ ràng, phương-pháp đó ta màng chi kiên sợ!

biện-nương nói: (đại tiểu tam quân toàn tướng-sĩ thính ngô lịch hạ, y trận đồ án pháp bổ lai)

(Bạch Truật đương phá trận thời binh-mã biến mất).

bạch-truật: (uả! nầy kỳ cha chả!) Mảng còn ham kiếm-kích tung-hoành (răng mà) sao đã vắng mã binh công cự? (ờ ờ) bay chúng nó vọng phong đạo khứ (1) âu là ta phải mã hồi lai.

(Bỗng trước mặt hiện ra bụi bờ).

(Ua nầy!) Xông lướt ý không phương tháo (2) vấn vương (3) thêm khó nỗi đi! (lạ nầy!) giây giống chi (mà) bụi những giống chi, tay gở đó (rồi) chưng bèn mắc đó? Thậm khổ thậm khổ! tối kỳ tối kỳ! quả thương thiên (4) dục trợ xuẩn nhi, sử Bạch-Truật hốt tao nguy-địa (4) à).

---

1) *Vọng phong*: trông gió; *đạo khứ*: trốn đi.

2) Xông tên lướt đạn e không có cách thoát khỏi nạn.

3) vấn vương giây lá của bụi bờ; cũng dụng ý nói vấn-vương duyên nợ.

4) *Thương thiên*: trời xanh; — *dục trợ*: muốn giúp; — *xuẩn nhi*: đứa trẻ ngu hèn; — *hốt*: thoát; *tao*; gặp.

Nguy-địa: chỗng uy hiểm, (ý nói: trời sao không giúp người chánh-đại quang minh của triều mà lại muốn giúp đứa giặc trẻ ngu xuẩn ấy.

Than : « *Giác lai khả ủy, dục khứ nan thi ! thân giả nhược giải thăng nhi tự hệ, ta hồ như ngư võng chi thân ly, yêu thoát hề hà đắc, ỷ thọ hề trường ly.* (1)

tiều-tử ca :

« *Qua núi nọ lại rừng kia, thong thả mình nầy chẳng lụy chi ; bận bịu trối ai quẹn mắt tục, non cao gánh vác những từ khi !* »

Lại nói : Đoái hướng nam rất tốt lau kia, (âu là) duồng giá bắc đốt làm rẫy nọ.

bạch-truật nói : (ơ ơ) Tiều tử khoan, khoan đốt đó, hành nhơn có, có mỗ đây ! làm chi việc chông gai, xin thương người mắc gốc (với nao).

tiều-tử nói : (úy úy !) việc người người cóc (2) nghề lão lão toan ; đã tới đây là bợm đốt than, can chi đó mà lòng sợ lửa ?

bạch-truật nói : (thôi thôi) khói mù-mịt mắt không dướng nổi, gió ào-ào lửa muốn cháy lòa (ôi, thượng nhân ôi) xin thượng-nhân thương kẻ tài ba (3), đền đại-nghĩa quyết không đổi một (thôi).

---

1) Biết lại nên sợ, muốn đi khó ra. Than rằng muốn cởi giầy mà tự buộc. Than ôi, như thân con cá trói trong lưới ! muốn thoát sao đặng vậy ! dựa nơi cây để thở than.

2) *Cóc* : tiếng xưa, nghĩa là gánh, cưu mang.

3) *tai ba* : tam tai, bát nạn. (tam tai : hỏa tai, phong tai, thủy tai)

tiểu-tử nói : (vậy chớ tên tuổi là chi, đi về đâu mà mắc vào bụi rậm làm vậy ?).

bạch-truật nói : (như tôi) xưng Bạch-Truật quản-đam (1) chúng tốt, chốn Lịch-Dương dẹp lũ binh tàn ; sa cơ nầy vì gã Biện-Nương, chịu khốn ấy bởi mưu tặc-tử.

tiểu-tử nói : (tưởng là làm sao, chớ làm vậy, khó chi) chúa mồ vốn không làm dữ, việc nầy tại gã chẳng lành ; (biểu cho !) như lòng người dầu muốn thoát sanh, nghe lời lão mới « toan miễn tử ». Vả chủ trại người là thục-nữ, sánh thiên-duyên còn đợi anh-hùng (như nay người vương giây, mắc bụi làm ri là cũng túc-đế (2) chi duyên đó, thôi thôi) chàng mắc giây thiệt nợ vợ chồng, duyên sánh đó, mới xong tai nạn (cho)

bạch-truật nói : Nghe nói lời nên quá ngán, tưởng thêm giận lại rất căm. Khuyên lão tiều thôi chớ nói xàm, người danh tướng có đâu thói chạ !

tiểu-tử nói : (không nghe à) Chàng đã buông lời suồng-sã, lão khôn đứng nói cà-riềng (3)

---

1) *quản đam* : coi ngó, xướng suất.

2) *túc-đế* : (túc : sớm ; đế : ràng buộc) là cái duyên đã định sớm. Tiền-định.

3) « Sã » đối với « riềng », mà « suồng sã » cũng đối với « cà riềng »

(Âu là) lửa nhen lên cho gió thổi liên, chàng ở đó giận ai (cũng) mặc đó.

Bạch-tuật nói : (khoaa khoan) hưu động thủ ! hưu động thủ ! khả văn ngôn, khả văn ngôn (1) (đã mà ; như việc ấy là tại người ta nào phải chi vì tôi, như) ai dầu duyên nợ muốn tròn, mỗ quyết tình kia (đa) chẳng trở (2) (mà).

tiểu - tử nói : (ngại là ngại nhà ngươi mà thôi, như nhà ngươi có đánh thời nhà ngươi thề đi)

bạch tuật nói : (lại biểu tôi thề ở thề đây) một tiếng đã rằng tưởng hứa, lời đây chỉ hẹn non xanh, như hai lòng mà những cải tình (3) tấm thân nợ nguyện trôi bề bạc.

. . .

Mộc-nữ-La và Kim-anh-Tử

cùng đi tới một cái chùa

nữ la nói : Trót đã vương mang tình tự, chi nài khó nhọc công-trình (rày) vậy một đoàn kẻ lịch người thinh, nỗ hoàn nguyện am thuyền cửa Phật (4)

---

1) Khoan động tay ; xin nghe lời tôi đã.

2) *Trở* : cản trở, trở ngại

3) *Tương* : nhau ; *hứa* : hứa hẹn (đã hứa hẹn cùng nhau) *cải* : đổi *tình* : tình (là thay đổi mối tình duyên đã ước hẹn cùng nhau)

4) Am : am miếu, — *thuyền* : chính là chữ « thiền » nghĩa là nhà phật, đạo phật.

Hát nam :

« *Hoàng nguyện am thuyền cửa Phật,*
« *Xin chứng người vuông tấc thảo ngay.* »

kim anh hát nam :

« *Màu thuyền chỉn khéo diệm thay,*
« *Dúm nhen khóm lửa đượm vầy hơi hương* (1). »

nữ-la hát nam :

« *Chạnh ngừng én nhạn thêm thương,*
« *Thu rày nỡ cách, xuân sang xin vầy !* »

kim-anh hát nam :

« *Tầng sương trịu trịu treo mày,*
« *Sóng thu lai-láng đã đầy lại chan.* (2) »

nữ-la hát nam

« *Tấc đàng luống những riêng than,*
« *Âm vân thức giọi, tịch dương bóng ngời.* (3) »

(Ni-cô Khổ-Cần ra tiếp.)

khổ cần nói : (mô phật !) Mừng quý-nương am-viện tới nơi, cùng tỳ nữ thuyền-phòng rước

---

1) *Diệm* : huyền diệu anh linh ! lửa mới nhen mà đã đượm hơi hương.

2) Sương mắc nơi lông mày nặng trịu, từng tần, từng lớp. *Sóng thu* : chữ thu ba, là con mắt long lanh như sóng mùa thu, lai láng, đầy nước mắt; — *đã đầy lại chan* : (chứa chan) đầy rồi lại đầy nữa.

3) Mới một tấc đường mà biết bao sự buồn rầu trong lòng ; « am vân thức giọi, tịch dương bóng ngời » : (tịch : chiều ; dương: mặt trời) bóng trời chiều.

lại. (Nam-mô a-di đà-phật ! ny, lịch-sự chưa !) Mừng cho đó Tường-vi (1) thân gái, đặng dựa nơi lan huệ (2) mùi hương (chao ui !) xuê xoan (3) vốn đã khác thường, (mà) phê phết gẫm nên ra vẻ (à) ; (bây giờ) chốn thuyền (4) phòng xin tạm nghỉ lưng, kẻo đạo lộ người đà nhọc sức.

. . .

Tống Địch-Thanh

(Ngũ hổ bình Liêu)

Nguyễn-văn Diêu

Thế kỷ mười hai. Khi ông Triệu-Khuông Dận dựng nhà Tống bên Tàu chỉ còn bốn nước : Tống, Thiện-thiện, Tân-la và Tây-liêu. Thiện-thiện và Tân-la đã hàng-phục Tống rồi, chỉ còn Tây-liêu hay qua quấy nhiễu biên thùy Tống. Chính lúc ấy Địch-Thanh ra đời.

Địch-Thanh là con Địch-Quảng ; 2 tuổi, mồ côi cha, 9 tuổi bị lụt trôi tới chân núi Nga-my, vừa có Vương-Thiền Lão-tổ đem « lên tiên ».

---

1) *Tường vi* : tên giả của Kim-Anh khi cải trang làm con gái đi theo Nữ-La tu chùa.

2) *Lan-huệ* : hoa lan, hoa huệ, ví người con gái có đức ; cũng nghĩa là hòa-hảo, bạn bè với nhau.

3) *Xuê xoan* : phê-phết, đài các, diễm lệ (con nhà quan).

4) *Thuyền* : thiền, nhà Phật.

Sau 7 năm, Vương Thiền bảo Địch-Thanh về trần-thế.

Lúc bấy giờ tướng Tôn-Tú đương tuyển binh, Địch-Thanh vào ở lính, Tôn-Tú biết gốc tích của Địch-Thanh, cho đánh Địch-Thanh 40 côn và đuổi đi. Được một nhà sư săn sóc, Địch-Thanh lại bình-phục.

Trong hoàng-thành có một con yêu quái phá hại cây-cối của Địch-Thái-hậu ; các võ-tướng đều không trừ đặng. Địch-Thanh trừ ngay con quái-vật và được đem trình diện trước Địch-Thái-hậu. Địch-Thái-hậu nhìn đặng Địch-Thanh là cháu rồi giới-thiệu cùng Tống Nhân-tôn. Trong một cuộc đấu võ thử tài, Địch Thanh thắng Vương Thiên-Hóa, tể tướng tại trào. Tống Nhân-tôn cho Địch-Thanh làm Đề-đốc.

Nịnh-thần Bàng Hồng muốn trừ Địch Thanh tâu vua sai Địch-Thanh qua đánh Tây-liêu, để lấy cái trân-châu-kỳ. Tiểu-tướng Tiêu Đình Quý đem tiền-quân đi dẫn lộ, lại đi lạc qua nước Thiện-thiện, rồi lại giết ngay một tướng của Thiện-thiện. Địch-Thanh biết là lầm, xin lỗi nhưng đã lỡ rồi; Địch-Thanh phải nghênh-chiến và giết hết tướng của bên địch.

Vua nước ấy bèn sai con gái là Kiều Hoa công-chúa ra đánh. Kiều Hoa thắng ngay Địch-

MẶT BAO-CÔNG.

(Liên-my có sao Bắc-đẩu)

Thanh mà lại phải lòng Địch - Thanh, và bắt Địch-Thanh gả duyên với công-chúa ; Địch-Thanh không thuận cũng không đặng.

Tại triều, Bàng Hồng và Tôn-Tú tâu vua xin trị tội Địch - Thanh. Vua bắt giam Địch - mẫu. Địch-Thanh trốn đi, bị Trại-Ba bắt lại ; sau nhờ Lưu - Khánh can-thiệp, Trại - Ba thương tình để cho Địch-Thanh đi đánh Tây-liêu.

Qua Tây-liêu, Địch-Thanh đánh đâu hơn đó, lấy được trân-châu-kỳ đem về. Tống Nhân - tôn ban thưởng và tha cho Địch - mẫu. Nhưng vua Tây - liêu sai người qua bảo Bàng Hồng rằng trân - châu - kỳ của Địch - Thanh đem về là giả. Bàng Qui-phi sàm vua đem dầy Địch - Thanh ra Du-long trạm. Vương-Thiền lão-tổ khuyên Địch-Thanh giả chết ; Thốc-Long-Nha, sứ của Tây-liêu về báo tin ấy. Vua Tây - liêu cùng vua Tân - la đem đại binh qua đánh Tống. Địch-Thanh đánh tan giặc. Tây-liêu và Tân - la đều xin làm chư-hầu nhà Tống và xin nạp cái trân-châu-kỳ thật. Nhờ Bao công tra án, vua trị tội Bàng - Hồng, Tôn-Tú và cả Bàng Qui-phi.

Địch - Thanh được chức quyền lớn, lại cho người qua Thiện-thiện rước Trại - Ba về ; gia-đình xum-họp : mẹ, vợ, con, đoàn-tụ.

Ngũ hổ bình Liêu

Tống Địch-Thanh tạm gá duyên với Trại-Ba Công-chúa của nước Thiện-thiện, làm chưa xong phận-sự đối với nước, ngồi một mình thán.

địch-thanh thán :

« Bi phong ngũ dạ, quá tường đông (1), não khách thời văn cổ tự chung (2).

(Ngô quân à) « Ngọc khuyết cửu thiên lao mộng my (3) (mẫu thân à), đình vi thiên lý trướng âm dung (4).

Nói lối : Phụng sắc-chỉ bình Nhung (5), ngã Địch-Thanh nguyên-soái ; lỡ bước vì ngươi Đình

---

1) *Bi* : buồn ; *phong* : gió ; *ngũ* : năm ; *dạ* : đêm ; *quá* : qua ; *tường* : thành, tường ; *đông* : phía đông. Đêm năm canh ngọn gió buồn thoáng qua bên tường đông, phòng phía đông (đông sàng) là chỗ rể nằm. Đời Tần, nhà họ Tạ sai người sang họ Vương để kén rể. Con trai họ Vương nhiều; các cậu nghe tin ấy đều sửa soạn, chỉ có một cậu cứ nằm bên phòng đông ăn bánh, ông họ Tạ khen người ấy là rể xứng đáng.

2) *Não* : buồn ; *thời văn* : thỉnh-thoảng nghe ; *cổ tự chung* : chuông của một ngôi chùa xưa. Người khách buồn rầu (Địch-Thanh) thỉnh-thoảng nghe tiếng chuông của một ngôi chùa cũ.

3) (*Ngọc* : ngọc ; *khuyết* : cửa ; *cửu thiên* : trời 9 tầng ; *lao* : lo ; *mộng-my* : mơ-tưởng) Nằm mơ tưởng đến quân-vương (ngọc khuyết) mà lo.

4) (*Đình* : nhà ; *vi* : màn ; *trướng* : lo ; *âm* : tiếng nói ; *dung* : dáng điệu). Lo mẹ ở nhà cách ngàn dặm ; nhớ và lo cho đến tiếng nói và hình dung của mẹ. Câu trên là trung, câu này là hiếu.

5) *Nhung* : ngày xưa người Tàu gọi Nhung là những dân chưa văn-minh ở phương Tây.

Quý (1), gá duyên tạm với Trại-Ba, trăng hồng-lâu dục thảm lòng ta, gió cố-quốc đưa sầu cho mỗ. Mẹ nương cửa nhọc lòng triêu mộ (2), con trông mây tủi phận thần-hôn. (Thời từ ta sai Lưu Khánh hồi Tràng-An thám thính, tự thử chí tư, ý làm sao mà vắng tin đi nầy !) Bồi - hồi thiên lý Ngọc-môn, trù-trướng tam canh hồ sắt (3). Muốn tả tình thốn-thức, phải tìm cảnh u-nhàn (4) ; (ua nầy !) giống canh tiếng trống vừa tan, (chi nữa) dời gót vườn ba lướt tới : liễu dương mày rước khách, đào mở miệng chào người, vườn đông bướm liệng mỉm cười, viện bắc ong đua chắp cánh.

Ngâm :

« *Chi đầu liêu ngã điểu thanh đề* (5),

« *Bán chẩm u sầu tỉnh phục mê* (6) ;

« *Cố - quốc bồi - hồi thiên lý nguyệt* (7),

« *Cựu gia trù - trướng ngũ canh kê* (8).

---

1) Tiêu Đình-Quý dẫn đạo tiền quân của Địch-Thanh định qua Tây-liêu lại lạc vào nước Thiện-thiện.

2) *Triêu* : buổi mai ; *mộ* : buổi chiều.

3 *Ngọc-môn* : cửa ngọc, nhà vua, quân-vương) nhớ tới quân-vương cách xa ngan dặm mà áy - náy, bồi-hồi. (*Trù* : buồn rầu ; *trướng* : lo ngại ; *sắt* : thứ đàn mọi) ở ngoài cửa ải, xa ngàn dặm buồn rầu ; đêm năm canh nghe tiếng đàn sắt của mọi Ho.

4) *U* : vắng vẻ, yên lặng ; *nhàn* : rỗi, thong-thả.

5) (*Chi* : cành cây ; *đầu* : trên đầu, *liêu* : trêu ghẹo ; *điểu* : chim. *hanh* : tiếng ; *đề* : kêu) trên cành cây tiếng chim kêu đề trêu ghẹo ta.

6) (*Bán* : nửa, *chẩm* : gối kê đầu ; *tỉnh phục mê* : khi mê khi tỉnh) nằm ngủ mà lo buồn nên khi mê khi tỉnh.

7) Nhớ nước xa cách ngàn trùng nên trong lòng bâng-khuâng.

8) (*Trù* : buồn rầu ; *trướng* : lo) : năm canh gà gáy, lo buồn về việc nhà, nhớ mẹ.

(Có tiếng Lưu Khánh gọi giữa không-trung vì Lưu Khánh bay).

địch-thanh nói : Tiếng ai kêu văng vẳng trên mây, nghe thoang-thoảng xa đưa hơi gió ? Nơi vườn đào chẳng có, bên cụm liễu cũng không ; hay Lưu-gia đem thửa tin hồng, thấy bồn soái nên dừng cánh hộc (1)

lưu-khánk : (uỷ Nguyên-soái tề !)

địch-thanh : (Uả nầy, Lưu Khánh đây ma ! vậy cho người về Trảng-an thám thính, chẳng hay tin-tức mẹ ta ra thế nào, a người ?)

lưu-khánh : (Thưa Nguyên-soái, rối, rối, rối !) rày Bàng Hường thượng biểu, rằng nguyên-soái phản-quân, lệnh dạy bắt mẫu-thân, mà cầm (2) nơi ngục-nội.

(Nghe tin, Địch Thanh ngã ra bất tỉnh)

địch-thanh : Chỉ cột sầu mấy mối, dao cắt ruột trăm chìu ! đê-mê âm-tín mộ hướng triêu, mộng-mỵ tình-trung sanh dữ tử (3).

---

1) *Tin hồng* : là tin thư (ngày xưa Tô-Võ đi sứ nước Hung-nô, bị bắt giam không tha cho về, ông bèn viết thư buộc vào hồng-nhạn, đem về cho vua Hán-Võ-đế ; cho nên gọi tin hồng). *Cánh hộc* chim hộc, giống chim nhạn, ý nói báo tin.

2) *cầm* : giam ; *ngục nội* : trong ngục.

3) (*đê mê* : mê mẩn ; *âm tín* : tin thư ; *mộ* : tối ; *triêu* : mai) mê-mẩn tin tức, mai nầy đến tối khác. (mộng-mỵ : mơ-mang) mơ-màng trong cảnh tỉnh sống với chết.

lưu-khánh : (Nguyên-soái lai tỉnh !)
(Địch-Thanh tỉnh dần dần)

địch-thanh : (uả, Lưu Khánh đây mà ! chẳng hay tin tức mẹ ta ra thế nào, a người ?)

lưu-khánh : (Ui chao ! Nguyên-soái tôi người mê rồi đây ! thưa người, lệnh dạy bắt mẫu-thân để lưu giam ngục-nội.

địch-thanh nói : Mặt lơ-láo hổ cùng trời đất, lụy vắn dài khóc với non sông. Nỗi thần-hôn (1) con đã thẹn-thùng (đến nay) vòng hoạn-nạn mẹ mang lao-lực. (2) Tưởng tới dầu sôi sục-sục ! Nhớ thôi lửa dậy phần phần (coi nỗi thằng Bàng-Hồng) cứ đem thói tật năng (3) vu cho người phản-quốc ; cơm Tăng-thị (4) chưa đền một tấc, mây Thái-hàng (5) trông mỏi ngàn trùng. Đơn-ban

---

1) (*Thần* : sớm — *hôn* : tối) ; sớm viếng tối thăm đã thẹn thùng đạo làm con. (Chữ sách : « thần hôn định tỉnh »)

2) Hoạn-nạn mẹ thêm lao lực : nhọc sức.

3) (*Tật* : ghét. *Năng* : tài năng) : ghen ghét người tài-năng

4) (Đời Xuân-thu thầy Tăng-tử nghèo túng chỉ đi đốn củi nuôi mẹ già, có một bữa khách đến thăm mẹ, mà chưa thấy ông về ; bà cắn móng tay cho động lòng con, quả-nhiên thầy Tăng-tử về) Là ý nói chưa đền được một tấc áo cơm của mẹ già.

5) Đời nhà Đường, ông Địch-Nhơn-Kiệt bổ đi làm quan đường xa, ông thấy vẻ mây trắng phủ trên núi Thái-hàng, ông than thở rằng : «Nơi chỗ mây trắng chính là nhà của cha mẹ ở đây». Ý nói Địch-Thanh nhớ nhà.

ba thảo tỏa sầu dung, Tống-quốc sơn-hà di biệt hận (1)

lưu-khánh : (Thưa nguyên-soái, người làm sao cho) nội khả tri hiếu, ngoại khả toàn trung, thị vị anh-hùng, thị vị chi hào-kiệt. (Ai đi) lấy nước mắt mà đuổi hơi oanh-liệt, ôm lòng sầu trả nợ cho quân - vương (đặng à !) (người làm sao cho) tượng nguyên-huân rực rỡ các kỳ - lân, danh hiếu-tử bia bày trong mã-sử (2)

(Lưu-Khánh ra, Trại-Ba vào)

trại ba : (Thưa phu quân) Đàn đã in cầm sắt, phận thêm đẹp xướng tùy ; đất tuy vạch cuộc Ba-di (3) trời thiệt để duyên ngư-thủy (4) ; xin thỏa

---

1) (*Đơn-ban* : nước Đơn ; *ba thảo :* cây cỏ ; *tỏa* : khói ; *sầu dung* dáng sầu). Địch-Thanh ở bên Đơn-ban trông ra có như khóa chặt cái dáng buồn rầu.

2)(*Tượng*: tượng đồng ; *nguyên* : đầu ; *huân* : công nghiệp. *kỳ lân các*: là cái các có vẽ con kỳ-lân) ý nói : người nào có công-nghiệp lớn nhứt thì người ta đúc tượng đồng để với tượng các công-thần mà thờ phụng.

Mã-sử : sử của ông Tư-mã-Thiên. Ý nói cái danh của người hiếu-tử thường ở trong sử họ Mã như là bia chạm.

3) *Cầm sắt* : lá vợ chồng hòa hiệp ; *xướng tùy* : vợ vâng lời chồng. *Ba* : chỗ trung-hoa là chỗ đế-đô ; *di* : mọi rợ ; ý nói địa - giới tuy chia Trung-hoa (Tống), Di (Khiết-đơn) nhưng hai ta bây giờ đã hòa duyên, như cá gặp nước (ngư thủy).

4) *Yến* : yến tiệc vui vẻ. Dĩ : vậy (kinh *Thi* có câu : « yến dĩ tân hôn như cổ sắt cầm ». Yến tiệc vui vẻ, vậy có nàng dâu mới, như gảy đàn cầm) : ý Trại Ba nói : duyên mới đôi ta vui vẻ như thế, cớ sao chàng buồn.

tình yếu-dĩ (1) mà cất chén giao hoan, (Làm sao) mối sầu thôi đã chứa chan, đoạn thảm vì đâu đeo đuổi (làm vậy tề ?)

địch-thanh : mở miệng ra khó nói, ôm lòng lại mà sầu (2).

trại ba : (Thưa phu-quân, tình vợ chồng cùng nhau, có chuyện chi đi nữa, phu-quân hãy phân đi, làm sao mà buồn đó nao ?)

địch thanh : (Phu-nhơn, yêng buồn là buồn nhớ những vật xưa, định đường đao, yền-nguyệt-cung, nhơn diện thú, xuyên vân tiến (3); đã lâu ngày chinh-chiến, không biết nỗi mất còn) nghĩ thời đêm ngủ mất ngon, tưởng tới ngày ngồi chẳng tiện.

trại ba nói : (Thưa phu-quân, em tưởng là phu-quân) Vắng tin mẹ chân trời mặt biển, trả nợ vua tấc đất ngọn rau, chớ sá chi vật mọn mà sầu (thề nữ) đem thửa báu lành coi thử (đây !) đã đẹp

---

1) *Giao hoan* : là lưỡng tánh giao-hoan : hai họ giao vui.

2) Địch-Thanh nói : nói không tiện, nên tôi phải ôm bụng mà buồn.

3) *định đường đao* : ông Tống Thái-tổ định việc nhà Đường với một lưỡi gươm ; gươm ấy sau bà Địch Thá -hậu cho cháu là Tống-Địch-Thanh. *Yền nguyệt cung* : cái cung hình bán nguyệt cũng của ông Tống-Thái-tổ mà sau về tay Địch-Thanh. *Nhơn diện thú* : con thú mặt người. *Xuyên-vân-tiến* : cái mác chém xuyên mây. Khí giới của Địch Thanh bị Trại-Ba bắt được.

tòng quân-tử, xin cất chén kim-lôi (1), để giải lúc bi-ai, đặng ngâm câu hảo-hiệp (hè !)

Đồng ngâm .

« *Đơn nam Tống bắc, nhứt chung tình* (2),

« *Thâm thiển bôi trung tửu bán khuynh* (3);

« *Tạo-hóa hữu tâm đề túc trái* (4),

« *Cổ giao Ngưu-nữ toại sơ manh* (5) »

. . .

Trại-Ba giận Địch-Thanh đã trốn, đi theo bắt

trại-ba : Đã không nơi trướng chấu (6) lại vắng chốn màn loan (7) đã phụ thề lục thủy

---

1) *Báu lành* : là những của báu mà Trại-Ba thu được, bây giờ đem ra cho Địch-Thanh vui lòng. *Kim lôi* : chén vàng (Kinh *thi* : « chước bỉ kim lôi » : rót rượu vào chén vàng)

2) Nước Đơn bên Nam, nước Tống bên Bắc vẫn chung một tình.

3) Đầy vơi trong chén, rượu nửa nghiêng hồ.

4) Tạo hóa có lòng, ràng buộc duyên nợ ngày trước.

5) Cho nên, khiến chàng Ngưu gã Chức toại lời thề buổi đầu. Hằng năm đến hôm mồng 7 tháng 7 con ô-thước (qua) bắc cầu qua sông Ngân, để cho Ngưu lang Chức-nữ gặp nhau, vì xưa quá yêu nhau nên trễ nải công việc, trời bắt xa nhau, một năm chỉ cho gặp nhau một lần)

6) *Trướng chấu* : nguyên chữ liễu-dinh lấy ở tích Châu-Á-Phu đời Hán, đóng quân ở Tế liễu. Sau người ta gọi dinh quan tướng là liễu-dinh, mà lá liễu giống con châu chấu, mà « chấu » đối với « loan » hay hơn, có lẽ vì thế mà có chữ trướng chấu. ?

7) Màn loan : loan phòng : phòng vợ chồng.

thanh sơn, lại lánh chốn thiên giai hải giác (1) (ôi thôi thôi) bạc nên quá bạc ! chồng hỡi là chồng ! Rượu giao-hoan mùi đã mặn nồng (sao) đàng phân-khuyết (2) tình mau lạt-lẽo ! Giây dưới nguyệt đã đành chấp múi, chim ven trời đành đoạn bay xa ! vô duyên cho phận đàn bà ! bạc - tình thế cũng người quân - tử ! bỏ vợ chẳng thèm ừ - hữ, giận gẫm hết khôn ; mất chồng nên nỗi bồn-chồn, thương đà hóa dại ! là thôi thôi) thà đó đành phụ ngãi, đây há dám vong tình ! (thể nữ ! đái mã lai !), dục vó lừa xông lướt non xanh (con theo cùng bà nghe) cắp bửu-kiếm lần dò dặm tía.

Hát nam :

« *Bửu kiếm lần mò dặm tía,*
« *Giữ một lòng trọn nghĩa tùng phu* ».

thể nữ hát nam :

« *Nghĩ thầy, tớ cũng đeo sầu,*
« *Chim cưu ngao-ngán hà châu* (3) *một mình*».

trại-ba hát nam :

« *Hữu tình mà hóa vô tình,*
« *Bơ-vơ thân thiếp, lênh đênh nỗi chàng.* »

. . .

1) Chân trời góc bể.
2) *Phân khuyết* : chia chéo áo, ly biệt.
3) *Hà châu* : bãi sông. Chim cưu : « quan quan thư cưu tại hà chi châu, yểu điệu thục nữ quân-tử hảo cầu (Kinh *Thi*).

Trại-Ba theo kịp Địch-Thanh

địch-thanh nói : (Thưa, tôi xin chào công-chúa trông thế Công-chúa người làm lơ đó chi ?)

trại-ba nói : (Làm lơ chẳng làm lơ)

địch-thanh nói : (trông thế công chúa người giận đó chi ?)

trại-ba : (giận chẳng giận)

địch-thanh : (Xin công-chúa xét lại cho kẻ hạ-quan nhờ cùng) nếu bó tay hào-kiệt, sao gọi đứng anh-hùng ; bận nỗi vợ nỗi chồng, sao rằng trung rằng hiếu.

trại-ba (là ai không cho ông Nguyên-soái hiếu, ai không cho ông Nguyên-soái trung !) muốn hiếu trung nên vẹn chữ thủy-chung, đàng khứ tựu phải cho minh-bạch ; (là) đã trôn đi lấm-lét (1), lại nói việc bơ sờ, trách lại làm lơ, nghĩ không nên giận (à)

địch-thanh. — (Công chúa giận cũng phải, mà xin công chúa nghĩ lại ; như nay thằng Bàng-Hồng nó sàm tấu cùng lượng cửu-trùng rằng kẻ hạ-quan phản-nghịch, nó lại câu thủ từ mẫu giam vu ngục nội ; thôi thôi) oan ấy ỷ khôn đôi chối, lụy nầy đòi bữa chứa chan ; đó dâu hiền còn động lòng vàng, (huống chi) đây con thảo há đam thói bạc.

---

1) tiếng Huế : bộ tránh trút, sợ hãi.

trại-ba : (là) **mẹ** Tề như mẹ Tấn, lòng đó cũng lòng đây ; dẫu có chi cũng chẳng can chi, bởi thương lắm cho nên giận lắm.

địch-thanh nói : Có thương thời đừng giận, giận cũng như không thương (xin công chúa cho tôi đi) để trả nợ quân-vương, cho thỏa tình mẫu-tử.

trại-ba : Bởi vì ai sanh sự, chớ trách thiếp sự sanh ; quyết núm chú vô-tình, cho biết tay độc thủ (đây nầy)

(Trại Ba núm áo Địch Thanh)

. . .

Trại-Ba một mình thán sau khi Địch-Thanh trốn đi

trại-ba : (như ri là) chưa thỏa giấc Vu-sơn (1) vân vũ, đã tách miền Liêu-địa sơn-xuyên, (bởi vậy) chốn màn loan (2) luống những đeo phiền, nơi trướng-chấu (3) nghĩ càng rơi lụy.

---

1) Sở-Tương-vương nằm chiêm bao người đàn bà, vua hỏi, bà thưa : tôi là thần-nữ núi Vu-giáp, sớm làm mây, tối làm mưa, mây mưa là nói chuyện thô-tục của vợ chồng.

2) *Màn loan* : có vẽ chim loan ; loan phòng : phòng vợ chồng nằm.

3) *Trướng chấu* ; nguyên chữ liễu-dinh lấy ở tích Châu-á-Phu đời Hán, đóng quân ở Tế-liễu. Sau người ta gọi dinh quan tướng là liễu dinh, mà lá liễu giống con châu chấu mà « chấu » đối với « loan » hay hơn, có lẽ vì thế mà có chữ trướng chấu.

Bà Nguyệt khéo lăng quăng (1) múi chỉ, thợ trời thêm bối rối chuỗi sầu.

. . .

Tiết-Cương chồng-búa (2)

(Phản-Đường) (3)

Một hôm, Tiết-Cương về Tràng-an thăm mộ tiên-nhân. Trong cơn buồn, Tiết-Cương khóc to đến nỗi rgười ta biết có Tiết-Cương về và tướng triều là Võ-Tam-Tư, đem binh tróc nã. Trần Lan-Anh ra cứu chồng, Tiết-Cương thoát nạn, nhưng vợ chồng thất lạc. Giữa rừng hoang, Trần Lan-Anh sinh đặng một trai đặt tên Tiết-Quỳ. Còn Tiết-Cương ghé thăm bạn cũ là Tiết-Nghĩa để nương tựa trong cơn nguy biến.

Tiết-Nghĩa lại là bất.nghĩa, bắt ân-nhân đem nạp cho Võ-Tam-Tư. Vợ Tiết-Nghĩa là Tú-Hà lại là một liệt-nữ, thấy chồng lầm lỗi, lập mưu cứu Tiết Cương. Được tin, đồng đảng của Tiết Cương đi chận đường Tiết-Nghĩa và bắt giết. Tú-Hà nắm vào một cảnh éo-le : để chồng làm quấy là không trọn đạo vợ, mà trả ân xưa lại

---

1) *Lăng quăng* : lăng nhăng, nhăng nhít.

2) Sách Đường-chí : Tiết-Cương trượng phủ dĩ phá tặc; Tiết-Cương chống búa để phá giặc.

3) Xem chương lược thuật.

lụy đến chồng. Tú-Hà thung-dung đi tìm một cái am để tự-vẫn.

* * *

Trích lục

Tiết-Cương và Trần-Lan-Anh bị Võ-Tam-Tư đuổi đánh

(có lâu-la (1) và hồ-nô (2) đi theo)

tiết-cương nói : (nầy) cuộc hơn thua mới khỏi chiến - trường (làm răng mà) đường léo-lắc (lại) lạc vào lâm-hác (3) (đi nầy ! thôi thôi) cơn gió động, lá cây rơi-rác, (còn) cụm mây giăng khe núi mịt-mù ; (vả tôi thương tích chưa lành mà lộ đồ (4) nham-hiểm làm ri, thương hại) ngựa tái-ông (5) may rủi luống mồ-hồ, (còn) xe Nguyễn-

---

1) *Lâu la* : bộ hạ đảng cướp ; nghĩa rộng : quân lính của các tướng « Ngụy » không quy-phục triều-đình.

2) *Hồ-nô* : đầy tớ « mọi ».

3) *Lâm-hác* : rừng, hố.

4) *Lộ-đồ* : đường sá.

5) *Tái-ông* : ông ở ngoài biên thùy. Tích : « Tái-ông thất mã » : xưa có một ông ở ngoài biên-giới mất một con ngựa ; người ta phàn-nàn cho ông, ông nói : chưa chắc là không phải phúc. Ít lâu, con ngựa trở về, người ta mừng cho ông, ông nói : chưa chắc là không phải họa. Không bao lâu, con trai của ông té ngựa gãy chân ; người ta chia buồn cùng ông, ông nói : chưa chắc là không phải phúc. Về sau trong nước có giặc, dân đều phải đi linh bị giết rất nhiều ; con trai ông vì què mà khỏi chết.

Tịch (1) lỡ làng thêm bối rối. (Em, chừ vợ chồng ta thất-lạc, biết đi vô đường mô chừ em ?)

lan-anh nói : (thưa phu-quân) miễn đặng đoàn-viên một hội, lo chi hiểm trở ngàn trùng. (Chừ ta gặp nhau đây) dầu phiêu-lưu cũng có vợ chồng ta đi đường nầy không đặng lại đi đường khác) hãy lần lượt tìm đường tìm sá (chớ can chi mà phu-quân buồn đó nao ?)

lâu-la nói : (cha cha là trời tối, rừng rậm, không có đường sá chi hết).

hồ-nô nói : (giọng mọi) : (trước bẩm ông bà, sau thưa cùng các chú) việc ấy xin đừng ngại dạ, (chơ) chốn nầy (tôi) đi đã mòn chân. (Vả, đây có hai nga, một đường qua Hùng-sơn thời gần, một đường về Long-sơn thời xa, nhưng mà) qua Hùng-sơn thời động rú động rừng (còn) về Long-lãnh thời lội khe lội suối. (Đường khó đi lắm, xin ông bà đừng cỡi ngựa mới đi được, chừ thôi thời) phiền các chú, các anh chớ ngại, phát mỗi người một lát cho mau, khá dìu-dắt lấy nhau, kẻo bụi bờ rậm lắm.

---

1) Ông Nguyễn Tịch đời nhà Tấn, thường thề rằng, thế nào ông cũng bình-trị xứ Trung-nguyên, sau việc chẳng như lòng, ông ta hóa ra một người điên-cuồng ; ông bấy giờ như : xe đến đường cùng khôu phương trở bánh, ông bèn vào hội « trúc-lâm thất-hiền » chỉ uống rượu ngâm thơ chứ không vui thế-sự.

tiết-cương nói : Hồ-nô đã biết đường xa thẳm, lâu-la tua nối gót lần dò (nghe, ấy) chớ ngại-ngùng núi rậm hang sâu, miễn thoát đặng giây oan lưới họa...

Hát nam : (hà l)

« *Thoát đặng giây oan lưới họa,*
« *Bước gập-ghềnh dìu đỡ theo nhau.* »

hồ-nô hát nam :

« *Một đoàn tớ trước thầy sau,*
(Thương hại thương xót)
« *Chim kêu vượn hú, thêm đau-đớn lòng.* »

lan-anh hát nam :

« *Lao xao sóng vỗ ngọn tùng,*
(phu-quân gắng mà đi)
« *Gian-nan là nợ anh hùng phải vay.*

hồ nô nói : (Bẩm ông, bẩm bà, đã bấy cột cờ trước cửa trại rồi đó)

tiết-cương hát nam :

« *Sơn-đình đoái đã gần đây.*
« *Nhẹ chân kỳ ký*(1) *thoát bầy khuyển ưng* (2). »

. . .

---

1) *Kỳ* : tên ngựa ; *ký* : thứ ngựa chạy mau lắm.

2) *Khuyển* : chó ; *ưng* : chim mặc-cắc ; khuyển - ưng là hai giống thú dữ, giúp người đi săn ; đây tớ giúp chủ làm điều ác.

Lớp Tam-Tư đuổi theo Tiết-Cương.

tam - tư nói : Tiết tặc-nhân (1) dấu hãy xa chừng, Long-sơn trại xem đà lố-xố ; (nhằm nhằm rồi, thằng Tiết-Cương nó chạy về sơn-trại chớ chẳng không) truyền tam quân đình trú (2) thính nhứt lệnh tuyên truyền (3) ; (chư tướng, nghe dặn à) phân nhất chi phục tại sơn-tiền (4), (còn ta đây) quản chúng tướng tiềm lai trại hậu (5) (để mà) triệt tha khứ lộ, khám bỉ cơ quân (6). Nên tiềm tâm các xứ phòng nhàn (7), nghe hiệu lịnh (thời) đồng lai tiếp-ứng (8)

Hát khách ;

« Vũ sậu lôi đăng, vạn kỵ lai, huy qua đáo xứ tảo trần-ai ; thệ tương kỉnh khi trừ cường nghịch, khẩn hứa ngu phu độc sinh tài (9) »

---

1) *Tiết tặc nhân* : thằng giặc họ Tiết (Tiết-Cương)

2) Truyền tam quân đình trúc : truyền cho ba quân dừng lại.

3) Thính nhứt lệnh tuyên truyền : nghe một lệnh tuyền ra.

4) Phân nhứt chi phục tại sơn tiền : chia một nhánh phục ở trước núi.

5) Quản chúng tướng tiềm lai trại hậu : cai quản các tướng ẩn lại sau trại.

6) Triệt tha khứ lộ : triệt đường của bọn kia (bên Tiết-Cương) ; Khám bỉ cơ quan : xem mưu kế cơ quan của họ.

7) *Tiềm tâm* : để ý ngầm vào một việc ; *phòng nhàn* : canh giữ.

8 *Đồng lai tiếp ứng* : đồng lại tiếp-ứng.

9) Muôn ngựa kéo tới như mưa tuôn sấm dậy (*huy* : múa ; *qua* : giáo) quân linh tới đâu đều quét sạch bụi trần, thề đem hết sức trừ bọn nghịch thần ; không cho đứa ngu ngốc tầm thường sinh tài.

Lớp Trần-Lan-Anh thất-lạc cùng Hồ-Nô xuống thác lên ghềnh, phần thì ãm cháu, phần thì có thai, rồi lại sinh đẻ ở giữa đường.

lan-anh nói : (phu-quân hà tại ?) thậm thị ưu kinh ưu kinh, hốt nhiên thất lạc thất lạc (1) ! (phu quân ơi !) mang-mến (2) ấy mình rày phải thoát, chia phôi nầy tình nọ xiết bao (Phu quân ơi) non xa biển thẳm biết về đâu ? gió tạt mưa chan thân há nại ; trót đã lánh vòng tai hại, dễ còn ngại nỗi đông tây. Nguyền xông pha một tớ một thầy, ngỏ tìm tới hết lòng hết sức (còn hè !)

Hát nam :

« *Tìm tới hết lòng hết sức,*

(ơi phu-quân ơi)

« *Cảm sự tình ruột thắt đòi cơn* »

hồ-nô hát mọi :

« *Ngập ngừng muôn hộc chứa chan,* (3)

« *Một phen hoan-nạn, hai đàng biệt ly.* »

lan-anh nói : Bước quanh co khác nẻo, khác đường, (ôi chao ôi) mình mỏi mệt (đà) khôn lui

---

1) Hết sức lo sợ, lo sợ, hốt nhiên thất lạc, thất lạc.

2 là người có mang có mến

3) *Vạn hộc* : muôn hộc châu rơi, nghĩa là nước mắt sa đến muôn hộc là nhiều, mà còn chảy chưa ráo.

tới. (Hay là tôi) vì lướt chốn tên xung pháo đụt, (ơ, con bồng lấy em) đã gần ngày nhụy nở ba khai, (rồi con ạ. Bà đau lắm, con ơi! ối phu-quân ơi) giữa lộ-đồ chi xiết chơi vơi, trong thân-thể dường đà giục-giã.

hồ-nô nói : (Chừ bà đau mần răng, có khi bà đau đẻ đây ; ở trong nhà không đẻ, chừ đi đi giữa đường giữa sá, biết rước mụ ở mô ? vậy nữa) để mặc tôi dắt ngựa, để mặc tớ mang cung, (bà gắng bà ơi) bước lỡ làng nhà cửa cũng không (chừ bà nằm vô mô mà đẻ, ờ ờ có cái miếu gần đây, bà gắng đi tới đó để tôi cầu khẩn cho) lời van vái quỷ-thần xin cứu.

lan-anh nói : (ôi chao ôi) ruột quặn thắt đi càng khó chịu, gót lần lữa gắng lấy mà theo.

Hát nam :

« *Quê người đất khách cheo-leo,*
(răng mà bà đau thúc tới, con ơi)
« *Mình run khấp-khểnh lụy trào chứa chan*».

(Lan Anh ngồi dưới một cây quỳ, hồn mê, sinh con trai).

lan-anh nói : Hồn như mộng-mỵ, nhẫn thậm mồ-hồ (1). Nâng đỡ bà, con hỡi Hồ-nô, (ôi chao ôi) nông-nỗi thiếp biết chăng phu-tướng (2) (té ra

---

1) Hồn như nằm ngủ thấy mộng, mất choáng nhòa.

2) Câu đầu nói Hồ-nô, câu sau nói Tiết-Cương.

:ui để dưới bóng cây quỳ đây mà ! con ơi, cha con :bất lạc, có một mình mẹ đây thôi, chừ mẹ) mượn tên :ây đặt chữ Tiết-Quỳ : (hiệu đó)

(ua nầy !) Vang góc núi (lại) rầm binh Võ-hị (1) (kia) ; (trăm lạy thiên địa quỷ thần) cúi đầu àm lễ, nhờ đức tái-sinh, (ơi phu-quân ôi) vì vương ıang gánh nghĩa gánh tình, (rên chi) phải lịu-ịu tay bồng tay ẵm.

Hát nam :

« *Lịu địu tay bồng tay ẵm,*

(phu quân ơi)

« *Vội trông người biển thẳm non cao !* »

hồ-mô hát mọi :

« *Sụt sùi lụy nhỏ thấm bâu,*

« *Hột cơm tấm áo dễ hầu quên ân* (2) »

lan-anh hát nam :

« *Sợi sầu sao khéo vấn vương,*

(nín đi con !)

« *Thương thay đây đọa gió sương lạnh lùng.* (3) »

---

1) Mẹo tuồng chỗ nầy hay lắm vì cử chỉ, nét mặt phải thay đổi h : mới khóc lóc nhớ thương, thời thình-lình hoảng sợ. (*Quỳ với thị, hai tên cây*)

2) Lời của một nghĩa-bộc.

3) Các câu hát đều hợp với địa-vị của mỗi người và cùng một vần.

hồ mô hát mọi :

« Lạc loài nam bắc tây đông,
« Nhớ nhà nhớ cửa thương ông thương bà »

lan anh hát nam :

« Ngại-ngùng một bước một xa,
(Gắng mà đi con nghe !)
« Sơn-khê lướt dặm, can-qua thoát vòng ».

. . .

Lớp : Tiết-Nghĩa và vợ là Tú-Hà bàn với nhau về việc bắt Tiết-Cương.

tiết-nghĩa nói : Chức Đặng-châu tổng quản, xưng Tiết-Nghĩa tánh-danh ; (như tôi) trên thượng-đài (đà) đành dạ sử.linh (1) (nên chi) ngoài lê-thứ (đều) cúi đầu ca-tụng.

quân báo : (Rày có người tha-quận (2), dâng một bức phong tiên)

tiết-nghĩa nói : (nào đưa đây)
(Đọc thơ)

lại nói : (Cái thằng mới dại cho chớ, mới gớm cho chưa. Bạn tau là những người võng đỏ, quạt lông,

---

1) *Sử-linh* : sai khiến, — *lê thứ* ; dân chúng, — *thượng đài* ; đài trên, quan trên, có quyền cai-quản, dùng gọi quan trên.

2) *Tha-quận* : quận, xứ khác ; — *phong-tiên* ; phong thơ bằng giấy vẽ hoa tiên.

điếu ngà, tráp chữ nhựt tê ; chớ tau làm bạn chi với thằng không chăn không áo như vầy, mà hắn cũng xưng là bè bạn, thiệt dễ cười chớ !)

tứ hà nói : (Thưa phu quân, chẳng hay ai làm vậy ?)

tiết-nghĩa nói : (Phu nhân chưa biết, số là) nay tân quân ngọc-chỉ khắp truyền (rằng) tróc tặc-tử (là thang Tiết-Cương đó) đơn-đình đem nạp (1) (mà nay nó lại đem đầu tới đây, mới mệt cho chớ)

tứ hà nói ; (Thưa phu-quân, Tiết-Cương nào ? Có phải Tiết-Cương ngày trước chỗ pháp-trường cứu mạng cho vợ chồng ta đó không ?)

tiết-nghĩa nói : Phải đó, có một thằng Cương mà đã làm nhứt-nhối người ta, chớ lại mấy thằng Cương nữa (2) !)

tứ hà nói : (Vậy nay phu-quân liệu làm sao ?)

tiết-nghĩa nói : (Nó đã tới đây thời gông cổ nó lại, đem về nạp cho Võ-hậu, để kiếm một vài trật chi nữa chơi, chớ còn có ân-nghĩa chi mà tính liệu nào).

tứ hà nói : (Thưa phu-quân, em nghĩ lại, rất đỗi là) ân nhất phạn còn ghi lòng báo đáp, (huống chi Tiết-Cương cùng ta là) đức tái-sanh (đó mà) ai đi trở

---

1) *Đan đình* : sân đỏ, sân nhà vua, — *tặc-tử* : giặc ; — *ngọc chỉ* : tờ chiếu chỉ của vua.

2) Có người bảo rằng cụ thượng Đào Tấn soạn lớp nầy có ý dùng nữ Cương để chọc tức cụ Diệp-Văn-Cương đồng triều với cụ.

mặt oán thù (1) (răng cho phai ; nay người tới đây là) Hiệp-phố rày (người cũng muốn mượn chàng để mà) gắng sức hoàn-châu (2) (đó mà thôi ; chừ phu-quân phân làm rứa té ra)

Tào-Khanh đã không tình tri-bích (3) (chẳng thẹn lắm à)

tiết-nghĩa nói : Muốn cùng gã trọn niềm kim-thạch (4) (là anh đây) dễ quên ân đương lúc phong-trần (5) (mấy lời nói đó, chẳng qua là anh nói thử chơi đó thôi ; chừ thôi thời) chỉnh bôi bàn, (em phải) trở lại phòng xuân, (đặng cho anh) liệt nghi trượng (mà) rước người bạn ngọc (6) (thôi mà).

• • •

---

1) Ăn một hột cơm — tái sanh : cứu khỏi chết cũng như sanh lại.

2) Đất Hợp-phố thuộc quận Giao-chỉ đời Hậu Hán. Quan Tàu bắt dân phải lặn biển tìm châu, dân tình rất là khổ-sở, trốn lên núi ở. Sau ông Mạnh-thường-Quân sang làm Thái-thú bỏ lệ ấy; dân mới trở về Hợp-phố. Tục lại truyền rằng hạt châu tự nhiên bỏ đi nơi khác, sau trở về Hợp-phố ; ý nói người hiền bạn cũ thời tìm nhau.

3) *Tào Khanh* : ông quan ở nước Tào, đây là chuyện ông Hy-Phụ-Ky. Nguyên ông Trùng-Nhĩ, thái-tử nước Tấn, vị loạn trong nước lánh ra các nước ngoài, rồi ghé lại nước Tào. Ông Trùng-Nhĩ có cái ần tướng nơi vai, nên khi ông tắm thời ông vua Tào vô xem. Vợ ông Hy-Phụ Ky bảo rằng vua ta bất-nhã với Trùng-Nhĩ, mai sau e có họa, ta nên chữa lỗi ấy. Ông Hy-Phụ Ky bèn mời Trùng-Nhĩ ăn cơm. Khi xong tiệc, Hy-phụ Ky để ngọc trong chén dâng cho Trùng-Nhĩ. Trùng-Nhĩ trả ngọc lại. (tri bích ; biếu ngọc). Sau Trùng-Nhĩ đánh cả thiên-hạ trừ nước Tào.

4) *Kim-thạch* : sắt đá; lòng sắt đá, chắc chắn, không thay đổi.

5) *Phong-trần* : gió bụi, tình cảnh gian-khổ.

6) *Bôi bàn* : chén, mâm ; tiệc rượu ; *nghi-trượng* : nghi-tiết, đồ-đạc chưng bày theo phép-tắc lịch-sự.

Lớp Tiết-Nghĩa phục rượu Tiết-Cương và bắt Tiết-Cương

tiết-cương (say) nói : (thôi thôi) Ngọc-sơn đổi say tợ Kê-sinh (1) (rồi đây mà, thưa anh cho em đi nghỉ một tý, nầy nầy) bửu tháp hạ (xin) phiền cùng Trần-Tử (nghe). (2)

(Tiết Cương nằm nghỉ)

tiết-nghĩa nói : (té nó đã say đi rồi, quân bây vào mà trói nó lại cho tau nghe ; bây giữ nó cho thiệt kỹ, để tau la to lên) chúng bây khá thừa truyền, ngục môn mau giải-khứ (3)

tiết-cương (thức dậy) nói : (ua nầy, ua nầy ! thằng Nghĩa bất-nhân, bất-nhân, ải ải thôi thôi) ngộ nhập thử xứ, thử xứ, (mà) nễ thị phi-nhân, phi nhân (4), (gớm à ! ấy vậy mà) bước phong-trần (tau) kiếm chỗ gởi thân, (ai ngờ) thó vân-vũ (5) (mầy) sớm đà trở mặt.

---

1) Kê-sinh là Kê-Khương,, người đẹp như ngọc mà lại thích rượu khi Kê-Khương say, người ta nhi là hòn núi ngọc nhào nghiêng.

2) Trấn-Tử là Trần-Phồn có một cái giường quí (bửu tháp) khi nào bạn quí là Từ-Trĩ tới thăm,, Trần-Phồn mới đem hạ giường ấy mời bạn nam ; đây ý nói Tiết-Nghĩa là Trần-Phồn, bạn quý của Tiết-Cương.

3) *Thừa truyen* : theo lời truyền ; *ngục môn* : cửa ngục ; *giải khứ* : giải đi. Để ý đến lối văn ta mà dùng nhiều chữ Hán quá.

4) *Ngộ nhập* : vào lầm ; *Thử-xứ* : xứ nầy ; *nễ thị* : mầy thật, là ; *phi nhân* : không phải người, trộm cướp.

5) *Vân-vũ* : có chữ » « phiên vân phúc vũ » trở mây lật mưa ; nhân tình tráo-trở.

tiết-nghĩa nói : (quân bây) Truyền quân nhân cần-mật, nơi ngục-thất nghiêm canh. (Hỏa-bài quân, ấy) lãnh Hồng-kỳ thẳng đến tướng-dinh, (bây thưa cùng Nguyên-soái rằng bắt tặc-tử là thẳng Cương đó) (1)

∴

Lớp Tú-Hà tự ải

tú-hà nói : (ôi chao ôi) vô cùng áo não, áo não ! (phu quân tôi làm răng mà) chí thử khi nan khi nan (2) (cho đành ; như mần ri là) ân dưới đao (mà) đã quyết phụ-phàn, (hèn chi) lời bên gối không hề tin tưởng (3) (hời đã phải lắm). (ôi ân-nhân ôi !) Tính thoát nạn, ai ngờ gặp nạn ; (chừ tôi biết làm răng đây, ờ phải phải) đã lâm quyền ta phải tùng quyền (4) (mới đặng cho. Ơ Tiết-An, chừ người) lãnh tâm thơ mượn chớ trì-diên, tới Thiên-lãnh (5) ngõ toan báo bạch (nghe) Trước cậy với Ngũ-Hùng định sách (6), sau

---

1) *Hồng-kỳ* : cờ đỏ ; *tướng dinh* : dinh ông tướng. Câu nầy cũng có ý chọc ông Diệp-Văn-Cương.

2) *áo não* : buồn bực ; *chí thử* : đến thế ấy ; *khi* : dối, lừa ; *nan* : khó.

3) *ân dưới đao* : ý nói ân đối với Tiết-Cương cứu ngày xưa khỏi chết. *Lời bên gối* : ý nói tình đối với vợ.

4) Thoát nạn : ý nói Tiết-Cương. Tùng quyền : ý nói mình. Đoạn nầy, mỗi câu nói mỗi người.

5) *Trì diên* : chậm trễ, kéo dài. *Thiên-lãnh* : tên chỗ đất của Ngũ Hùng ở.

6) *Định sách* : định kế-hoạch.

phiền cùng Tần Hán giúp binh. Quân lâu-la mai-phục (1) sơn trình (đặng mà) cứu công-tử đem về Đông-lý.

tiết-an nói ; Ngửa vâng tôn-ý, đa-tạ hậu-tình, xin phu - nhân an tại hoa-đình, mặc tiểu-bộc lần theo sơn-lộ.

tú-hà nói : (Nay tôi sai Tiết-An đi thông báo cùng Ngũ-Hùng tráng-sĩ đặng giải cứu cho ân - nhân, thời phu - quân tôi chi cho khỏi mang tội ; nếu vậy, thời tôi tính làm răng đây ? thôi thôi) tâm thậm khổ, tâm thậm khổ ! (mà) kế dĩ cùng, kế dĩ cùng (2) (đi nầy !) (thương hại cho tôi) trả ơn xưa (mà) đến nỗi lụy chồng ; (còn) theo đạo cả, sao rằng tiết vợ ! (Như vậy mà tôi sống làm chi đây, chừ thôi thôi) tìm cồ miếu đặng toan bề tự-ải ; xa nhân-gian (cho) khỏi sự cảm-hoài (3) (thôi mà, ôi phu quân ôi !) nỗi oan-gia từ ấy mà thôi, (như tôi chừ) miền tĩnh-cảnh (4) về đây dễ biết (chi nữa) mặt giã-từ tử các, gót lần ruổi thanh-vân (5) (ôi phu-quân ôi, đừng trách em nghe) mối

---

1) *Mai-phục* : quân núp để đánh úp.

2) *Kế dĩ cùng* : kế, chước, đà cùng.

3) *Cồ miếu* : miếu xưa, — *tự-ải* : tự tử, quyên - sinh, *cảm-hoài* : thương tiếc.

4) *Miền tĩnh cảnh* : cõi chết, cõi tiên phật.

5) *Tử-các* : gác tía.

Thanh-vân : mây xanh.

nhân-duyên vấn - vít đã chia phôi, (còn) vòng danh-lợi dở-dang xin chịu dại (a).

Hát nam :

« *Chịu dại đường ân nỗi ái,*

« *Tâm sự nầy khó hỏi ông xanh.*

« *Mảnh gương phút đã tan-tành,*

« *Xuân-vi giá lạnh, thu-đình trăng trong* » (1)

« *Bước non sông ngại ngùng đâu xiết,*

« *Nợ phong-trần rửa hết từ đây.*

tú-hà lại nói : (ở đây là miếu tây, buồn cha cha là buồn nầy ! như tôi) vì má hồng (nên chi) cam phận rủi ro ; (mà tôi thương hại cho phu-quân tôi), cưu thói bạc lại nhiều đều cay đắng. (Như tôi chừ) chi nữa mà than dài thở vắn, trót đã liều nước chảy hoa trôi, (nam-mô-a di-đà phật !) bước trường từ (2) dễ xiết ai-bi, lòng vô-ngại xin cùng chiếu giám (3) (với a).

Thán : (Ai-ngô-sinh hà ?)

« *Hoàng-hạc lâu đầu vân tự ám,*

« *Bích sa song ngoại nguyệt vô y.*

« *Lạc hoa đáo địa vô nhân vấn,*

(nam-mô-a-di-đà phật !)

---

1) *Xuân* : mùa xuân ; *vi* : nhà trong ; *thu* : mùa thu ; *đình* : nhà, lâu đài.

2) *Trường từ* : từ biệt lâu dài, cũng như vĩnh quyết, chết.

3) *Ai-bi* : buồn thảm. *Vô ngại* ; không có gì ngăn trở, không lo ngại. *Chiếu giám* : soi xét.

« *Hoàn bội tha niên mộng lý quy* » (1)

(Tú-Hà tự-ải)

Diễn-vỏ-Đình

Triệu-Khánh-Sanh, cháu vua Tống Thái-tổ, bị nịnh-thần ganh ghét, cải trang lánh nạn, gặp Vương-Quý đem về nuôi và cho con gái là Kiều-Quang dạy may vá thêu thùa.

Một hôm Khánh-Sanh thấy cái lan-can thần-trượng, một bảo-kiếm của Tống Thái-tổ di-truyền lại cho con cháu, thời hết sức ngạc-nhiên rồi một mình than-thở...

Vương-Quý nghe đặng mới nhìn Khánh-Sanh và kể rõ đầu đuôi rằng ông thân Khánh-Sanh là

---

1) *Hoàng-hạc lâu* : lầu Hoàng-hạc. Thơ xưa : « Hoàng-hạc nhất khứ bất phục phan » : một lần bỏ lầu Hoàng-hạc mà đi thời không trở về. Đây ý nói vĩnh-biệt chết.

Nghĩa cả câu : tiên lầu Hoàng-hạc mây ám ; trước cửa bích sa nguyệt mờ ; hoa rụng xuống đất, khô, không ai hỏi han ; năm khác hồn sẽ về trong giấc mộng.

Chữ *ám* : cue, đây đọc ra am cho dễ hát. *Nguyệt vô ỷ* : mặt trăng không nương tựa, dựa vào. *Hoàn* : cái vòng ngọc, *Bội* ; đeo ; *Hoàn bội* : tiếng đeo ngọc ron ren. Thơ xưa : « Hoàn-bội không quy dạ nguyệt hồn » : tiếng đeo ngọc ron ren như hồn về trong đêm sáng trăng và thanh vắng. *Bích* : biếc, xanh ; *sa* : the ; *Cửa bích-sa* : cửa có the xanh che.

bạn thiết và ngày trước hai ông già đã hứa kết thông-gia. Giai-nhân, tài-tử chưa xiết nỗi mừng thời ninh-thần Bàng Hồng đem lính tới soát nhà Vương-Quý để bắt Khánh-Sanh. Vương-Quý nói dối rằng Bích-Đào (Khánh-Sanh cải trang) là cháu ông Bao-Công qua học may học thêu với Kiều-Quang. Bàng-Hồng không tin, buông lời vô-lễ và sắp sửa lột trần Bích-Đào để xét thời Bao-công tới nơi cứu Khánh-Sanh.

∴

Diễn-võ-Đình

kiều-quang xướng :

« *Sạ thính* (1) *hoàng-ly chuyển hạ thiên,*
« *Nhàn khan* (2) *lục-liễu như sanh yên* (3).
« *Chỉnh hài thoát hoán hồng la đới* (4),
« *Diêu hướng trì đường dạ bất miên* (5) ».

(Như tôi), chốn thâm-khuê giữ phận thuyền-quyên, (còn) dòng thế-phiệt thìn (6) lòng trinh

---

1) Sạ thính : thoắt nghe, bỗng nghe.
2) Khan : (đọc khán cũng đặng) : nghe.
3) Nhàn xem cây lục-liễu như sanh khói.
4) Hồng la : lụa hồng ; *đới* : đai áo.
5) (Hướng : trông về ; diêu : xa xôi ; trì đường : nước ao và bờ ao. *Dạ bất miên* : đêm không ngủ), Nghe chim hoàng-ly kêu mùa hạ thấy cây lục-liễu bữa tơ ; sửa giày thay đổi sợi hồng-la, ngắm xem chỗ trì-đường suốt đêm chẳng ngủ.
6) Giữ-gìn

tĩnh ; (ả thương hại) cha sáu kỷ nay đà trí chánh, (còn) mẹ ngàn trùng trước đã chơi tiên ; (nên chi) việc thêu-thùa chắp mối nghề riêng, (còn) duyên tơ-tóc (hãy) lỡ-làng phận trẻ (đây chơ. Con cố học hành thêu-dệt một mình cô cũng buồn lắm, mà mới rồi đây, lệnh phụ-thân cô có nuôi một người dưỡng-di tên là Bích-Đào ; phụ-thân cô lại giao cho cô dạy vẽ nghề thêu-dệt ; cô nghĩ lại bạn đàn bà con gái với nhau, cô đã phóng thức cho, lại chỉ vẽ cho đã nhiều lần, vậy mà con có thấy người nớ tập-tành chi không, a con ?)

tỳ-nữ : (Dạ bẩm cô, có phải cái ả to to lưng, mấy lâu nay ông nuôi ở bên chái tây đó không ? Chao ôi cha ! cái ả nớ quá lắm ; như ông mình thiệt dư cơm cô ạ) Lời ăn nói nghe thời nhọn - nhẻ (mà) bộ đứng ngồi thấy cũng lau chau (lắm cô ạ). (Con người ngó mặt mũi sáng như bông nở mà có ẩn tật cô ạ)

kiều-quang : (Vậy chớ có ẩn tật chi a con ?)

tỳ-nữ : (dạ có tật) hay làm biếng (lại) hay đau, (ở bên nớ ăn một ngày ba bữa thẳng thóe mà không thấy tập rèn thêu dệt chi hết cả, khi mô con có qua con rình thời) thấy những rên (và) những ngủ (mà thôi)

kiều quang : (con) họ là người thất-lộ, (cha đã đem về nuôi dưỡng, dạy vẽ cho người ta chơ) cô há dễ vô-tình (hay mần răng con ; vậy nữa chừ cô lén

qua đó) thử coi có gắng học-hành bay cũng như lời (con) tố-cáo (thôi mà).

(Hạ)

. . .

triệu-khánh-Sanh.-- (Khổ tâm à!) « Kham thán vận thời chi điên-điều, ta hồ tình sự chi quai vi (1) » (Tưởng tới Bàng-Hồng mầy hỡi mầy!) « hận nễ Bang-gia kết thử oán cừu nan tự giải (2)», (tôi nghĩ lại như nhà tôi ngũ thế huân-lao, tam triều môn-phiệt, mà chừ phai đến nỗi mầu ri, trời hỡi trời!) « ái ngô Triệu-thị thọ tử khổ nhục bất thăng bi » (3)

Nói lối : Tưởng thôi lệ vũ lâm-ly (mà) nhớ tới tâm ba đãng dạng (4) (mần ri ; là cũng vì người uốn lưỡi khua môi đó nghe ! ờ Bàng-Hồng, mày tau nói thiệt), chưa gặp thời (nên chi) mặt mỗ còn bôi ; (đây mầy ạ ; nầy nầy) chờ đến vận, thịt mầy (tau) quyết xẻ (thôi).

kiều-quang (rình nghe) (Ua hay!) hà vi nãi nhĩ, bất diệc lao hồ ! (hè) ! (hỏi chơ chơ) việc đường kim mối chỉ (sao) không lo, (mấy bữa nay tôi dạy cho những thức bướm mâu bông, còn nhớ hay không, mà những đứng dậy ngồi xuống mần rứa hè ?)

---

1) Than thở thời vận gặp hồi đen, sự tình gặp lúc rủi.
2) Giận lão Bàng Hồng chuyện oán cừu mãi mãi.
3) Thương nhà họ Triệu chịu điều khổ nhục biết bao.
4) Nước mắt mưa dầm-dề, sóng của lòng làm nao động thân-thể.

triệu-khánh-sanh : (Dạ dám thưa quý nương) bởi chỉ rối (tôi) giơ tay toan gỡ, vi kim cong (uên) mở miệng vừa la (đó ma).

kiều-quang : (Vậy chớ mấy thức mẫu đơn qua điệp (1) tôi phóng mẫu cho đã học đặng hay chưa ?)

khánh-sanh : (Thưa, tôi tối dạ lắm, tôi đã học đi học lại hoài mần răng mà những) lộn lạo đường bướm lại ong qua, (lại) lăng-liu nỗi lá chìm bông nổi (khó lắm ; mấy thức thêu mà quý nương phóng cho tôi học đó, tôi đã làm hư cả rồi ; dám thưa thưa) quở phạt tôi cam chịu lỗi, rộng thương (xin) người trót làm ơn. Xin phóng lại một lần, (đặng cho tôi) ngõ học theo mấy thức (thôi ma)

kiều-quang : (Vậy nữa đây phóng mẫu, vẽ qua nét mực, (còn) đó theo chừng giữ lấy đường tơ (nghe !). (Nầy nầy) thượng cẩm đề nhất họa nhất thơ, (còn đó) gia kim kết tứ linh tứ-bửu (2) (đây). (Khá coi theo dấu mà học cho in, nầy a).

Hai người đồng ngâm :

« *Luồn chỉ thắm chắp tơ mành,*
« *Dòng thẳng đường ngay nhận nẻo quanh.*
« *Cúc trắng mai vàng thơ thớt nhụy,*
« *Chim xanh lá đỏ ngẩn-ngơ tình.*

---

1) Qua : cây dưa, cây leo ; điệp : bươm-bướm.

2) Trên tấm gấm vẽ một bức và đề một bài thơ, rồi thêm tứ-linh (long, lân, quy, phượng), tứ bửu (giấy, bút, mực, nghiên mực).

« *Oan-ương* (1) *lẻ bạn còn lơ-láo,*
« *Phỉ-túy* (2) *chào duyên khéo rập-rình.*
« *Dệt phượng thêu rồng tài đáng mấy,*
« *Dừng kim sửng nhớ hẹn ba sinh* ».

khánh-sanh : (Thôi) ngành mẫu-đơn ngắm lại xinh xinh, (mà) thức hồ-điệp nhìn qua khéo khéo (đi thôi ma). (Khư tôi) trước chưa học coi qua lăng-liu, (mà ma) rày học rồi (ơ, ơ) gẫm lại (a, a) liu-lăng (đi rầy) ! Cất cớ thay dì gió chị trăng, (mà mà) thày lay bấy mới kim đường chỉ (xinh a !)

kiều-quang : (Tiểu-thơ hãy nghỉ, tiện - thiếp xin lui)

(Hạ)

triệu khánh-sanh : (Thôi, thôi) lỡ-làng khó đứng khó ngồi (mà) sửng sốt (đà) không suy không nghĩ (đi này) ! (Vả chăng tôi cải trang tỵ nạn, đến ở cùng người ; chừ người đến người dạy tôi, học hành thêu dệt, mà tôi buồn, có khi người không dạy nữa đây. Uả ! nhưng mà tôi học nghề nầy là học để làm chi ? ai đi) dứt giây củi mà buộc chưng chí-khí (còn) xách khuôn thêu đè mặt anh-hùng (cho đành).

---

1) Oan-ương : chim ; một con cái, một con đực không rời nhau
2) Phỉ túy : chim phỉ túy.

(Ở Bằng-Hưởng nầy, như tau) cánh hộc-hồng (1) (mà) gặp gió liệng mây xanh (nớ thời, tau nói thiệt) xương ưng-khuyển (2) (tau) nghiền tro quăng bể bạc (thôi bây à) ; (nầy), nỗi oan khúc tơ sầu chưa gác, (mà) mái Tây-hiên bóng gác hầu chênh (rồi đây ma). (Chừ tối rồi, tôi ở đây một minh cũng buồn lắm, mà tôi có) nghe tây-viên Diễn-võ hữu đình ; (chừ tôi lén trốn ra đó chơi, ờ phải phải) thừa minh nguyệt (đặng) tình hoài thiểu giải (3) (xong a).

(Hạ lớp)

kiều-quang : (ơi cha ơi cha !) rất hãi, rất hãi ! nên kinh, nên kinh !

vương-quý : (vậy chớ việc chi vậy con ?)

kiều-quang : (Dám thưa cha, bữa nay con qua tây-hiên dạy gã Bích Đào học thêu)

vương-quý : (mà hắn mần răng con ?)

kiều-quang : (con đương ngồi, ai ngờ) thấy Bích-Đào đứng dậy thình.linh. . .

vương-quý : (Hắn đứng dậy rồi hắn mần răng con ?)

---

1) Chim hồng chim hộc.

2) Chim ưng và chó, giúp cho người đi săn ; đầy tớ giúp chủ làm điều ác.

3) Thừa trăng trong giải buồn.

kiều-quang : (Hắn đứng dậy rồi hắn ngồi xuống thôi) nơi hoa-viện (hắn) nói năng dữ-tợn (lắm cha ạ)

vương-quý : (ờ con phân rằng bữa nay con qua tây-hiên dạy con Bích-Đào học thêu, ai ngờ thình-linh hắn đứng dậy rồi hắn lại ngồi xuống, ngồi xuống đứng dậy, ơ ơ, a a ! vậy nữa) con lui về thư-viện, cha lén tới hậu-đình, xem cho bẳn sự-tình, kẻo lòng còn nghi-ngại (thôi ma).

(Hạ lớp)

. . .

khánh-sanh : (tốt a !) bảo dã phong quang bất cải, hoan tai cảnh vật hữu tình (xinh a !) (coi) Kim-biển-đề Diễn-võ tân đình, (còn) thạch-kỷ đặt lan-can thần-trượng (1). (Như cái lan-can thần-trượng nầy), báu ấy thiệt Tống-triều khai sáng, (còn) vật nầy là Triệu-thị huân danh (2), (đây). (Thời thuở trước gia-tổ tôi là Triệu-Hàn-Vương khai sáng Tống-nghiệp, lan-can thần-trượng bình tặc hữu công, phụng chỉ bao phong, truyền vi thế bửu ; ai ngờ trung gian Triệu-thị tôi suy-lạc, nên thần-trượng nầy mới chuyển đi tới đây, thôi thôi) nhìn báu linh chỉ xiết

---

1) Trượng : binh-khi như cái giáo, cái kiếm ; cái trượng nầy của Tống Thai-tổ để lại tên là Lan-can. — thần trượng : cái trượng thiêng liêng.

2) Huân : công việc to lớn.

thương tình, (mà) căm đảng ninh khôn cùng hàm bậu (đây nầy). Chừ lúc dạ gian du hạnh mà thấy thần trượng của nhà tôi ở đây, ờ phải phải) nhơn khi đêm vắng cất thử vật thiêng. (Như cái thần-trượng nầy là) năm trăm cân tiếng nọ lưu truyền, (chừ ta) một tay cất tài nầy tiểu-khí (a).

vương quý (ngồi rình từ trước) :

(Uy a !) bất thăng hạnh hỷ, hạnh hỷ ! thậm giác hoan-nhiên, hoan-nhiên ! (xinh a) ! (Chao ôi là con gái lão ! thôi) ngày dịu-dàng giả dạng thuyền quyên (té ra) đêm chăm-hẳm trót trang hào-kiệt (đi mà thôi) ; ơ cháu, khi chừ chú sang cũng đã lâu, cháu nói những điều chi chú đã nghe hết rồi, thôi) tâm-sự đó vốn đà tỏ hết, (mà mà) cơ-duyên nầy (ơ ơ) âu cũng khiến vầy đây chơ). (Cháu, chừ ở đây chú phân hết lời cũng không tiện hè), dang tay trở lại hiên tây, (đặng) tỏ dạ bày lời trung khúc (cháu hè !)

(Hạ lớp rồi ra lại).

vương quý : (Cháu ngồi để chú phân chuyện cho cháu nghe) vốn cháu chưa tường trong đục, (cho ông già cháu cùng chú đây là) xưa từng kết nghĩa keo sơn (đó ma) (Mà cái lan-can thần-trượng mới rồi đó là của ông già cháu làm tin đó ; như ông già cháu cùng chú đây là) đã ước nguyền chỉ phúc

hôn nhân (là những răng chừ tê; ai ngờ tang thương biến dịch, thời cuộc chuyển - di, ông già cháu lại bất hạnh tạ thế, thôi chú đây) luống thương tiếc thệ tâm bằng hữu (lắm cháu ạ). (Đến nay cháu cải-trang ty nạn, may lại gặp chú đây), khuyên hiền-điệt đừng lòng khí cụu (cho) thiệt lão-phu không dạ vong bần (đây chơ). (Chừ cháu bẫy cứ để trang-phục mần rứa đã, cháu chịu khó vậy) nấn - ná (cho) qua lối phong-trần, (rồi chú sẽ liệu cho; có khi) thừa ưa cũng vầy duyên ngư-thủy (ba ba, a ba ba, cũng chưa biết đặng).

Khánh-sanh : (hà)! nghe phân - thuyết khôn ngừng giọt lệ, (dạ thưa đại quan, như tôi chừ) xét sự tình thêm hổ tâm đơn (1) (lắm ma); (là) bước lưu-ly (mà người) thương đặng là ơn (chơ) lời đính ước dám đâu còn tưởng (bay mần răng).

(Trong buồng hiệu ó).

vương - quý : Hốt thính quân thanh hưởng lượng, (thôi) nạn tường giả lý cát hung (2) (đi nầy)! (ở nhằm rồi, ơi cháu, ơi cháu) hiền-điệt mau lui chốn tư-phòng, (gia thần, ấy) mật thơ kíp trình qua Bao-lão.

---

1) Tấm lòng son.

2) Hốt nghe tiếng quân reo ở khó biết việc hay dở thế nào.

bàng-hường : Rày mỗ vâng kim-chiếu, theo nã tróc hung-nhân ; Triệu - khánh - Sanh thiệt đứa phản thần (đó ma, tôi hỏi) Vương Thái-phó sao dung loài tặc-tử (nè)? (Người có trữ dưỡng thằng Triệu-khánh-Sanh ở trong nhà thời đem ra mà nạp đi, rồi tôi tâu đỡ cho mà nhờ)

vương-quý : (Vậy chớ ai nói cùng quan Thái-sư rằng có thằng Triệu-khánh-Sanh ở trong nhà lão ?)

bàng-hường : (Số là Khâm-thiên-giám tâu cùng lệnh Thiên-tử rằng tướng-tinh thằng Triệu khánh-Sanh trú tại dinh Thái-phó, chớ ai nói)

vương-quý : (nào, tướng tinh thằng Triệu-khánh-Sanh ra răng, đưa đây cho lão coi thử. Uy chà chà !) Lời khinh-mạng (đã) lờn oai thiên-tử (mà) tiếng phao-vu (lại toàn) hại đứng huân-thần (1) (gớm à ! lão nói thiệt) biểu ai đừng cậy thế cậy thần (đi chớ) nhà lão thiệt (là) không gian không nịnh. (Nội trong nhà lão không có thằng nịnh nào hết thảy) (2).

bàng-hường : (Anh nói một hai không có thằng Triệu-khánh-Sanh không có ở trong nhà đó chi ; thôi để mặc tôi) ; truyền quân-nhân y lệnh, vào gia-nội soát gian (hè). (Việc nầy là tại anh đó nghe ; hây) bắt ra đây (cho) rõ tích rõ tang, kẻo còn hãy chối xuôi chối ngược (thôi).

---

1) Công-thần có làm đại-công cho vua cho nước.

2) Câu nầy khích nhạo Bàng-Hường.

vương-quý : (Đám thưa quan Thái-sư, vậy chớ có bắt đặng thằng Triệu-khánh-Sanh hay không) ?

bàng-hường : (Đó, quân nó mới ra, nó thưa không có)

vương-quý : (Hay a ! thiệt không thời tôi nói không ma)

bàng-hường : (Anh Thái phó ơi, tôi phân ra điều nầy cũng mếch lòng anh đây, nhưng mà việc lệnh phải làm cho hết tiếng nói, chừ thôi thời) xin đòi nội quyến ra chốn tiền-đường (là anh cho quyến-thuộc anh ra giữa tam-quân nhĩ-mục để tôi coi qua đi rồi tôi về tâu lại, ấy) trên đà hết dạ nghi nan, (còn) dưới lại khỏi lời phi-thị (đó anh ạ)

vương-quý : (Thưa vâng vâng, gia thần) truyền nội-gia nô-tỷ (1) cùng tiểu-ái Kiều-Quang, khá đem nhau ra chốn tiền-đường, cho hẳn mặt (để) khỏi bề hậu-hoạn.

bàng-hường : (Nào bây đứng xích ra đây coi thử nào) Con nầy vồ trang, thằng nọ quẹo chân, con nầy to lưng, thằng kia méo miệng ; con nầy chỉn thiệt là mọi Ai-lao, miệng thối những màu-chao, tay còn cầm xác mắm. (Thôi đuổi chúng nó ra kẻo bôi lắm, đuổi ra !.. ờ nầy) nhãn trung tường thẩm, (có khi) lệnh-ái Kiều-Quang

---

1) Nô-tỳ (đọc là tỷ) : đầy tớ.

(đây ma ; anh Thái-phó nầy, tôi biểu là biểu gia thần nô-tỷ tê, chớ cháu là con gái, ở chốn khuê-các, anh biểu cháu ra mần chi trong chốn đông người cho mếch lòng cháu; thôi cháu vào nghỉ ; mà khoan !)

vương-quý : (Quan Thái-sư đã kiểm-soát rồi thời cho chúng nó vô, chớ khoan chi ?)

bàng-hường : (Anh hãy đứng xích ra nao !) gã nào diện-mạo đoan-trang, (mà) xem thấy hình dung tú-mỹ : song mâu (1) như thủy, (mà) lưỡng nhĩ vô hoàn (2) ! (khéo làm lơ chưa ! quân) gã ấy thiệt loài gian, truyền quân nhân y lệnh ! (mà khoan, để tau coi đi coi lại đã.)

vương quý : (Thằng Triệu-khánh-Sanh đó, Thái-sư cứ bắt đi, bắt đi.)

bàng-hường : (Thằng Triệu khánh Sanh thiệt, thằng nầy tôi biết : diện bạch, thần hồng, mi trường nhãn bích ; ma nó khéo giả dạng lắm, chớ nó dữ như con cọp gấm lận anh ạ, quân ơi, thằng Khánh-Sanh rõ ràng đó, mà anh nầy anh già miệng lắm tau lại càng phát nghi ra, nhưng mà mình đi việc nầy có mệnh lệnh sợ chi hè ; nầy nầy) biểu anh đừng chớm-chỉnh, thiệt chàng đó rõ ràng ; (ờ) đã chắc mình chẳng phải là gian, (đó phải à ; bổ bôn quân, ấy) khá cồi ao để xoát ra cho thiệt.

---

1) Hai tròng con mắt trong như nước.
2) Hai tai không đeo bông tai.

vương-quý : Chân khinh-miệt ! chân khinh-miệt ! cảm vỗng vi ! cảm vỗng vi ! (gớm à, coi nỗi !) Con cháu người thiệt đấng khuê-nghi, (mà) thầy tớ gã dám toan thị-nhục (hè) ! (Như tiểu-thư nầy là) : Long Đồ-Các bổn tha biểu-thúc, Lý Bích-Đào chỉ thị tiểu-danh ; (mấy lâu người cho sang đây là) cùng con già thêu dệt học-hành, (nào lão) đố ai dám ngang tàng kiểm-soát !

bàng-hường : (ờ quan Thái-phó phân rằng : bợm nầy tên là Bích-Đào, cháu ông Long Đồ-Các là Bao Chửng cho qua đây học với con anh đó chi, ỹ ! bộ mặt mần rứa lại có thêu nữa ! họa là hắn qua đây hắn thêu con anh đi chăng ! ờ anh Thái-phó nầy, tôi đây) chẳng sợ Long-Đồ Long-Các (mà) không kiêng Bao-Chửng Bao-Công (đâu anh ạ). (Là tôi) bắt loài gian (tôi) vâng mệnh lời rồng, (còn như anh) chứa đảng nguỵ (đã) tỏ bày mặt chuột (ra đó) ; (Hổ bôn-quân !) truyền quân vâng lệnh một, chớ khá nói tay hai ; thử lột ra (bây) coi gái hay trai, kẻo để vậy (những) nhìn con với cháu.

vương-quý : Nhĩ đặng mạc vi cường-bạo (nầy nầy) lão phu quyết bất thứ dung (đâu bây ạ gia thần), truyền gia-thần mau thỉnh Bao-công, rằng lệnh-điệt bị tha hãm hại (đi đi mau).

bao-công : (Võ lâm quân !) Đao thương chỉnh bị, đăng chúc huy-hoàng (à) ! kíp nghiêm bài ngọc lạc kim an, mau trực chỉ vương-gia công-thự.

(Ua nầy !) tạng mặt cháu giòng châu lã-chã, (cơ chi) chậm chân già (thời) vóc ngọc (đã) tồi - tàn (rồi đó). (Thái-sư ! lão hỏi, chơ chơ) lệnh chín trùng (dầu) trên có mấy ban (đi nữa là) phép ba thước (sao) người không giữ lỗi (hà) ? (à) đầu đuôi khá nói, sau trước tỏ bày ; (cháu lão đó, hỏi chơ chơ) việc chi, nên hỏi gái hỏi trai, (còn) việc chi dám soát xiêm soát áo ? (nói mà nghe thử nao)

bảng-hường : (Dạ) Lời dám thưa Nguyên-lão, lượng xin xét (cho) hạ-khanh. (Như tôi là) lãnh quân ân theo bắt Khánh-Sanh, (ai ngờ tôi) thấy diện mạo (mới) lầm ái-điệt (đó chơ)

bao-công : (thôi thôi) Cẩm nhĩ lộng ba đào chi thiệt, quái tai hoài sài hổ chi tâm ! (Thái sư, lão hỏi chơ chơ) việc hãm - nhân mà người gọi rằng lầm (đó phải à, hèn chi) lời khinh gã lão toan muốn chối. (Thái-sư, như nay lão đã đến đây là) đánh cũng tội mà tha người cũng tội, (trong thế) người ỷ quyền mỗ lại lớn quyền (nớ ma) (Võ lâm-quân, ấy), võ-lâm quân tức-tốc thừa truyền, lan can trượng đệ lai vấn tội (đây)

bàng-hường : (Anh Thái phó, tôi cùng anh tình liên-hữu cùng nhau, nay quốc-lão người thạnh-nộ, răng anh không đỡ vớt cho tôi một hai lời ?)

vương-quý : (Thưa vâng, để tôi xin nói đỡ cho ; dạ, dám thưa Nguyên-lão) lời Thái-sư mới nói, có quân sĩ đều nghe. (Là người quở rằng) : giấu Khánh-Sanh (nên) người chẳng kiên dè, (còn như việc Bích . Đào thời người nói) in Triệu thi nên người truyền kiểm-soát. (Người lại nói ri nữa) : chẳng sợ Long-Đồ Long Các, không kiêng Bao-Chửng Bao-Công ; (thôi thôi) mắng nhiếc người chẳng sót mảy lông (mà) hành bạ cháu, (nó) sợ đà đứt thịt (đi lận mà).

bao-công : Song mâu tích-lịch, tích-lịch, ngũ-nội ba đào, ba đào (1) ! (hè !), thủ thần-trượng bất nhiêu (2), nễ gian-đồ hưu-tẩu (3) (thôi).

(Bàng-Hường bị đánh, chạy)

vương-quý : (mồ cha thằng nịnh mặt mốc, sao không đứng mà kiểm-soát nữa !)

. . .

---

1) Ngũ nội : ngũ tạng ; ý nói ruột gan. Ba đào : sóng gió ; ý nói giận tức.

2) Cầm thần-trượng (mà đánh) không tha.

3) Mầy là đứa gian, đừng chạy.

Thúc-Sanh gặp Thúy-Kiều

(Tuồng nầy do Kim-Vân-Kiều soạn ra ; ai cũng biết truyện ấy rồi nên miễn lược-thuật)

thúc-sanh : — Quê ngụ Lâm-tri huyện, mỗ nay Thúc-kỳ-Tâm ; cùng Hoạn-gia kết nghĩa sắt cầm (1) vui đạo thánh theo nghề hàn-uyển (2) (Như ta) nhà thung (3) hãy Lâm-tri buôn bán, (mà ta ở đây) cửa Khổng còn đèn sách hôm mai. Tiếng Kiều-nương tắng-mảng bên tai, (chi nữa) tìm giai-nữ (4) ngõ may thấy mặt (xong)

Hát nam :

« Giai-nữ ngõ may thấy mặt,
« Kẻo tấm lòng mơ-ước thiên-hương.
« Tơ thừa đâu khéo vấn-vương,
« Yêu hoa phải khiến đỗ đường tìm hoa.
« Xanh xanh đoái thấy một tòa,
« Mau chân tới đó vui hoa bẻ ngành. »

(Hạ lớp)

* * *

---

1) *Sắt cầm hòa hiệp* : vợ chồng.

2) *Hàn-uyển* : vườn ngòi bút : là nói nghề học trò.

3) *Nhà thung* : cha (cây thung 8.000 năm là mùa xuân, 8.000 năm là mùa thu, nghĩa là con trông cha mẹ sống lâu như thế) *Thung-huyên* : cha mẹ.

4) *giai-nữ* : con gái tốt.

Thúy-Kiều trong phòng

thúy-kiều : Từ thuở lầu xanh treo giá, xiết bao đất khách nhơ danh ! trông mây luống những ngẩn-ngơ tình, hỏi nguyệt càng thêm lai - láng lụy. Sân hòe - quế (1) có đủ mùi thúc thủy (2) (hay không oi cha mẹ ơi !), nhà thung - huyên (3) gần xế bóng tang.du (4) (ôi phu quân ôi !) người qua thăm cây da cũ bến đò xưa (5) (không biết) em đã chắp mối tơ thừa dây chỉ thắm (6) (hay chưa ?) thổn-thức nỗi chung tình cựu niệm ngổn-ngang lòng cố-quốc tha-hương ! Hàm sầu

---

1) *Hòe* : cây hòe (cây lớn, hoa vàng, quả dài và bẹp).

(Họ Vương có ba người con trai, gọi là tam hòe)

Quế : cây quế dùng làm thuốc. (Họ Đậu có năm người con, gọi là ngũ-quế), đây ý nói con cái.

2) *Thúc* : rau ; *thủy* : nước lã (ý nói một nắm rau, một chén nước, xin dâng cha mẹ).

3) *Thung-huyên* : cha mẹ, cỏ huyên uống vào thì hay giải phiền, nên gọi mẹ là huyên, ý nói mẹ càng già thì nên đừng phiền não.

4) *tang du* : cành dâu, ý nói cành dâu bóng xế (cha mẹ già).

5) Có câu hát chèo đò giã gạo : « Trăm năm vì nỗi hẹn hò. Cây đa bến cũ con đò khác đưa. « Cây đa bến cũ còn lưa, Chiếc đò còn đó, người xưa đâu còn ! »

6) Chỉ thắm : tích Vi-Cố gặp một ông già, có cái túi đầy chỉ hồng đang xem sách dưới bóng trăng. Sách ấy là sách hôn-thư, chỉ ấy để buộc những người phải lấy nhau. Ông già buộc Vi-Cố với một người con gái bánrau rách-rưới bần-thỉu. Vi-Cố giận lắm mà rồi sau cũng phải chịu.

cố ảnh tự thương, bảo hận thống tâm trường thán (1) (hà),

Thán :

« *Thanh-lâu ngộ nhập thọ phong - trần* (2),
« *Bạc mạng nan hoàn mộng lý thân* (3).
« *Bất thúc Tiền-đường hà xứ thị* (4),
« *Yên ba bán thế tổng thương thân* » (5).

. . .

Thúc-Sanh vào

thúc-sanh nói : Đầu ba-thiếp cung trần (6), thỉnh giai-nhân tương-kiến.

thúy-kiều : Ngửa nhờ lượng biển, đoái tới phận hèn, xin thỉnh lại ba-diên (7) ngõ vui-vầy hỷ-tửu (hè).

---

1) Ngậm sầu trông bóng tự thương, ôm giận đau lòng than thở mãi.

2) Lầu xanh lầm vào chịu kiếp phong-trần.

3) Bạc mạng khó trả lại cái thân trong giấc chiêm-bao (mộng Đạm-Tiên).

4) Không biết sông Tiền-đường chỗ nào.

5) Nợ yên ba nửa đời đều thương thân (*yên* : khói ; *ba* : sóng) thân phận éo-le dễ tan hợp như mây sóng.

6) Thiếp danh bằng giấy hoa : ba thiếp ; đầu : đưa ; cung-trần : bày tỏ rõ ràng (danh tánh).

7) Ba diên : tiệc hoa, tiệc vui vẻ.

thủc-sanh : (uy a !) Thị lạc nhạn trầm ngư chi mạo, chân tu ba bế nguyệt chi dung (1) (hảo a !) tam sanh hữu hạnh tương phùng (2), sổ cú liêu vi trì tặng (a).

Ngâm :

« *Vân tưởng y thường ba tưởng dung* ! (3),
« *Dao đài nguyệt hạ ngẫu tương phùng.* (4)
« *Thiên-nhiên kiều-diện hồn như họa* (5),
« *Chỉ khủng đơn thanh họa vị công* (6) ».

---

1) (Thị : ấy ; lạc : sa ; nhạn : chim nhạn ; trầm : chìm ; ngư : cá ; chi : cai ; mạo : dáng). Nghĩa là : Ấy là cái dáng đẹp-đẽ, cá trông thấy phải chìm đáy nước ; nhạn trông thấy phải sa lưng trời.— (chơn : thật ; tu : thẹn ; ba : bông ; bế : khuyết ; nguyệt : trăng ; chi : chân - dung : dung nhan). Nghĩa là : thật là sắc đẹp cành hoa trông thấy cũng thẹn-thùng, mặt trăng trông thấy phải khép gương nga. (Hai cau nầy là Thúc-Sinh khen Kiều lắm).

2) Kiếp ba sinh có may mắn mới gặp gỡ nhau.

3) Mây tưởng áo xiêm, bông tưởng bông phù - dung (nói người đẹp). Y-thường : trong « Tầu-cung-oán » : « Xiêm nghê nọ tà-tơi trước gió, Áo vũ kia lập - lò trong trăng.., » Nghê : cầu vồng ; thường : cái xiêm, (Vua Đường-Minh-Hoang thấy con gái múa hát trên cung trăng mà mặc xiêm sắc như màu cầu vồng. Bông phù dung là 1 thứ hoa đẹp lắm.

4) Đài ngọc dao : chỗ tiên ở, dưới trăng tinh-cờ mà gặp nhau.

5) Cái vẻ kiều-diễm (nậu mà, thiên-nhiên trong-trẻo như vẽ.

6) E sợ mùi sớm, mùi xanh vẽ không điều ; ý nói sợ có điều không lành. Câu nầy ý bóng-bảnh lắm !

Lại nói : (thôi) Lươn lấm đầu tiếc bấy má hồng, uyên kết canh cùng nguyền đầu bạc (1). (ước nên chăng ?)

thúy-kiều : Chàng dầu quyết nhất (nhưng mà) thiếp hãy tu tâm. Duyên nầy dầu muốn trăm năm (nhưng rứa mà) ngày khác hãy e một nỗi (nầy)

thúc-sanh : Tâm hạ hữu hà trì ngoại ? (2) kỷ tiền tu khả thuyết minh ? (3) (mà nghe thử)

thúy-kiều hát khách :

« *Trung quỹ tằng văn thiện khổn quyền ;* (4)
(như nay thúc sanh bạn cùng tôi là)

« *Cát đẳng vị tất hữu thùy liên ?* (5)
(huống chi)

« *Cao đường huống phục tồn nghiêm-huấn* (6)
(thúc sanh là đạo làm con)

« *Nhân-tử an năng đắc tự chuyên* (7)
(chẳng may mà)

---

1) Chim uyên-ương kết cánh làm vợ chồng (con cái và con đực khi nào cũng đi với nhau). *Lươn* : thứ cá mình dài như rắn, da có nhớt. Thân lươn : thân-phận hèn mọn ; trong *Kiều* có câu :

« *Thân lươn bao quản lấm đầu...* »

2) *Trì ngoại* : có việc gì trì nghi ngoài việc nầy nữa ?

3) *Thuyết minh* : nói rõ.

4) (*Trung quy* : trong cũi) : trong cũi thường nghe chuyện chuyên quyền trong khuê khổn ; ý nói vợ cả chuyên quyền trong gia-đình.

5) (Cát đẳng : sắn bìm) : phận hầu hạ chưa chắc có ai thương.

6) Cao đường (cha mẹ) huống lại còn lời nghiêm dạy.

7) Đạo làm con đâu hay được tự-chuyên.

« *Nhất đán trung đồ tao xích trục* (1)
(có phải là)
« *Hỏa-khanh phục diện thọ oan khiên* (2)

Lại nói : Trên cha già trông xuống biết lòng thương (còn)dưới vợ cả ngó ra đà dạ đẹp (hay không ?)

thúc-sanh : khéo sợ chi bụng hẹp, đừng lo những việc xa. Ví dầu tới nỗi phong ba (3) (là) cũng phải bền lòng kim thạch (chơ).

thúy-kiều : Tính sao cho xong mới lịch, thương cho vẹn thời vâng. Làm sao khỏi nước đến chân, đừng để trong nhà trở mặt.

thúc-sanh ; Cùng nhau về thảo-thất (4) (rồi) mượn kẻ tới hoa-lầu (5) thất cơ thời việc phải cần, đắc-thế rồi ta sẽ chuộc (thôi ma).

. . .

Hoạn-Thư bắt Thúy-Kiều hầu rượu và đàn cho Thúc-Sanh nghe.

hoạn-thư : Thiếp vừa trông ra cửa, chàng đã trở lại nhà, xin thỉnh lại trướng-hoa, sẽ bày

---

1) Một mai giữa đường gặp phải đuổi bỏ.

2) (Hỏa khanh : hầm lửa) là vợ ghen tuông thì phải cúi mặt mà chịu oan khiên.

3) Phong ba ; gió sóng, ý nói dầu có thế nào nữa cũng theo nhau.

4) Thảo thất : nhà ; có ý Thúc-Sanh nói khiêm-từ.

5) Hoa lầu : lầu hoa ; ý nói lầu tốt đẹp của vợ chồng ở.

lời áo-lý (1). Truyền cho thế-nữ, lại với hoa-nô (nghe dặn à) : dọn cơm tận mặt mà hầu, rót rượu cúi đầu đừng ngó. (nghe !)

thúc-sanh : (nầy) ta còn lạ, vốn chưa biết đó, (chơ) người ở đâu mà mới tới đây ? Xin em khá tỏ bày, cho yêng nghe hẳn biết (nao).

hoạn-thư : (Thưa phu quân) Còn ấy thiệt giỏi giang công việc, mẹ thiếp cho hầu-hạ sớm khuya ; âm-nhạc đã lành nghề (mà) hồ - cầm thêm đủ ngón (ma).

Cớ chi phiền-muộn, chẳng chút hân-hoan (2) (thời) gần một năm mới đặng viên-đoàn (ý làm sao mà) sánh hai mặt, lại ra sầu-thảm (kia) ?

thúc - sanh : (Số là) Đường xa ngàn dặm, trời cách hai phương ; trông mây thời nhớ tưởng nghiêm-đường (3) (nên) tuôn lụy để nguôi lòng hiếu-tử (đó a).

hoạn-thư ; (là) phải điều tình nghĩa hẳn thiệt hiếu-thân ! (Thưa phu quân) giải phiền mượn chén

---

1) *Trướng hoa* : trướng có vẽ hoa, chỗ vợ chồng nằm. *Áo lý* : chuyện tư riêng, kín đáo, là vợ chồng phân pho to nhỏ.

2) *Hân-hoan:* vui-vẻ.

3) *Nghiêm đường* ; cha.

tẩy trần (1) (hoa nô ấy) hầu tiệc cho người chước tửu (đó).

Lại nói: Con nọ sao mầy lếu-láo, chồng tau giận chẳng ngỏ han? (Tau nói thiệt) bằng rượu ấy chẳng màng, thời tội kia không thứ (thôi ma, mầy đem rượu đây!)

thúc-sanh: Khoan đã, khoan đã! có đây, có đây! để ta uống cho say, tha nó đi kẻo tội (nao)!

hoạn-thư: Chàng đà can-gián, tau cũng vâng lời. (Hoa nô, ấy) gẩy đàn mượn tiếng ca-nhi (2), đưa chén giải phiền quân-tử (à).

thúy-kiều nói một mình:

(nầy) Rỗ-ràng thiệt người quen tình cũ, ngợ-ngàng thay bậc thấp ngôi cao; bây giờ ăn nói biết làm sao, đến thế rủi may thời chịu vậy. (Chi nữa) lại nói to: Xin vâng lời dạy, dám cải lệnh truyền; năm giây gắng thử tay hèn, một khúc giải chưng cơn muộn.

Khúc đàn:

« *Tích niên giai-ngẫu, kim nhật chủ-nhân* (3),
« *Chủ nhân lưu lụy, tỳ-nữ thương thần* (4);

---

1) (*Tẩy*; rửa; *trần*: bụi) đi đâu xa xuôi, lúc trở về nhà, có chén rượu mừng, là ý để rửa cơn bụi gió giọc đường.

2) *Ca-nhi*: con hát.

3) Năm trước đôi lứa, ngày hôm nay là người chủ.

4) Người chủ rơi nước mắt, đầy tớ thương tổn thần-sắc.

« *Thường thần bất dĩ, khổ tứ nan thân* (1),
« *Nan thân tình tự, không thán phong trần* (2)'
« *Phong trần vị liễu, lỳ-nữ thương thân* (3) ».

hoạn-thư : Đờn chi những khúc thương thần, mà khiến cho người muộn sắc. Nằm thiêm-thiếp đó đà an giấc, (còn) ngồi trơ-trơ đây cũng hổ mình (đi nầy ; con kia, như mầy là) tướng-công nhược bất hồi tinh (4) (tau nói thiệt) như tội cai đương trọng đã (đó).

thúc-sanh : (số là ta) thấy khúc đờn rất lạ, (nên) dựa xuống gối mà nghe (đó mà thôi), nào phải ngủ nghê (chi) xin đừng giận dữ (nao).

hoạn-thư : (Con kia !) khúc nầy không giỏi, tai cũng khó nghe, (ấy) đờn khúc nao (cho) vui thửa lòng kia, thời tau mới tha chưng tội đó !

thúy-kiều đờn :

« *Lăng bỉ phỏ diêu hề khóa dinh chân,*
« *Yểu dụ liệt nữ hồ vi hảo cầu.*

---

1) Hại thần-sắc không thôi, ý-tứ khổ não không thư được.

2) Khó thư mối tình, luống thán kiếp phong-trần.

3) Kiếp phong-trần chưa rảnh, nên đầy tớ cứ thương hại đến thân-phận mình.

4) Như ông không tỉnh lại thời mầy phải chịu tội ấy.
(tỉnh mà đọc là tinh cho thuận)

« *Đại khối văn chương hồ giai giả ngã,*
« *Hoành khâm thương vũ hề khoái song*
mâu (1) ».

boạn-thư : (Thôi) Thanh-nhã thay bậc thấp cao, hòa bình ấy tiếng to tiếng nhỏ ; nghề nên hãn hữu, tài thiệt vô song. Xin chàng mời cạn vài chung, cùng thiếp vui-vầy một tiệc.

Lại nói : Tau chưa cạn biết, mầy khá tỏ bày, nhân sao có chau mày, nói cho tường kẽ tóc (thử nao).

thúy-kiều : Xét phận hèn nô-bộc, nhờ lượng cả tiểu-thư, lời cung xin tả một tờ, tình thiệt dám bày mọi nỗi :

« *Thiếp Bắc-kinh nhân thị, hàn uyển môn*
« *phong, phụ tao biến dĩ la hình, thọ li tiết, kỳ*
« *thân chi khổ. Thiếp mãi thân nhi chuộc tội,*
« *thân từ-ô phản bộ chi ân. Khách địa lưu-ly, tự*
« *tác đồ trung chi liễu ; châu môn phục thị, cánh*
« *đông liêm-ngoại chi hoa. Phục nguyện khổ hải*
« *tế nhân, thiếu giả từ bi chi niệm. Không môn*
« *tác bạn, đắc siêu nguyệt chướng chi thân ; tắc*

---

1) Lên chốn phò-diêu, lướt chốn doanh-châu. Mời các tiên-nữ kết làm đôi lứa. Ta muốn văn-chương của trời đất. Xem ra vũ-trụ đều là cảnh vui.

« điểu hỹ vạn lại du ba, tình cung thị thiệt.
« Tư cung (1) ».

hoạn-thư : Tình nên khổ bức, tài thiệt thanh cao. Vậy mà dấu diếm mấy lâu, nay mới rỡ-ràng việc trước. Thân ấy bằng không phận bạc, giá nầy đáng dựa nhà vàng. Đã tiếc lại thêm thương, (cái người) có tài mà không phận (uổng lắm ma).

. . .

Một đoạn của

Đông-Chu liệt-quốc

Bình-vương nước Sở sai Phấn-Dương ám-sát Thái-tử để truyền ngôi cho con thứ. Phấn-Dương không giết Thái-tử, về chịu tội với vua. Trong triều còn Ngũ-Xa là đồng đảng với Thái-tử, nên bị giam. Nịnh-thần Vô-Cực tấu vua bắt Ngũ-Xa viết thơ triệu hai con về « giúp nước » để trừ cho sạch. Ngũ-Thượng vâng lời cha về Tràng-an. Bình-vương giam cả hai cha con, lại sai quân nã Ngũ-Viên.

---

1) Tôi người Bắc kinh, vốn người văn-vật. Cha gặp biến bị phải ao-tù, trói buộc gông xai thêm khổ. Tôi bán mình để chuộc tội lỗi, ông ân sinh dục ngõ đền. Mấy lâu đất khách lưu-ly như cây liễu rước gió, may lại nhà quan hầu hạ như hoa ngoài rèm, cúi xin bề thồ vớt người mở lòng từ thiện, cho đặng cửa chùa làm bạn, khỏi tiếp oan khiên, tôi xin đội ơn vô cùng.

Biết nạn đã gần, Ngũ-Viên từ-biệt vợ để lánh nạn, nhưng quá cảm-động, Ngũ-Viên đi không đành. Vợ là Giả-thị, muốn cho khỏi bận lòng chồng, vào buồng tự-vẫn. Ngũ-Viên mai-táng vợ xong thời tướng của Bình-vương là Thành Hắc tới kịp. Ngũ-Viên trá bại, và đương lúc Thành-Hắc không ngờ, Ngũ-Viên bắn Thành-Hắc đọa mã. Ngũ-Viên tha không giết. Thành-Hắc về tâu vua. Vua đem Ngũ-Xa và Ngũ Thượng hành-hình.

.˙.

Lớp : Ngũ-Viên từ-biệt vợ

ngũ-viên. (Em ơi em) Thấy đó đào thơ liễu-yếu, xui đây huệ héo lan sầu. (Nay Sở nhà nó hại phụ huynh ta, nên ta xuất bôn tha-quốc đặng mà) lá ngoại binh, lo trả thâm-cừu, (nhưng mà) nhìn nội-tử khó dứt tình ân-ái, (đó em nà).

giả-thị ; Dám xin chàng nghĩ lại, sá chi thiếp mà thương ; xin đừng nhi-nữ tình trường, mà khiến anh-hùng khí đoản ; trông một hội tiết chồng cho rạng, dưới ngàn năm ngãi vợ thêm cao. Vẻ chi một mảnh má đào, khôn thoát trăm muôn binh-hổ.

Hát bắc : (trăm lạy phu-quân đừng khóc)

« *Khốc khốc đề đề, quyến luyến vô vi nhi-nữ thái;* (phu-quân đi đi) *oanh-oanh liệt liệt, báo cừu tu lệ trượng-phu tâm* » (1).

ngũ-viên hát bắc :

« *Đối thử kiều dung* (hò ! hò !) *sầu thượng kim yên nan cử bộ, đề lai biệt-lự, túng giao thiết-hán duyệt chiêm khâm* (2).

giá-thị : (Sao chẳng biết điều khinh điều trọng, mà không cân nỗi hiếu nỗi tình, sao phu quân không) bôi mặt mày đồ báo phụ-huynh, (lại cứ) nát gan ruột mưu lo thê-thiếp (sao cho phải).

Hát bắc : « *Thiếp khởi vô-tình, kim nhựt phân-huề hưu khiển-quyền ; quân tu lệ chí, tha niên ân-ái tự di thâm* » (3).

(Thôi thôi, phu quân lên ngựa đi mau đi..)

(Nói xong vào buồng tự vẫn).

. . .

---

1) Khóc lóc, kêu rên, bịu rịn, đừng làm như đàn bà con gái ; oanh-liệt, hùng-tráng, báo thù, phu quân gắng giữ lấy lòng trượng-phu.

2) Đứng trước dung-nhan đẹp-đẽ, ngồi trên yên ngựa vẫn buồn, khó bước đi ; nói tới giây ly biệt, dẫu cho người sắt cũng thấm ướt cổ áo.

3) Thiếp không phải vô tình, ngày nay chia bâu áo, đừng bịu-rịn, phu quân nên tu bồi chí khí, năm sau ân-ái càng sâu.

Tuồng Lộ-Địch

Kịch-gia người Pháp, Pièrre Corneille, mượn một chuyện Tây-ban-nha, đặt ra tuồng, cũng như cụ Nguyễn-Du mượn chuyện Kim-Vân-Kiều của Tàu đặt ra quyển Kim-Vân-Kiều của ta. Cụ Thức-giả Ưng-Bình phỏng theo tuồng của Corneille tiên-sinh mà đặt ra tuồng Lộ-Địch.

. . .

Lược-thuật.

Lộ-Yết xưa làm Nguyên-súy, được vua chọn làm phụ-đạo cho Đông-cung, Ngô Mặc, Nguyên-súy đương triều, thấy vậy, ganh và trong một câu chuyện, đánh Lộ-Yết một tát.

Lộ-Yết tuổi già sức kém, giao kiếm cho con là Lộ-Địch để rửa hận cho gia-đình. Khốn thay, Lộ-Địch lại là tình-nhân của Chi-Manh, con Ngô-Mặc.

Sau một hồi do-dự, hiếu thắng tình, Lộ-Địch gặp Ngô-Mặc, Ngô-Mặc không nhận lỗi. Hai bên đánh kiếm; Ngô-Mặc thua.

Chi-Manh xin vua trị tội kẻ giết cha mình. Lộ-Yết thì xin vua tha tội cho con; vua chưa kịp phân-xử thời ngoài biên-thùy Mô-tặc xâm-lấn. Vua sai Lộ-Địch ra dẹp giặc Mô. Lộ-Địch toàn thắng trở về trào được vua xá tội.

Lộ-Địch đem kiếm dâng Chi-Manh, xin Chi-Manh tự tay giết mình để rửa thù cho cha. Cũng bên hiếu bên tình, nhưng Chi-Manh không nỡ tự tay mình giết, Chi-Manh xin lập đàn đấu võ, hễ ai thắng đặng Lộ-Địch là duyên nợ của nàng.

Trăm tướng đều thua. Vua Tây-ban-nha đứng gả Chi-Manh cho Lộ Địch.

. .

Ngô-Mặc và Lộ-Yết cãi nhau.

ngô-mặc (ngó ông Lộ-Yết mà chào): (Uỷ, quan **Tư-đồ,** tôi xin chào quan Tư-đồ; nhưng mà không phải, đây là quan tân mạng, quan Thái phó; ừ) nét mày râu là rõ mặt Tư-đồ, vẻ xiêm áo đã xuê mình Thái-phó; (mời quan Thái-phó ngồi; các quan ngồi).

(Cả mấy ông xin vâng, đều ngồi, Ngô Mặc cứ ngó Lộ-Yết mà nói luôn): Xin trộm mừng cho đó, mà tha lỗi cho đây; (đà tốt đẹp chưa!) tuy là nhờ ơn riêng nên đẹp-đẽ dường nầy; (nhưng mà) cũng vì tu kiếp trước mới vẻ vang như thế.

lộ-yết (cười): (Ha hả, hả, ơn chung ơn riêng cũng là ơn) Mưa móc là ơn thánh-đế, tuyết sương là phận lão-thần; lễ công-bình trên đã cầm cân, (kiếp trước kiếp sau mà nói làm chi), câu số phận (ta) đừng nên nghĩ lượng. (Vả lão cùng quan Đô-đốc là bạn đồng-triều, quan Đô-đốc có chuyện vui cũng như lão có, lão

có chuyện vui cũng như quan Đô-đốc có; lão mới đặng chuyện vui, bây giờ lão lại ước thêm một chuyện nữa, chẳng hay quan Đô-đốc có vui cùng lão chăng?)

ngô-mặc : (Cha chả! Chức Thái-phó đà tột rọc rồi, còn ước chi nữa mới vui a quan Thái-phó?)

lộ-yết (cười gằng) : (Chuyện lão ước, là không phải tước lộc chi nữa đâu, lão ước về chuyện hôn nhân; vả quan Đô-đốc có một người con gái, lão có một thằng con trai; không lẽ cha đi khen con, chơ thằng con lão khá lắm) phường thi lễ (1) (nó) giữ nề khiêm nhượng (mà bên lệnh ái nữ là) gái khuê-môn đứng bậc kiều-anh (2); (chừ ta) hãy vầy duyên cho trẻ mày xanh, đặng thỏa chi cho già đầu bạc (là vui thôi mà).

ngô-mặc : (Thôi đi, tôi không dám) Lệnh-công-tử hãy tìm nơi xứng đáng (mà), tôn Lệnh-đài (3) còn tưởng cách cao xa (kia mà chúng ta làm quan gặp nhau thì nói việc quan đã) nỗi díu dăng xin chớ kể việc nhà, điều quan-hệ hãy lo qua việc nước.

lộ-yết : (Thiên hạ thái bình, tứ phương vô sự, hiện bây giờ có việc chi quan-hệ mà phải lo vậy ngài?)

ngô-mặc : (Việc quan-hệ là việc Thái-phó của ông đó; Thái-phó là chức dạy thái-tử, không phải là dễ;

---

1) Thi-lễ: giòng dõi nho-gia.

2) Kiều anh: mềm mỏng dễ thương, tài-năng xuất chúng.

3) Tôn-Lệnh-đài: lệnh đài: bậc trên, lời kính xưng đối với kẻ khác.

dạy làm sao mà) khi bát-loạn cho ngài biết đề-binh khiển-tướng, lúc thái-bình cho ngài hay trị-quốc an-dân; đức thần-văn (1) thấm khắp xa gần; oai thánh-võ dẹp xong bờ cõi, (mới là dạy, mới là xứng đáng cho chớ!)

lộ-yết: (Quan Đô-đốc ơi, vả lệnh Thiên-tử ngài vị sự trạch nhơn) (2) ngài nấy (3) cho lão một phần giáo-hối, (4) (là) ngài đã soi tấc dạ trung thành; (huống chi lão đây) bấy nhiêu niên đà rực rỡ áng tài-danh, (như lệnh Thái-tử ngài coi lịch sử của lão, ngài học theo thời) mươi hàng chữ cũng rõ ràng gương trị hóa (5).

ngô-mặc: (Lịch-sử, lịch-sử của ông, ông biên lại chữ được chữ mất), thùy tri chân giả (6), nan giải thiệt hư; sử Lộ-công truyền lại bấy năm xưa, (rằng cho bằng) gươm Ngô-thị (đương) lấy lừng trong bốn bể (à nói thiệt) dầu một mỗ không ra tài hãn-vệ (7), dễ mấy ai hưởng cuộc giầu sang; (như tài lực ông, hưởng cái lộc vị Tư-đồ cũng đã

---

1) Thần văn đối với thánh võ (văn thời lên bậc thần, võ thời lên bậc thánh).

2) Vị sự trạch nhơn: theo việc chọn người.

3) Nấy: ủy.

4) Giáo hối: dạy răn.

5) Trị hóa: công việc sửa sang giáo hóa.

6) Ai biết thật hay dối.

7) Hãn-vệ: bảo-vệ, bao bọc.

lạm rồi) quan Tư - đồ còn sợ nỗi hư-quan (1) (huống chi) chức Thái-phó làm sao cho xứng (tê chơ !)

lộ-yết (coi nỗi,) ngựa không hay mà có chứng, chim mới liệng đã khoe tài ; (các quan nghe có đặng không ?) Nghe chuyện xằng lắm cũng nhàm tai, nói lẽ vặt càng thêm mỏi miệng.

ngô mặc (giận lắm) : Nan kham thóa diện, thóa diện ! (2) hốt sử thiêu can, thiêu can ! (3) biểu đừng múa mặt chàng (nói rồi câu ấy, tát ông Lộ-Yết một tát) hãy phòng kiêng tay mỗ (rồi tát lại ông Lộ - Yết một tát nữa).

. . .

Lớp: Lộ-Địch mang kiếm tới dâng cho Chi-Manh xin Chi-Manh tự tay giết mình để trả thù cho cha (cũng như mình đã tự giết Ngô-Mặc để trọn nợ hiếu).

Lộ-Địch (đi ra ít bước vừa gặp Chi-Manh về, Lộ-Địch rón-rén lui, Chi-Manh đi tới, nhìn nhau một vòng rồi đứng lại mà nói. Lộ-Địch vòng tay

---

1) Hư-quan : chức không thật, không xứng chức.

2) Nan kham thóa diện : khó chịu nhỗ khạc trước mặt (không chịu nổi sự xấc xược tại trước mặt).

3) Hốt sử thiêu can : bỗng chốc khiến cháy gan.

cúi mặt bộ cung-kính, còn cái gươm giắt bên mình, đừng cho Chi-Manh thấy).

(Tôi xin chào công-nương)

Chi-Manh (sững mà nói): Ai là kẻ phụ-tình, ai là người gây dữ (mà đến đây làm chi tê chơ) quả là tay độc-thủ (1), mà giả dạng đê-đầu (2); khéo nghiêng mình học thói Thù-Nhu (3), đừng nốn lưỡi toan nghề thuyết khách (4) (là không ai nghe mô). Biển oán tát dầu chưa sạch, thành sầu đắp lại càng cao; (ơi phụ thân ơi) nhớ đến câu sanh ngã cù lao (5) ưng đành chữ đái thiên bất cộng (6).

(Tôi hỏi) hay chi đó là trang cảm dỗng, khoe với ai những cái tài danh; biết ma-đao (7) cho thỏa chí bình sanh, sao xạ-tước (8) lại quên tình

---

1) Độc thủ : tay ác.

2) Đê đầu : cúi đầu xuống chịu khuất.

3) Mạnh-Thù-Nhu, một anh kép hát của Sở-Trang-vương (nhà Châu). Đây ý nói bợm-bãi, xảo-ngôn.

4) Thuyết-khách : người vận-động cuộc đời bằng lời nói, miệng lưỡi.

5) Cù-lao : siêng năng khó nhọc. — Cửu tự cù lao : (trong kinh Thi) : Sinh : đẻ ; cúc : nương đỡ ; phủ : vuốt-ve ; súc : cho bú mớm ; trưởng : nuôi cho lớn ; dục : dạy dỗ ; cố : trông nom ; phục : xem tính mà dạy bảo ; phúc : gìn giữ.

6) Đái-thiên bất-cộng : đội trời không chung (không đội trời chung)

7) Ma đao : mài đao tập luyện về binh pháp.

8) Xạ-tước : bắn chim sẻ. (Đậu-công vẽ con chim sẻ nơi bình-phong ; hễ khách con trai tới nhà thì mời bắn, mà nguyện thầm rằng hễ ai bắn nhằm mắt con sẻ thời sẽ gả con là Đậu-Hậu cho. Lý Uyên bắn nhằm, lấy Đậu-Hậu, sau trở nên vua Cao-tổ nhà Đường).

bán-tử (1) (cho đành tê chơ ? ơi phụ thân ơi) **khôn yềm** lụy (2) **là phường** nhi-nữ, (nhưng mà) **lăm** báo thù cũng chi trượng-phu (3) (đây).

Bắc xướng : « Túc hận nan tiêu, tu hướng giang-sơn khai diện mục ; thù nhơn khả sát, vật khi bồ liễu bất tâm can » ? (4).

lộ-dịch : (Uỷ, nương nương nghĩ chưa đến, nương nương lầm đó mà thôi, chơ tôi đến đây là đến mà chịu tội, chớ không phải là xin cho khỏi tội đâu).

Nguyên tội ấy vẫn là đáng phạm, (nhưng mà) khối tình nầy lăm phá không tan ; kiếp ba-sanh (5) đã thẹn lòng vàng, (nên) câu nhứt-tử xin liều mạng bạc (6) (đây).

chi-manh : (Liều mạng bạc lại đến đây, mà liều với ai tê chơ, ơi phụ-thân ơi !) (khóc).

lộ-dịch : Nương-nương hưu cảm thán, thỉnh tiện-sĩ trần ngôn (7) (cho mà nghe)

---

1) Bán-tử : con rể.

2) Yềm lụy : ngừng nước mắt.

3) Trượng phu : đàn ông, người đàn ông xứng đáng quân-tử.

4) Túc hận nan tiêu : cái mối giận cứ lưu lại khó tan. Tu hướng giang-sơn khai diện mục : ngó giang-sơn thời xấu hổ, khó mở mặt mày. Thù nhân khả sát : người thù mà có thể giết đặng. Vật khi bồ-liễu bất tâm can : chớ nên khinh đàn bà không có tâm can.

5) Tâm-sinh : ba kiếp : kiếp trước, kiếp chừ và kiếp sau.

6) Mạng bạc : vận mệnh mỏng manh.

7) Hưu cảm thán : bớt buồn rầu than khóc ; thỉnh tiện-sĩ trần ngôn : xin nghe người học trò hèn bộc-bạch. (tiện-sĩ : tiếng tự khiêm).

chi-manh : (Thuyết lai!)

(Chi-Manh, Lộ-Địch hai người đứng hai bên, giữa để một cái ghế nho nhỏ).

lộ-địch : — Bắc xướng : « Để tội vạn cam, tội đương phạm hà tu úy tội, (1) (ấy là phần tôi, còn nương-nương bây giờ là) đại cừu vị báo (2) (hay cho nương-nương cừu nan vong (nầy cừu nhơn đây, guơm đây !)

(Lộ-Địch nói đến chữ guơm đây, thời rút cái guơm bên mình ra mà nghiêng mình để lên trên ghế nhỏ, rồi đứng dậy) thỉnh tự tiêm cừu (3) (sấp lưng lại, đứng lặng giơ cổ mà chịu tội vậy).

chi-manh (cảm động) (ơi Yến nương, gạnh có thấy a gạnh) gan đáng khen cho đấng anh-hùng, tình quá lạ cho ai nam-tử, (đó gạnh à ; tôi còn ái ngại chi nữa ; đã quyết báo thù, lại gặp người thù mà không giết răng cho phải ; nhưng mà tôi giết đặng rồi, thời tôi lại còn sống mần chi đây ; chi cho bằng) (đi lần lại nơi cái ghế, cầm guơm rồi hát)

Bắc xướng : « Nguyện tương nhứt kiếm (4) (vái cùng thiên địa quỷ thần, đặng mà) đồng sanh-tử (giang guơm chém Lộ Địch).

---

1) Đề tội vạn cam : cái cốt yếu, nguyên do của tội ấy, tôi xin chịu muôn lần. Tội đương phạm hà tu úy tội : tội đương làm sao nên sợ tội.

2) Đại cừu vị báo : một cái thù lớn phải báo.

3) Cừu nan vong : cái thù khó quên ; thỉnh tự tiêm cừu : xin công nương tự giết tôi để trả thù.

4) Nguyện tương nhứt kiếm đồng sanh tử ; nguyện cùng một kiếm sống chết với nhau.

yến-nương (đỡ tay Chi Manh lại mà nói) :
(A thưa cô nương, khoan đã, tôi e lắm).

chi-manh : (E là e mần răng, a gạnh ?)

yến-nương : Bắc xướng : (D.m bẩm cô, tôi e là) « chỉ khủng thiên thu (e không khỏi người ta) luận thị phi (1) (thả tay Chi-Manh ra).

lộ-địch (Xây mặt lại, ngó Chi Manh mà nói) :

(Xin nương nương nhìn cái dấu bi cảm hãy còn nơi lưỡi gươm cho cồ động cái gan báo thù, đặng mà) cam cho đây thác trọn chữ tình, (mới) êm cho đó đền xong chữ hiếu (cúi đầu xuống.)

chi-manh : (nhìn cái lưỡi gươm mà nói) : (ôi chao ôi cái gươm nầy giết cha tôi mà bây giờ lại xui giục cho tôi giết.. (chỉ nghĩa là chồng mà không nói rõ) là giết mần răng tê chơ).

Bắc xướng ; « Xích kiếm thái vô tình, nhứt ngộ (là ai tê chơ, chớ tôi đây) khỉ dung tái ngộ (2) (đôi gươm xuống đất ; Yến nương lại lượm lên đề trên ghế như cũ). Tôi nghĩ đi nghĩ lại, không biết cớ hệ làm sao mà) tam sanh thành đề-bận, lương-duyên hoán tác cừu duyên (3).

---

1) Chỉ khủng thiên thu, luận thị phi : chỉ sợ lời bàn phải trái ngàn năm sau.

2) Xích kiếm thái vô tình ; một thước gươm rất vô tình. Nhứt ngộ khỉ dung tái ngộ : gặp một lần rồi, khá gặp một lần nữa hay sao ?

3) Tam sanh thành đề hận : duyên nợ ba sinh lại trở nên cái nguyên do của mối thù. Lương duyên hoán tác cừu duyên: duyên nợ về tình ái trở nên căn-duyên về thù-hiềm.

lộ-địch : (Nương nương còn nghĩ lượng chi nữa, vả danh dự tôi tại cái gươm nầy, mà tội tôi cũng tự cái gươm nầy ; nên tôi đem cái gươm nầy cho nương nương riêng xử tội, đặng cho toàn danh dự của nương nương) ; xin nương - nương tình chớ ngại tình, (cứ chém đi, cứ giết đi) cho tiện-sĩ dạ ưng đành dạ ; (quỳ xuống, nghiêng mặt qua chỗ khác).

chi-manh : Lựa là ai giục-giã (1), đây tôi cũng sắp sanh (rồi ma ; vả tôi là người cáo tội (2) chớ không phải là người xử tội) đã vâng lệnh Triều-đình, ngõ chờ tay võ-sĩ, (nay mai thời biết thôi ma).

lộ-địch : (đứng liền dậy một cách hùng dũng mà nói): (chờ tay võ-sĩ làm chi mà đặng hay, à ?)

chi-manh : (lau nước mắt) : (Số là tôi tâu cùng lệnh Quốc trưởng, xin cậy tay võ sĩ đấu gươm cùng chàng mà báo thù cho cha tôi đó, ôi phụ thân ôi).

lộ-địch (sững mà nghĩ rồi nói) : Trường vũ-kiếm nghe qua cũng lạ, mưu báo-thù gẫm lại càng hay ; (nếu vậy thời nương-nương). (Bắc-xướng) : « thủ bất nhẫn tru (3), (nên chi nương nương) tư mãnh-lực thượng kỳ vu võ-sĩ (4). (Lộ Địch đây sá chi tuồng

---

1) Giục giã : xui giục.

2) Cử-chỉ nầy thật là cao : nếu mỗi người tự làm quan-tòa lấy, thời luật pháp, chánh-phủ sẽ không có, và xã-hội sẽ loạn-ly.

3) Thủ bất nhẫn tru : tay không nỡ giết.

4) Tư mãnh lực thượng kỳ vu võ-sĩ : nhờ mãnh lực còn mong ở võ-sĩ.

võ-sĩ, nhưng mà, võ-sĩ của nương nương sai, nương nương khiến, nương nương nấy (1) quyền cho, thời cái gươm của võ-sĩ cũng như gươm của nương nương, cái đầu Lộ-Địch đây lại còn tiếc chi nữa) đầu ưng khả đoạn, sĩ lai triêu nguyện hiến vu tình nhơn (2) (nói luôn) (thưa thua) cho tiện-sĩ dời chân (đặng) đến võ trường (mà) hiến thủ (sấp lưng đi liền).

chi-manh : (A khoan đã, ai ai) nỡ chịu bó tay thần-võ (3) (là) dễ không hổ mặt tướng-tài, (hay răng); đã ra trường đội mão gài đai, nên hết sức vin cờ dựt giải (mới gọi rằng đấu võ, mới gọi rằng tranh hùng cho chớ) xin hãy suy đi tính lại, mựa (4) đừng nghĩ trước quên sau ; (oi phụ thân ơi,) tuy thiếp khôn ngăn thảm lấp sầu, (nhưng mà) (khuyên ai chớ trọng tình khinh tử)

Nam xướng :

« Ai chớ trọng tình khinh tử,
« Phải giữ tròn danh dự cho ai ».

lộ-địch (ừ phải, khẳng-khái xu tử dị, thung-dung tựu nghĩa nan (5)).

---

1) Nấy : ban cho ủy cho.

2) Đầu ưng khả đoạn : đầu nên chém. Sĩ lai triêu nguyện hiến vu tình nhơn : chờ sáng sớm nguyện hiến cho người tình-nhơn.

3) Bó tay thần võ : tay cự-phách về võ-nghệ.

4) Mựa : chớ, đừng.

5) Khẳng khái xu tử dị, thung dung tựu nghĩa nan : khẳng-khái mà chết là dễ ; khoan thai làm trọn việc nghĩa mới khó.

Nam xướng :

« *Non cao biển rộng ngày dài,*

(vậy tôi xin lãnh cái gươm) (lại lấy cái gươm hoa lên).

« *Lưỡi gươm vô địch là trai anh-hùng* »

(Chi Mạnh thấy Lộ Địch cầm cái gươm hoa lên ngó bộ hùng-dũng, khi ấy Chi-Mạnh lại nhớ đến chuyện Lộ Địch giết cha mình, phần thời bi-cảm, phần thời hổ thẹn, nên tinh-thần bất định, Yến nương lại phải đỡ lấy Chi-Mạnh, Chi-Mạnh vịn vai Yến-nương mà tán như sau nầy) :

chi-mạnh :

« Hốt-nhiên xúc mục (ui chao, chao, chao) vô hạn thương tâm ! (bổ nghiêng vào Yến nương, Yến nương đỡ lấy Chi Mạnh, mà thưa « công nương yểm lụy », vân vân ..)

Nam xướng :

« *Gươm oan trông thấy hãi-hùng,*

(ơi cha ơi là cha ơi !)

« *Khói oan nghi-ngút non tùng* (đi lần vô)

vì ai ».

(Chi-Mạnh đi vô buồng, Lộ Địch ngó theo, bi-cảm lắm).

lộ-địch : Nam xướng :

« *Hiếu tình cân nặng hai vai,*

(khó cha chả là khó)

« *Gặp cơn nguy biến khôn bài giải phân* ».

(vừa giắt gươm vào lưng vừa đi lui).

* * *

Đông-a song-phụng

Trinh Quận-chúa con gái của Hưng-Đạo-vương và Nguyên Quận-chúa, con gái nuôi, ra hoa-viên chơi, gặp Tiên-mẫu phán rằng : một nàng sau sẽ gá duyên cùng thiên-tử, một nàng sẽ gặp gỡ kẻ anh-hùng.

Sau Trinh Quận-chúa được tiến làm cung-phi. Vừa có giặc Nguyên qua đánh nước Nam. Hưng-Đạo-vương làm Đại-nguyên-soái. Trong bọn anh-tài có Phạm-Ngũ-Lão xuất sắc hơn hết ; Nguyên Quận-chúa yêu thầm. Sau Hưng-Đạo-vương dẹp xong giặc, gả Nguyên Quận-chúa cho Phạm-Ngũ-Lão.

Đông-a song-phụng

(*Tác-giả : Nguyễn Đông-châu*)

Tuồng có hai đoạn sáu cảnh

đoạn thứ I

cảnh thứ I. — *Trang đài của hai Quận-chúa trông xuống vườn hoa.*

Trinh Quận-chúa — Nguyên Quận-chúa.— Các a-hoàn. — Tiên-mẫu, tiên-nữ.

(Khi kéo màn lên thì Trinh Quận-chúa và Nguyên Quận-chúa đã ngồi ở trang-đài rồi ; có hai ả-hoàn đứng hầu).

trinh-quận-chúa nói : (ơ nầy em, như chị em ta nay là) liễu yếu hồ mình phận gái, giá trong theo giữ thói nhà ; bạn cùng nhau lan cúc mặn mà, trải mấy độ tuyết mai (1) thay đổi ; nhờ phụ-mẫu ơn trên muôn đội, chị em ta quyết dạ báo đền.

nguyên-quận-chúa nói: (dạ dám thưa chị), trên chị có lòng hiếu thảo, dưới em xin hết dạ ân cần.

trinh-quận-chúa nói : (đã đành như vậy; em ơi) nhưng bấy lúc buồng the khép cửa, những chăm về kim chỉ vá may (âu là) khi thong - dong, lầu nguyệt giang tay, lúc thanh-thả, sân hoa thưởng-ngoạn.

Lại nói : (ơ nầy em) nhân nay thánh xuân tam-nguyệt, vừa khi đêm vọng (2) sơ canh, bóng trăng soi ròi-rọi bên mành, màu hoa nở tưng bừng ngoài viện (chi bằng) chị em ta ra chơi trò-chuyện, để cùng nhau giải muộn nên chăng ? (a em).

nguyên-quận-chúa nói : (dạ thưa chị không mấy khi) Hoa đương xuân, rong-rã chơi xuân ; nguyệt vừa tỏ, thảnh thơi thưởng-nguyệt (vui lắm đấy chị ạ).

---

1) Đường-thi : « Khứ tuế Kinh-nam mai tự tuyết, kim-niên Kê-bắc tuyết như mai. » Nghĩa là năm ngoái hoa mai trắng như tuyết, năm nay hoa tuyết cũng trắng như mai, hàng năm thay đổi cũng giống nhau cả.

2) Là đêm rằm tháng ba.

trinh-quận-chúa nói : Em đà đồng ý, chị rất vui lòng, em khá tua sắm sửa thong-dong, đặng cùng chị thảnh-thơi ngoạn-thưởng.

Lại nói : (A-hoàn) Kíp đêm nay sang sửa hoa-viên, đặng đôi ta thừa phong thưởng nguyệt (nghe).

(Nói đoạn, hai Quận chúa vào, hai ả hoàn, ra dọn hoa viên, bày bàn ghế, bày ra cảnh ban đêm trăng sáng ; hai ả hoàn vừa đi vừa nói ba lơn v. v. Khi hai Quận chúa ra thì ả hoàn có ý sợ hãi).

trinh-quận-chúa (ra) nói : Nay tới cảnh vườn hoa chánh vừa tuần vọng nguyệt ; (chị em ta dạo thử xem chơi nào).

nguyên-quận-chúa nói : (dạ thưa chị, em xin theo gót hầu chị).

trinh-quận-chúa nói : Hỉ thậm chân hỉ thậm! khoái tai thiệt khoái tai ! hoa đâu thơm nức vẻ hồng-mai, trăng nọ sáng lồng gương ngọc-thỏ.

Hát nam :

« *Hồng-mai lồng bóng Hằng-Nga, bóng trăng rỏi-rọi, vẻ hoa trập-trùng* ».

nguyên-quận-chúa nói : (Hảo a) Chị nguyệt nay đà đứng bóng, chúa xuân sao khéo điểm-trang.

Hát nam :

« *Tin xuân đưa tới vườn hồng,*
« *Trăm hoa nô-nức nhởn cùng trăng thanh.* »

trinh-quận-chúa nói : (như đêm nay) Ngô-đồng nguyệt hướng hoài-trung chiếu, dương-liễu phong lai diện-thượng xuy. (Âu là ta) Nên thừa hứng ngâm thi, để giải-sầu tiêu-muộn.

Ngâm :

« *Minh nguyệt thanh-phong thử dạ hà ?*
« *Nhứt viên xuân sắc, nhứt viên hoa.*
« *Nhàn trung hội đắc, nhàn-trung thú,*
« *Nghi hướng Thiềm-cung phỏng Tố-Nga.*

nguyên-quận-chúa nói : Lặng nghe lời ngọc, thêm động lòng vàng, vâng diễn họa thi chương, ngõ thỏa lòng ngâm vịnh.

Ngâm :

« *Ủầy gió đêm thanh, bóng nguyệt tà,*
« *Một vườn xuân sắc, một vườn hoa.*
« *Cảnh nhàn vui thú khi nhàn-hạ,*
« *Muốn tới cung Thiềm hỏi Tố-Nga.*

(Ngâm đoạn, hai Quận-chúa trông lên trên không, bỗng thấy đám mây trên không bay xuống, tiên-mẫu đứng giữa đám mây, lại có hai tiên-nữ cầm đàn sáo và thần-kiếm theo hầu hai bên).

trinh-quận-chúa nói : Quái giả chân quái giả ! kỳ tai thậm kỳ tai ! mây ngũ sắc tỏa lưng trời, tiếng hát âm theo ngọn gió (em có nghe thấy không em ?)

nguyên-quận-chúa nói : Ủa lạ thay ! Ủa lạ thay ! Tiên-mẫu đâu mà lại tới đây, mắt trần-tục không phân chân giả.

(Hai Quận-chúa sợ hãi bái phục).

tiên-mẫu bạch ; Riêng cõi non bồng một cảnh tiên, hoa quanh, nước quẩn, vẻ thiên-nhiên. Ba ngàn thế - giới ta là chủ, mây gió đi về chốn cửu-thiên.

Lại nói : (các con ơi) Ta vốn ở tiên-cung, Liệu tôn xưng Vương-mẫu, vì xuống ban bảo-kiếm, nên mới giáng vân-xa.

hai-quận-chúa cùng nói : (Dạ trăm lạy Tiên-mẫu, ngàn lạy Tiên-mẫu, chẳng bay) Tiên - mẫu ngài xuống có việc chi, mắt trần-tục lỗi lầm xin thứ. Cúi mong lòng đại-độ, phán bảo đặng am-tường.

tiên-mẫu nói : Ta nay phụng Ngọc-hoàng sắc hạ, thần-kiếm nầy ban-tứ Trần-gia ; dầu mai sau gặp giặc yêu ma, thời kiếm ấy ắt là linh-nghiệm.

Lại nói ; (Này đây con) Thần-kiếm này là Phi-thiên thần-kiếm, để trừ nhập địa yêu nhân (đó con).

(Tiên-mẫu trao kiếm, Trinh Quận-chúa bái lĩnh).

hai quận-chúa cùng nói : (dạ dạ) Bái tạ ơn Kim-mẫu, muôn đội đức Ngọc - hoàng ; chúng

con mắt tục người thường, ngờ đâu đặng thần-tiên giáng thế.

tiêm-mẫu nói : — Con nay mừng gặp mẹ, mẹ đã tiếp hai con ; thôi mẹ trở xe loan, kíp phản-hồi tiên-đỗng.

hai quận-chúa cùng nói : (dạ dạ trăm lạy Tiên-mẫu, ngàn lạy Tiên-mẫu) xin hãy dừng gót ngọc, chớ có tiếc lời vàng, dạy chúng con duyên sự tỏ tường, thời ân ấy sánh tầy non biển.

tiêm-mẫu : (ơi nầy con) Cha con vốn thành-tiên giáng-thế, hai con là tiên-nữ giáng sanh, xưa vốn theo tiên-giới học-hành, nên mới đặng tiên-gia phò-trợ (đó các con).

trinh quận-chúa nói : (Nếu như vậy, xin mẹ truyền cho con một ít phép mầu, để mai sau con giúp cha con đặng mà đền chữ hiếu).

tiêm-mẫu nói : Cha con là người tài-trí, cần chi phải đến phép mầu ; thế giặc dầu gian-hiểm tới đâu, thời đã có Phi-thiên thần-kiếm (m

nguyên quận-chúa nói : (Trăm lạy mẹ, ngàn lạy mẹ, thế thì xin mẹ bảo cho hai con số phận ngày sau thế nào).

tiêm-mẫu nói : (Hai con ơi) Duyên đà tiền-định, con chớ ngại-ngùng, (số là) Trinh-nương thời đứng vị Chánh-cung, còn Nguyên-muội thời anh-hùng kết bạn.

Lại nói : (Thôi thôi) Thiên-duyên con đã tỏ, tiên-đồng mẹ kíp về, tấn-tốc bất khả trì, ân-cần tòng thử biệt.

(Lúc này vặn đèn tối, tiên-mẫu biến mất)

trinh quận-chúa nói : (Húy a) Hiền-bách chân hiền-hách, uy-linh thị uy-linh (nọ). (Em ơi) chừ đã trăng tà bóng thỏ, ta nên gót trở phòng hương, đặng tha nhật trình dữ phụ-vương, cùng từ-mẫu cho người vui dạ.

nguyên quận-chúa nói: (Thưa chị) Gươm thần đành đem để nộp, lời tiên dám chắc đà tin (a chị). (Số là chị em ta còn hãy thơ-ấu lắm ma) Má hồng còn đương đuổi thanh-niên, chỉ thắm biết đâu duyên hồng-điệp (nào biết ai mà) anh-hùng phận đẹp, tài-tử duyên ưa, (bởi vậy cho nên em) nghĩ thêm ngán phận hững-hờ, nói lại xót lòng rầu-rĩ (lắm chị ơi).

trinh quận chúa nói ; (Em ơi !) Số phận chỉn khôn lường trước, nhân duyên đều bởi tại trời. (Đã hay tiên dạy cho mần rứa, sau biết ra mần răng) tình riêng thổn-thức cùng ai, đêm vắng băn-khoăn với bóng.

hai quận-chúa cùng vãn : « Đêm vắng băn-khoăn với bóng, cơn lửa tình, bằng nóng ruột gan; đã đeo lấy phận hồng-nhan, làm chi lắm chuyện hoang-đường trêu ngươi. Tình riêng thổn-

thức canh dài, biết sau run rủi duyên trời sao đây ? »

. . .

Tây Nam đắc-bằng

(Hoàng Cao-Khải)

Các vai tuồng :

Nguyễn chúa (Nguyễn Ánh) 30 *tuổi*
Bá-đa-Lộc 50 *tuổi*
Quốc-Thái (mẹ Nguyễn chúa) 55 *tuổi*
Hoàng-Phi (vợ Nguyễn chúa) 25 *tuổi*
Hoàng-tử-Cảnh : lúc đi qua Pháp : 4 *tuổi*
lúc về nước 10 *tuổi*
lúc Bá.đa-Lộc mất 20 *tuổi*

Vua Tiêm - la
Võ-Tính
Lê Văn-Duyệt
Nguyễn Văn-Thắng (Despiaux)
Nguyễn Văn-Chấn (Vannier)

Đoạn I

cảnh 1 : Chiếm Gia-định Tây-sơn nổi loạn ; Qua Tiêm-la Nguyễn - chúa cầu binh.

cảnh 2 : Tôi theo vua xiết nỗi gian lao,
Chúa khuyên tướng dùng lời yên ủi.
cảnh 3 : Thầy vẽ chước nên theo Đại-Pháp,
Chúa đưa thơ trót hẹn Tiêm-la.
cảnh 4 : Cầu Tiêm-tướng phải thua một trận,
Tìm mẫu-thân kể hết mọi lời.
cảnh 5 : Ông Giám-mục sẵn lòng giúp nước,
Bà Hoàng-phi quyết ý giao con.
cảnh 6 : Thuyền hải-đảo xa xôi nghìn dặm,
Tiễn quang-đình ly biệt tam bôi.

Đoạn II

cảnh 1 : Phú-quốc đảo nghinh hồi mẫu-giá,
Gia-định thành hễ vọng vương-sư.
cảnh 2 : Đón quốc-lão mở cờ giang-thượng,
Ngu mẫu-thân tấu nhạc quân-trung.
cảnh 3 : Thành đại - sự luận công hành thưởng.
Tiêm nghịch thù khiển tướng sai binh.
cảnh 4 : Mần quốc-lão vội vàng tạ thế,
Giao tự-hoàng chu trí đưa tang.
cảnh 5 : Trạch cát địa Định thành yên táng.
Đọc tế văn Hoàng-tử trí ai.

. . .

Lược thuật.

Ở Thuận-hóa, chúa Hiếu-võ mất, để di-chúc biểu lập Hiếu-khang, nhưng quyền-thần Trương Phúc-Loan lập Hiếu-định nhỏ tuổi hơn. Vừa chúa Trịnh sai Hoàng Ngũ-Phúc đem quân vào chiếm Thuận-hóa. Trong miền Nam thì bọn Tây-sơn chiếm thành Bình-định ; chúa Nguyễn Ánh mới 16 tuổi, bèn cùng Hiếu-khang trốn vào Nam, giữa đường Hiếu-khang mất. Tây-sơn lại vào chiếm luôn Gia-định ; chúa Nguyễn-Ánh qua Tiêm cầu cứu, vì ngài có một người chị lấy vua Tiêm.

Vua Tiêm cho 20.000 binh để ngài phục quốc, nhưng bị quân Tây-sơn đánh tan. Chúa Nguyễn mới ra đảo Phú-quốc, nhờ đức cha Bá-đa-Lộc đem thơ và Hoàng-tử Cảnh qua Pháp, xin Pháp giúp.

Trong lúc chờ Bá-đa-Lộc trở qua, nhơn ba anh em Tây sơn bất-hòa, ngài sai Võ Tính đánh Gia-định và chiếm.

Cách 6 năm, Bá-Đa-Lộc đem tàu, súng, quân, tướng sang giúp. Nguyễn chúa tôn Bá Đa-Lộc làm Quốc-sư và phong chức Thái-phó quận-công. Khi ấy sẵn binh hùng tướng dũng, Nguyễn chúa mới sai Võ Tính đi đường bộ, Nguyễn Văn-Thắng (Despiaux), Nguyễn Văn-Chấn (Vannier) đi

đường bể ra đánh thành Bình-định, công chưa thành thời Bá-Đa-Lộc thọ bệnh mất. Nhưng súng, tàu đã sẵn, chúa Nguyễn sẽ nhứt - thống đặng sơn-hà.

. . .

Đoạn I – *Cảnh 3*

Bá-đa-Lộc — Nguyễn-chúa :

bá đa-lộc : (như ta nay) Thụ chức phong giám-mục, truyền đạo cõi Đông-dương ; dạy người dốc dạ từ-tường, cứu thế ra tay tế-độ (Ta nhớ lại thuở trước ta có lên Gia định thành yết kiến Nguyễn chúa, người có dặn ta rằng : « khi nào có sự khẩn-cấp thì ta giúp đỡ một tay », bởi vậy cho nên) Cám chúa Nguyễn chân - tình hậu-ngộ, (mà làm) cho lòng ta khiên-quyến nan-vương (1)

tiểu-đồng : (dạ dạ) Hữu nhất nhân xưng (là) Nguyễn-chúa, xin vào yết-kiến gia-gia. (2)

bá-đa-lộc : Hoang mang (3) bất cập chỉnh-dung, bồ-bặc (4) thỉnh lai nghinh tiếp.

---

1) Khiên - quyến : không nỡ rời nhau, khắn vó. Na vương : khó quên.

2) Gia gia : tiếng dùng để xưng chủ nhà.

3) Hoang-mang hay hoảng-mang ; cấp, gấp gáp.

4) Bồ-bặc đi lại khúm-núm.

(Nguyễn-chúa ra)

hựu viết : (Thỉnh chúa-công an vị ; xin mời các chư tướng an vị ; chẳng hay chúa-công tới cõi nầy có việc chi mà hay ? ới làm răng mà tôi) xét khi sắc dân như buồn-bã, xem quân-gia rất nỗi bì-lao, (1) (xin chúa-công phân lại cho hạ tầu (1) được hay nào).

nguyễn-chúa : (Tôn sư hỏi tôi bởi duyên cớ gì mà qua đây, là vì) tặc-đảng nhất thần yểm kích (2) quân ta phải tứ tán đào bôn (3), ta cùng Tiêm có nghĩa thông-hôn (bởi vậy cho nên) tai sang đó thỉnh binh cứu viện.

bá-đa-lộc : (Dám tâu Chúa công, tôi) xem Sơn-tặc vốn là đảng ngụy, (nhưng rứa mà) anh em nó rất nỗi quật-cường (4), (xin chúa-công nghĩ lại đó mà coi, rất nỗi nhà Đại-Thanh là đường đường trong triều, thổ địa quảng dân nhân chúng, thế mà Thăng-long thành nhất chiến quân sĩ tứ tán đào bôn) ấy là nhà Đại-Thanh còn thế lực nan đương, tôi e rằng Tiêm-quốc cũng khó bề để địch (5). (Như ý tôi mục kim kế sách) chẳng gì bằng cầu viện với các nước Âu-châu, (số là chúa-công chưa rõ, các nước

---

1) Bì lao : mệt nhọc. — Hạ tầu ; người đầy tớ.
2) Yểm kích : nhân người ta không phòng-bị mà đánh.
3) đào bôn ; trốn chạy ; — tứ tán : tản-tác ra bốn phương
4) quật cường : cường ngạnh, không chịu phục tòng.
5) đề địch ; chống lại quân địch.

Âu-châu bây giờ kỹ xảo nhất tinh) nhờ lấy đó cho có súng có tàu, (thì) lúc bấy giờ mới dẹp yên đảng loạn.

nguyễn chúa : (Lâu nay các nước Âu-châu như nước Bồ-đào-nha, nước Y-pha-nho, cũng có đưa thư xin giúp, nhưng ý ta chưa biết theo ai.)

bá-đa-lộc : (Vả chăng cái việc cầu viện không có dễ đâu ; dẫu là nước nào giúp cho mình, cũng là chỉ mong cầu lợi, bởi vậy cho nên tôi nghĩ rằng) nước nào dầu muốn giúp (chẳng bằng) theo Đại-Pháp là hơn ; (như nước Đại Pháp là) chỉ cốt sự làm ơn, mà không mong cầu lợi ; xem thuở trước đã giúp cho nước Mỹ (cũng là) muốn cho toàn-cầu soi được văn-minh ; chúa-công như quyết thuận tình (thì) hạ-tầu xìn nguyền hết sức.

nguyễn-chúa : Mưu ấy thiệt là cao (nhưng rứa mà) lòng ta còn chưa quyết ; cũng bởi vì ta trót cùng Tiêm giao-kết, (mà Tiêm) cũng đã hẹn với ta khiển tướng sai binh ; vậy nếu như phen nầy cơ-sự bất thành, lúc ấy ta lại phiền tôn-sư trù-hoạch (1); việc đã khẩn-bách, mạc cảm khiên-trì ; ta phải kíp ra đi, xin tôn-sư ở lại.

. . .

---

(1) Trù-hoạch : trù kế tính toán công việc.

Đoạn II — *Cảnh 5*

nguyễn chúa ; (Tôn-sư à!) sóng nghìn trùng lớp lớp, thuyền một lá xa xa, mấy khúc ly-ca, vài lời trân-trọng (a).

Ngâm : (Nay tôn-sư phản-hồi cố-quốc, bạt-thiệp (1) gian lao, chẳng qua là vì ta bết lòng giúp đỡ)

« *Gửi nước thôi rồi lại gửi con,* »

(như thế chẳng là ơn thâm nghĩa trọng lắm thay)

« *Ơn sâu như bể nghĩa như non !* »

(xin tôn-sư về cố quốc lo liệu)

« *Sao cho hai nước tình keo gắn,* »

(cũng ấy tôi không dám quên đâu)

« *Công ấy nghìn năm đá chẳng mòn.* »

hoàng-phi : (Tự hoàng à) . . . hài-nhi còn thơ ấu, đường sá rất xa xôi, tấc dạ bồi - hồi, mấy lời than-thở (a).

Ngâm : (như con tôi hãy còn thơ ấu mà phải đi đường sá xa xôi, cũng chẳng qua vì nghĩa cương thường gánh vác)

« *Hai gánh quân thân một trẻ con* »

(như thế chẳng qua là)

« *Muốn cho việc nước được vuông tròn* »

(Tôi xin nhờ Tôn-sư bết lòng giúp đỡ để cho phen nầy tảo trừ đảng tặc, khôi-phục cơ-đồ).

---

1) Bạt thiệp : đi qua cỏ là bạt. lội qua nước là thiệp.
Bạt thiệp : đường đi khó khăn.

« *Phen này lại dựng cơ-đồ* (1) *cũ* »,

(tôi tưởng như công-đức ấy)

« *Danh tiếng ghi vào núi với non* »

bá-đa-lộc : (Chúa-công à)... minh tuy về Tây-quốc, lòng vẫn nhớ Nam-bang, hết lòng giúp đỡ tự-hoàng, tống biệt giã từ Nguyễn-chúa (a).

Ngâm viết : (như tôi bây giờ bỏ nước Nam mà về, lòng tôi thực là thương tiếc) :

« *Một bước chân đi một ngại-ngần,* »

(Nhưng cái cớ tôi phải về là cốt)

« *Trên thì vì chúa dưới vì dân,* »

(Xin công-chúa với Hoàng-phi cứ an-tâm mà đợi)

« *Chẳng bao nhiêu nữa cùng nhau gặp* »

(như thế thời có xa đâu)

« *Muôn dặm tuy xa tưởng cũng gần* ».

các quan đồng viết : (Tôn-sư à) sắc chia vàng với trắng, lòng vốn đỏ như son ; tiễn biệt sổ ngôn, ngâm thành tứ-tuyệt (a).

Đồng ngâm viết : (Bây giờ tôn-sư xuống thuyền hồi quốc, trông ra giang san phong cảnh thì thấy)

« *Thấp thoáng buồm thuyền một lá xa,* »

(vậy anh em tôi lâm lưu tống biệt)

« *Tiễn đưa xin nhớ chén quan-hà* (2) ».

(xin tôn sư mau mau mà trở lại,)

---

1) Cơ : nền ; đồ: bức đồ họa. Cơ đồ : cơ-nghiệp, nền tảng.

2) Quan-hà : cửa ải và sông chỗ tiễn biệt.

« *Chẻn mừng xin hãy trăm sau đợi,* »
(ấy mới biết rằng)
« *Bốn bể nguyên lai cũng một nhà* ».

bá-đa-lộc : (các quan à) cùng nhau phò một chúa, thoát vậy rẽ hai phang, thùy lệ(1) song hà, họa thi tứ tuyệt (a).

Ngâm viết : (Như nay tôi cùng các quan từ giã).

« *Kẻ ở người về cách mặt xa,* »
(mà các quan có tình hậu-đãi như vậy)
« *Đưa nhau xin nhớ chén quan hà ;* »
(Bây giờ cách xa chúa-công làm vậy)
« *Tây nam xa cách và nghìn dặm,* »
(nhưng về sau hai nước đà giao kết với nhau)
« *Ân ái về sau cũng một nhà* » (2).

. . .

Trợng-kỳ-khí-xa

(*Hoàng-Cao-Khải*)

Các vai tuồng :

kép : *Nguyễn chúa* (*Nguyễn Ánh*) 30 tuổi
Võ Tính Nguyên soái 30 tuổi
Ngô-Tòng-Châu Hiệp-trấn 35 tuổi
Nguyễn-Tấn-Huyên Tổng-binh 30 tuổi

---

1) Thùy lệ : nước mắt chảy xuống.
2) Bá-đa-Lộc họa lại bài thơ của các quan.

Lê-Văn-Duyệt Tả-quân
Nguyễn-Văn-Thành Trung-quân
Lê-Chất Hậu-quân
Despiaux : tướng Pháp giúp Nguyễn-chúa
Vannier : tướng Pháp giúp Nguyễn-chúa
Nguyễn-Quang-Toản : vua Tây-sơn
Lê-Văn-Minh : đô đốc của Tây-sơn
NguyễnVăn Tham: nguyên-soái của Tây-sơn.

đào : *Quốc-thái : mẹ Nguyễn chúa*
Lão-mẫu : mẹ Võ Tính
Hoàng-phi : vợ Nguyễn-chúa
Phú-Lộc : em gái Nguyễn-chúa
Thị Bích : con gái ông Nguyễn Tấn-Huyên
v. v...

Hồi I.

cảnh 1 : Thành mẫu-chí Võ-anh-hùng độc lập;
Ứng nghĩa-binh Nguyễn tráng sĩ lai quy.

cảnh 2 : Túc cổ miếu nhờ thần tiên ứng mộng;
Đăng sơn đầu vì chúa Nguyễn giải vi.

cảnh 3 : Đền ơn to quốc-mẫu mới hứa hôn ;
Dựng công lớn nguyên-nhung đà vâng mệnh.

cảnh 4 : Chém Lê-Minh cứu thoát mẫu-thân,
Thu Gia-định nhiêu dung hàng tướng.

cảnh 5 : Nghênh xu giá quân thần khế ngộ,
Cổ sắt cầm phu phụ hòa duyên.

cảnh 6 : Chịu tang phục lòng con đành giữ hiếu,
Động binh-nhung phép nước phải đoạt tình

cảnh 7 : Vây Bình-định Tây-sơn đồ đại-cử,
Giữ Phú-xuân Bùi-thị thậm kiến cơ.

Hồi II

cảnh 1 : Vây Bình-định Tây-sơn đà khiển tướng,
Xin viện-binh Võ Tính kíp dâng thơ.

cảnh 2 : Cứu cô-thành công-chúa khóc xin binh,
Mệnh ngự giá Nguyễn Hoàng đành quyết kế.

cảnh 3 : Ngóiđồivànganh-hùng đà quyết kế,
Khôn giả dại nữ-tử dám đưa thư.

cảnh 4 : Bỏ Bình-định theo lời Võ-tướng ;
Lấy Phú-xuân kíp rước mẫu-thân.

cảnh 5 : Bỏ Bình-định cùng nhau ba tử tiết,
Tướng Tây-sơn khóc bởi một di-thư.

cảnh 6 : Thành đế-nghiệp Gia long sơ kỷ hiệu,
Giả nghĩa chồng công-chúa dục quyên sinh.

cảnh 7 : Rửa oán thù nghịch-đảng phục thiên chu,
Thông Nam Bắc anh-hùng thành đại nghiệp.

. . .

Hồi III — *cảnh 5*

võ tính : Cửu trùng thiên khuyết, vạn lý cô thành (1). (ta nhớ lại khi ngự giá thân chinh đặng ra giải vây cho ta thì có phóng hỏa trên núi Độc-sơn ở Thi-nại để làm hiệu cho ta biết đó ma, bởi vậy cho nên): gian nan bao quản phận mình, giúp đỡ mong nên nghiệp chúa ; (Ta nghĩ lại từ khi ta bị vây ở thành Bình-định đến nay cũng đã hai năm rồi đây ma, bởi vậy cho nên) sao vật đã nhiều phen đổi cũ (nhưng rứa mà) đá vàng vẫn một dạ như xưa.

chủ-thủ ra báo viết : (dạ dạ) Chúng tôi là chủ thủ, coi phát gạo cho quân, mỗi tháng phát một lần, sang tháng sau sẽ hết.

---

1) *Cửu trùng* : chỗ vua ở ; chín tầng. *Thiên khuyết* hay *quyết* : cái lầu canh ở cửa cung vua. *Cô-thành* : cô-đơn không, được tiếp vận.

võ tính : (Gạo đã hết rồi hè...)

chủ thủ : (dạ)

đồ tể : (dạ dạ) chúng tôi là đồ-tể (1) làm đến ngựa và voi, quân ăn cũng đã hết rồi, nay đặt cơm ăn với muối.

võ tính : (Thịt cũng đà hết rồi hè ..)

đồ tể : (dạ)

võ tính : (Nếu như vậy) Nay nhất-đán sự-cơ tương bách (2) e tam quân tính mạng nan toàn, thà mình ta êm giấc suối vàng, cho quân-sĩ thoát vòng mũi bạc.

(Ôi quan phó soái, tôi nói thiệt cùng người như tôi bây giờ) lầu tám góc đành chôn lửa đỏ, cửa chín lần ngõ giải lòng đan (3) (Tôi nghĩ rằng) quân giặc nó giết thì nó chỉ giết một mình tôi mà thôi, bởi vậy cho nên), người văn-quan lo lấy sự toàn, tôi võ-tướng đã cam chịu thác.

ngô tòng châu : (dạ dạ, như quan Nguyên-soái dạy làm vậy, nhưng rứa mà tôi nghĩ rằng văn võ cũng

---

1) Đồ-tể người làm nghề làm thịt loài vật để bán thịt ăn thịt.

2) *Nhất-đán*: nếu một ngày kia mà..., – *tương bách*: đều ép đè ngặt lắm.

3) Lầu tám góc : lầu bát giác ; Võ Tinh tự thiêu ở lầu ấy, *cửa chín lần* : cửa khuyết, cửa điện vua. *Lòng đan* : lòng son, lòng đỏ ; trung thành.

là tôi triều-đình cả, mà tới nay) người đã không ái-tử, tôi cũng quyết quyên sinh (1); do lai văn võ lưỡng đồ, đồng thị tôn thân nhất niệm.

võ tính : (Hảo trượng-phu chi chí khí a!)

ngô tòng châu : (Tôi xin lui)

võ tánh : (Tổng - binh Nguyễn-Tấn-Huyên, như ta cùng ngươi lâm cơ hoạn nạn, không có lẽ rằng hai ta đều chết cả; một người mất thời cũng phải một người còn, cũng bởi vì) nước còn đương nhiều nạn, tôi âu dễ mấy người, ta đã đành hết đạo làm tôi, ngươi cũng phải dành mình giúp chúa.

nguyễn-tấn-huyên: (Dạ, dám bẩm quan Nguyên-soái, như người dạy làm vậy, nhưng rứa mà còn thì ta còn cùng nhau, mất thì ta mất cùng nhau, nếu mà kẻ còn người mất, như thế sao đành ma!) tôi hết lòng vì chúa tớ giả nghĩa cùng thầy, (như tôi bây giờ) tử sanh quyết ở phen này, giúp giập thiếu gì người khác.

võ tính : (Hảo nam tử chi hung-khâm (2) a!) hai người ta quyết kế, lầu bát-giác sửa sang, củi khô thuốc súng sẵn sàng, ba ngày sẽ lên đàn hỏa (a).

(Đống hạ).

---

1) Ái tử: tiếc chết.— quyên sinh: bỏ sinh mệnh, bỏ sự sống.

2) Hung: dữ tợn. — khâm: kính. hung khâm: dữ tợn mà đáng kính.

(Ngô Tòng-Châu ra)

ngô - tòng - châu : (Như ta nay) thân quản gì lầm cát (1) lòng đối với giang san ; dẫu không tài dược-mã khóa-an, chẳng kém kẻ thao chùy bỉnh tiết (2); chi này đã quyết (quân) độc-dược (khả) tương lai.

(quân mang thuốc độc lại)

Ngâm : (Xưa nay ai cũng nói văn thần ái-tử, nay ta là văn-thần, nào ta có sợ chết đâu mà)

« *Này thực gan già chẳng phải non,* »

(như ta chết làm vậy, cũng là muốn trước trả nghĩa cho vua, sau là đền ơn cho nước, bởi vậy cho nên)

« *Cũng như vàng đá đỏ như son* »

(Thuốc nầy là thuốc độc hè !)

« *Thuốc nầy xin chớ cho là độc,* »

(Bởi ta có chết đi nữa, cũng là được thơm danh về sau, thế thì uống vào chẳng là ngon lắm ru ?)

« *Danh tiết mùi thơm chắc của ngon* ».

(Ngô Tòng-Châu chết... ; quân ra)

Báo : (dạ dạ, quan Hiệp-trấn đã mất rồi.)

vô-tính : (Nào ở đâu vào ?... quan Hiệp-trấn đã mất thiệt rồi nọ ; như mần ri) khóc vì tình bầu bạn,

---

1) *Cát lầm* : vất-vả, khổ-sở, vần đục : « Lỡ khi nước đến e nên cát lầm » (Kiều). — « Cát lầm ngọc trắng thiệt đời xuân xanh » (Kiều).

2) *Dược mã* : phóng ngựa chạy ; *khóa an* : cưỡi trên yên ngựa. *Thao chùy* : múa chùy, dùi để đánh. *Bỉnh tiết* : cầm giày cương ngựa.

mừng vì nghĩa vua tôi ; khen cho xem thác như chơi, tiếc chẳng đợi ta ít nữa.

Than : (hiền huynh ơi !)

« Ai là không thác, đạo phải cho tròn ; »
« Thương thay hiền-hữu, lòng đỏ như son ; »
« Vì nòi vì giống, vì nước vì non ; »
« Dẫu ngàn năm nữa, bia miệng không mòn. »

Hựu viết : Cảm thương nghĩa cũ, mai - táng đã an, cách hai ngày ta sẽ đăng đàn, (quân !) truyền chư-tướng đồng lai hội-diện.

(Đem xác ông Ngô Tòng-Châu vào, rồi các hàng chư tướng đều ra).

Hựu viết : (chư - tướng) tờ nầy hiểu thị khắp các quan binh, (ta xin cám ơn các ông nghe) từ khi ta trấn-thủ cô-thành, nhờ tướng - sĩ hết lòng trung-phẫn (1) ; nay binh bì thực tận (2) mà lực-kiệt thế cùng ; (ta nghe lời cổ ngữ có nói rằng) « thành tồn dữ tồn, thành vong dữ vong » ; (nhưng rứa mà ta dẫu có chết đi nữa, không có để giặc thấy mặt ta đâu, bởi vậy cho nên) thành nầy thệ dữ câu vong, (3) giặc nọ bất dung kiến diện ; (tướng - quân Nguyễn Văn-Thịnh, nghe ta dặn) gửi tây tướng phong thư

---

1) Trung phẫn : trung và gắng sức tiến-thủ.
2) Binh bì : quân mỏi mệt ; thực tận : đồ ăn hết,
3) Câu vong ; cùng mất hay đều mất.

nhất phiến, ta mất rồi người khá giao lai ; (thôi thôi) xin từ giã mọi người, (Nguyễn-Tấn-Huyên) sẽ lên lầu đồng tọa.

(Võ Tính giao thư cho Nguyễn Văn-Thịnh rồi cùng Nguyễn-Tấn-Huyên lên ngồi trên lầu).

chư-tướng đồng viết : Trông thấy lầu cao tám góc, nhìn qua củi chất tứ bề ; xương đồng da sắt khôn bì, dạ ngọc gan vàng mấy kẻ.

Đồng văn :

« *Dạ ngọc gan vàng mấy kẻ,*
« *Tấm lòng này hầu dễ đan thanh* (1) ;
« *Cô-thân đối với cô-thành,*
« *Dẫu nghìn năm nữa thơm danh vẫn còn* ».

võ-tính : Thiên niên y thành quách, vạn cổ thử giang san (2) ; thương thay trăm họ lầm than, hầu dễ một mình êm mát !

Vãn :

« *Hầu dễ một mình êm mát,*
« *Quyết phen này ngọc nát vàng tan.*
« *Mình này đối với giang san,*
« *May ra miếu xã* (3) *lại hoàn như xưa.* »

---

1) Đan thanh : đỏ xanh, vẻ đẹp ; đây ý nói lòng quý hóa.

2) Ngàn năm thành quách như cũ, vạn cổ giang san ấy.

3) Xưa lập nền Xã để tế thần Hậu-thổ, lập nền Tắc để tế thần Nông. Xã-tắc nghĩa là quốc gia.

chư-tướng đồng viết : sinh sinh chân thiên-cổ, oanh liệt tú nhất trường ! (như anh em tôi bây giờ) xét mình luống những hổ hang, nhớ bạn càng thêm thương tiếc.

Đồng vãn :

« Nhớ bạn càng thêm thương tiếc,
« Nghĩ sinh ly tử biệt mà đau.
« Hai hàng giọt lụy tuôn châu,
« Trông ra nước thẳm non sầu biết bao !»

nguyễn-tấn-huyên : Trên hết ngay với chúa, dưới trọn nghĩa cùng thầy ; thủy chung mong giả ơn dày, ly biệt càng thương nghĩa cũ.

Vãn ;

«Ly biệt càng thương nghĩa cũ,
« Tấm lòng nầy biết thủa nào khuây.
« Âm dương hai ngả chia tay,
« Tồn vong âu cũng thảo ngay một niềm. »

võ-tánh : (Truyền phóng hỏa !)

(Nguyễn-Văn-Biên lấy lửa, song lại rụt rè, không dám đốt, rồi bỏ mà chạy).

Hựu viết : (Thôi thời xin các ông lui ra, đừng khóc làm chi nữa mà !) Một lời xin từ giã, các tướng phải lui xa, tàn thuốc ném ra, tức thời phóng hỏa.

(Ông Võ Tinh ném tàn thuốc, tức-thì thuốc súng bén lửa).

* *

Hoa - tiên

(*Hoàng - Tăng - Bí*)

(*Tuồng này trích ở truyện Hoa-tiên của cụ Nguyễn-Thiện, xin miễn lược-thuật*)

Lương-diệc-Thương gặp Giao-Tiên

lương diệc-thương : (Ủy này) Tây-lĩnh đã tờ-mờ bóng thỏ (1) đông-lân sao vắng-vẻ mặt hoa. Trong tấc gang xa thật nên xa, ngóng âm-tín (2) mắt đà mỏi mắt ! (Tôi nghĩ lại như ai) thù giản (3) lòng kia nào có chắc, (mà ta đây) bão lương (4) thói nọ cũng nên si (lắm mà).

(Giao-Tiên và Bích-Nguyệt ra)

Hựu viết : người ngọc mới một phen thấy mặt, mối phiền đà chín khúc đổ sông, (Thưa thưa) xin giang tay vào chốn thư-phòng, rồi ta sẽ tỏ bầy tâm-sự (a).

---

1) Tây-lĩnh : núi Tây-lĩnh — Bóng thỏ : bóng trăng.

2) Âm tín : tiếng tin ; thư từ tin tức.

3) Thù : đền ; giản : thơ. Thôi Oanh-Oanh đưa thơ cho Quân-Thụy hẹn đêm ấy hội họp.

4) Bão lương : ôm chân cầu : Vĩ-sinh hẹn với tình-nhân đến nói chuyện lại chân cầu ; tình-nhân không tới, Vĩ-sinh ôm chân cầu mà chịu chết đuối với thủy-triều, chớ không đi.

(Ba người vào thư-phòng)

Hựu viết : (Tốt a !) Bấy lâu nay xa tưởng, mới một buổi gần kề ! nghĩ duyên mình mừng tủi trăm bề, mừng gặp mặt lại tủi khi vắng mặt. (Số là) gia-quân tôi quy hưu lâm-hác (1), (nên chi) người đòi tôi về tỉnh thị đinh-vi (2). (Tôi cũng toan nhân đó rồi tôi bẩm phụ mẫu chi mệnh, thông môi chước chi ngôn, nhưng tôi nghĩ lại) duyên lành lăm kết nghĩa tóc tơ, phải họp mặt trao lời vàng đá ; (kẻo mà) rồi đó bắc nam đôi ngả, khôn thông tin tức một lời. (Thương hại) mới gặp nhau chưa kịp đôi hồi, (rồi đây) luống mỏi mắt phương trời vò-võ. (Chừ thôi thời) dạ ngọc đã băn-khoăn đây đó, tiên-thề (3) xin cùng thảo một chương, trao lời vàng, nguyện có địa-hậu với thiên-thương (4), xe chỉ thắm cậy có ông Tơ cùng bà Nguyệt, (Ước nên chăng?)

giao tiên : Nay mới một phen hợp mặt, mà toan hai ngả phân trình ; (Thưa thưa, như hai ta chừ) vận sắt cầm (5) tuy chưa đặng hòa-minh, (nhưng mà)

---

1) Gia-quân : như nhà nghiêm, tiếng xưng cha mình đối với kẻ khác.— quy hưu lâm hác : nghỉ về chốn núi khe, ý nói thôi làm việc quan về ở nhà quê.

2) Đình-vi : sân và màn, chỗ cha mẹ ở.— Tỉnh thị đinh-vi : về thăm cha mẹ (tỉnh : hỏi thăm có bằng an không ?)

3) Tiên thề : lời thề viết trên tờ giấy hoa-tiên.

4) Thiên-thương : trời xanh.

5) Sắt cầm : 2 thứ đàn, tiếng hòa nhau, vợ chồng hòa hợp.

tình giao-tất (1) đã cùng nhau gắn bó. (Thưa thưa) đã bền lòng đó, chi ngại lòng đây, bút hoa xin thảo bức tiên mây, trăm năm để ghi lòng tín vật.

(Hai người đọc lời thề viết trên tờ giấy hoa-tiêu)

lương diệc thương : (Ủy này !) Nữ Bá-Nha (2) lâu nổi tiếng cầm-đài, Chung-Kỳ-Tử (3) luống lắng tai non nước ! (này này !) Tiều vĩ (4) đã sẵn treo vách trước, cầm tâm (5) xin thử dạo vài cung (nao !)

giao-tiền : Sá chi nghề mọn, thêm nặng lòng vàng ; (thưa thưa, người đã ưng nghe thời tôi xin vâng) bốn giây lần theo bực cung thương (6) một khúc đặng thỏa lòng ao ước.

(Giao Tiên đàn và hát)

. . .

---

1) Giao tất: keo sơn, gắn bó.

2) Bá-Nha : người đàn hay có tiếng đời Xuân-thu.

3) Chung-Tử-Kỳ : người đời Xuân-thu, nghe Bá - Nha đàn, biết chí Bá-Nha tại cao-sơn hay tại lưu-thủy ; người biết nghe đàn, người tri-âm.

4) Tiều-vĩ : cháy đuôi ; — Ông Thái Ung đến chơi nhà bạn nghe củi cháy, biết cái gỗ ấy làm đàn tốt lắm ; tiều vĩ : cái đàn.

5) Cầm tâm : lấy tiếng đàn mà bày tỏ tâm sự. Tư-mã Tương-Như đời Hán đàn khúc Phượng-cầu-hoàng làm cho nàng Văn-Quân say tiếng đàn bỏ nhà theo Tương-Như.

6) Cung, thương, dốc, chủy, vũ : năm tiếng, năm âm của âm-nhạc.

Trương-Ngáo

(*Hài kịch*)

Trương Ngáo, vợ là Tam-Bành, trời sinh ra khờ dại, nên bị vợ « cai trị » một cách tàn-nhẫn; một hôm vợ đi vay năm quan tiền, biểu chồng đi buôn.

Gần đấy có một ngôi chùa đương đúc tượng Phật. Trương-Ngáo ra đi, gặp thiên-hạ nô-nức đi lễ chùa, Ngáo hỏi của đem cúng Phật có lời không thời người ta bảo :

« Đem của cúng Phật trời, là để phước cho con cháu; phú-quý đa lưu hậu, lợi lộc hưởng vô cùng, bây giờ cúng một đồng, ngày sau lời muôn vạn ».

Ngáo đi đến chùa bỏ cả năm quan tiền vào đúc tượng Phật, rồi đắc-ý, về khoe với vợ. Vợ mới đánh cho và đuổi đi. Ngáo đi trở lại chùa đòi Phật trả tiền lại.

Ở nhà Tam-Bành buồn vì chồng ngốc, mới ngoại-tình với Lộc-Tồn, người đã cho Tam-Bành vay năm quan tiền.

Trương Ngáo đi qua núi thấy một cái tượng Phật đồng hiện lên cho Ngáo thuốc uống cho hết ngốc và bảo sẽ đặng kết-duyên với Hà-Như-Ý

một người con gái trễ chồng, nhưng vì sùng Phật nên Phật độ. Trương-Ngáo uống thuốc liền hóa thông-minh, rồi hòa-duyên với Như-Ý. Còn Tam-Bành với Lộc-Tồn cờ bạc thua be-bét.

* * *

Trương-Ngáo và Tam-Bành

trương-ngáo nói: (ơ nầy) buôn chuyến nầy rất đẹp, mừng lời đã nên nhiều; tau chẳng thèm mua ớt mua tiêu, mà lời cũng hơn trăm hơn chục (đó mầy à).

tam-bành nói: (ơ chú Ngáo, làm chi mà lời hơn trăm hơn chục, chú nói nghe thử nào).

trương-ngáo nói: Mầy chưa tường ủy-khúc, tau phải tỏ do-lai (cho mầy nghe; số là tau đem tiền xuống chợ Giang-tú, lại gặp mấy cô bồn-đạo đi cúng Phật, tau hỏi cúng Phật mà làm chi, họ mới nói rằng: « Đem của cúng Phật trời, (là) để phước cho con cháu. Phú quí đa lưu hậu, lộc-lợi hưởng vô-cùng, bây giờ cúng một đồng, ngày sau lời mười vạn). Lời tục nói ra đã hẳn, cúng chùa chẳng khác cho vay » (Ấy đó, tau nghe họ nói làm vậy) mới bỏ đó xong tay; trở về đây liền gót. Cho nhằm chỗ tốt, chẳng phải nhà nghèo; sau đến ngày khỏi bắt khỏi treo; bằng có trả đủ lời

đủ vốn. Buôn-bán làm chi cho rộn, ở không cũng đủ có tiền ; chớ khinh Ngáo rằng điên, thiệt tau đây không dại !

tam-bành nói : (ơ chú Ngáo nầy) tưởng khoe mình rằng phải, nào hay dại quá ma ; hễ cho vay thời coi cửa coi nhà, bằng đặt nợ cho biết thời biết thế. (Ấy mồ cha tám kiếp mầy dại lắm a !) người vốn thiệt ở trong dương-thế, (chớ) Phật chẳng là ở tại Tây-phương ; (chừ mầy) quần chẳng lành mà lại cầu duyên, áo thời rách còn mong tác-phước, (là tác-phước mần chi chớ : rất đỗi là người ta) lập đàn chẩn tế, làm lễ phóng sanh (còn chẳng thấy phước chi, huống-chi mầy làm phước mà cúng năm quan tiền đó ; ngồi lại đó mà coi) dầu cúng Phật, gỡ nghèo chẳng đặng, có nghe kinh (thời) chủ nợ (cũng) không tha ; vốn của tau mua ớt mua cà (mà mầy làm hết đi nớ ; thôi thời) chớ trách vợ cuốc mồ cuốc mả (nghe !)

(Nói xong, liền đánh đập huyên-thuyên)

trương-ngáo nói : (ơi làng ơi xóm ! hai bên thiên-hạ mở mắt ra mà coi ! thương hại a ? Ngáo có làm hết tiền hết bạc chi mà đánh chớ ! ôi thôi) cho vay mà bị vả, cúng Phật lại chịu đòn ; con mệ Bành ỷ một gái khôn, đánh thằng Ngáo (nó) chê rằng đứa dại (mới khổ cho chớ).

tam-bành nói : (hèn chi thiên-hạ người ta nói đã phải) « đứa khôn nói chẳng lại, người dại nói không cùng ». Từ rày đừng gọi mụ ông, thôi đã cùng nghề sanh-lý. Hễ tam-khùng thời theo tam bậy, mà nam nhất xứ thời nữ nhất phương. Nói có xóm có làng, (phen nầy tau) quyết tống bôi tống khứ. (mồ cha mầy đi mô thời đi cho khỏi nào)

(Đều bạ lớp)

trương-ngáo nói : Mới bắt chước cho vay một thứ, tưởng làm khôn lời đặng vài quan. (mà mà) mệ Bành tánh hung-hoang, đánh Ngáo đà quá quắt ; (chi nữa) kíp chạy qua chỗ khác, ngỏ tìm kiếm đòi tiền ; quấy-quá khá đi liền, hỏi Phật xin trả lại (a).

Hát nam :

« Hỏi Phật ngõ xin trả lại,
Miễn khỏi đòn nào ngại đường xa.
Vừa đi vừa khóc vừa la,
Quan-âm có biết Di-Đà có hay.
Cửa thiền hoa nở hương bay,
Sương tan niềm tục, gió lay bụi hồng. »

Lại nói : Phương-trượng nọ xa trông, Vạn-linh đây đã chắc, cả tiếng kêu anh Phật, đem tiền trả cho tôi . . . (Ủa lạ nầy?) đòi sao hãy còn ngồi, hỏi không thèm nói lại, (tôi nghĩ lại anh cũng chẳng

nghèo ngặt chi mà) nhà thời lợp ngói, mình lại thếp vàng (là) anh thiệt kẻ giàu sang, chẳng phải người đói khó, sao không xấu hổ mà chẳng toan lo. Dầu chối cãi ai cho, làm thinh hòng muốn trốn (hay mần răng đó ? nầy, nầy) đã không hoàn vốn, thời khá trả lời ; phen nầy chẳng vị ngươi, quyết nhảy lên kéo áo (thôi).

hòa-thượng nói : Thằng ở đâu bểu-bảo, làm những việc khùng điên, ai tần Phật vay tiền mà mày lôi kéo Phật (mần rứa hử ?)

trương-ngáo nói : Các chú đừng binh chắc (1) để tôi nói thời hay (là bữa trước tôi lên đây, Phật có vay của tôi năm quan tiền, tưởng là trong một đôi tháng hãy trả lại cho tôi, việc chi đến chừ mà không trả để vợ tôi nó đánh tôi) tôi trót đã đến đây, làm sao thời cũng trả. Các chú dầu ẩu-đả, thời tôi cứ nằm đây, dầu ỷ đông thời cũng trối thây, quyết niu bắt chẳng tha anh Phật.

hòa-thượng : (ơi chú kia, chú phải biết rằng) của cúng là của mất (mà) Phật đây là Phật đồng. (Như người muốn đòi tiền Phật nớ, thời ta chỉ cho ngươi đi đòi mới đặng, là) chốn Tây-phương mới thiệt tích thiệt tông, (chớ) nơi am-tự là tranh, là tượng (có thiệt Phật ở mô đây mà người đòi đó nao).

---

1) Đánh chắc : đánh nhau — Binh chắc : binh nhau.

trương-ngáo nói : (σ, σ, như mần rứa) lấy của tôi cho sướng, rồi lại trốn đi xa, (chừ tôi biết mần răng đây) muốn trở về thời sợ vợ la, đòi không đặng e khi nó đánh (nữa chớ chẳng không. Chừ các chú cho tôi một mo cơm, để tôi ăn cho mạnh, rồi tôi đi đòi anh Phật ; chi nữa) cơm kia vai gánh, gậy nọ tay nương, kíp thẳng tới Tây-phương, đặng đòi tiền anh Phật (a).

Hát nam :

« Kíp tới đòi tiền anh Phật,
« Tấm lòng thành phảng-phất hình-dung.
« Quản bao gió lướt sương xông,
« Dặm hòe thăm-thẳm non trùng vơi-vơi.
« Chân đi miệng vái cùng trời,
« Nguyện xin phò hộ cho tôi phen nầy ».

(Hạ lớp)

. . .

Bình - Hoài truyện

Có người bảo tuồng này của ngài Hàm-thuận con đức Minh-mạng soạn ra.

. . .

Lớp : Công-Minh tướng triều qúa đánh giặc Phiên, mê phải con Thu-Nguyệt (cũng như Tống Địch-Thanh mắc phải Trại-Ba). Phương-Khanh, vợ Công-Minh, ở nhà nghe hề-đồng Dụng-Thành báo tin chồng yêu Thu-Nguyệt, ghen, rồi đem cha Thu-Nguyệt qua đổi chồng về.

Đặc-sắc của tuồng này là câu văn rỗ, giọng « ông hoàng » dùng những tiếng « hoang » mà tài-tình khéo-léo vô-cùng.

. . .

dụng-thành : (dạ) Trước sân cúi mặt cúi đầu, bên trướng dâng thơ dâng thiếp ; tôi đi đà chết khiếp, bà coi ắt giận lòng, (tôi) nghĩ dấu cũng không xong, nên chi tôi tỏ thiệt.

phương-khanh : (a Dụng-Thành) Nghe phu-tướng lầm tay con Thu-Nguyệt, sao Dụng-Thành (về đặng mà) đem bức tiên-hoa ? Nay chưa rõ lòng bà, khá mau bày lời tớ (cho bà nghe nao !)

dụng-thành : (dạ, dám bẩm bà) Nhiều điều cắc-cớ, lắm chuyện nổi-xung ; bà hãy coi thơ nọ cho cùng, rồi tớ bẩm việc kia chẳng thiếu (ạ).

phương-khanh : (xem thơ xong) : Quan tường thơ lý, thơ lý, nộ khỉ tâm đầu, tâm đầu ! rộn lòng chữ chữ, câu câu, (mà) lòa mắt đen đen, trắng trắng! (này !) ai biểu tin biểu nhắn, mà có gởi có đem !

(xé thơ quăng)

làm cho tau lo sợ lại thêm, hay đâu nó khôn-ngoan đã hãm ! (ai có đời !) người tao-khang (1) không yêu không dấu (mà) quân mọi lào lại ấp lại yêu (tề !) (ta làm ri) thương con dĩ rất nhiều, rất nhiều, (chừ lại biểu) tha thằng Phiên cho khỏi, cho khỏi ! (thế nữ) đòi Dụng-Thành tao hỏi, cho biết sự chồng mê.

(A Dụng-Thành, chớ ông mi) ở làm chi bên nớ không về, (mà) dám biểu mi qua đây nói lại (a thằng kia) ?

dụng thành : (dám bẩm bà) Vốn tớ chẳng biết chi khôn dại, mà bà đành buông tiếng quở rầy (mà oán tôi).

phương-khanh : Say mê thế cũng vì mày, (làm sao thì mày nói đi) dấu diếm ắt là xể má (nghe !) (như ông mầy cùng con Thu-Nguyệt bên nớ) một chiếu một giường đà ròng-rã (mà) cả ngày cả tháng những rờ mò. (Dụng-Thành, tao hỏi) hình dáng nó nhỏ to, mặt mày kia xấu tốt (hở mày ?).

---

(1) *Tao* : hèm rượu ; một thứ giấm làm bằng gạo nếp. *Khang* : cám. Vua Quang Võ nhà Hán có người chị góa chồng, muốn gả cho Hoằng Hoằng thưa : « tao-khang chi thê bất khả hạ đường » nghĩa là người vợ rong lúc hèm, cám, không thể cho xuống dưới thềm.

dụng thành : (Dám bẩm bà, bà hỏi tôi phải bẩm) mày ngài kia có một, mặt ngọc thiệt không hai!

phương-khanh (vừa nói vừa đánh Dụng Thành) : Mặt thiệt tốt hơn ai, tay vả chơi cho sướng !

dụng-thành : Rất chướng ! rất chướng ! quá ngang ! quá ngang ! đánh chi mà đánh càn, vả sao mà vả lạ ! (Phải rứa mà thôi đâu, còn biết mấy cái quý nữa !) hơi thơm như hương xạ, gót nở tợ hoa sen !

phương-khanh : Tốt chi tốt đả điên, đã điên ! thơm chi thơm phát dại phát dại !

(Phương Khanh đánh Dụng-Thành, Dụng-Thành vừa chạy vừa giả khóc).

(ầừ, thôi con) bà máu nổi mắt lòa mặt chóng, con đòn đau (chừ bà) tiền thưởng bạc đền (bà nghĩ lại ông con bạc cha cha là bạc !) nỗi hàn-huyên sao nỡ vội quên, tình đen bạc khá tua bày thiệt. Chớ báu-bối chi con Thu-Nguyệt, mà say mê những giấc Vu-sơn (1). (Dụng Thành, con phân hết cho bà nghe thử nao !)

---

1) Vu-sơn : Sở Tương-Vương nằm mộng thấy thần-nữ ở núi Vu-sơn. Thần nói rằng : thiếp làm mây buổi sáng, làm mưa buổi chiều.

Sau người ta dùng tiếng « mây mưa » để nói chuyện « trăng hoa » cho khỏi tục.

« Bâng khuâng đỉnh Giáp non Thần,
« Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.
« Mây mưa đánh đổ đá vàng... »

(Kiều)

dụng-thành : (Dám bẩm bà, như nàng ấy) không-ngoan dễ ai hơn, bợm-bãi không kẻ ví ; (nường lại dặn ông con) dặn ông con chớ lo nhà tứ-úy (1), vốn nường cùng địch thế tam đồng (2). Khi cợt-trêu kìa vợ nọ chồng, lúc uốn-éo xây lưng, sấp cật ! (con nghĩ có ai mà mê như ông con bao giờ !). « Trít-trác như ruồi sa mật », « say sưa tợ khỉ ăn đom » (3). Lại chê rằng đó méo đây tròn, vậy nên phải hầu nhiều vợ ít. Thương vì gái duyên còn khít rịt, lại chê bà bụng đã chàng bàng ! (tui nghĩ lại) gỗ vông khó dựng nhà rường (mà ba mươi đời) mèo cồ thời nằm mả đất (thưa bà !)

phương-khanh (lại đánh Dụng-Thành).

Khó tu lòng phật, lòng phật ! lại nổi kinh ma, kinh ma ! Thôi đừng ông đừng bà, gớm vừa thầy vừa tớ ! (ra làm ri là) nó chiu-chít như mèo thấy mỡ (mà) tau bôn-chôn như chó chạy khào !

---

1) Tứ úy : có tam úy là : úy thiên mệnh (sợ mệnh trời), úy thánh-nhân chi ngôn (sợ lời nói của thánh hiền), úy đại nhơn (sợ người lớn, tôn trưởng, quý nhân) ; thêm cái úy thê là sợ vợ.

2) Tam đồng : (sách « sử-loại » mục « đố-phụ ») có hai ông Lưu Hiếu-Tiêu và Phùng-Kính-Thông có ba điều giống nhau : 1) bất ngộ: không gặp thời ; 2) cương trực : ngay thẳng ; 3) kỵ thê : sợ vợ.

Câu nầy ý nói đừng sợ vợ cả, ta cũng đáng cho chồng sợ như bà vợ vậy.

3) Ngạn-ngữ.

điên ! điên ! điên ! đào chỗ thấp đắp chỗ cao, tê ! tệ ! tệ ! đặng buồng nầy khuây buồng nọ. Nó của lạ nằm hoài trong trướng chấu, tau đồ quen ngồi giữ vườn hoa. Xung ! xung ! xung ! say máu ngà ngà ! sướng ! sướng ! sướng ! múa mồm nguay-nguảy ! Mồ cha con đĩ con đĩ ! lấy gạnh chồng tau chồng tau ! Đau ! đau ! đau ! Ngứa ! ngứa ! ngứa ! ăn thịt thương-canh (1) ghen chẳng đã, bán mùi tạo-giác (2) xấu còn mang, (nói thiệt !) rày quyết khiêng cha nó đem sang, đòi cho đặng chồng tau trả lại.

. . .

Di tình.

(*Hài kịch.*)

Trần-Ốc đem bạn là thầy bói Lữ Ngao đi ăn trộm nhà Trùm Sò. Gia-nhân thức dậy, hô-hoán rồi bắt đặng anh thầy bói đương luống cuống bên

---

1) Đời « Nam-Bắc-triều », ông Lương Võ-Đế đánh hơn nước Tề, bắt thị-tỳ 10 người. Bà vợ là Hy-hậu ghen sinh ốm. Có người thưa rằng sách « Sơn-hải-kinh » dạy rằng ăn canh chim thương-giá thời lành. Sau có chữ « thương canh mạc liệu » : ăn canh chim thương mà không lành.

2) Tạo giác : sừng đen là trái chùm kết, vì trái chùm kết giống cái sừng đen. Trái chùm kết đốt lửa bốc ra khói hôi lắm.

bè nhà; chớ Trần-Ốc « con nhà nghề » đã cao chạy xa bay. Thầy bói bị đánh một hồi rồi cũng được tha. Còn Trần-Ốc đem của ăn trộm qua bán cho Thị-Hến.

Trùm-Sò bắt đặng tang-vật tại nhà Thị Hến bèn lên kiện tại huyện-nha. Thị-Hến có đôi chút nhan-sắc nên quan huyện Trìa, thày đề Hàu đều ve-vãn, cho đến cả thầy Nghêu đã xuất gia đầu Phật cũng xiêu lòng.

Thị-Hến hẹn cả ba người tối ấy tới nhà thị chuyện trò.

Thầy Nghêu hớn-hở tới trước; mới hoa nguyệt vài câu thời thày đề Hàu gõ cửa. Hoảng-hốt, thầy Nghêu phải trốn trong một góc nhà. Câu chuyện hàn-huyên chưa dứt, Thị-Hến hỏi thầy Đề rằng tu-hành mà đêm hôm tới nhà đàn bà chọc ghẹo thời luật-pháp bắt tội chi; thầy Đề bảo tội ấy nặng lắm, e phải đến tử-hình. Anh thầy tu sợ đến ngừng quả tim, nhưng ngoài cổng lai có tiếng quan huyện. Đến lượt thầy Đề luống-cuống, nhưng Thị Hến đem vào trốn trong buồng.

Quan huyện Trìa đang hân-hoan tình-tự, thời Thị-Hến lại đem câu chuyện thầy tu phá-giới ra hỏi. Quan huyện nói tội ấy chỉ đánh đòn thôi.

Thầy Nghêu nghe vậy quá mừng vội chạy ra lạy quan huyện Trìa và khen quan rất công-binh, chớ thầy Đề đương trốn trong buồng lại bảo tội ấy phải xử - tử.

Cả ba đều mắc mưu Thị-Hến, xấu-hổ vô-cùng.

. . .

Thị-Hến tới huyện kêu oan

huyện trìa nói : Tri-huyện Trìa là mô, nội hạt tiếng khen ta ; cầm đường (1) ngày tháng vào ra, hoa - nguyệt hôm mai thong-thả. Nhân nay nhàn-hạ, rảnh việc binh dân ; truyền chước bỉ chủy quăng (2), gẫm việc nhà quá ngán. Giận mụ huyện hay ghen, hễ đi mô cả tiếng run en (3) ngồi lại đó tất lòng buồn bực ; cao tài, tật túc tiên đắc hữu tiền, dân khen mỗ hữu nhân ; người đồn ta tri lý ; luật không hay (thời ta) xử theo tri, thẳng tay một mực ăn tiền. Đơn từ, già trẻ, lạ

---

(1) *Cầm* : đờn cầm — *đường* : nhà ; cái công-đường của Tri-huyện. Đời nhà Tống, ông Triệu-Biện được bổ làm Tri-huyện, ông chỉ đem theo một cây đờn, một con hạc, khi nào ông đờn thì con hạc múa. Ông tự nói đờn là bạn tri-âm, hạc là đồng thú vui ; trong huyện đều được thái-bình, cho nên đời sau gọi cầm-đường là chức của quan Tri-huyện.

(2) Chủy quăng : sừng tê ngu ; nghĩa là rót chén rượu vào chén tiện bằng sừng con tê ngu, là chén quý.

(3) Cả tiếng : lớn tiếng ; run en : run sợ.

quen, nhắm mắt đánh đòn phát lạc (1). Chỗ nào nhắm tốt tiền tốt bạc, lễ phù-lưu (2) hết mấy cũng lo, quan ở trên hay cú hay cò, đồ hành-khiển (3) nhiều mâm cũng đặng.

(Đề Hầu vào)

đề hầu nói : (Dạ thưa quan, bọn này) trộm của trùm Sò đêm trước, vu cho Thị-Hến hôm qua ; bắt tới chốn huyện-nha, xin ngài ra xử-đoán ; vả chúng nó thật đoàn du-đãng (4) nhà Trùm-Sò nên đáng phú-gia ; tội vu tang luật nọ khó tha, nghiệm tình - trạng lẽ không nên thứ.

huyện trìa nói : Đã biết mặt lão Đề hay nói bậy, còn dơ hàm, chú Lại nói cò cưa. Thôi, đây đã biết, lựa đó phải thưa, đòi cả lũ vào đây, đặng cho ta lược - vấn (5).

(Đề Hầu ra Thị Hến, Trùm-Sò vào)

huyện trìa nói : Nhìn đơn-trương lẫn-thẫn, xem tình-trạng lăng-nhăng ; việc lão Trùm khá nói khá răng, nỗi Thị-Hến bày ngay bày thiệt (nao !)

---

(1) (Phát : roi — lạc : mảnh) đánh roi.

(2) *Phù lưu* : mâm cau trầu đi lễ quan.

(3) Hành-khiển : chức quan lớn ; — vị thần xem việc của nhân-gian trong một năm. Đây nói lễ biếu quan.

(4) Du-đãng : bọn chơi bời, không nghề-nghiệp.

(5) Lược-vấn : hỏi sơ lược.

thị-hến mói : Nỗi ức oan khôn xiết, lời ngay thẳng thưa qua ; việc làm ăn ngày tháng vào ra, phận-góa bụa hôm mai cui-cút ; gẫm gia-đình khó thốt, nhờ quan lớn tỏ lòng, mua của chiêu (1) việc ấy vốn không, vì ai giận nên khai rằng có .

trùm-sò nói : (dạ dạ) mồng một mất đồ đêm nọ, mồng hai nhìn của đặng đây ; đồ đạc nhìn đã không sai, mua chác (đó) xin ngài tra hỏi.

huyện-trìa nói : Ngồi lâu thời mỏi, nó nói kéo dai, lão Đề lấy tờ khai, đặng ta toan làm án ; cứ mực thẳng, cung cho ngay, bày cho thiệt, kẻo hai đàng, cua nói có, vọ nói không (2). Để Thị Hến khai trước mới xong, rồi Trùm Sò cung sau thời rõ.

(Nói với Thị-Hến)

Việc phải, không, vốn ta chưa tỏ, thấy đơn-cô phút chạnh lòng thương. (Em) phải năng lên hầu-hạ gần quan, (thời) ai dám vu oan, gieo họa. Đầu thời đương lạ, lâu ắt phải quen ; hãy xuống lên hầu hạ cho liên, phương lợi hại rồi ta sẽ tính.

---

1) Mua của không chủ.

2) Vọ vọ : là cùng giống với cua, đều ở nước mặn. Tục-ngữ : « cua nói có, vọ vọ nói không ».

Trong tuồng nầy nhiều câu tục-ngữ ta và ít chữ hán lắm, thật là một quý giá.

thị hến nói : (Đạ) trông ơn quan lớn, đoái xét phận hèn ; phụ-mẫu dân quyền-quý ấy bề trên, ti-tiện-nữ đơn-cô là phận dưới. Như việc ấy nhờ lượng trên phân giải thời duyên kia đành phận thiếp vương-mang ; xin ngài hãy thương, vốn tôi ưng dạ.

huyện-tria nói : Gẫm đó đây duyên nợ, thật trời đất đẩy đưa ; căn-duyên khéo khéo tình cờ, (mà) nhơn-ngãi khăng-khăng vương-vấn ! Khuyên mụ đừng trách phận, đây ta đã đành lòng. Cứ đây mà khai báo cho xong, rồi ta sẽ xử phân thuận lý.

. . .

Đề Hàu ghen, qua mách bà Huyện.

đề-hàu nói : (Số là) Thương mệ Hến mặt mày rất đẹp, (mà) việc huyện Trìa giận chẳng hay nguôi ; (vả người là quan-lớn, tôi là viên thuộc, dầu tôi có làm chi đi nữa) đá đẳng trên cỏ phải đành, (mà) sứa nhảy qua đăng sao đặng (1). Bây giờ nghĩ lại, dụng thử chước nầy ; nói cùng bà huyện ra tay, thế mới bắt ông rối cẳng (2).

---

1) Tục ngữ đối nhau : « đá đẳng trên cỏ » — « sứa nhảy qua đăng ».

2) « Ra tay » đối với « rối cẳng ».

(Đề Hàu vào bẩm cùng bà Huyện)

đề-hàu nói riêng ngoài cửa :

(âừ, âừ) (1) ông đã đi đâu vắng, bà ngồi chỉ một mình ;

(dạ bẩm bà) Bên Thanh-hà (2) (quan) đi viếng ân tình (vì hôm nọ) con mệ Hến tới đây hầu kiện.

bà-huyện nói : (hu !) nghe thôi nghẹn miệng, thấy nói căm gan, (là họ) dối đạc điền (3) mưu khéo lật lường (nên ta) ngồi tĩnh-thất dường như ủ-dột. Ông nầy đã tham xinh chuộng tốt, mụ phen nầy quyết phá tan hoanh. Ông đã đành bạc nghĩa bạc tình, mụ phải quyết lột trần lột trụi.

Thầy Nghêu.

thầy nghêu nói : « Thầy Nghêu » là bần-đạo, cồn Hến tự thác thân (4) ; việc kệ kinh hôm sớm lăng-nhăng, dâng hương quả tối mai lặt-vặt. Chùa rách dốc tu cho thành Phật, (thế mà) ngồi nhà buồn, bỗng hóa ra ma. (tuy rằng) có ân-tình Thị-Hến phú-

---

1) Tiếng « ừ », ở Huế nói ra « âừ ».
2) Chỗ mụ Hến ở.
3) Nói dối đi đạc điền với bà Huyện để đi thăm tình nhân.
4) Tự ác : gởi, nhờ.

gia (nhưng mà) tủi thân phận, trọc đầu làm sãi. Đêm vắng muốn thường qua lại, (mà) ban ngày chẳng dám chán-chường; phá giới thời sợ xóm sợ làng, (còn) thiện tâm lại nhức xương nhức thịt! (chừ) Nghe mệ Hến làm chi không biết, bị Trùm Sò đi kiện chưa xong, (vậy) kíp qua thăm cho có thủy chung, âu tới đó ngõ bày tình-tự.

Hát nam :

« Tới đó ngõ bày tình-tự,
« Thử mấy người tục-lự (1) *thoát xong.*
« Bể tình ngàn trượng mênh-mông,
« Dốc tu thành Phật, nhưng lòng hóa ma.
« Đoái nhìn xa chốn thiền-gia,
« Phút đâu lố thấy Thanh-hà tới nơi. »

. . .

Thị-Hến đương ngồi nghĩ chuyện đời, thầy Nghêu vào thăm.

thị hến nói : Gìn tiết hạnh năm lừa bảy lọc, gẫm ân-tình ba chốn bốn nơi (2) ; ông Huyện Trìa say đắm trò đời, thầy lại Hàu mê-mạng quá đỗi; thêm giận thày Nghêu rắc-rối, đã là sãi trọc làm

---

1) Tục : tục ; lự : lo ; tục lự : lo đời, người chưa đi tu.
2) « Năm lừa bảy lọc » đối với « ba chốn bốn nơi »

vơ ; (nhưng mà) « một chồng lấy bảy chồng chờ », « chín chốn đưa, mười chốn rước ».

thầy nghẻu vào nói : (Mô-Phật !) Tôi qua thăm bữa trước, bữa nay mới gặp đây ; bận việc chùa, xin chớ trách thầy, nay tới cửa, ngõ toan thăm chị.

thị hến nói : Thầy lui tới sao không kiêng-nể ? (để) thiếp ở ăn rất đỗi khó lòng ; đàng tu-hành thầy tính chưa xong, việc gia-thất tôi âu khó xử.

thầy nghẻu : (Mô Phật !) Thầy đà đành dạ, chị chớ ngại lòng ; hễ là trai quá, gái không, ai cấm chồng đây vợ đó, (Mô Phật !) khuyên thím đừng lời mắc mỏ, (1) vốn tôi đã biết đầu đuôi ; vi đã cùng quan huyện đứng ngồi, nên chi nói thầy Nghêu đầu trọc.

thị hến : (Khoan, khoan) Đây chưa hết kể răng chân tóc, đó vội đà ủ mặt châu mày (2). (Em nghĩ lại) chẳng ai đồn thổi đến thầy, không kẻ chê cười chi thiếp. (Vậy thời) nếu muốn trăm năm tình-hiệp, phải qua một bữa ngãi vầy ! Đến tối sẽ tới đây, (kẻo) ban ngày coi chẳng tiện (đó chư)

thầy nghẻu : (Nam-mô-a-di-đà-Phật !) Nghe lời phân đã hẳn, biết dạ đó còn thương ; nhớ lời mỗ tạm lui chân, cách mặt thím đừng bịn-rịn.

. . .

---

1) Mắc mỏ : khó khăn.
2) Hai câu tục-ngữ đối nhau.

Mưu Thị-Hến tiếp cả ba người một lúc.

thị hến : (a) Chào thầy mới tới, trà nước vội vàng, đành lòng đây đó giao duyên, (nhưng) sợ nỗi thế-gian đàm-tiếu (thôi).

thầy-nghêu : (mô-Phật !) Vốn đà trước liệu, lựa phải sau lo, kệ kinh chuông mõ trả cho chùa, cày cấy đâm xay đành phận mõ.

thị-hến : (ủa !) Tiếng ai kêu chi lạ, hay thầy Lại tới đây, (nầy, nầy mô-Phật !) đi ra kẻo tội tới thầy, ở đó ắt tai trước mắt (chớ không chơi đâu !)

thầy-nghêu : (Phật ! Phật ! Trời ! Trời !) Lão Đề Lại làm chi quá ngặt, khiến thầy tu chạy đã hầu điên. (Thím ơi thim !), trốn chỗ nào khá chỉ cho min (1), (chơ) ra cửa có thầy Đề đứng đó.

thị-hến : Dưới phản ngựa thầy mau xuống đó, (để tôi) ra ngõ mời người đặng vào đây. Dầu chuyện chi chịu khó một dây, (để) người về đã, sẽ vầy hai mặt.

(Thầy Nghêu xuống phản.— Đề Hầu vào)

thị-hến : (thưa thầy) Nghe kêu lật-đật, mở cửa vội-vàng, thỉnh lại gia-trang (2), sẽ bày tình-tự.

---

1) Min : mình, ta. « Thôi đà cướp sống chồng min đi rồi » (Kiều)

2) Gia-trang : chỗ trong nhà.

đề-hầu : Ơn mỗ cứu cho bữa trước, nay nường còn nhớ hay không ? Sao đã cùng ông Huyện kết duyên, mà vội phụ thầy Đề tình ngãi (hử) ?

thị-hến : Xin thầy hãy nghĩ lại, quan Huyện dạy (tôi) phải vâng. Đành đôi ta là cái duyên bằng (1) (thế mà) không nghe đó, sao cho yên việc (a thưa thầy !

đề—hầu : (Phải lắm ! thế mới biết) Đèn không khêu không tỏ, chuông không đánh không kêu (2). (Tôi nói thiệt) đó không thương đây cũng quyết liều, (chừ) duyên đã khắn, (3) nường tua giữ dạ.

thị-hến : Ân-ái việc còn thong-thả, rượu trà xin hãy vui chơi. Chẳng mấy khi đặng hiệp một nơi, bây giờ đã gặp nhau hai mặt. (chừ có việc nầy) tôi xin hỏi thiệt, thầy khá tỏ bày ; thấy hằng xem luật - lệ xưa nay, tu (mà) phá-giới, tội chi khinh trọng (hãy thưa thầy ?)

đề-hầu : Lỗ tai nghe quá chướng, trong luật tội rất to, đã quy-y theo Phật nam-mô, hễ phá giới tức hành trảm quyết.

---

1) Duyên-hằng: cũng như đạo hằng. Ca dao : « Mấy ai phân rẽ đạo hằng, đốt chùa không tội cho bằng rẽ duyên ». — Hằng : thường.

2) Hai câu tục-ngữ. — (3) Khắn : hứa.

(Quan Huyện tới thềm)

huyện-trìa (ngoài cửa) Viên-ngoại diêu văn tế thuyết, môn-tiền hữu ngã quan nhơn (1). Mở cửa ra, mau tiếp đại-tân (2), ơ mụ kíp kíp ra mời quan huyện (nao) !

đề hầu : (Ui chao !) Văn ngôn sắc biến, sắc biến ! thính thuyết hồn kinh, hồn kinh ! (3) nếu mà ông huyện tri tình, chắc hẳn thầy Đề mang khổ !

(Đề Hầu trốn, ông Huyện vào).

huyện trìa : Việc thuế má án từ quá gấp, đêm tối tăm đàng sá (lại) khó đi. Tưởng mụ đà tới lúc ngủ khì (4), làm mỗ chạy ướt hầu bồ sấp. Khi sớm tôi đợi mình lâu lắm, từ rày xin tới mụ cho liên, gẫm đà phải nợ phải duyên, thôi chớ làm hờn làm giận (nữa mà).

thị hến : Nghĩ mà tủi phận, đâu dám trách ai, (nhưng tôi nghĩ lại như ông) vợ còn,con sẵn, thiếu chi, (mà buộc tôi không đặng) trai quá gái không thường lệ ; (tôi cũng) cam phận thiếp muối trường cơm tẻ (nhưng mà tôi) e chánh-thê cả tiếng nhiều lời (đó thôi).

---

1) Ngoài vườn xa nghe tiếng nói rầm-ri, trước cửa có ta là người quan.

2) Đại: lớn.— tân-khách Nghĩa là khách qui.

3) Nghe nói biến sắc, nghe nói hồn kinh.

4) Chữ nầy không được nhã. Án từ : việc kiện án.

huyện trìa : (Ui chao ! chừ) ta nghỉ ngơi kẻo mệt, nói dài lắm thêm buồn; khuyên khuyên xin chớ làm tuồng, bớt bớt xin đừng nói bợm.

thị hến : Sợ gan ruột đàn ông nhiều lớp, việc nợ duyên dễ thiếp mấy nơi. (1) Rượu trà hãy xin mời, ân-ái rồi có đó. (Bây giờ tôi xin nhờ quan) vốn tôi chưa tỏ, xin hỏi một lời ; ngài từng xem luật lệ nơi nơi, (là) có một việc ở đời lạ lạ. Rày có chú thầy tu rất cha, hay tới nhà bà góa mà ve. Đã xuất-gia phá giới làm vơ, thời luật-pháp xử chi cho rõ.

huyện trìa : (Uầy !) nói làm chi việc rối, ai có tiếc làm chi ; phàm tu hành mà đã xuất-gia, có phá giới đánh đòn phát lạc.

thầy nghêu : Tâm khoái-lạc ! tâm khoái-lạc ! Thiện xử phân ! thiện xử phân ! (2)

(Bẩm quan lớn, lời quan dạy rất minh, chớ thầy Đề trốn đó mới mới ốc chớ !) quan thật xứng-đáng dân chi phụ mẫu, chứ thầy Đề đó chỉ là dâm-ô chi loại). Như thầy tu phá giới thời bất-quá đánh đòn, còn thầy Lại phạm gian (3) thật ắt là tội chết !

HẾT

---

(1) Hai câu nầy hay.

(2) Lòng sướng vui; khéo xử phân.

(3) Phạm điều gian dâm.

MUC-LUC

Lời nói đầu

CHƯƠNG NHỨT

Gốc-tích và nghệ-thuật

I) Gốc-tích :

Các ức-thuyết

Phê-bình các ức-thuyết

Sự phát-triển của hát-bộ Tàu và hát-bộ Ta.

Tác-giả.

II) Các đặc-sắc của nghệ-thuật hát-bộ :

Cốt truyện

Điệu bộ

Đàn canh

Vẽ mặt

Xiêm giáp

Các điệu hát

Văn-chương

Tổ-sư của hát-bộ thờ

Phê-bình nghệ-thuật hát-bộ.

CHƯƠNG NHÌ

Lược-thuật những lớp tuồng hay diễn

1) **Phong-thần** :

a) Đát-Kỷ học đàn với Bá-ấp-Khảo.

b) Hoàng-Phi-Hổ quá giới bài quan.

2) **Đông-châu liệt-quốc** :

Dự-Nhượng đả long bào.

3) **Đường** : Tiết-Nhân Quý chinh đông.

: Tiết-Đinh-San.

: Tiết-Cương.

4) **Tống** : Tống Thái-tổ trảm Trịnh-Ân

Tam hạ Nam-Đường

5) **Tam-quốc** : Phụng-nghi-đình

Tào Tháo bội thơ khuấy Hàng-Toại

Tương Cán hai lần bị Châu Do

Cổ-thành

Xích-bích

Nhất khí Châu Do.

Ba-dung

Nhị khí Châu Do

Đơn đao phó hội

Tam khí Châu Do

6) **Thanh-xà, Bạch-xà**

7) **Giác Sanh-Duyên**

8) **Tam-nữ đồ vương**
9) **Chung Vô-Diệm**
10) **Hỏa Hầu-Tinh**
11) **Lý Thiên-Luông**
12) **Lý Phụng-Đình**
13) **Quần Phương**
14) **Vạn Bửu trình tường** : (Bạch đầu Ông lăn lửa)
15) **Tứ Linh**
16) **Lục Văn Long**
17) **Đinh Lưu-Tú**
18) **Trần Trà Hôn**

CHƯƠNG BA

Trích-lục các lớp tuồng hay và năng diễn

1) *Tuồng* **Sơn-Hậu** :

a) lớp : Kim-Lân và Linh-Tá thử lòng Tử-Trình (Bản tuồng của Thư-viện Bảo-Đại Huế).

b) lớp : Đổng-mẫu bị bắt treo (Thư-viện Bảo Đại).

c) lớp : Kim-Lân và Linh-Tá thử lòng Tử-Trình (bản tuồng của ông Nguyễn Bá-Thời và ông Hoàng Tự, Sài-gòn).

d) lớp : Đồng-mẫu bị bắt treo (Nguyễn Bá-Thời và Hoàng Minh-Tự).

2) *Tuồng* « **Trầm-hương-các** » (truyện Phong-thần) (Đào-Tấn)

3) *Tuồng* « **Tam-quốc** » (cụ tú Thận).

a) lớp : Phụng-nghi-đình

b) lớp : Cổ-thành (thư-viện Bảo-Đại).

4) *Tuồng* « **Vạn-Bửu-trình-tường** » (thư-viện Bảo-Đại).

a) lớp : Kim-Anh-Tự và Mộc-Nữ-La từ biệt nhau.

b) lớp : Biện-nương cùng Bạch-Truật đánh nhau.

c) lớp : Mộc-Nữ-La và Kim-Anh-Tự tới lánh mình trong một cái chùa.

5) *Tuồng* « **Ngũ-hổ bình Liêu** » (Nguyễn-Văn-Diêu)

a) lớp : Địch-Thanh, ngồi một mình thán Lưu-Khánh tin cho rằng mẹ Địch-Thanh bị vua giam vào ngục.

b) lớp : Trại-Ba theo bắt Địch-Thanh.

6) *Tuồng* « **Phản-Đường** (Tiết Cương chống búa) (Đào-Tấn).

a) lớp : Tiết-Cương và Trần-Lan-Anh bị Võ-Tam-Tự đuổi đánh.

b) *lớp* : Tiết-Nghĩa và vợ là Tú-Hà bàn với nhau về việc bắt Tiết Cương.

c) *lớp* : Tiết-Nghĩa phục rượu Tiết Cương

d) *lớp* : Tú-Hà tự-vẫn

7) *Tuồng* « **Diễn-võ-đình** » (Đào Tấn).

a) *lớp* : Kiều-Quang dạy Khánh-Sanh thêu dệt.

b) *lớp* : Vương Quý cha Kiều-Quang nhìn đặng Khánh-Sanh, gả Kiều-Quang cho Khánh-Sanh.

c) *lớp* : Bàng-Hồng bắt Khánh-Sanh may có Bao-công giải thoát.

8) *Tuồng* « **Kim-Vân-Kiều** » (Tác giả ?)

a) *lớp* : Thúc-Sanh gặp Thúy-Kiều.

b) *lớp* : Hoạn-Thư bắt Thúy-Kiều hầu rượu và đàn cho Thúc-sanh nghe.

9) *Tuồng* « **Đông-châu liệt-quốc** » (Tác-giả : ?)

a) *lớp* : Ngũ-Viên từ biệt vợ

10) *Tuồng* « **Lộ-Địch** » (Le Cid) (Ưng Bình).

a) *lớp* : Ngô-Mạc và Lộ-Yết cãi nhau

b) *lớp* : Lộ-Địch dâng kiếm cho Chi-Manh.

11) *Tuồng* « **Đông-a-song-phụng** » (Nguyễn Đông châu)

a) *lớp* : Hai chị em Nguyên quận-chúa và Trinh quận-chúa ra dạo vườn

hoa, gặp tiên-mẫu ban cho bảo-kiếm.

12) *Tuồng* « **Tây nam đắc bằng** » (Hoàng Cao-Khải)

a) lớp : Bá-đa-Lộc khuyên Nguyễn Ánh qua cầu viện-binh nước Pháp.

b) lớp : Bà Hoàng-phi từ biệt Đông-cung.

13) *Tuồng* « **Tượng kỳ khí xa** » (Hoàng Cao-Khải)

a) lớp : Ngô-Tòng-Châu và Võ-Tinh tự-vẫn

14) *Tuồng* « **Hoa Tiên** » (Hoàng-tăng-Bí)

a) lớp : Lương Diệc-Thương gặp Giao-Tiên

15) *Tuồng* « **Trương Ngáo** » (Hài kịch) (Tác-giả : ?)

a) lớp : Trương Ngáo tới chùa đòi liền đã cúng Phật.

16) *Tuồng* « **Bình - hoài - truyện** » (Hàm-thuận vương) (Hài kịch)

a) lớp : Phương Khánh ghen

17) *Tuồng* « **Di tình** » (Hài kịch) (Tác giả : ?)

a) lớp : Thị-Hến tới huyện-nha kêu oan.

b) lớp : Đề Hàu qua mách bà huyện.

c) lớp : Thầy Nghêu (thầy tu) ve Thị-Hến.

d) lớp : Thị-Hến lừa, tiếp cả ba người một hôm.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE INDOCHINE R.F.

Bản chữ in sai

Số trang	Số hàng	Không phải :	Xin đọc :
9	12	gọi là tuồng	gọi hát tuồng là
10	8	bô vậy...	bộ ; vậy
13	1	1385	*1285*
26	22	Cát tô văn	*Cáp* tô-Văn
29	10	tuy phước	Tuy-Phước
29	11	tuồng "Võ...	*lớp* "Võ
29	19	Hiệu	*hiệu*
30	22	từ	có từ
31	18	Đĩnh	*Dính*
33	3	Thúc Gia-Thi	Thúc Gia-*Thị*
35	14	trong	tuồng
36	6	tuồng	*lớp*
37	19	sảm tấu	*sàm* tấu
44	14	tròn	*tròng*
49	9	Quan-vân Trường Tiên (Tam-Quốc)	Quan-vân-Trường (Tam-Quốc)
56	5	làm ghi	*lăm* ghi
57	9	võ thiêm đa	võ *lụy* thiêm đa
59	10	xàng-xê	xàng-xê *líu*
61	1	vào	*vài*
—	5	bội	*bối*
—	10	ra đầu	ra *dấu*
67	15	1939	*1639*
68	15	khách	*khác*
83	13	Kim-Định	Kim *Đính*

Số trang	Số hàng	Không phải :	Xin đọc :
83	14	Tô-biểu-Đường	Tô-*bửu* Đường
86	12	thế-tử ; vẫn	thế-tử vẫn
—	14	Từ-mỹ-Tố	Từ-mỹ-*Tồ*
—	25	Tàn-Đường	*Tân*-Đường
87	4	một đứa	một *bửa*
90	22	quyền binh	quyền *bính*
95	2	trá hàng Tào	trá hàng. Tào...
109	11	Hải Đôn	Hải-*Đơn*
113	11	nuôi đi..	nuôi *đề* đi ..
113	16	đề Thích Khách	đề *thích* khách
126	2	đốc gánh	*dốc* gánh
—	5	bảo thứ cung	bảo *hộ* thứ cung
—	14	âm-thầm. Với đó	ầm thầm với đó.
—	25	ta người	người ta
129	10	dấng ngõ	*đăng* ngõ
—	14	át lá gan	*nát* lá gan
131	7	tố đảo	tố *đắc*
134	19	phò hộ cho họ	phò hộ họ...
135	16	hành hạ	hành *hà*
137	14	tai nạn	tai *nàn*
138	3	ấn chúa	*ấu* chúa
—	15	ngồ thoát	*ngỏ* thoát
140	5	âm đương	âm *dương*
143	4	chị ta chị	chi ta *chừ*
—	17	cho nhà ngươi	cho ngươi
144	24	phiên ai	phiên *di*
147	16	thương tâm	*thượng* lâm

Số trang	Số hàng	Không phải :	Xin đọc :
154	19	duyên thiền tác	duyên *thiên* tác
155	12	kia gọi	kia *là* gọi...
—	16	lại lại thêm	*lại* thêm
156	2	ngộ-ngàn	*ngợ* ngàn
—	21	đối mặt	*đồi* mặt
156	18	tá tâm	*tà* tâm
159	11	có đoạt ái	có *lòng* đoạt ái
162	13	thăng nhược	*thang dược*
164	3	oán nẽ	oán *nề*
167	7	đã đều	đã *nhiều* đều
—	17	chứ đâu dám	*chừ*
168	13	thiếp đã nhằm	thiếp *nới* nhằm
169	17	cồ thành tri	cồ *thanh* tri
170	2	đăng dạng	*đảng* dạng
174	5	không phò	*khuông* phò
—	9	thẳng thân	*thằng* thân
178	15	sót . Lược thuật lớp Kim-anh-tử từ bịệt Mộc - nữ - La	
179	8	sau tai	*sáu* tai
—	10	tưởng đều	tưởng *đều*
186	10	phái mã	*phản* mã
187	2	thân giả nhược giải	*thán* giả nhược giải
		thăng nhi tự hệ	*thằng* nhi tự hệ
—	10	duồng giá	duồng *gió*
—	20	tài-ba	*tai* ba
189	11	tưởng hứa	*tương* hứa
190	15	âm vân	*am* vân

Số trang	Số hàng	Không phải :	Xin đọc :
191	11	Khuông Dận	Khuông-Dẫn
198	4	thị vị anh hùng	thị vị *chi* anh hùng
199	11	xuyên-vân-tiến	xuyên vân *tiền*
200	7	cổ giao	*cố* giao
201	9	bồn chồn	bôn-chôn
202	16	nghĩ không	nghĩ *đà*
209	7	mang mến	mang-*mền*
210	1	tới	*khôn* tới
—	14	lần lữa	lần *lừa*
—	22	con bởi hồ nô	con *hối* hồ-nô
211	3	hiêu đó	hiệu *ó*
215	16	thó vân-vũ	*thói* vân-vũ
216	3	Hồng kỳ	*hồng* kỳ
218	10	miếu tây	miếu *đây*
222	21	mâu bông	*mẫu* bông
224	10	mới kim	*mối* kim
—	21	giây củi	giây *cửi*
228	19	nạn tường	*nan* tường
230	19	vồ trang	vồ *trán*
232	21	nhĩ đặng	nhĩ *đẳng*
233	7	mấy ban	*nấy* ban
—	19	khinh gã lão	khinh lão gã
236	21	vì nỗi hẹn hò	vì *lỗi* hẹn hò
237	6	bất thúc	bất *thực*
239	2	uyên kết canh	uyên kết *cánh*
—	5	tu tâm	*tư* tâm
240	9	sao cho xong	sao xong

Số trang	Số hàng	Không phải :	Xin đọc :
240	14	phải cần	phải *cầu*
—	25	thảo thất = nhà, có	nhà *cỏ*
243	18	hồ vi	*hề* vi
244	1	hồ giai	*hề* giai
—	5	cao	*bậc* cao
—	17	phân bộ	*phản bồ*
245	1	điếu tỷ vạn lại du ba	*tiều tỳ* vạn lại *dư* ba
247	8	chiêm khâm	*triêm* khâm
249	4	đàn	*đài*
261	7	chị có	chị *đã* có
—	13	thánh xuân	*tháng* xuân
264	9	liệu	*hiệu*
265	5	tiên đồng	tiên *động*
266	13	đuổi thanh niên	*buổi* thanh niên
—	14	hồng điệp	hồng *diệp*
268	20	Mân quốc lão	*Mẫn* quốc lão
271	5	dân như	*dường* như
	11	tai sang đó	*ta* sang đó
275	11	chúa công	*chư* công
—	17	oán tôi	*oan* tôi
302	3	gia đình	gia *tình*

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE
R.F.
IMPRIMÉS

Mai-Linh tu thu' c

Phổ-thông tùng thư

Contes & légendes d'Annam
Muốn khoẻ
Tàn đèn dầu lạc 2 cuốn)
Hạt mưa sa
Đứa con tội ác
Những mảnh tình
Bịp đời
Đoán điềm giải mộng
Mạnh thường-Quân

Sẽ xuất bản

Tô Tần
Quản di ngô
Tôn Tẫn

Loại phụ nữ

Nhân cách phụ-nữ việt nam hiện đại
Tâm hồn phụ nữ
Nghệ thuật làm mẹ
Thụ thai theo ý muốn
Phụ nữ với cuộc nhân sinh

Loại trinh thám

Đôi hoa tai của bà chúa
Đám cưới Kỳ Phát

Chuyện bằng tranh

Vợ Cóc
Kỳ-Hùng

Mai-Linh tu thu' cuc

Phổ-thông tùng thư

Contes & légendes d'Annam	2$50
Muốn khoẻ	0. 50
Tàn đèn dầu lạc 2 cuốn)	0. 70
Hạt mưa sa	0. 45
Đứa con tội ác	0. 35
Những mảnh tình	0. 48
Bịp đời	0. 35
Đoán điềm giải mộng	0 35
Mạnh thường-Quân	0. 80

Sẽ xuất bản

Tô Tần

Quản di ngô

Tôn Tẫn

Loại phụ nữ

Nhân cách phụ-nữ việt nam hiện đại	0 50
Tâm hồn phụ nữ	0. 50
Nghệ thuật làm mẹ	(in lại)
Thụ thai theo ý muốn	0 . 50
Phụ nữ với cuộc nhân sinh	(sắp in)

Loại trinh thám

Đôi hoa tai của bà chúa	0. 50
Đám cưới Kỷ Phát	0. 70

Chuyện bằng tranh

Vợ Cóc	0. 45
Kỷ-Hùng	0 45

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người góp nhặt Huỳnh Chiếu Đẳng)